

VŨ BẰNG

Văn hóa...

“*gò*”



Những tác phẩm mới phát hiện  
của nhà văn Vũ Bằng



NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ



### Nhà văn VŨ BẰNG

...Có thể mượn lời Lại Nguyên Ân  
để nói về những tác phẩm của Vũ  
Bằng trên *Tiểu thuyết thư bảy*:  
“Đây không chỉ là các tác phẩm  
mà còn là những tư liệu, thậm chí  
là loại tư liệu hiếm, quý, về những  
phương diện khác nhau”...

**Văn hóa...**

**"G&G"**

---



VŨ BẰNG

# Văn hóa...



In lần thứ hai

VŨ VĂN NHƠN

(Sưu tầm & tuyển chọn)

NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ



# Lời nói đầu

**D**ây là một số tác phẩm của Vũ Bằng chúng tôi sưu tầm được trên tuần báo *Tiểu thuyết thứ bảy*, Hà Nội (từ 1941 đến 1950) và trên báo *Mới*, Sài Gòn (từ 1953 đến 1954). *Tiểu thuyết thứ bảy* do Vũ Đình Long làm chủ nhiệm. Vũ Đình Long được xem là kịch tác gia đầu tiên và là nhà hoạt động xuất bản, nhà văn hóa lớn của Việt Nam đầu thế kỉ XX. Ra đời năm 1934, *Tiểu thuyết thứ bảy* chuyên đăng tiểu thuyết, truyện ngắn, có vai trò và ảnh hưởng quan trọng trong đời sống văn học Việt Nam trước 1945. Sau Ngọc Giao, Vũ Bằng đã nhiều năm đảm đương nhiệm vụ thư ký tòa soạn của báo này. Báo *Mới* do Phạm Văn Tươi - một nhà hoạt động xuất bản có tiếng - làm giám đốc. Tên ông cũng là tên một nhà xuất bản lớn ở miền Nam trước năm 1954. Ngoài sáng tác của Vũ Bằng, báo *Mới* còn đăng nhiều tác phẩm của các nhà văn miền Bắc khác như Lê Văn Trương, Ngọc Giao, Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, Thụy An, Nguyễn Thị Vinh,...

Những tác phẩm của Vũ Bằng trên *Tiểu thuyết thứ bảy* rất đa dạng, có tản văn, phóng sự, truyện, ghi chép về các phong tục tập quán của dân tộc, tiểu luận văn chương (*Con thuyền thần tiên*) và cả truyện cổ tích (*Cô gái chữa bệnh sừng*). Kỷ niệm về người mẹ và những bức tranh dán tường thời thơ bé, những câu chuyện tình yêu hạnh phúc và đau khổ, những suy nghĩ, ghi chép về mùa xuân, ngày Tết, chuyện Stefan Zweig tự tử,... Trong những câu chuyện đó, bao giờ Vũ Bằng cũng lồng vào những suy nghĩ riêng khá độc đáo của mình, vẫn tràn đầy một niềm tin vào dân tộc, con người, vào sự tiến bộ. Đặc biệt ông còn viết truyện thời sự (*Chương trình hai ngày, Thông cáo về việc gạo*). Trong hai truyện mang tính chất trào phúng này, ta thấy lại cái nhốn nháo của một Hà Nội trong thời kỳ bị thực dân Pháp tạm chiếm với bọn đầu cơ chính trị, bọn công chức bất tài vô dụng.

Trong những tác phẩm của Vũ Bằng đăng ở *Tiểu thuyết thứ bảy*, đáng chú ý nhất là phóng sự dài *Khúc ngâm trong đất Hà* được viết trong năm 1949. Bắt chước Bạch Cư Dị ngày xưa viết mười bài *Tần Trung Ngâm* tả những điều tai nghe mắt thấy ở đất Tần, tức là Trường An, kinh đô nhà Đường, Vũ Bằng cũng định viết một phóng sự dài 12 tháng gồm mười hai bài “mắt thấy tai nghe” ở đất Hà, tức là Hà Nội. Nhưng rất tiếc sau đó *Tiểu thuyết thứ bảy* có sự thay đổi nhân sự điều hành nên *Khúc ngâm trong đất Hà* đã phải dừng lại ở phóng sự tháng tám. Ở phóng sự này, có những cảnh

đời, những nghịch cảnh trong chiến tranh, có tiếng hát và tiếng khóc, giàu có và nghèo hèn, kẻ béo tốt và người chết đói, giá gạo thóc, thực phẩm thời khó khăn, nghề buôn chính trị, giải pháp Bảo Đại, óc đảng phái, trí thức trùm chǎn, “lực lượng thứ ba”,...

Có thể mượn lời Lại Nguyên Ân khi sưu tầm tác phẩm của Vũ Bằng trên *Trung Bắc tân văn* để nói về *Khúc ngâm trong đất Hà*, về các truyện thời sự, ghi chép,... nói trên: “Đây không chỉ là các tác phẩm mà còn là những tư liệu, thậm chí là loại tư liệu hiếm, quý, về những phương diện khác nhau”<sup>(\*)</sup>.

Còn trên báo *Mới*, tác phẩm của Vũ Bằng gồm có ba phóng sự và ba truyện, ngoài ra còn có một ghi chép mang tên *Sự quan trọng của lễ động thổ đầu năm trong xã hội Việt Nam ngày trước và bây giờ* in trên số Xuân Quý Ty 1953 với bút danh Tiêu Liêu. Ba phóng sự là *Hà Nội trong cơn lốc*, *Lo thẩy chạy thuốc*, *Người văn nghệ, anh đi đâu?* Các phóng sự này đã được chúng tôi giới thiệu trong cuốn *Hà Nội trong cơn lốc* (Nxb Phụ nữ, Hà Nội, 2010).

Ba truyện của Vũ Bằng trên báo *Mới* gồm có *Rước thủy tiên* (1953), *Tình đặc biệt*, *Ăn Tết chữ* (1954). *Rước thủy tiên* sau này được Vũ Bằng sửa tên lại là *Ăn Tết thủy tiên* đăng trên Nguyệt san *Tân Văn* (số 6

---

(\*) Lại Nguyên Ân, *Vũ Bằng – Các tác phẩm mới tìm thấy*, Nxb Văn Hóa Sài Gòn, 2010, tr. 9.

– 1970, Sài Gòn) và đã được in lại trong *Tuyển tập Vũ Bằng (2000)* và *Toàn tập Vũ Bằng (2006)* nên chúng tôi không giới thiệu ở đây. Riêng *Ăn Tết chũ* Vũ Bằng cũng cho in lại trên Nguyệt san *Tân Văn* với tên là *Mê chũ*, nhưng chỉ có phần đầu. *Tuyển tập Vũ Bằng (2000)* và *Toàn tập Vũ Bằng (2006)* cũng dùng bản không đầy đủ này. Vì vậy chúng tôi xin giới thiệu lại toàn văn truyện này. *Ăn Tết chũ* cho ta gặp lại một Vũ Bằng tinh tế, tài hoa, uyên bác khi viết về một thú ăn chơi tao nhã. *Tinh đặc biệt* lại là một câu chuyện tâm lý pha lẫn trinh thám với nhiều tình tiết ly kỳ hấp dẫn khiến người đọc không thể dừng lại nửa chừng.

Cùng với *Hà Nội trong cơn lốc* mà chúng tôi đã giới thiệu trước đây, những tác phẩm mới tìm thấy này giúp cho chúng ta hiểu thêm về một Hà Nội trước và sau Cách mạng tháng Tám, một Vũ Bằng tài hoa nhưng lận đận. Rất mong nhận được những nhận xét, góp ý của bạn đọc và giới nghiên cứu.

## VŨ VĂN NHƠN – HÀ MINH CHÂU

# Văn hóa... “gõ”<sup>(\*)</sup>

## 1 NHẸ, BÉO

*Y khí kiêu mǎn lộ,*

*An mǎ quang chiếu tràn*

*Tá vấn hè vi giả...*

Tạm dịch nôm như sau này:

*Đây đường dáng bộ con cưng,*

*Ngựa yên bóng nhoáng sáng trưng bụi hồng*

*Hỏi: làm chi đó những ông?*

*Những ông làm chi đó?*

*Thưa rằng là lũ quan trong đó mà.*

---

(\*) Đây là loạt phóng sự (gồm 8 bài) được đăng trên báo Tiểu thuyết thứ bảy, có tên gốc là **Khúc ngâm trong đất Hà**, viết về những điều “mắt thấy tai nghe” ở đất Hà, tức là Hà Nội.

Nghĩa là bọn nội thần, mà nội thần là quan trọng – trong triều<sup>(\*)</sup>. Nhưng bây giờ thì là các quan trong nước, trong chính phủ, trong phố, trong nhà, trong ngõ, trong công sở, trong tư sở, trong các ngạch.

Hai năm khói lửa đã qua. Chuyện tản cư chỉ còn là một cơn ác mộng mà chả ai buồn nghĩ đến. Các quan hưởng thái bình. Ăn một cái Tết thật ra đáng để trả thù lại những ngày vất vả, điêu linh. Xong, xong rồi. Nhưng vẫn chưa cho thế là thỏa dạ. Các quan muốn hưởng thái bình lâu hơn.

Sang đến rằm tháng giêng, người ta vẫn còn thấy ở trong những công sở những đám chǎn “lâm thời”.

Cựu hoàng có lẽ hồi loan.

Cựu hoàng có thể hồi loan lăm.

Chắc chǎn là Cựu hoàng hồi loan rồi.

Ai ai cũng đợi, nhưng hầu hết không thấy ai làm gì.

Làm gì? Người ta hỏi nhau thế và nhìn nhau, lắc. “Tình thế hoang mang”. Người ta thì thầm nói nhỏ và đợi hết giờ ở các bộ và các sở để đi về nhà. Chả ai buồn nghĩ. Chả ai hành động. Chả ai biết mong muốn gì. Người ta nhất thiết trông đợi ở Cựu hoàng cả. Nhưng người ta biết rằng người ta cần phải có

---

(\*) Nhân xưng thị nội thần (nguyên chú).

nhiều tiền để tiêu! Những số tiền “răp-pen”<sup>(\*)</sup> của mấy công sở phát cho nhân viên hồi cuối năm, vẫn còn được người ta nhắc nhở. Chả biết năm nay ra thế nào? Ba nghìn một tháng không đủ tiêu. Năm nghìn một tháng không đủ tiêu. Mà bảy tám nghìn một tháng cũng không đủ tiêu. Thế thì người ta tiêu ra thế nào?

A, tháng giêng đầu năm, mà tháng giêng đầu năm ở Hà Nội người ta tiêu nhiều thứ lăm. Một ông nhờ chiến tranh vụt lên giàu đi nhảy ở một nhà gần Khâm Thiên, uống bốn cốc rượu giả ba ngàn bạc. Hôm sau, ăn bữa cơm sáng ở nhà chị Lý, chi bốn ngàn. Lại hôm sau nữa, uống khai vị ở quán rượu với bạn, ba mươi tư cốc lớn – mà mỗi cốc hai mươi nhăm đồng – ấy là chưa kể sáu chai sâm banh cổ đỏ, uống vào cho... tỉnh rượu.

Guồng máy xã hội lôi ta đi như cái cày lôi con bò. Ai cũng muốn thành ra chính khách. Mà chính khách thì ngoại giao. Nghĩa là ăn, nghĩa là uống, nghĩa là chén. Ba ngày một tiệc con, bảy ngày một tiệc lớn, y như Tào Tháo ngoại giao với ông Quan Vân Trường.

Quan Vân Trường ăn uống của Tào Tháo xong rồi đi, nhưng ở đây người ta ở cũng ăn, đi cũng ăn, về cũng ăn: ăn tuốt. Có nhiêu là ăn như thế, phải béo ra. Béo mỡ và béo nói.

---

(\*) rappel (tiếng Pháp): tiền truy lĩnh

Béo nói nghĩa là chỉ nói nhiều thật nhiều, mà không làm gì.

Nhưng béo mỡ, anh phải biết là tai hại!

Đã dành là không phải tai hại cho các quan đâm.  
Nhưng tai hại cho chính chúng ta là thằng dân. Điều đó, ai lại còn không biết nữa?

Nguyên do như thế này:

Béo, không tất nhiên là khỏe. Béo là người ta có mỡ thừa. Người ta không hoạt động dễ dàng; người ta ỳ ạch thở; người ta làm việc ít. Làm việc ít, mà lấy lương nhiều, chỉ khổ thằng dân, điều đó đã tất nhiên. Nhưng đau đớn nhất là người ta béo quá không đi bộ được, từ sở về nhà cũng phải ngự công xa. Thành thủ Chánh phủ đáng lẽ để tiền ta làm việc công kích cho dân phải để ra một món chi dụng về công xa lớn quá. Đáng lý chỉ có ông bộ trưởng hay đồng lý văn phòng đi công xa để làm phận sự mà thôi. Nhưng đây thì khác, công xa được “đại chúng hóa”. Đại chúng hóa công xa. “Vờ nờ bờ” – V.N.B đi ngập cả phố phường và trong cái ngân thi của đời sống, giá anh tụt xuống là một cái đồ hứng bụi. Quan bí thư đi công xa, quan thư ký đi công xa, quan phán lục đi công xa, quan đánh máy đi công xa và quan bếp cũng đi công xa đi chợ.

Một hôm, tôi gặp một người bạn làm tài xế vặt một cái “vờ bờ nờ” thật choáng.

HỎI - Đi đâu mà ngập thế, hở chàng kia?

ĐÁP - Trông đây thì biết, lựa là phải hỏi.

Trên ô tô, cả một vườn rau cải chất đầy lên, hay còn nguyên cả đất và cây nào cây nấy trông cứ ngồng cả lên như là cái thứ rau cải của Trạng Quỳnh tươi bón đặc biệt để đem dâng lên chúa Trịnh.

HỎI – Thế là nghĩa thế nào?

ĐÁP – Nghĩa là... nghĩa là tôi vừa lén trên vườn ươm cây của thành phố lấy cải về để đem chia từng nhà cho các quan thời, chứ còn làm sao?

Thì ra người ta lại dùng cả công xa để đi lấy rau cho các quan ăn. Mà, không có sự gặp gỡ của tôi với anh tài xế trên kia, ai dẽ mà mỗi lúc đã biết được rằng sở ươm cây của thành phố lại còn có bốn phận phải trồng cải để các quan sơi món tả-pí-lù và rau sà-lách để nhấm với món “ăng-đui”(\*) cho đỡ ngấy?

Phố hàng Buồm, một buổi tối hai mươi sáu tháng giêng. Một bọn sáu người, mặt đỏ như là sáu con tôm rim, bước ở trong một hiệu cao lầu ra và cười hô hố như những kẻ suốt đời sung sướng.

Hỏi ra thì biết rằng các ông vừa mới làm được một món tiền lúc ban ngày. Tiền chạy để làm mǎng-đa cho chóng? Tiền hoa hồng kiếm được trong việc bán chác hàng hóa cho Chính phủ? Hay là “món bỗng” của kẻ nào, có người nhà người cửa bất hạnh bị bắt, đã nhờ các quan chạy chọt?

---

(\*) *andouille* (tiếng Pháp): *dồi lợn*

Không ai biết.

Nhưng các quan cứ biết là có tiền thì tiêu.

Thoạt đầu, khai vị: *ken cờ*<sup>(\*)</sup> ba hộp đồng. Lúc chúng ta trông thấy các ngài ở cao lầu bước ra đường. Ấy là các ngài vừa làm xong cái việc “ủng hộ” cho sáu chiếc bao tử một số tửu, nhục quá cái sức cần dùng của chúng. Của “trời cho mà lại!”. Ăn cứ gọi là mửa ra. Mà mửa thực. Một ông mửa. Hai ông mửa. Nhưng mà thú! Và muốn cho tỉnh rượu, họ lại quay trở lại tiệm làm thêm một hộp. Ở hậu phương làm gì ra “của” này. Bầu lăm. Phải hút cho đã, để gõ những thùng giờ đã mất! Giờ đất này, ai biết ra thế nào?

Xa xa, một tràng liên thanh... Một ông nói: “Hôm nay, mấy chục cái tàu bay đi đánh ở đâu, không biết?”. Và một ông trả lời:

- Độc lập và thống nhất chả biết có nước mầu gì chưa, nhưng ông cứ biết là không phải “chạy”, và mỗi tháng bốn năm bận đi chén rồi đi trò là hả... “cái vong linh con mẹ nghệ”.

Trong khi đó, nhà buồn phờ người vì nghe thấy tin mòn bài năm nay đánh hình như là nặng hơn năm ngoái nhiều.

---

(\*) quelques (tiếng Pháp): tiếng lóng, nghĩa là hút một vài điếu thuốc phiện.

Quán nước, cao lầu phải đóng thuế mỗi cái bàn năm chục. Thuốc lá rồi tăng tiền. Thuế cư trú, bãy hẵn; nhưng có người nói – chả biết thực hay đùa – những nhà nuôi chó để đề phòng kẻ trộm có lẽ rồi phải nộp thuế chó như dưới thời bảo hộ. Thế rồi thuế đi chợ, thuế ngồi hàng, thuế gánh hàng, thuế biển, thuế thổ trạch, thuế vệ sinh, trăm thứ thuế, nghìn thứ thuế... Kiếm không đủ đóng thuế cho nhà nước... Nhưng không cần. Những con cưng của số phận, thở ra bạc, khạc ra tiền, không có cần. Các ngài không chịu thua những quan đại phu (giải điêu) và tướng quân (giải tía) ngày xưa ở đất Tần, quyết thực hành hai khẩu hiệu “khinh, phì” triệt để. Khinh là nhẹ, phì là béo. Béo như Mã Hồng Quỳ, hiện nay là một tay độc tài ở Ninh Hạ, cân gần ba trăm cân, có tiếng là béo nhất thế giới, bị Mao Trạch Đông kết là tội nhân chiến tranh mà bây giờ vẫn còn sống, thì ở đây mà béo xác ai đã làm gì nổi? Người ta ăn quá cái súc của người ta cần dùng là vậy. No quá thì uống rượu mạnh cho tiêu, tiêu quá thì lại “chén” vào cho no.

Thế nhưng còn nhẹ thì ra thế nào?

Chính thực ra thì nhà thơ nước Tàu dùng chữ “phì” là để chỉ một cái giống không phải người. Phì là phì mā. Phì mā là ngựa béo. Nhưng người béo hay ngựa béo cũng không quan hệ mấy.

Quan hệ là làm thế nào cho các quý phu nhân, quý nhân tình, quý tiểu thư, quý đῖ được bảnh chẹo như người hay hơn người. Len may áo có thứ trăm hai mươi

thuốc. Nhưng đủ các kiểu. Quần tơ lụa viền đăng-ten có là cứ hàng tấn, sợ không đủ tiền mà mua. Khinh là nhẹ. Áo khinh cùu là áo cùu nhẹ! Người ngày xưa mặc đến áo cùu nhẹ là tuyệt sang, không ai còn có thể sang hơn được nữa. Nhưng bây giờ...

Anh đi chơi phố, trông thấy một số vợ con các quí quan – và lần vào đó, bao nhiêu là đĩ! – anh sẽ thấy cả thế xác, nhẹ cả thính quan, nhẹ cả tâm hồn là khác. Mũ nhẹ như tờ giấy. Áo khoác ngoài nhẹ như cái lông. Khăn san nhẹ như bắc. Áo tối và quần nhẹ mà mỏng nhìn thấy hân hân cả thịt. Thế rồi ở Bôn Be<sup>(\*)</sup>, Tràng Tiền, Hàng Đào, Bờ Hồ, Phố Nhi, bao nhiêu là phấn, là sáp son, là trầm hương, là kem, là nước hoa! là nước hoa! là nước hoa! Có thứ to bằng cái hoa chuối, giá bảy mươi hai đồng.

Lại có thứ chỉ bằng cái hoa loa kèn mà hơn trăm bạc. Nhưng cái thứ nước hoa to chỉ bằng một cái vẩy ốc nhồi mà ba trăm, mà năm sáu trăm, mà một nghìn đồng một lọ thì có bốn trăm hai mươi mốt thứ khác nhau. Chàng làm quan phát tài mua cho nàng. Cậu xoay xở được sắm tặng mợ. Ông ký một chữ phát tài biếu bà. Cụ ông lờ một việc kia đi, được món bổng hơn chục vạn, dâng cụ bà. Bà ngoại giao phất, bà lại mua tặng... bà. Cứ như thế, làm gì mà ngủi không

---

(\*) Paul Bert: toàn quyền Pháp (1833-1886), trước 1945 được đặt tên cho phố Tràng Tiền hiện nay.

nhe cả tâm hồn mình đi! Ấy thế mà có tờ báo lại  
bắt chước Tàu hô hào dân chúng nên cần kiệm liêm  
chính. Hơ hơ! Văn hóa Âu Tây có cái văn hóa nếm  
rượu ăn tiền và ngửi nước hoa mà phát tài.

Ta xúc nước hoa, ta đánh phấn quí và ta mặc hàng  
trăm thứ quần áo đắt tiền cũng là một thứ văn hóa  
chớ sao?

Văn hóa... gõ.

Gái thì gõ của trai. Vợ thì gõ của chồng. Quan thì  
gõ của dân. Và đến dân... thì hết, không còn ai để gõ  
nữa thành ra dân khổ. Trên chiếc ô tô, con chó ngồi...  
nhưng ở dưới đất thì thằng người vẫn lôi cái xe bò  
đi dưới nắng. Mợ mua ba chục bạc kẹo cho vào túi  
để đi phố ăn như đầm, nhưng cái gia đình thợ mộc  
ở bên cạnh nhà tôi, chỉ cần một chục bạc để nuôi  
bảy miệng ăn không có. Người đàn bà có chồng bị  
bắt phải nhịn đói để lấy tiền chạy việc, nhưng bà kia,  
thừa mứa quyền thế với bạc vàng, vẫn cứ được các  
ông nhân ngã i đem tặng tình ái và tiền của.

Công xa đưa mợ đi hứng gió Hồ Tây. Sáng chủ  
nhật “vờ nờ bờ” chở một lũ tiểu thư và công tử đi  
ăn bánh ngọt. Lại có mấy ông quan nữa, thấy ở nhà  
“thiếu két”, không biết làm thế nào mà chở được cả  
“công tử”, “công két” và “công máy chữ” về nhà nữa,  
lạ không! Tiền rồng rổng, cứ như là vỏ hến. Sướng  
đến thế đấy thì có con nõm nào mà lại muốn đổi  
thay! Có lẽ ăn cơm mai ngấy, phen này phải ăn yến  
thay cơm mới được!

Cuối tháng giêng, quân Pháp lại hành quân một chuyến nữa ở Hà Nam. Mấy người ở Cống Thần chạy một mạch ra đây, hổn ha hổn hển kể cho tôi nghe cuộc tấn công dữ dội, và kết luận:

- Suốt từ Cống Thần lên đến chợ Đồng Quan, cháy tiệt. Quần không, áo không, cơm không. Gia đình chú Ba Bích chạy vào Đục Khê phải vốc nước ở trong khe để uống. Thằng bé con đẻ về sau này bỏ mất rồi.

Còn nhà Hai Can thì bữa không, bữa có; nhưng tôi rủ thế nào cũng không ra.

(30 tháng giêng Kỷ Sửu)

Tiểu thuyết thứ bảy, Hà Nội, số 3 (21 đến 31/3/1949)

## 2 KHÓC, HÁT

Mới hôm nọ, thức giấc lúc nửa đêm, tôi nghe thấy ở sau nhà, có tiếng khóc về phía Nam. Tiếng đau đớn! Tiếng khóc làm mình trằn trọc cho đến sáng. Hồi thì mới biết là vợ khóc chồng. Chồng hai mươi nhăm tuổi, bị bắt vì quốc sự. Vợ cầy cục tìm được đến chỗ giam chồng thì có tin đã chết.

Đến sáng nay, ngồi ở dưới hàng cây, có tiếng khóc từ phương Bắc lại. Tiếng khóc này não nuột có phần hơn. Nghe khóc mà ruột mình thắt lại. Thì ra đây là

mẹ khóc con. Con mười chín tuổi đi biệt tích đã lâu. Hôm gần đây được tin con thì là tin con bị trúng đạn vào ngực chết. Báo đăng: ba người thiệt mạng trong một trận tấn công. Trong ba người đó, người trẻ tuổi nhất là con bà cụ khóc.

Có ai, lùa lúc kinh thành êm tiếng động, ngồi im im mà nghe thấy tiếng khóc ở bốn chung quanh. Bốn hàng xóm chung quanh tôi như thế cả. Thời chiến tranh, cái khổ cũng nhiều màu. Người thì khóc kiếm chả đủ ăn. Người thì khóc vì trông thấy những cảnh chết chóc mà nhớ đến con, đến chồng vẫn còn ở xa. Lại có người khóc vì vợ chồng cãi lộn bởi cuộc đời đau khổ quá, nhà thuê thì đắt mà dột cứ tú tung, đêm phải lấy nón che ngồi ngủ.

Tháng hai năm nay, sao mà mưa tệ quá đi? Mưa lai rai, mưa ào ào. Có đêm lại sấm chớp, có đêm trời đất chuyển động dữ dội quá chả còn biết là tiếng súng hay tiếng sấm. Người giết người. Giời giết người. Lại có thêm mấy bức tường đổ đè người. Giời trút nước xuống, làm cho con nhà nghèo rét cứ run cầm cập. Tìm một chỗ ở kín đáo hơn? Tiền thuê đắt. Lại còn những chỗ ngồi ở chợ chưa biết nhà chức trách dàn xếp thế nào cho ổn. Có gia đình đương ở một cái bếp một ngôi nhà bị phá dọn đi biệt tích. Có gia đình, ở dột quá không chịu được, dọn đi rồi ba hôm sau lại dọn về. Có gia đình ở cửa ô không yên, dọn về một cái ga-ra trên phố, dột quá nhưng cứ phải cắn răng mà ở lại – mà chính nhà mình thì đóng cửa bỏ không!

Trời hửng sáng. Con nhà nghèo mừng. Nhưng đêm đến lại mưa thêm cho một trận. Cứ mưa như thế này, gọi là gạo còn cao. Ở chung quanh thủ đô, nếu sự chuyên chở khó khăn thì có lẽ gạo còn cao lên nữa.

Ấy là người ta nghĩ vậy. Người ta đây là những người không có bỗng, những người sống bằng mồ hôi của chính mình. Lương kiếm được y như cũ. Nhưng hàng hóa mua thì tăng tiền lên. Thuốc vải, tháng trước, mười lăm đồng, bây giờ mười sáu đồng. Đôi giày cao su ba chục, bây giờ ba mươi nhăm đồng. Mấy ngày cuối tháng hai, gạo ba trăm sáu, tăng lên bốn trăm tám, năm trăm. Đứa trẻ khóc vì đau ốm mà mẹ không có tiền thang thuốc. Người mẹ khóc vì thương. Nhưng người bố thì không khóc: y khóc thầm.

Ai cũng trông đợi Cựu hoàng về để xoay chuyển lại tình thế cho khả quan hơn. Ai cũng kêu rồng túng. Cả những người kiếm tiền rất bãm mà cũng kêu rồng túng, lạ không? Thế thì tiền đâu cả?

Thế thì tiền đâu cả? Không ai biết. Nhưng cái tiệm khiêu vũ thứ nhất được phép mở từ khi nỗi lên khói lửa đến giờ, cái tiệm khiêu vũ thứ nhất mà khánh thành thì bao nhiêu bàn đều có khách kéo nhau vào nhảy. Áo hồng nhảy theo điệu kèn xanh. Anh áo xanh nhảy theo bản nhạc hồng.

Chín giờ, “kem” hết nhẵn. Nước cam, chạy sang quán Mụ Béo lấy thêm mà vẫn không đủ dùng. Cái đầu tóc nhuộm màu lông bò của một cô Tây sát với

mái tóc xanh của một ông mần việc trong chính phủ.  
Hát đi. Một người hát khúc Thiên thai.

Tệ thế! Mới chín giờ sáng đã bắt đầu tạch tạch!

Ở ngoài kia, hẳn đã là tối mù mịt, tối mèm hì mông.  
Nhưng tiệm khiêu vũ ở đây thì sáng quá. Khánh thành  
mà! Giá đêm nay nhà nước cho mười hai giờ mới phải  
trở về nhà thì hả!

Một vụ hè lạm cần phải đem ra ánh sáng. Một tờ  
báo chất vấn một trăm mười một tấn muối tiêu thụ  
không rõ rệt. Và một tờ báo khác kêu om: “Lương  
giáo viên như thế, thì liệu nhà giáo sống hay là chết?”.

À. Tưởng là người ta phản đối khiêu vũ. Không  
phản đối thì không cần. Một, hai, ba. Một, hai, ba. Lớp  
nhà giàu cũ tàn rồi, một lớp nhà giàu khác nổi lên.  
Có bao nhiêu điều phải học? Khiêu vũ trước nhất này.  
Thứ nhì, mạt chược này. Thứ ba, ăn cơm tây này. Bao  
nhiều điều cần phải soạn thành sách để dạy người ta,  
thì báo không nói đến. Thơ khóc lóc tràn ra. Chánh  
trị cứ ngẩy lên đến cổ. Văn hóa khắc khù, ốm dở: hiệu  
sách chỉ còn chén về môn sách cũ. Một đứa trẻ khóc  
hai ngày để xin mẹ hai chục bạc mua một quyển sách  
dạy về toán pháp. Đại đa số người yêu nước cũng ngồi  
khóc tu tu. Thơ nhớ nước hòa vào nước mắt, nước mắt  
hòa vào thơ nhớ nhà. Tiêu cực, chỉ trông cậy ông trời  
là ổn nhất. Triệt để tin tưởng vào số mệnh! Thêm  
một vài ông lấy tử vi, xem giờ, bói dịch và coi tướng  
tay xem hạnh phúc chung thân, đắt năm chục một  
quẻ mà rẻ cũng hai mươi nhăm đồng.

Và người ta đợi... Đợi gì? Người ta đợi một sự thay đổi lớn lao. Người ta đợi những ngày tốt đẹp. Và có người lạ không biết là mình đợi chờ gì, mà cứ đợi buồn không?

Nhưng Hà Nội có ba nhà làm dép cao su thì, về cuối tháng, một nhà đóng cửa. Chả biết ông này sẽ xoay ra làm gì? Người ta nói có một tiệm khiêu vũ nữa sang tháng ba này thì khai trương. Tình tang, tình tang, là tang tính tình. Ai cũng suýt tưởng là đang sống trong cảnh thanh bình – nếu đêm đêm không có tiếng súng đì đà đì đẹt.

Xen vào tiếng khóc, có tiếng hát hòa vào tiếng súng. Ông cụ, pha tuần trà, hát khúc “Hái hoa sen”. Người quả phụ hát bài ca ly cách có mây núi biên thùy và phuơng phất những lời đồng vọng. Một người hát bài kiếp hoa. Một người hát bài dăm cô tiên xiêm áo trắng toát. Cũng có người lại hát bài hát bên lau trầm hùng...

Nhưng tiêu biểu nhất cho “văn hóa tháng hai” là gì? Tôi đi vào phố khách. Tôi đi vào phố ta. Tôi đi vào phố Tây đen. Và bài hát tôi nghe thấy nhiều nhất là bài hát này. Bài hát mới soạn, đại chúng số một, không kém bài *Hà nhật quân tái lai* mà hồi Nhật thuộc ta nghe thấy cả Hà Nội hát từ lúc bảnh mắt cho đến khi đi ngủ.

Bài mới này không tên.

Hát theo điệu “Rạng đông”

Và như thế này:

“Anh em ta kể từ ngày nay,  
Anh em ta cùng nhau chung sống...  
Đây, báo đây,  
Hòm giầy..  
Hai chiếc kem một đồng!  
Bánh tây vừa ra nóng ròn!..”

Tiểu thuyết thứ bảy,

Hà Nội, số 6 (21 đến 30/4/1949)

### 3 CHẠY, HÙNG

Vả đời xưa các bậc hào kiệt, chưa gặp thời thì ẩn náu, thấy cơ hội thì dấy lên. Cho nên Y Doãn chỉ là một gã thợ cầy ở đất Sâu, Thái Công chỉ là một chàng câu cá ở sông Vị, thế mà một người làm đến vương tá, một người làm đến đế sultan, vậy đó là người hào quý chẳng? Là người bần tiện chẳng?

Bài dụ của Úc Trai gửi Vương Thông, chặt chẽ quá làm cho lão tướng Tàu này ớ mặt. Ờ mà, phải. Xưa, dùng người, có cần bần tiện hay hào quý đâu. Bây giờ, chánh trị cũng phải như thế: nhân sự không cần. Hơn thế nữa: bất cứ ai cũng dùng hết, miễn đúng lập

trường là được. Ông thợ mộc đứng làm chủ tịch văn chương; anh nghiện oặt coi về việc tuyên truyền sức khỏe; người bán bánh sôi sê hăm hở đi Pháp để vận động một ghế ngồi ngày mai.

Sĩ, nông, công, thương đều lo cho nước độc lập và thống nhất. Thế thì còn gì hay hơn? Nghe nói Cựu hoàng hôm 24 đã đáp máy bay về rồi thì phải. Người ta chạy như đèn cù. Tháng 3, 1949 tự nhiên nhảy một cái vào lịch sử. Thật, từ 1946 đến giờ, chưa có một tháng nào mà chánh trị lại có vẻ sầm uất thế. Lại một phen báo chí tha hồ mà tranh đấu. Thương nòi lắm. Yêu nước lắm. Mà chạy lắm. Mỗi số in có đến ngót nghìn tờ. Dân chúng thích những cái gì hùng mà tởn. Thì tôi nói cho ông biết: cái đoạn *Cuồng Minh tú khích, nhân dĩ độc ngũ nhân* trong “Bình Ngô đại cáo”, có phần còn kém đứt một số nhiêu bài báo yêu nòi thương nước, trước ngày Ngài hồi loan.

Ấy, cái lệ thế. Báo mới ra thường hùng. Không những thế, lại hăng. Đã tẩy thì tẩy nặng. Nhưng cũng vì tẩy nặng mà lầm anh chết đứ đừ. Nhưng có một số, lại sống – nghĩa là không chết...

... Duy mỗi ngày chỉ đỡ hăng dần đi thôi. Cho đúng chánh trị! Mà cũng là để lấy đà: khi nào tiền sắp hết lại hăng lên... một củ.

Ấy đó: sống hùng! Một ngày giữa tháng, khắp thành phố tràn đầy những cáo thị “Từ đây Việt Nam nghiêm nhiên là một nước thống nhất và độc lập”.

Các chánh khách lại càng hùng hơn. Một bọn ngồi ở Thủ Tạ hét lên những điểm bất đồng chính kiến. Năm ông mặt đỏ hùng hổ cãi nhau về quân chủ và dân chủ. Nhưng ở trong một tiệm cao lầu, sáu ông khác lại nâng cốc, chúc nhau: "Chúng ta cùng đứng chung một lập trường, chúng ta không tranh nhau.. chén, chúng ta, ngay sáng mai, phải lập một mặt trận đấu tranh rõ rệt. Muôn năm! Và muôn năm!".

Không biết ăn cái gì và uống cái gì nhiều ca-lô-ri vào ruột thế, mà họ hùng như vậy? Bợm thật. Có ông liều, như không cần ai trên đời. Mà không cần cả trời nữa là khác.

Anh đã biết cái nắng mới tháng ba năm nay rồi chứ? Vừa nắng mà thành phố cứ như lò lửa. Béo như Mã Hồng Quỳ có thể chảy mỡ ra, chứ không phải đùa. Ấy thế mà, một ngày cuối tháng, tôi đã gặp một anh cũng không gầy, làm chủ nhiệm kiêm chủ bút báo, nhất định ngồi trên một cái ghế kê dưới nắng để đợi cho kỳ được một nhân vật cao cấp xin nói chuyện. Sáng, không gặp. Về ăn cơm xong, chiều ông lại đi xe đạp và chờ... và như thế trong hai ngày. Hỏi, mới biết ông ra điều đình về trợ cấp. Trợ cấp sắp bị rút rồi. Ông thây kệ nắng, ông thây kệ mệt, ông thây kệ hết: ông sống chết với trợ cấp, thể nào cũng phải gãi đầu gãi tai xin lại một nửa, hay một phần ba cũng được. Bệ rạc, cứ kể thế cũng đã là bệ rạc. Nhưng may còn được một cái hùng kéo lại.

Buổi tối, có người gặp ông ở quán trà.

Ông mở một chai sâm banh, uống với gáy, và thét lên:

- Báo chạy lấm. Tự nó, nó nuôi sống thừa nó đi. Tôi cần cốc gì trợ cấp! Tôi cần cốc gì trợ cấp! Tôi cần cốc gì trợ cấp!

Chả ai cần gì cả. Người ta cũng chả cần làm chánh trị làm gì. Nhưng bởi vì làm chánh trị vẫn “ăn”, nên bất đắc dĩ người ta vẫn cứ phải làm – tuy là nắng mới, mệt đút hơi đút ruột. Một ông khoe quan thầy sắp ở Tây sang. Một ông khác nhấp nhổm định nhảy một bước làm ông quan nhất trụ. Lại có một ông nữa đổ mồ hôi, sôi nước mắt ở dưới nắng hè để hỏi cho kỳ được mình có tên trong chính phủ ngày mai không? Báo đã chạy, người lại chạy tệ hơn. Chạy hơn là chạy loạn tháng chạp 1946! Người ta chạy một mạch sang Tây rồi lại về. Người ta chạy vào cửa chính rồi lại chạy ra cửa sau một nước. Người ta... để cho được ngồi yên ở cái chỗ người ta đương ngồi.

Thế mà hay. Chỉ có một sự buôn bán là vẫn đứng. Cái nhà chơi vừa mở cửa tháng hai, nghe đã lục đục về tài chính lấm rồi. Tiền ăn, thêm cái thuế một phần, bán nghe chừng hơi chậm. Mấy ông làm nhà nước thì thào: “Tiền chi có hạn. Hình như sắp phải rút người đi – liệu đấy!”.

Ờ. Cũng lạ. Cái gì cũng tiến bằng bước nhảy, mà sau đến đồng tiền, sang tháng này lại có ý kém đi? Phiền nhất. Nhiều ông đã nghĩ cách găm một số tiền khor khớ lại, ngộ nay mai có phải rút lui thì vừa. “Mình

phải tự cứu lấy mình”: sách Âm Bằng còn ghi rõ. Mà cái chánh trị sơ đẳng chẳng khuyên bảo người ta như thế là gì?

“Mình phải tự cứu lấy mình”. Nghĩa là mình đừng cứu lấy người khác làm gì cả – dù là đoàn kết và thống nhất. Đảng này biết đảng này. Đảng kia biết đảng kia. Đảng nọ biết đảng nọ. Đảng nào mà thịnh cứ việc lôi người mình vào thả cửa – miễn là người trong đảng mình. Cánh khác, cho đi tếu! Mà nếu cần, thì rất có thể nghĩ mưu hâm hại cho không mọc mũi sủi tăm lên được. Coi chừng, hỡi anh em! Một tên trong bọn chúng mà có chính quyền thì cả cánh chúng mình “tiêu” hết.

Khiếp. Cái tháng ba năm nay ở Hà Nội, sao mà nhộn quá. Quan dưới âm chưa dám hoành hành vì các phố đã có người đi tiêm thuốc trừ thẳng cánh. Nhưng mà quan trên dương!... quan cách mệnh!... và quan chánh trị!...

Mệt cứ đứt cả hơi cả ruột ra, mà ngoài phố lúc nào cũng nhộn nhịp những tiếng ngựa xe, hò hét. Không làm gì thì lại chê là ngủ gật. Nhưng người ta hoạt động quá, mình cũng thấy nhức đầu như búi bối. Có người đi giữa đường kêu: “Thế này thì vỡ quách mất đầu ra còn gì!”. Vỡ đầu thật. Dân chúng chả còn hiểu ra thế nào. Bao giờ thì yên hẳn? Thế rồi thì độc lập xong, phải làm thế nào để cho khỏi đánh nhau? Em tôi, con tôi, chồng tôi, nhân tình tôi, thầy tôi... bao giờ thì về với chúng tôi?

Một tiệm khiêu vũ nữa mở cửa. Mạt chược, hình như phải đóng thuế trăm ruồi một cỗ, mà chẳng biết đã thi hành hay chưa? Đã khổ vì nóng, lại khổ vì tiếng quân xương kêu lách cách cả ngày. Tiếng xe máy, tiếng kêu khổ, tiếng rên ốm. Tiếng tàu bay, tiếng súng, tiếng hát hùng của những nghệ sĩ nghe chừng như ốm dở. Ý chừng họ không còn sức để hát những bài “Lòng Chinh Phụ”, “Anh Trương Chi” dài dài...

Đêm, chồng trần trọc nghĩ đến bạn bè ở hậu phương, hỏi vợ:

- Nay, cứ thế này mãi rồi ra thế nào?

Vợ, không hiểu chồng nói về việc gì, gấp gay mắt, trả lời cho đủ lệ:

- Còn ra thế nào? Nóng một độ, rồi thì sang thu mát, lại ăn ngủ được như thường, chứ còn làm sao?

Người vợ ngủ. Nhưng người chồng vẫn thức. Thì ra Hà Nội, dù sao, cũng vẫn còn may: chỉ nhộn ban ngày chứ ban đêm tĩnh lâm. Nghe nói hình như có lệnh cho ra phố đến mười một giờ, nhưng không hiểu sao cứ chập tối đã vắng ngơ vắng ngắt. Thành ra từ mười giờ thành phố vẫn im lặng như tù vậy. Nghe rõ từng tiếng súng – cả tiếng súng liên thanh bắn ở tít xa xa.

Chết chóc nhiều quá, bắn giết nhiều quá, đau khổ nhiều quá, trời ơi là trời. Theo đúng lệ, ông hàng xóm bên phải đúng hai giờ dậy tụng kinh. Bà cụ ở trước cửa cũng vặn đèn hoa kỳ lên gó mõ ở trước bàn thờ

Phật. Ba giờ, ông phán ở vườn đằng sau cũng dậy thỉnh chuông.

Ồ, ồ. Có ai nghiêm thấy rằng từ độ xảy ra khói lửa đến giờ, người ta tụng kinh niệm phật nhiều lăm không? Người ta cần phải cầu khẩn cho bao nhiêu linh hồn tội nghiệp. Người ta cần phải tụng kinh sám hối cho bao nhiêu tội của chính người ta.

Thế cũng chả sao. Nhưng năm giờ sáng, mở mắt dậy, tôi chán nhất là thấy cậu học sinh mười sáu tuổi nhà láng giềng bên trái cũng tụng kinh è à.

Khổ quá, mười sáu tuổi mà tụng kinh? Mặt trời vén màn mây. Gió thổi nhẹ nhàng. Tôi nghe thấy tiếng tụng kinh như thế này:

*"Túi thanh bạch ngược xuôi miền khách địa, trăm nghìn đường tơ dệt thưa mau; đèn toan hàn thúc nhấp mái nam song, dăm ba ngọn lửa huỳnh khêu nho nhỏ."*

Ngán nhẽ kẻ tham bè khóa lợi, mũ cánh chuồn đội trên mái tóc, nghiêm minh đứng chực cửa hầu môn; quản bao kẻ mang cái giàm danh, áo giới luân trùm dưới cơ phu, mỗi gói quì mòn sân tướng phủ..."

Cái gì? Tụng kinh cái gì mà lại thế?

Ồ, tôi lầm rồi – sướng quá! Cậu học trò bên cạnh nhà tôi dậy sớm không phải để tụng kinh Di-Đà hay Thủy-Sám.

Đó là cậu ê a tụng bài “Tài tử đa cùng phú” của

Cao Bá Quát. Một nhà thơ cách mạng. Ông, học thuộc lòng để hàng ngày tụng cái bài phú ấy cũng hay.

*Tiểu thuyết thứ bảy,*

Hà Nội, số 9 (21 đến 31/5/1949)

## 4 CAO, RỐI

Có một người, tháng tư năm kia, nằm ở trên một ngọn đồi xanh cối Bắc, cãi nhau với tôi mãi về sự khổ. Nguyên nhân của sự khổ là gì? Hừ, giá tháng tư năm nay, anh ta hồi cư với mình, nghe diễn thuyết về chủ nghĩa của Đức Thích Ca thì thật là “trúng tử”.

Chính vậy. Mồng tám tháng tư, ngày Phật Đản, chùa Quan Sứ, lê Phật, treo bao nhiêu là cờ, treo nhiêu là cờ! Diễn thuyết về Phật tổ, người ta đã không quên nói về chủ nghĩa của Ngài. Khổ ải. Trầm luân. Luân hồi. Nghiệp báo. Nguyên nhân của sự khổ là gì? Chính là lòng tham muốn của người ta vậy: tham sống, tham sướng, và tham mạnh. Hơ hơ, quả như là ý kiến của ông bạn tôi đã nói ở trên ngọn đồi xanh. Ra anh chàng ấy cũng chịu khó khảo về Phật giáo. Năm nay, một ngày đầu tháng tư đi vào chùa không thấy Phật, nhớ đến bạn, tôi thấy khổ trong lòng đáo để. Thế mà mình nào có tham sống, tham sướng hay tham mạnh gì cho cam!

Ra mình khổ chả là vì mình không có tiền. Đừng nói nhớ một người bạn làm gì, nhớ đến mười người bạn, mà có tiền tiêu thật phởn thì cũng sướng. Vợ không mè nheo. Con cái hỉ hả. Mà lại khói người nịnh nọt, “cho đi tàu bay” là khác. Cứ trông ra tất cả chung quanh thì biết. Các ông làm nhà nước, tháng nay được nghỉ nhiều mà lĩnh cả lương. Ai túng thì không biết, nhưng mấy cụ nọ vẫn cứ ô tô, yến tiệc và bay đi bay về ngập sị. Lại mấy bộ chánh khách, lụa lúc Cựu hoàng về, ăn uống cứ bữa bãі để vận động chuyện này chúc kia. Tham sống đấy chứ! Tham sướng đấy chứ! Tham mạnh đấy chứ! Thế mà có khổ đâu! Họ sướng hơn chúng mình. Chúng mình làm ăn buôn bán, phải lo đóng thuế thương vụ cho đầy đủ. Họ thì không. Chỉ phải đến sở ngày hai buổi. Gặp những tháng như tháng này: nào Phật Đản, nào Hùng Vương, nào Lao Động, nào hội Gióng, nào đón mới Cựu hoàng, nào lễ Phục Sinh, được nghỉ no nê, mà lương lại trả đủ, có thể chết vì hả được. Ấy là một số các ông mần việc hả. Nhưng chính ra thì dân cũng hả lây:

Càng nghĩ lại càng đỡ tốn, ông Ba Mươi ạ.

Thì ra là thế này: có nhiều người kinh một số các ông giúp việc cho chính phủ, hễ thấy hôm nào các ông đi làm là sợ cứ như sợ tà. Bất luận lúc nào, các ông ấy cũng nghĩ cách xoay xở được. Viết một chữ, công quỹ mất ít tiền. Làm một việc, lại vài vạn tống

mất hút. Bàn một kế, ít ra quỹ đen cũng lại thiệt vài ba nghìn đồng.

Nghỉ, đã dành là vẫn phải trả lương thật: nhưng mà các ông ấy nghỉ ở nhà thì không có cách xoay thêm được tiềng. Ấy thế mà lại hay kia đấy. Cứ thế rồi nghỉ tù tì mãi cũng xong. Có lẽ, đời ông với tôi cũng sẽ chẳng thay đổi khác đi mấy chút.

Mà có khi còn trái lại.

Cứ ngồi bấm tay mà tính nhẩm, một tháng nhà nước tiêu cũng đã vô thiên là tiền. Tiêu ra việc, mà lại tiêu không ra việc nữa. Kể ngồi mà nghĩ thì cũng hơi sốt ruột; nhưng được cái an ủi một chút là người ta phải tiêu nhiều như thế, cũng chỉ là vì.. hạnh phúc của dân. Tương đối mà nói, Hà Nội chả là nơi yên ổn nhất nước Việt Nam là gì? Anh kia vào đây, hãy cúi xuống và tâm niệm: “Tôi được sống như thế này, quả là sung sướng hơn mọi nơi nhiều lắm!”.

Ở ò. Nếu anh chưa nhận thấy như thế, tôi khuyên anh chịu khó nhìn ra xung quanh mình:

Phố hàng Bạc, phố hàng Mành, phố hàng Đào: vào hè. Đồ mặn, thôi chả thúc gì không có. Voi ngựa, thuyền rồng, bách kích pháo<sup>(\*)</sup>, moóc chè, tự vệ, ô tây, xe díp, tủ chè, sập gụ. Cả ngày hết bập ở chỗ này, lại beng ở chỗ kia. Tôm chỗ này, lại chứng ở chỗ kia. È

---

(\*) súng cối

chỗ này, lại a ở chỗ kia. Giữa hè, một cái tàu giấy lớn tưởng trông trông như cái Lết vốc, Mỹ dùng để đổ bộ sang đất Pháp năm 1945.

Một bách kích pháo chôn ngay chính ở cạnh bàn thờ phố Mới. Lại cái bố lính kia nữa, đầu nghiêng nghiêng trên khẩu Thom-sôn<sup>(\*)</sup>, định bắn cái gì ở phố hàng Gai mà mắt cứ liếng trật đi như vậy?

Chà chà. Y như thế ngày xưa! Các bà lẽ xì xà xì xụp. Châu văn cứ như là vỗ tay. Cứ lễ quan ôn, đố thổi tả dám hoành hành đấy.

Trong khi đó, người ngoài phố vái giờ đừng cho quan dương tham dự vào chính phủ. Người ta xì xào có một lũ đã đi thăm Ngài rồi. Chả biết Ngài sẽ định ra thế nào? Cứ tình hình này, mà lại có thêm bọn người có nghệ thuật và kinh nghiệm khoét nữa, rồi đến đi ăn mày cả. Hiện bây giờ lỗ cả ra rồi chết bỏ mẹ đến nơi, còn béo bở gì nữa mà cứ mong chuyện... xực. Ông cao lâu có ý kém khách ăn vì phần trăm. Vâng, ba mươi phần trăm tặng thêm, có rực mỡ mới mua vào dùng. Cưới chay vậy. Mà không có tiền tiêu thì vàng cũ đâu đem ra bán mà làm vốn. Chết một cái là mình có vàng đem đi bán để ăn thì, giá cả ngã ngũ rồi, bà bán hàng lại khẩu ba mươi phần trăm của mình để làm tiền thương vụ.

---

(\*) Thompson (tiếng Anh): súng tiểu liên Mỹ.

Ứ cả cổ lên vì thuế. Chỉ có mở sòng bạc lậu thuế may ra còn sống được. Xóc đĩa, đố mười, tài xỉu. Tô tôm, tài bàn, phán thán. Nhưng tất cả đều không tệ bằng cái ông mạt chược.

Sao mà từ lúc chiến tranh đến giờ, cái ông ấy hoạt động ghê tởm thế? Dánh cả ngày, đánh cả đêm. Tiếng quân xương lách cách cứ như là những bộ xương người chết ngày tháng chạp 1946 nghiến răng ken két ở dưới những nấm mồ lạnh lẽo. Ai cũng mạt chược. Công chức, học trò, cụ già, con gái, trẻ con.

Làm ăn khó, có người dùng phương tiện đó để sinh nhai tạm thời. Không phải đóng thuế thương vụ, mà lại quên được thời cục: ấy thế mà lại hay.

Hay thật. Nhưng giờ đất này mà cứ cờ bạc dông dài, mình cũng phải nhận là tồi.

Một người hỏi tôi:

- Tôi là tồi ra thế nào!

Là mình chỉ biết thân mình yên ổn, chứ không lo gì đến quốc gia chứ gì!

- Ngày xưa, đệ tử hỏi đức Phật rằng: “Cõi cứu cánh có phải là cõi hư vô không? Linh hồn đến khi nhập nát bàn có còn gì nữa không?”.

Phật bèn dùng cách tỉ dụ mà hỏi lại rằng: “Ta hỏi: nay có một người bệnh thập tử nhất sinh có kẻ đem thuốc lại cứu cho khỏi chết, người ấy có chịu uống ngay không, hay là còn hỏi thuốc kia ở đâu mà lại,

thuốc kia làm bằng vật gì? Như Lai thấy chúng sinh trầm luân trong bể khổ, muốn ra tay tế độ cho siêu thoát khác nào như kẻ cho thuốc người bệnh: bệnh nặng, thuốc sẵn, cứ việc uống còn hỏi gì". Xưa nay những bậc triết nhân quân tử, thường có nhiều điều tự mình biết mà không thể truyền bá ra được, cũng tức như ông thầy thuốc biết rằng bệnh trạng nguy mà không dám nói cho bệnh nhân biết vậy. Phật tổ cũng thế: chắc trong ý riêng vẫn biết rằng linh hồn sau khi tịch diệt rồi là vào cõi tịch mịch hư vô, chứ chẳng phải nơi thiên đường cực lạc gì; nhưng không hề thuyết minh cho ai biết bao giờ là sợ có kẻ chưa thoát sạch trần tục, nhân thế mà ngã lòng tu chăng.

Thế là cái gì?

Thế là... tôi là người ốm nặng. Tôi chưa có thuốc uống. Tôi đánh bạc là tôi chờ. Tôi chờ một ông thầy thuốc cứu cho khỏi chết.

Ở Hà Nội hiện nay, bao nhiêu người không đánh bạc, mà cũng hết ngày ấy sang tháng khác cứ ngồi chờ một ông thầy xét bệnh trạng mình mà đem thuốc lại cứu cho khỏi chết? Người ta không cần ông thầy giảng giải. Người ta cũng chẳng khiếu ai thuyết minh làm gì. Cứ đem lại được hòa bình, độc lập và cơm áo là ổn cả. Mà ba thứ ấy hiện nay chưa có được phần nào.

Mệt quá.

May mà dạo này lại ít biếu tình, mít tinh... chứ không có gì thì gọi là còn khốn.

Bởi vì có phải bất cứ ai cũng ăn cướp, ăn cắp, ăn chặn, ăn không, ăn hỏng được tiền để tiêu đâu? Nay: ông ngồi ký giấy, khuênh khoạng bán dăm câu rồi chưa đến giờ đã lo... chuồn, và ông kiếm mỗi tháng bảy nghìn hai trăm bạc. Ô tô của nhà nước; tiền bỗng lại có luôn, ông tưởng ai cũng thế cả phải không, ông lớn?

Không. Tháng này, nhiều sở buôn loại người làm ra vỉa hè. Một chân canh cửa hàng, biên sổ, đánh máy kiêm đi thu tiền, ông có biết bao nhiêu một tháng? – Năm trăm. Đi chợ cả một tuần, thoát hai lần mìn và lựu đạn, được một trăm hai mươi đồng – trừ tiền trọ và tiền ăn đi rồi. Có nhà, hai vợ chồng đi Hải Phòng buôn cau; về, vợ chết vì gặp nạn; có bao nhiêu lãi vừa đủ soán để mua một cái áo quan chôn cất.

Sống đến như thế, đã đủ cực nhục chưa? Nhà thuê vẫn đất, tháng này mưa nhiều, dột cứ lung tung cả. Gạo máy, tháng trước bốn trăm giờ lên bốn trăm sáu, bốn trăm bảy. Muối, từ hai đồng lên năm đồng. Thịt nạc, trước bốn mươi nhăm đồng một cân, tháng này lên sáu mươi đồng. Thịt bò, tháng trước bốn mươi đồng, tháng này tăng lên năm mươi đồng.

Toàn là những bước nhảy. Cái gì cũng cao vọt lên. Nhưng buôn bán thì đọng lại. Mà quái mệt cái là làm sao như thế, người ta lại cưới xin nhiều? Ủ, bảo chết nhiều thì lại còn đi một lê...

Dù sao, cười hay khóc, thì cũng là khổ đến anh còn sống. Một cái quà tồi nhất, bây giờ cũng phải bốn năm

Các chánh khách lại càng hùng hơn. Một bọn ngồi ở Thủy Tạ hét lên những điểm bất đồng chính kiến. Năm ông mặt đỏ hùng hổ cãi nhau về quân chủ và dân chủ. Nhưng ở trong một tiệm cao lầu, sáu ông khác lại nâng cốc, chúc nhau: "Chúng ta cùng đứng chung một lập trường, chúng ta không tranh nhau... chén, chúng ta, ngay sáng mai, phải lập một mặt trận đấu tranh rõ rệt. Muôn năm! Và muôn năm!".

Không biết ăn cái gì và uống cái gì nhiều ca-lô-ri vào ruột thế, mà họ hùng như vậy? Bợm thật. Có ông liều, như không cần ai trên đời. Mà không cần cả trời nữa là khác.

Anh đã biết cái nắng mới tháng ba năm nay rồi chứ? Vừa nắng mà thành phố cứ như lò lửa. Béo như Mã Hồng Quỳ có thể chảy mỡ ra, chứ không phải đùa. Ấy thế mà, một ngày cuối tháng, tôi đã gặp một anh cũng không gầy, làm chủ nhiệm kiêm chủ bút báo, nhất định ngồi trên một cái ghế kê dưới nắng để đợi cho kỳ được một nhân vật cao cấp xin nói chuyện. Sáng, không gặp. Về ăn cơm xong, chiều ông lại đi xe đạp và chờ... và như thế trong hai ngày. Hỏi, mới biết ông ra điều đình về trợ cấp. Trợ cấp sắp bị rút rồi. Ông thay kệ nắng, ông thay kệ mệt, ông thay kệ hết: ông sống chết với trợ cấp, thế nào cũng phải gãi đầu gãi tai xin lại một nửa, hay một phần ba cũng được. Bệ rạc, cứ kể thế cũng đã là bệ rạc. Nhưng may còn được một cái hùng kéo lại.

Buổi tối, có người gặp ông ở quán trà.

Ông mở một chai sâm banh, uống với gái, và thét lên:

- Báo chạy lầm. Tự nó, nó nuôi sống thừa nó đi. Tôi cần cóc gì trợ cấp! Tôi cần cóc gì trợ cấp! Tôi cần cóc gì trợ cấp!

Chả ai cần gì cả. Người ta cũng chả cần làm chánh trị làm gì. Nhưng bởi vì làm chánh trị vẫn “ăn”, nên bất đắc dĩ người ta vẫn cứ phải làm – tuy là nắng mới, mệt đứt hơi đứt ruột. Một ông khoe quan thầy sắp ở Tây sang. Một ông khác nhấp nhổm định nhảy một bước làm ông quan nhất trụ. Lại có một ông nữa đổ mồ hôi, sôi nước mắt ở dưới nắng hè để hỏi cho kỳ được mình có tên trong chính phủ ngày mai không? Báo đã chạy, người lại chạy tệ hơn. Chạy hơn là chạy loạn tháng chạp 1946! Người ta chạy một mạch sang Tây rồi lại về. Người ta chạy vào cửa chính rồi lại chạy ra cửa sau một nước. Người ta... để cho được ngồi yên ở cái chỗ người ta đương ngồi.

Thế mà hay. Chỉ có một sự buôn bán là vẫn đứng. Cái nhà chơi vừa mở cửa tháng hai, nghe đã lục đục về tài chính lầm rồi. Tiền ăn, thêm cái thuế một phân, bán nghe chừng hơi chậm. Mấy ông làm nhà nước thì thào: “Tiền chi có hạn. Hình như sắp phải rút người đi – liệu đấy!”.

Ờ. Cũng lạ. Cái gì cũng tiến bằng bước nhảy, mà sau đến đồng tiền, sang tháng này lại có ý kém đi? Phiền nhất. Nhiều ông đã nghĩ cách găm một số tiền khơ khớ lại, ngộ nay mai có phải rút lui thì vừa. “Mình

phải tự cứu lấy mình”: sách Âm Băng còn ghi rõ. Mà cái chánh trị sơ đẳng chẳng khuyên bảo người ta như thế là gì?

“Mình phải tự cứu lấy mình”. Nghĩa là mình đừng cứu lấy người khác làm gì cả – dù là đoàn kết và thống nhất. Đảng này biết đảng này. Đảng kia biết đảng kia. Đảng nọ biết đảng nọ. Đảng nào mà thịnh cứ việc lôi người mình vào thả cửa – miễn là người trong đảng mình. Cánh khác, cho đi tếu! Mà nếu cần, thì rất có thể nghĩ mưu hâm hại cho không mọc mũi sủi tăm lên được. Coi chừng, hỡi anh em! Một tên trong bọn chúng mà có chính quyền thì cả cánh chúng mình “tiêu” hết.

Khiếp. Cái tháng ba năm nay ở Hà Nội, sao mà nhộn quá. Quan dưới âm chưa dám hoành hành vì các phố đã có người đi tiêm thuốc trừ thẳng cánh. Nhưng mà quan trên dương!... quan cách mệnh!... và quan chánh trị!...

Mệt cứ đứt cả hơi cả ruột ra, mà ngoài phố lúc nào cũng nhộn nhịp những tiếng ngựa xe, hò hét. Không làm gì thì lại chê là ngủ gật. Nhưng người ta hoạt động quá, mình cũng thấy nhức đầu như búa bổ. Có người đi giữa đường kêu: “Thế này thì vỡ quách mất đâu ra còn gì!”. Vỡ đâu thật. Dân chúng chả còn hiểu ra thế nào. Bao giờ thì yên hẳn? Thế rồi thì độc lập xong, phải làm thế nào để cho khỏi đánh nhau? Em tôi, con tôi, chồng tôi, nhân tình tôi, thầy tôi... bao giờ thì về với chúng tôi?

Một tiệm khiêu vũ nữa mở cửa. Mạt chược, hình như phải đóng thuế trăm rưỡi một cỗ, mà chẳng biết đã thi hành hay chưa? Đã khổ vì nóng, lại khổ vì tiếng quân xương kêu lách cách cả ngày. Tiếng xe máy, tiếng kêu khổ, tiếng rên ốm. Tiếng tàu bay, tiếng súng, tiếng hát hùng của những nghệ sĩ nghe chừng như ốm dở. Ý chừng họ không còn sức để hát những bài “Lòng Chinh Phụ”, “Anh Trương Chi” dài dài...

Đêm, chồng trần trộn nghĩ đến bạn bè ở hậu phương, hỏi vợ:

- Nay, cứ thế này mãi rồi ra thế nào?

Vợ, không hiểu chồng nói về việc gì, gấp gay mắt, trả lời cho đủ lệ:

- Còn ra thế nào? Nóng một độ, rồi thì sang thu mát, lại ăn ngủ được như thường, chứ còn làm sao?

Người vợ ngủ. Nhưng người chồng vẫn thức. Thì ra Hà Nội, dù sao, cũng vẫn còn may: chỉ nhộn ban ngày chứ ban đêm tĩnh lẩm. Nghe nói hình như có lệnh cho ra phố đến mười một giờ, nhưng không hiểu sao cứ chập tối đã vắng ngơ vắng ngắt. Thành ra từ mười giờ thành phố vẫn im lặng như tù vậy. Nghe rõ từng tiếng súng – cả tiếng súng liên thanh bắn ở tít xa xa.

Chết chóc nhiều quá, bắn giết nhiều quá, đau khổ nhiều quá, trời ơi là trời. Theo đúng lệ, ông hàng xóm bên phải đúng hai giờ dậy tụng kinh. Bà cụ ở trước cửa cũng vặn đèn hoa kỳ lên gõ mõ ở trước bàn thờ

Phật. Ba giờ, ông phán ở vườn đàng sau cúng dậy thỉnh chuông.

Ồ, ờ. Có ai nghiêm thấy rằng từ độ xảy ra khói lửa đến giờ, người ta tụng kinh niệm Phật nhiều lắm không? Người ta cần phải cầu khẩn cho bao nhiêu linh hồn tội nghiệp. Người ta cần phải tụng kinh sám hối cho bao nhiêu tội của chính người ta.

Thế cũng chả sao. Nhưng năm giờ sáng, mở mắt dậy, tôi chán nhất là thấy cậu học sinh mười sáu tuổi nhà láng giềng bên trái cũng tụng kinh è à.

Khổ quá, mười sáu tuổi mà tụng kinh? Mặt trời vén màn mây. Gió thổi nhẹ nhè. Tôi nghe thấy tiếng tụng kinh như thế này:

*"Túi thanh bạch ngược xuôi miền khách địa, trăm nghìn đường tơ dệt dệt thưa mau; đèn toan hàn thúc nhấp mái nam song, dăm ba ngọn lửa huỳnh khêu nho nhỏ.*

*Ngán nhẽ kẻ tham bê khóa lợi, mũ cánh chuồn đội trên mái tóc, nghiêng mình đứng chực cửa hâu môn; quản bao kẻ mang cái giàm danh, áo giới luân trùm dưới cơ phu, mỗi gói quù mòn sân tường phủ..."*

Cái gì? Tụng kinh cái gì mà lại thế?

Ồ, tôi lầm rồi – sướng quá! Cậu học trò bên cạnh nhà tôi dậy sớm không phải để tụng kinh Di-Đà hay Thủ-Sám.

Đó là cậu ê a tụng bài “Tài tử đa cùng phú” của

Cao Bá Quát. Một nhà thơ cách mạng. Ông, học thuộc lòng để hàng ngày tụng cái bài phú ấy cũng hay.

*Tiểu thuyết thứ bảy,*

Hà Nội, số 9 (21 đến 31/5/1949)

## 4 CAO, RỖI

Có một người, tháng tư năm kia, nằm ở trên một ngọn đồi xanh cõi Bắc, cãi nhau với tôi mãi về sự khổ. Nguyên nhân của sự khổ là gì? Hừ, giá tháng tư năm nay, anh ta hồi cư với mình, nghe diễn thuyết về chủ nghĩa của Đức Thích Ca thì thật là “trúng tử”.

Chính vậy. Mồng tám tháng tư, ngày Phật Đản, chùa Quan Sứ, lê Phật, treo bao nhiêu là cờ, treo nhiêu là cờ! Diễn thuyết về Phật tổ, người ta đã không quên nói về chủ nghĩa của Ngài. Khổ ải. Trầm luân. Luân hồi. Nghiệp báo. Nguyên nhân của sự khổ là gì? Chính là lòng tham muốn của người ta vậy: tham sống, tham sướng, và tham mạnh. Hơ hơ, quả như là ý kiến của ông bạn tôi đã nói ở trên ngọn đồi xanh. Ra anh chàng ấy cũng chịu khó khảo về Phật giáo. Năm nay, một ngày đầu tháng tư đi vào chùa không thấy Phật, nhớ đến bạn, tôi thấy khổ trong lòng đáo để. Thế mà mình nào có tham sống, tham sướng hay tham mạnh gì cho cam!

Ra mình khổ chả là vì mình không có tiền. Đừng nói nhớ một người bạn làm gì, nhớ đến mười người bạn, mà có tiền tiêu thật phởn thì cũng sướng. Vợ không mè nheo. Con cái hỉ hả. Mà lại khỏi người nịnh nọt, “cho đi tàu bay” là khác. Cứ trông ra tất cả chung quanh thì biết. Các ông làm nhà nước, tháng nay được nghỉ nhiều mà lĩnh cả lương. Ai túng thì không biết, nhưng mấy cụ nợ vẫn cứ ô tô, yến tiệc và bay đi bay về ngập sị. Lại mấy bộ chánh khách, lựa lúc Cựu hoàng về, ăn uống cứ bừa bãi để vận động chuyện này chúc kia. Tham sống đấy chứ! Tham sướng đấy chứ! Tham mạnh đấy chứ! Thế mà có khổ đâu! Họ sướng hơn chúng mình. Chúng mình làm ăn buôn bán, phải lo đóng thuế thương vụ cho đầy đủ. Họ thì không. Chỉ phải đến sở ngày hai buổi. Gặp những tháng như tháng này: nào Phật Đản, nào Hùng Vương, nào Lao Động, nào hội Gióng, nào đón mới Cựu hoàng, nào lễ Phục Sinh, được nghỉ no nê, mà lương lại trả đủ, có thể chết vì hả được. Ấy là một số các ông mần việc hả. Nhưng chính ra thì dân cũng hả lây:

Càng nghĩ lại càng đõ tốn, ông Ba Mươi ạ.

Thì ra là thế này: có nhiều người kinh một số các ông giúp việc cho chính phủ, hễ thấy hôm nào các ông đi làm là sợ cứ như sợ tà. Bất luận lúc nào, các ông ấy cũng nghĩ cách xoay xở được. Viết một chữ, công quỹ mất ít tiền. Làm một việc, lại vài vạn tống

mất hút. Bàn một kế, ít ra quỹ đen cũng lại thiệt vài ba nghìn đồng.

Nghỉ, đã dành là vẫn phải trả lương thật: nhưng mà các ông ấy nghỉ ở nhà thì không có cách xoay thêm được tiền. Ấy thế mà lại hay kia đấy. Cứ thế rồi nghỉ tù tội mãi cũng xong. Có lẽ, đời ông với tôi cũng sẽ chẳng thay đổi khác đi mấy chút.

Mà có khi còn trái lại.

Cứ ngồi bấm tay mà tính nhẩm, một tháng nhà nước tiêu cũng đã vô thiên là tiền. Tiêu ra việc, mà lại tiêu không ra việc nữa. Kể ngồi mà nghĩ thì cũng hơi sốt ruột; nhưng được cái an ủi một chút là người ta phải tiêu nhiều như thế, cũng chỉ là vì... hạnh phúc của dân. Tương đối mà nói, Hà Nội chả là nơi yên ổn nhất nước Việt Nam là gì? Anh kia vào đây, hãy cúi xuống và tâm niệm: “Tôi được sống như thế này, quả là sung sướng hơn mọi nơi nhiều lắm!”.

Ờ ờ. Nếu anh chưa nhận thấy như thế, tôi khuyên anh chịu khó nhìn ra xung quanh mình:

Phố hàng Bạc, phố hàng Mành, phố hàng Đào: vào hè. Đồ mā, thôi chả thức gì không có. Voi ngựa, thuyền rồng, bách kích pháo<sup>(\*)</sup>, moóc chê, tự vệ, ô tây, xe díp, tủ chè, sập gụ. Cả ngày hết bộp ở chõ này, lại beng ở chõ kia. Tôm chõ này, lại chứng ở chõ kia. È

---

(\*) súng cối

chỗ này, lại a ở chỗ kia. Giữa hè, một cái tàu giấy lớn  
tưởng trông như cái Lết vốc, Mỹ dùng để đổ bộ sang  
đất Pháp năm 1945.

Một bách kích pháo chôn ngay chính ở cạnh bàn  
thờ phố Mới. Lại cái bồ lính kia nữa, đầu nghiêng  
nghiêng trên khẩu Thom-sôn<sup>(\*)</sup>, định bắn cái gì ở phố  
hàng Gai mà mắt cứ liếng trật đi như vậy?

Chà chà. Y như thế ngày xưa! Các bà lẽ xì xà xì  
xụp. Chầu văn cứ như là vỗ tay. Cứ lễ quan ôn, đố thổ  
tả dám hoành hành đấy.

Trong khi đó, người ngoài phố vái giờ đừng cho  
quan dương tham dự vào chính phủ. Người ta xì xào  
có một lũ đã đi thăm Ngài rồi. Chả biết Ngài sẽ định  
ra thế nào? Cứ tình hình này, mà lại có thêm bọn  
người có nghệ thuật và kinh nghiệm khoét nữa, rồi  
đến đi ăn mày cả. Hiện bây giờ lô cả ra rồi chết bỏ  
mẹ đến nơi, còn béo bở gì nữa mà cứ mong chuyện...  
xục. Ông cao lâu có ý kém khách ăn vì phần trăm.  
Vâng, ba mươi phần trăm tặng thêm, có rực mỡ mới  
mua vào dùng. Cưới chay vậy. Mà không có tiền tiêu  
thì vàng cũ đâu đem ra bán mà làm vốn. Chết một  
cái là mình có vàng đem đi bán để ăn thì, giá cả ngã  
ngũ rồi, bà bán hàng lại khẩu ba mươi phần trăm của  
mình để làm tiền thương vụ.

---

(\*) Thompson (tiếng Anh): súng tiểu liên Mỹ.

Ứ cǎ cổ lên vì thuế. Chỉ có mở sòng bạc lậu thuế may ra còn sống được. Xóc đĩa, đố mười, tài xỉu. Tổ tôm, tài bàn, phán thán. Nhưng tất cả đều không tệ bằng cái ông mạt chược.

Sao mà từ lúc chiến tranh đến giờ, cái ông ấy hoạt động ghê tởm thế? Đánh cả ngày, đánh cả đêm. Tiếng quân xương lách cách cứ như là những bộ xương người chết ngày tháng chạp 1946 nghiến răng ken két ở dưới những nấm mồ lạnh lẽo. Ai cũng mạt chược. Công chức, học trò, cụ già, con gái, trẻ con.

Làm ăn khó, có người dùng phương tiện đó để sinh nhai tạm thời. Không phải đóng thuế thương vụ, mà lại quên được thời cục: ấy thế mà lại hay.

Hay thật. Nhưng giờ đất này mà cứ cờ bạc dông dài, mình cũng phải nhận là tồi.

Một người hỏi tôi:

- Tôi là tồi ra thế nào!

Là mình chỉ biết thân mình yên ổn, chứ không lo gì đến quốc gia chứ gì!

- Ngày xưa, đệ tử hỏi đức Phật rằng: “Cõi cứu cánh có phải là cõi hư vô không? Linh hồn đến khi nhập nát bàn có còn gì nữa không?”.

Phật bèn dùng cách thí dụ mà hỏi lại rằng: “Ta hỏi: nay có một người bệnh thập tử nhất sinh có kẻ đem thuốc lại cứu cho khỏi chết, người ấy có chịu uống ngay không, hay là còn hỏi thuốc kia ở đâu mà lại,

thuốc kia làm bằng vật gì? Như Lai thấy chúng sinh trầm luân trong bể khổ, muốn ra tay tế độ cho siêu thoát khác nào như kẻ cho thuốc người bệnh: bệnh nặng, thuốc săn, cứ việc uống còn hỏi gì". Xưa nay những bậc triết nhân quân tử, thường có nhiều điều tự mình biết mà không thể truyền bá ra được, cũng tức như ông thầy thuốc biết rằng bệnh trạng nguy mà không dám nói cho bệnh nhân biết vậy. Phật tổ cũng thế: chắc trong ý riêng vẫn biết rằng linh hồn sau khi tịch diệt rồi là vào cõi tịch mịch hư vô, chứ chẳng phải nơi thiêng đường cực lạc gì; nhưng không hề thuyết minh cho ai biết bao giờ là sợ có kẻ chưa thoát sạch trần tục, nhân thế mà ngã lòng tu chăng.

Thế là cái gì?

Thế là... tôi là người ốm nặng. Tôi chưa có thuốc uống. Tôi đánh bạc là tôi chờ. Tôi chờ một ông thầy thuốc cứu cho khỏi chết.

Ở Hà Nội hiện nay, bao nhiêu người không đánh bạc, mà cũng hết ngày ấy sang tháng khác cứ ngồi chờ một ông thầy xét bệnh trạng mình mà đem thuốc lại cứu cho khỏi chết? Người ta không cần ông thầy giảng giải. Người ta cũng chả khiến ai thuyết minh làm gì. Cứ đem lại được hòa bình, độc lập và cơm áo là ổn cả. Mà ba thứ ấy hiện nay chưa có được phần nào.

Mệt quá.

May mà dạo này lại ít biếu tình, mít tinh... chứ không có gì thì gọi là còn khốn.

Bởi vì có phải bất cứ ai cũng ăn cướp, ăn cắp, ăn chặn, ăn không, ăn hỏng được tiền để tiêu đâu? Nay: ông ngồi ký giấy, khuênh khoạng bán dăm câu rồi chưa đến giờ đã lo... chuồn, và ông kiếm mỗi tháng bảy nghìn hai trăm bạc. Ô tô của nhà nước; tiền bỗng lại có luôn, ông tưởng ai cũng thế cả phải không, ông lớn?

Không. Tháng này, nhiều sở buôn loại người làm ra vỉa hè. Một chân canh cửa hàng, biên sổ, đánh máy kiêm đi thu tiền, ông có biết bao nhiêu một tháng? – Năm trăm. Đi chợ cả một tuần, thoát hai lần mìn và lựu đạn, được một trăm hai mươi đồng – trừ tiền trợ và tiền ăn đi rồi. Có nhà, hai vợ chồng đi Hải Phòng buôn cau; về, vợ chết vì gặp nạn; có bao nhiêu lãi vừa đủ soán để mua một cái áo quan chôn cất.

Sống đến như thế, đã đủ cực nhục chưa? Nhà thuê vẫn đắt, tháng này mưa nhiều, dột cứ lung tung cả. Gạo máy, tháng trước bốn trăm giờ lên bốn trăm sáu, bốn trăm bảy. Muối, từ hai đồng lên năm đồng. Thịt nạc, trước bốn mươi nhăm đồng một cân, tháng này lên sáu mươi đồng. Thịt bò, tháng trước bốn mươi đồng, tháng này tăng lên năm mươi đồng.

Toàn là những bước nhảy. Cái gì cũng cao vọt lên. Nhưng buôn bán thì đọng lại. Mà quái một cái là làm sao như thế, người ta lại cưới xin nhiều? Ủ, bảo chết nhiều thì lại còn đi một lẽ...

Dù sao, cười hay khóc, thì cũng là khổ đến anh còn sống. Một cái quà tồi nhất, bây giờ cũng phải bốn năm

chục mới gọi là trông được. Dân chủ hay quân chủ cũng thế, chả nhẽ cười hay khóc, lại cứ lờ biến nhau đi: sao đành! Đời sống mới, ở đây, không thực hiện.

Nhưng, bù lại, người ta thấy thực hiện một phong trào mới hơn nhiều.

Là mọi năm, vào dạo này, người ta đua nhau đi ra biển nghỉ mát như Đồ Sơn, Sầm Sơn hay Cửa Tùng. Năm nay, áng chừng đau óc nhiều, sợ ra biển có bè nguy hiểm người ta đua nhau lên cao nguyên để nghỉ – mà họ chỉ lên có mỗi một cao nguyên Đà Lạt. Tình cờ thế nào Đà Lạt lại là chỗ ông Bảo Đại nghỉ từ khi ông ở bên Tây về! Có một hồi, đi Hồng Kông là một cái mốt. Lại có một dạo, đi Tây là một cái mốt. Nay giờ cái mốt là đi Đà Lạt.

- Ở kia, lâu nay anh em vắng mặt ở thủ đô. Đi đâu về thế?

- Vừa mới ở Đà Lạt về xong.

- Anh này trông phồn tựn. Không cần độn, tôi cũng biết là anh “đô” Đà Lạt về.

- Chính “hắn”.

- Con bác Cả nhà mình nữa. Làm chánh trị độ này ra thế nào?

- Vừa mới ở Đà Lạt ra!

Cứ nói như thế là đủ. Tuồng như là cứ đi Đà Lạt, thì là ôm quả địa cầu vào trong tay rồi. Chính phủ ngày mai, có một thủ tướng, một phó thủ tướng và

những mươi hai bộ, vị chi hai mươi bốn bộ trưởng và thứ trưởng. Ấy là chưa kể còn bao nhiêu chức nữa như ba tổng trấn, chánh công an, ba thị trưởng, bao nhiêu đồng lý văn phòng, bao nhiêu đại sứ và trưởng ty cảnh sát và trưởng bộ tham mưu quân đội và lãnh sự và trưởng lý tư pháp Việt Nam.

Cứ xúy được một chỗ rồi dắt họ hàng vào làm việc nước là ăn to đấy.

Thế sao lại bảo rằng ông Bảo Đại lần này lập chính phủ hết sức chuyên chú chọn lấy những người có tài đức để ra làm việc nước?

- Đã dành. Nhưng mình cứ làm như mình có tài có đức thì cũng đủ chơi với đời. Vả chăng, cứ có chỗ đã, rồi đi học để cho có tài và có đức, cũng hãy còn kịp chán.

Vận động chánh trị, cứ kể ra thì cái không khí ấy cũng vui. Được một cái gì, cũng hay; nhưng nếu không được gì cả, ít ra về nhà cũng “vây” được với vợ “mình là chính khách” cho vợ sợ. Từ chỗ là một phương tiện kiếm tiền, chánh trị sang tháng tư năm nay, đã đi vào một giai đoạn mới: nó thành ra một món xa xỉ phẩm của các ông có tiền. Bỏ tiền ra vận động chánh trị; làm chánh trị để rồi lại vận động tiền: cái vòng lẩn quẩn ấy thế mà ra cũng tài.

Trong khi đó, người ngoài phố, kém biện chứng, chỉ vận động có một thứ là tiền mà thôi. Nghề gì kiếm tiền cũng khó khăn, hình như người ta chỉ còn

thấy có ba ngành này chưa gãy: văn hóa kiếm hiệp, phong thần, in từng tập bán một đồng, mua một biếu một; nghề gánh nước thuê, và kỹ nghệ bán đồ giải khát, nước cam, nước chanh, nước gạo, kem que, kem đĩa và kem cốc.

Buổi chiều, từ chỗ ga tàu điện ra đến đèn bà Kiệu, thật là cả một cái hội... “kem đắng”. Kem gánh. Kem xe. Kem ngồi. Kem đứng. Kem đi. Hai đồng một cốc bốn thứ kem. Ăn vào cho mát! Việc nước việc nhà cứ ngổn ngang lên, nghĩ đến là sốt ruột rồi, tội gì mà chả ăn một cốc bốn thứ kem hai đồng cho mát lòng.

Hồ Hoàn Kiếm, cứ chiều đến, là tấp nập như ngày hội. Chả kém gì “ngày xưa”. Ngồi ở chỗ đỗ tàu lấy gió, có khi anh bị điếc tai vì tiếng ồn ào thiên hạ. Xe điện, ô tô, háp-tắc<sup>(\*)</sup>, và máy truyền thanh và máy truyền thanh. Thông tin nói, mụ Béo nói, Đô thành nói, Hàng Khay nói, Thủ Tọa nói, Thủ Đô nói, Hồ Gươm nói, thế rồi thì hát. Hát chả thiếu điệu gì. “Độc tấu” nhị tây, rồi lại “tòn ban đồng cử” cái bài gì có tiên, có hoa, có tiếng cười trong vắt và nước suối...

Đứng trên một gác cao trông xuống thủ đô, người ta có một lúc cũng yên tâm một chút là tưởng như thấy người thủ đô cũng rỗi và không khổ. Cạnh đèn

---

(\*) *Háp-tắc* (*tiếng Anh half-track*): một loại xe quân sự do Mỹ sản xuất có xích ở phía sau.

bà Kiệu một dãy hàng kem chả lúc nào ngọt người ăn. Gió từ bên đền vua Lê đưa sang làm mát rọi lòng người. Cái dài chiến sĩ phá đi rồi, hàng kem càng rộng chỗ; nhưng giá bây giờ có ai thầu được chỗ ấy mở một nhà hát ả đầu vừa ăn kem vừa nghe “muỗu” và “tỳ bà”, “gối hạc” thì có lẽ kiếm ăn “bẩm” lấm.

Có ai canh-ty<sup>(\*)</sup> với tôi không nào?

*Tiểu thuyết thư bảy, Hà Nội, số 13 (25/6/1949)*

## 5 ĂN, CHẾT

Hòa Hầm thù oán Tào Thực, sui Tào Phi là anh ruột Tào Thực giết em đi. Phi gọi Thực vào điện điện, bắt ứng khẩu làm thơ; làm được thì tha cho khỏi chết.

Phi nói:

*Tao với mà y là anh em, lấy ngay việc ấy làm đầu bài.*

Thực không nghĩ ngợi, ứng khẩu thơ ngay:

*Cẳng đâu đùn hạt đậu,*

---

(\*) (tiếng Hoa): hợp tác

*Hạt đậu khóc hu hu:*

*Cùng là ra một gốc,*

*Thui nhau nỡ thế u*

Thơ chỉ có thể thôi. Mà sách chép rằng Phi nghe xong rơm rớm chảy nước mắt. Giáng chừng cái ông này xót tình anh em đồng bào, dù là Tào Thực cùng với Đinh Nghi đứng đối lập với mình đi nữa. Ấy thế, cần gì phải nói nhiều. Chỉ vài chữ ôn đù làm cho người ta nghĩ lại.

Thế mà, sang tháng năm năm nay, ở thủ đô!...

Ở thủ đô, từ 1945 đến giờ, người ta đã nói đi nói lại mấy mươi triệu triệu lần rằng đồng bào phải thương nhau và đoàn kết thì là sống, mà chúng ta đã thấy gì?

Tháng năm năm nay, ở thủ đô, đã chứng kiến một cuộc thi chia rẽ hơn cả bao giờ hết. Quốc gia không đi với quốc gia. Đồng bào rình thịt lẫn đồng bào. Chính phủ lập tâm “đẩy” chính phủ. Người ta hành động như thế ở sau lưng ông Bảo Đại, ở trước mặt ông Bảo Đại, ở chung quanh ông Bảo Đại. Nghĩa là không phải đợi đến lúc ông Bảo Đại về thì cái cao trào ấy mới phát huy đâu. Nó đã xúc tiến từ lâu và chỉ đợi Ngài về thì bột phát. Bằng đủ các cách: nói xấu, vu oan, mưu phản. Ông này được Ngài vời, tẩy thẳng cánh những đảng cùng ở trong mặt trận với đảng mình. Ông kia dâng một tá chương trình không phải để kiến quốc, nhưng để đánh cho đồng bào mình... bỏ mẹ. Lại có ông nữa làm chính phủ, nhưng đến giai đoạn này có

cơ bị bỏ rơi, dọa nếu mình không có chính quyền thì huýt sáo cho quân lính đánh thủ đô này tan tác, dân gian cái khổ cũng không còn mà đeo.

Ai thấy như thế mà lại không bở vía!

Anh với tôi, chúng ta vì thèm sống nên mới về thủ đô. Ấy vậy mà nghe thấy những cái tin chết người như thế, ai là người không sợ? Mắt cứ là tròn cả lên. Ở biên thùy, có hôm một ngày hai tin về. Trong nước, súng kháng chiến, khủng bố vùng tề, mìn và lựu đạn trong mấy miền tạm chiếm. Máy miền tạm chiếm bàn luận và đợi hau háu chính phủ của ông Bảo Đại. Đầu tháng: ông Xuân lại là thủ tướng. Các ông Ngô Đình Diệm, Trần Trọng Kim khuất cả rồi. Giữa tháng: à không, không phải ông Xuân, anh ạ. Nghe như C.B.X.Y. định vận động cho người của mình lên. Chính phủ mười ghế thì đâu để dành cho kháng chiến bốn; nhưng chưa điều đình xong, thì ông A.B.C đã vận động chiếm lấy năm ghế rồi. Báo của mấy ông bợ tổng trấn công kích thủ tướng Xuân. Và đến cuối tháng, một số lớn ngã ngửa ra: ông Bảo Đại đứng ra lập nội các và làm thủ tướng. Tình thế găng quá rồi. Tên quá. Máy ông vận động chánh trị lầm đường lại một phen phải thay đổi hết cả chương trình hành động. Vừa mới về, lại phải đi Đà Lạt. Vừa đến Đà Lạt, lại phải về để hỏi ý các quân sự.

Chao ôi. Chao ôi. Đi bí mật, đi công khai, đi cù loạn cả một trời đất loạn. Chỉ béo các ông chủ hãng máy bay. Ước gì, một năm, lập độ mười hai chính phủ

tưng bừng như thế! Các nhà thương mại ở Đà Lạt có lẽ cũng chả mong hơn:

Mấy chị bán hàng chợ Đà Lạt,  
Lợi dụng thời cơ, muốn kiếm chác;  
Tăng giá cửa hàng, các món ăn,  
Một trứng gà tươi ba trứ bạc!  
Hai đồng một bẹ cải sà-lát,  
Hủ tíu ba đồng được nửa bát,  
Thịt heo ba chục một ki-lô,  
Chỉ xương là xương, không có nạc...<sup>(\*)</sup>

Các cụ thấy không? Dân Đà Lạt hi sinh thật nhiều đời sinh hoạt. Chỉ mong các cụ đến thật đông lo việc nước nhà mau phát đạt.

Nhưng mà các cụ chơi quá ác  
Kéo nhau thật đông đi Đà Lạt  
Ăn uống, say sưa, lu bù tẩy,  
Xe cộ tung tăng, mèo mõ rạc!  
Các cụ huynh hoang, chơi khoái lạc,  
Còn thằng dân ngu, khu<sup>(\*\*)</sup> đen toạc,

---

(\*) Dân chủ của Nguyễn Vy - Đà Lạt 1949 (nguyên chú)

(\*\*) Khố (nguyên chú)

Rót giọt nước mắt cười hi hi,

Máu chảy ruột mềm trơ cái xác...

Thằng dân trơ cái xác, nhưng các chính khách thì vẫn phê pha đồng tiền. Ngày xưa, đức Khổng Tử đi chu du thiên hạ để tìm một nước dùng tài minh trị thiên hạ. Nay giờ, thế giới tiến hơn, người ta bỏ tiền ra để ngoại giao lấy một chõ chén, thì cũng là một quan niệm chánh trị giống nhau chứ gì! Thế mà nghe đâu có đảng gồm có những ông lang, bào chế, thông tín viên và vân vân và vân vân, bỏ ra những một triệu để vận động mấy chõ ngồi trong chính phủ! Đại hi sinh.

Đại hi sinh vạn tuế! Vạn tuế đại hi sinh!

Mà không có lấy qua một người nào tiếc của!

Chỉ có những người nào mất tiền, họa may, mới tiếc của mà thôi. Ấy là tôi muốn nói đến những người không làm chánh trị thường xuyên, nghĩa là không đi Đà Lạt, nhưng ở tại Hà Nội để làm ăn.

Sang tháng năm, những người này mất khối là tiền... sưu thuế, mà bất cứ làm gì cũng lỗ. Hàng bán tống đi. Có khi bán tống mà cũng không ai mua nữa.

- Ồ kìa, thế là cái nghĩa gì?

- Thưa là thế này: ông muốn mua cái mũ, may một cái áo hay đóng một đôi giày. Ông bàn với bà ấy ở nhà, “Chết” – bà ấy trả lời – “cậu không biết rằng tiền tiêu từ đầu tháng hết nhẵn cả rồi ư?” – “Ồ hờ. Lạ. Thế tiêu cái gì mà hết?” – “Thưa ông chồng của

tôi, ông không biết từ đâu tháng, giá gạo tăng cao lên thế nào?”.

Giá gạo, từ đâu tháng, tăng lên tựn thật. Ai cũng mong đến mùa để được ăn gạo hơn. Hơn cái chết tiệt! Gạo quê tám trăm rưỡi, tám trăm sáu mà năm ngoài, vào vụ này, thì chỉ hai trăm ba, hai trăm tư là cùng. Người ở tề ra nói chuyện là mạ chiêm kém lăm, đốt cái diêm là cháy. Ấy là may mà có những người yêu nước lại sắp tranh đấu cho ta có gạo Sè goòng để ăn, chứ không có gọi là... chết nhăn răng ra cả lũ. Đợi lúc ấy mà nói chuyện chánh trị! Đợi lúc ấy mà nói dân vi quý! Đợi lúc ấy mà nói “ý dân là ý giời”.

Chả biết gì hết: cứ cái chánh trị dạ dày trước đâ. Một tháng bốn năm giá gạo: thôi, cứ mua lấy độ nửa tạ để ăn dần là hơn. Lớ vớ mà lại “tái bản” cái vụ đói năm Ất Dậu thì bỏ mẹ. Người ta bảo gạo Sè goòng ăn hay phù. Phù cũng được – mua đi. Hôm rằm, năm trăm, năm trăm mốt; hai mươi, đã sáu trăm; đến hăm tư hăm nhăm, đã sáu trăm tư, sáu trăm rưỡi rồi. Đầu năm chỉ có hai trăm tám! Buôn bán gì cho lại những cái miệng ăn. Tiền gì cũng giữ lại để đong gạo đâ. Nhà buôn không tiêu thụ được hàng là vậy. Có nhà đem giả mòn bài: tòa Thị Chính phải dỗ như là dỗ con so. Cái tính người mình hay cả nể: lại đem môn bài về. Vè, để mà ngồi sù sù ra một lũ ở ngoài hàng như bụt mọc. Còn biết làm gì nữa? Chuyện gì rút lại cũng mở đầu bằng một câu “Không biết tiền đi đâu?” và kết bằng một câu “Tiền đi đâu không biết?”.

Chả ai hiểu ra sao cả. Duy chỉ có một ít người là biết tiền đi đâu: ấy là những người mất cướp. Không phải nói bóng nói gió gì đâu. Những quân cướp không phải là quan cảnh chuồn. Nhưng là cướp chính cống, cướp có tổ chức, cướp có hệ thống. Tháng này, họ tiêu bao nhiêu là tiền. Cái hệ thống của họ là hết tiền thì phải làm tiền, mà làm tiền vẫn không đủ để hoạt động, thì đi ăn cướp chứ còn làm sao nữa? Họ ăn cướp ban ngày và ăn cướp ban đêm. Hốt-tơ-phoi<sup>(\*)</sup>, Quan Thánh, Hàng Nón, Hàng Ngang, Hàng Bún. Cướp tiền, cướp vàng, cướp ngọc, cướp hạt trai và lại cướp cả quần áo nữa. Người ta lương thiện, không đâm cổ mổ hầu ai mà có súng, thì làm thế nào để tự vệ được: có bao nhiêu tiền lại chả phải thả cả ra? Cứ kể thì cũng tiếc: của mồ hôi nước mắt! Nhưng được một cái kéo lại: người mất của cũng được dự một phần vào công việc tranh thủ độc lập và thống nhất cho nước nhà. Bởi vì những người đi ăn cướp bảo thế. Giáng chừng là họ nói... khoác để cho to chuyện...

Nhưng mà cũng không sao. Rồi chính phủ ta yên sẽ bắt tất cả lũ chúng cho vào tù, gọi là có sống mà thành tật!

Hiện nay, bọn gian hành động được, có lẽ là chỉ vì chúng nhờ gió bẻ măng.

---

(\*) Hautefeuille: tên một sĩ quan Pháp được đặt tên cho một con phố ở Hà Nội, ngày nay là phố Đỗ Hành.

Chính phủ cũ từ chức từ hôm 19, Bắc Hà không có tổng trấn cũng như ngày xưa nước không vua. Nước không vua thì loạn. Cho nên người ta phải cử ngay một ông quyền tổng trấn. Hôm đầu, ông bộ trưởng giáo dục lên quyền. Rồi không hiểu tại sao các báo lại đăng là ông thị trưởng quyền chúc ấy. Rồi chỉ đến chiều, lại có tin là một ông khác – mà ông khác này lại không phải là ông bộ trưởng bộ giáo dục mà cũng chẳng phải là ông thị trưởng!

Chính thật đến tận lúc viết bài này, thằng dân khốn nạn này cũng vẫn chưa biết ai quyền tổng trấn. Hồi ra mới biết rằng tại người ta không bằng lòng nhau. Ông này làm thì sợ ông kia. Ông kia làm thì sợ ông này. Ở ngoài phố người ta nói chuyện có một số quan liêu rục rịch từ chức hết, nếu không có một ông quyền cho xứng đáng. Chả biết ai là người xứng đáng bấy giờ? Chính quyền còn thế, các ông ăn cướp tội gì chả lợi dụng “cái mâu thuẫn đế quốc” đó để làm mấy vố? Được tiền, đem ra sử dụng, biết đâu chả vớ được một chân gì trong chính phủ ngày mai?

Này, đừng tưởng nói đùa. Cái hiện trạng tâm lý đó chả cứ gì quân cướp mới có đâu. Một số người làm việc trong các bộ cũng áp dụng đúng cái phương pháp đó. Làm tiền cấp tốc để vận động vào cái chánh phủ sau. Cờ, bán săn cho dân dùng để treo cửa đón Ngài có người trong chính phủ đứng thầu, mà cũng được dăm sáu vạn. Còn ở chính quyền một ngày nữa, một ông cũng làm được vài chục kiện sợi, ăn vài ba mươi

vạn đồng. Gạo đất, phát bông cho vô sản dùng nửa tạ bốn trăm hai mươi hai đồng, mà lén lút cung khói anh kiếm bầm.

Anh này đổ cho anh kia ăn nhiều. Anh nợ cáo là anh kia ăn lầm. Bát nháo chi khuơn cả. Và có khi hơn thế: không chén mà cũng đổ vấy cho nhau nữa. Ví dụ cái chỉ thị đón Cựu hoàng ở thủ đô. Một cái chỉ thị được in lên trên báo và đề là Tòa thị chính. Hôm sau, Tòa thị chính cải chính luôn. Đó là của Tổng trấn phủ; Tổng trấn phủ chịu hoàn toàn trách nhiệm! Mẹ ơi, dân đen chúng mình còn biết tin ông nào? Thế thì Cựu hoàng ra đây, mình có được đứng ở trên gác nhòm xuống đường hay không? Mắt nhìn ngang hay thẳng? Và nếu không theo đúng chỉ thị thì bị phạt tiền hay phạt tù? Hắc quá, cái tính đố! Ông dân lo sốt vó chỉ sợ đã không có tiền, lại sơ ý bị phạt độ mười lăm ba mươi tờ và giam tù độ tuần lễ thì gọi là cứ bỏ bầm. Trời nóng mấy hôm cháy cả vàng, tan cả đá ra, vợ ốm rồi. Con cũng ốm. Ai lo thuốc? Ai chạy gạo? Nóng gì mà đến bốn mươi độ ở trong râm? Mấy ngày giữa tháng, người ta đồn rằng chỉ có những ông xe đòn đám ma là khá, ngày nào mỗi ông cũng có dăm ba đám kèn. Cứ tình thế này, các ông còn khá nữa. Chết vì nóng rồi, người ta còn chết cả vì.. thời cuộc hoang mang. Cố bình tĩnh mà cũng không thể được. Cái ngoại giới làm cho ta thật phiền.

Từ bi đến như đức Phật mà đạo này nghe như cũng cứ lủng ca lủng củng. Trong khi cả nước chuyên

chú vào nội dung bản văn kiện này, tân chính phủ kia; trong khi tin Anh cũng có vẻ coi sóc đáo để về các thành phần trong chính phủ của ông Bảo Đại “gồm sáu ghế bộ trưởng và chừng mươi ghế bộ trưởng giành về phe kháng chiến”; trong khi người ta bàn về cái cơ thảm khốc vô vàn đương chờ đợi nếu sự đại đoàn kết mà không thực hiện thì, trên chùa, đức Phật hình như lại phải chứng kiến một sự chia rẽ cũ mà mới: Phật giáo và Phật tử. Như chúng ta đã biết, Phật chỉ có một mà thôi. Nhưng mấy ông tu hú lại muốn chia ra làm hai – vì chia như thế cũng có... ăn. Ai cứ tưởng đi tu (dù là tu nhà hay tu chùa) mà không ăn là lầm. Ăn mặn là ăn, ăn chay cũng là ăn; ăn xôi là ăn; ăn cướp cũng là ăn; ăn bơ, phó mát là ăn, thì ăn trợ cấp, quỹ đen cũng là ăn.

Ăn tuốt. Mà ăn kỳ cho no. Trong khi mọi người đói, không làm ăn gì được, mà mình ăn cho no để phụng sự thống nhất, độc lập, chia rẽ và nô lệ thì cũng là hi sinh chứ gì? Rồi nay mai ông Bảo Đại lập một ủy ban cứu quốc, mấy mà chả xung phong ra đứng tổ chức một ban Phật giáo cứu quốc – mà, muốn cho có vẻ xúc tiến hơn 1946, sao ta lại không có thể nghĩ rằng sẽ có cả một ban Phật tử cứu quốc, cùng hành động với Công chức cứu quốc, Quan lại cứu quốc và Buôn chợ đen cứu quốc?

Ở phải: ông Bảo Đại sẽ lập chính phủ hay Ủy ban cứu quốc? Đến ngày hai mươi chín cuối tháng, không có, lấy một người nào biết chắc ông sẽ hành động

ra thế nào. Ông Bửu Lộc nghe như vẫn còn đi kiếm nhân tài thì phải. Nóng chảy mồ ra rồi mà nhiều người vẫn còn trùm chǎn. Cho mới biết, thế giới tiến hóa không ngừng thật: thi sĩ Tú Xương, giữa hè, mặc áo bông đã làm cho người ngồi người lên thì bây giờ người ta lại lấy chǎn trùm kín cả chân lắn đầu, dưới một cái nóng bốn mươi mốt độ!

Thế cũng lạ. Dưới chính thể dân chủ, xin cứ tù Chung quy, hình như chỉ vất vả ông Bửu Lộc.

Thế nhưng mà ông Bảo Đại rồi lập chính phủ hay Ủy ban cứu quốc?

Chính phủ liên hiệp hay đảng trị? Chính phủ gồm những người chuyên môn hay chỉ cần có văn bằng? Chính phủ hoàn toàn mới hay vẫn gồm đa số nhân viên giúp việc không lương thiện?

Mà nếu là ủy ban cứu quốc thì cứu quốc thế nào? Điều đình với kháng chiến chưa? Mười ghế thì kháng chiến nghĩ thế nào? Mà kháng chiến có điều kiện gì với ông Bảo Đại hay không?

Bí mật. Tháng năm 1949 là cả một pho trình thám tiểu thuyết mà người ta chưa được xem đoạn kết.

Sang tháng sáu này liệu có thể hết cảnh thứ nhất chưa?

\*\*\*

Sốt ruột nhất là các nhà chính khách bay đi bay

về, tuyên bố công khai đều một loạt giống nhau. Tình thế đã sáng sủa. Giải pháp Bảo Đại thắng lợi nhiều. Hãy lạc quan đi.

Dù là không muốn, ai cũng cố lạc quan hết cả. Và người ta lạc quan thật. Tống Tử Văn sang Âu châu hội đàm trong khi Trung Cộng tiến như vũ bão. Ông Bảo Đại định 24 ra Bắc rồi 28 tháng 6 dương lịch, mà 29, cỗng chào chưa làm xong – có lẽ đến đầu tháng sáu âm lịch cũng chưa ra ngoài này được. Chính phủ hay ủy ban cứu quốc ông đứng ra lập, chả biết tháng bảy tây này có xong không? (\*) Trong nước, quân viễn chinh Pháp tấn công bảy mặt vào Đồng Tháp Mười; Việt Minh đột kích ở Thất Khê; và mìn và lựu đạn ở đường số 5, ở các phố và ở chợ Mơ, chợ Bưởi... Đêm nào cũng vẫn có tiếng súng; thỉnh thoảng một hôm lại âm âm những đoạn tàu bay đi nhảy dù.

Chết nóng; chết bệnh; chết đạn; chết bom; chết đói. Pháp chết, Việt chết. Chết dở - sống cũng như chết; rồi lại còn lo chết nay chết mai cả với nhau.

Hãy lạc quan đi! Hãy lạc quan đi! Hãy lạc quan đi!

---

(\*) Sang đầu tháng 6 Âm lịch, chính phủ Bảo Đại đã thành lập, và người ta đã biết thành phần của Chính phủ ấy - Viết thiên phóng sự này, chúng tôi chuyên chú ghi lấy cái tình trạng xã hội đã được mắt thấy, tai nghe, chứ không nghĩ lầm về vấn đề tin tức (nguyên chú).

Nhưng, trước hết, hãy làm thế nào cho có gạo rẻ để ăn – chứ đừng có buôn của lại của người, để về ngâm một chõ, rồi bán lại cho dân chúng bằng một cái giá b López hâu cúa cổ.

(29 tháng 5 Kỷ Sửu) Tiểu thuyết thứ bảy,

Hà Nội, số 16 (16/7/1949)

## 6 BƠM, TRẦN

Cái tôi nhà thơ vẫn hay thích chơi chua như thế. Mà lại tự phụ đáo để là khác nữa. Ai đói ở giữa chõ ngồi chơi, mà có ông cụ lại dán phè phè lên một đôi câu đối như thế này:

*Nguyên tử tôn ngũ lỗ đáo công khanh, hữu như Tô Thị;*

*Khi thê thiếp giao du tận hiền đã khởi độc Tề nhân,*

Ý nói như thế này:

*Chỉ xin cầu cho con cháu cứ ngũ lỗ mà mũ chuồn đai bạc, như lời nói của ông Tô;*

*Về nhà khoe mẽ với thê thiếp rằng chơi toàn với người sang, chả cứ Tề nhân mới thế.*

Thế thì có hợp không? Câu trên lấy ở điển ông Tô bên Tàu ngay thẳng mà bị vua hạ ngục. Tô tiên sinh có làm một bài thơ như thế này.

*Thế nhân sinh tử vọng thông minh*

*Ngã bị thông minh, ngộ thử sinh*

*Đãn nguyễn tử tôn ngu thả lõ*

*Vô tai vô nạn đáo công khanh*

Nghĩa là: người đời sinh con ai cũng mong thông minh – ta bị thông minh mà phải đến nỗi thế này, thôi thì từ sau chỉ cầu cho con cháu ngu lõ – không tai không nạn mà lại được tước lộc hiển vinh.

Còn câu dưới thì lấy điển ở chuyện cái anh chàng nước Tề đi ra bái tha ma, xin rượu thừa thịt bở, ăn uống no say, rồi về khoe với vợ cả vợ lẽ rằng mình toàn giao dịch với những chỗ cao sang cả; sau hai vợ đi rình mới biết là chồng mình đi ăn mày.

Đôi câu đố “xỏ ngọt” người đời như thế đó. Có người thấy hỏi tôi:

- Ơ! Thế ông cụ xỏ ngọt người đời xưa hay bây giờ mà tệ thế, hở ông?

Tôi chịu không còn biết đường nào mà nói. Nhưng, tự thâm tâm, tôi đoán chừng là những người bị xỏ đó hẳn phải là người đời xưa. Đời nay, đâu lại có những hạng mū chuồn, đai bạc mà lại ngu lõ được! Hấp thụ văn hóa mới của Âu Tây, nước ta có biết bao nhiêu nhân tài. Những người mū vàng đai bạc, nếu không có tài học, ít ra cũng phải có cái tài gì lả lẩm. Phủ nhận cái tài của họ, chỉ là sự ghen tuông đố kỵ. Ghét lảm. Mà lại rất không nên. Ở vào cái lúc kiến thiết

quốc gia như lúc này, phá hoại và vu oan giá họa là cái tội – mà tội nặng.

Nhưng có ai cầm ngay một con dao trăng kề vào cổ mà bắt phải nói trái lại ý nghĩ của tôi, tôi cũng xin chịu chết chứ không thể không nói to lên rằng: “Cái tư tưởng ở vế dưới đây câu đối nọ, so với những điều mắt thấy tai nghe của tôi trong tháng sáu vừa qua đúng quá, ối cha cha là đúng!”.

Chính phủ Vĩnh Thụy thành lập vào trung tuần tháng ấy. Có thể nói rằng bản danh sách các bộ trưởng và thứ trưởng đã lập xong từ mấy ngày đầu tháng kia rồi, nhưng từ lúc Ngài về cho đến tận lúc bảng danh sách ấy tuyên ra, thật, không có một lúc nào thiếu kẻ tìm vào bợ đỡ. Một người đi Đà Lạt, giữ thể diện con nhà văn hóa không làm trò bần tiện, thì chín mươi người khác không từ việc xách nước, đỗ bô. Mười hai giờ đêm còn cố đi tìm bám lấy “đức ông” Bửu Lộc như thể những con mộc rách. Ông Vĩnh Thụy đóng cửa không tiếp cũng cứ cà cửa xin vào. Ấy thế mới có chuyện huy động công xa ở Đà Lạt đi kiếm mèo: ông Đổng Lý cúi xuống lạy sồng một lão có thể lực trong văn phòng Bảo Đại và cái ông mặt to tai bé, được đứng hầu, sướng nẩy cả phao câu đánh rơi một đống đô la xuống đất mà khôn nhặt.

Trí thức đấy, và có cả mũ chuồn đai bạc đấy. Có khác gì những tên nô lệ ở trong những chợ người nước Hy Lạp xưa không? Ấy thế mà phải biết: họ về đây với anh em mình, nói khoác có phần hơn đứt cả Tề

nhân nữa nhé. Ai cũng được “Ngài đặc biệt chú ý”. Chương trình nào cũng được “triệt để hoan nghênh”. Anh nào cũng bị tẩy nặng, chỉ riêng có mình là được trọng và mời hợp tác một cách “thiết tha đáo để”. Vì sao? Ấy là vì mình yêu nước chính cống. Còn bao nhiêu người khác đều bán linh hồn cho quỷ. Rồi cả lũ họ bương hết, chỉ có mình là được dùng thôi. Bộ trưởng. Thủ trưởng. Đổng lý văn phòng.

Nhưng trung tuần tháng sáu, danh sách của tân chính phủ ban ra – nhiều anh Tề nhân tân thời đã bị cho đi về. Hàng ngũ những người thất nghiệp ở Hà Nội lại tăng cường hơn một chút. Người dân đã được chứng kiến một cuộc chạy thi đi tìm công việc làm náo nhiệt hơn cả bao giờ. Ông to cả ngày vặt công xa đi các nơi để vận động lấy một chân đại sứ. Ông nhỡ nhỡ nhàng nhàng mời ăn, mời ngủ để hứng cho kỳ được cái chức đi điều đình với các anh em bên ngoài. Bởi đi như thế được lĩnh vô thiên là tiễn. Còn yêu tạ! Còn yêu tạ! Ối thôi, còn có phương tiện ngoại giao nào mà họ lại chê đâu. Anh mất quan thầy cũ đi tìm quan thầy mới. Anh có quan thầy mới bám riết để xúy lấy một chỗ ngồi bẩm nhất, mà công việc lại không nặng nề. Còn anh không có quan thầy cũ mà chả có quan thầy mới thì nhốn nhác chạy đi tìm “chuy ô”<sup>(\*)</sup> cứ loạn ở các đường các phố.

---

(\*) tuyau (tiếng Pháp): đường ống (nghĩa đen), nguồn, đường dây (nghĩa bóng).

Phải biết! Ông bộ trưởng Pháp quốc hải ngoại sang Việt Nam hội kiến với ông Vĩnh Thụy, chỉ từ giờ đến tháng mười ta thì chính phủ này sẽ cải tổ và khôi là chính khách mới ra trò. Họ đã về rồi đấy. Phải đi buôn ngay từ giờ. Như Lã Bất Vi ngày trước buôn anh chàng Dị nhân; bợm lăm, mà lãi lăm.

Một nghề mới xuất hiện: buôn chánh trị. Ngoài ra chả buôn gì ăn thua. Hơn cả mấy tháng đầu năm, bao nhiêu ngành buôn khác đều gần như tê liệt. Gạo, nghe thì về cứ ùn ùn. Nhưng giá bán ở ngoài phố bảy trăm lên hơn tháng trước ngót một trăm một tạ. Thế cái nghĩa lý gì? Một bà nói chuyện với tôi như thế này:

- Tháng trước, người ta phát bông gạo. Những người có bông mà không có tiền đem bán bông đi lấy lợi để đong gạo mà ăn. Như thế hai người có lợi. Sang đến tháng này ai bán bông, bị cảnh binh bắt được, sẽ bị phạt vạ xé bông đi. Người có bông, không có tiền, không mua được gạo. Người có tiền không có bông, phải đi mua gạo của nhà buôn ngoài phố. Thế là các nhà buôn gạo có dịp đầu cơ. Gạo tăng giá. Tháng trước bán ngoài chỉ có sáu trăm mốt, sáu trăm hai.

Sao người ta nói rằng Thị Chính đã nghĩ cách tổ chức cho nhà nào cũng khai thê thực phẩm để có gạo về thì nhà nước sẽ chia cho?

- Cũng có một đôi người biết thế nhưng nghe nói còn phải là chờ lâu. Các ông trưởng phố ở khắp thủ đô sẽ chờ cho mọi nhà khai đủ mới mang ra Thị chính.

Thị chính đóng dấu sẽ trả lại cho trưởng phố. Trưởng phố sẽ gọi từng nhà ra lấy thẻ, mỗi thẻ mất hai đồng. Rồi cầm thẻ về nhà ngồi đợi. Bao giờ có gạo thì sẽ đem thẻ ra mà lĩnh.

Tổ chức thế, kể đã là “chu”. Nhưng chả biết đến bao giờ thì dân chúng được ăn gạo rẻ? Gạo mà còn kém, nghè gì cũng là còn cứ nhăn răng. Ông công chức, ông tướng là ông đã yên á? Bà ấy cũng kêu gớm lầm. Bốn năm nghìn bạc lương, tiếng là to mà chỉ tiêu một xoét là xong. Sống, nản lầm. Biết bao giờ thì yên! Ông Vĩnh Thụy làm thế nào cho cái độc lập và thống nhất được chu toàn để điều đình với ngoài kia cho vui cửa vui nhà thì lúc ấy, có ăn săn cũng hả hê cái bụng. Chứ cứ mãi mãi như thế này! Sợ lầm. Mà nhục lầm. Người ta chửi mình. Hoan hô đại đoàn kết. Nhưng đến tận bây giờ, những đảng quốc gia, chân chính và không, vẫn chưa thấy lập thành một mặt trận quái gì cho ra hồn. Chỉ bối xấu nhau là... mả. Anh này bảo anh nọ là mật thám. Anh này bảo anh kia là Việt gian. Anh kia bảo anh này là quá khích. Chẳng ai tin ai. Chẳng ai thương xót ai. Chẳng ai dám cộng tác với ai.

Triệt để chia rẽ. Cương quyết ích kỷ. Quyết tâm phụng sự.. tiền tài và thế lực dưới sự lãnh đạo mờ ám của quỷ Sa Tăng. Nhưng được một điều làm cho ta mát ruột là ai cũng yêu nước thương nòi cả. Mà ăn ở phúc đức là khác nữa. Thằng giết người nói chuyện về báo ứng luân hồi. Đục khoét như ranh, mà thu

hết toàn âm đức và nhân quả. Chí tâm hại đồng bào, nhưng lúc nào cũng nói chuyện qui, và đeo thòng lông một chuỗi tràng ở cổ.

Cái hội này là cái hội Trời xả án cuối cùng. Ai ăn ở nhân đức thì gặp may. Ai bạc ác thì tuyệt diệt. Bất luận ai cũng nghĩ như thế cả. Khắp mọi nơi đều nói đến chuyện tu, nhưng phải mưu phản cho nhiều vào, và chia rẽ và đừng cho ai sống cả!!! Chỉ có một mình mình sống với cánh mình thôi. Điều đình, cái lợi người ta chia sẻ mất. Nhất là mình lại vô tài, họ mà cộng tác thì mình chỉ có mà rã họng, thương làm sao cho được?

Bởi thế, bên cạnh đại đa số dân chúng mong mỏi điều đình và hòa bình, một số người được hưởng thụ vẫn lùng khùng phản đối – nói ví dụ ngay là nước độc lập, thống nhất thực sự rồi. Tình trạng này, họ cứ muốn giữ y nguyên – mà không thay đổi một ly gì cả. Cũng như những ông bộ trưởng và thứ trưởng cũ, bây giờ mất công ăn việc làm, nhất định không muốn thay địa vị. Công xa cứ giữ riết lấy như là hương hỏa của bố mẹ để cho. Nhà cửa nhà nước, do nhà nước chữa mất hàng chục vạn, cứ ở lì tù tì đầy gạo muối tống tiễn hàng mấy lần mà cũng chẳng chịu đi. Lại có anh đồng lý văn phòng cũ bị mời nhẹ ra để nhường chỗ cho người mới, nhất quyết cứ ngồi ì ra ở cái bàn bên cạnh lườm nguýt người mới như muốn phanh thây, uống máu.

Ba biểu ngữ này được dán ở trong đa số các đầu

óc chính quyền “Tất cả để... chén!”, “Triệt để... bám” và “Tích cực chuẩn bị... chạy, nếu có nguy cơ gì xảy đến”.

Bây giờ, vẫn còn yên, chưa việc gì nghĩ đến sự chuồn. Mi-Ra-Bô(\*) xưa, đã hét lên: “Ta đến đây là vì dân ý và ta chỉ ra khỏi vì sức mạnh của lưỡi lê!” thì hiện nay cũng có nhiều ông hô khẩu hiệu này: “Ta vất vả lăm mới có địa vị như thế này và sẽ không bao giờ chịu cút – nếu không cho ta chức khác!”.

Âu đó cũng là tinh thần cao vút. Nghĩa là một tinh thần cao hơn tinh thần của Tề Nhân! Bởi vì Tề Nhân xưa về bịp bợm vợ con, mà chính thực đi ăn mày, nhưng ăn mày mà còn có người cho. Chứ đây, ăn mày bị đuổi mà cứ ăn mày cho kỳ được miễn là được tiền và được tiếng là quan, cái tinh thần ấy quả là khoáng hậu không tiềng vaty. Dân chúng rầy la? Thì nào ai có cần cúc gì dân chúng! Báo chí công kích? Cho cứ mà kêu, rồi chả lo mai kia sẽ bị đóng cửa tuốt mo! Đá bóng bị treo giờ, nhà văn hăng lăm thì đã có nghị định cho treo bút. Phải biết! Gạo Sè goòng trộn với sạn, bảy trăm đồng một tạ. Cứ nhịn đói mà đi khai hội và quyết nghị đánh điện lên Cựu hoàng để phản đối cái chế độ quan liêu cũ. Ở, thì quan cả đấy, đã chết ai? Ông huyện trưởng mới có tí tuổi đâu là quan. Ông đi ăn cướp làng tề là quan. Thế thì sao ông

---

(\*) Mirabeau (1749-1791): nhà văn, nhà báo, chính trị gia Pháp.

quan phủ, quan bố, quan huyện, nghĩa là quan chính cống lại không thể là quan được? Báo chí đã tốn nhiều giấy mực để mật sát quan trưởng quá. Nhưng hai việc chính là vấn đề gạo và nhà cửa, mà ông Vĩnh Thụy lấy làm băn khoăn nhất từ lúc đặt chân lên đất này, đã giải quyết được đến đâu rồi?

Việc nước cứ rối bết cả lên như thế là cái nhà có đám. Ngoài ra, nào các công sở người Tây sẽ trả; nào đồng tiền vay “thanh cõ” để kiến thiết quốc gia; nào là công việc cải tổ chính phủ cho cả làng vui vẻ... Bao nhiêu là việc phải làm mà chưa thực hiện được phần nào. Bi ba bi bết một dûm đồng bào ở trong này lại còn lục đục với nhau, vác nhau đi kiện, ai cũng biết là không lợi cho mình lắm...

Thế nhưng mà người ta cứ làm.

\*\*\*

Người ta làm việc phản quốc và người ta tưởng là ích dân. Người ta tập làm một nhà độc tài ghê tởm nhưng người ta tưởng là minh dân chủ. Người ta lại xui yêu, ta đi làm những việc càn, mà người ta lại cho thế là trả thù дũng mãnh. Chỉ duy có người dân ra sức làm ăn một cách tầm thường mà không đủ giật đầu cá vá đầu tôm. Giá sinh hoạt mà cứ thế này thì rồi cả bọn đến trần như nhộng. Mà còn phải nói lâu la gì nữa? Ngay bây giờ cũng đã trần trùi trụi cả rồi.

Chồng, đi làm mỗi tháng được nghìn hai. Vợ thổi cơm gánh nước và nuôi con mọn. Năm đứa lớn chưa giúp được công việc gì. Cuối tháng lĩnh lương về, người chồng trả nợ gạo và đưa muối tương cà còn lại được hai trăm đồng bạc. Một trăm để thuê nhà một trăm để cùi lửa dầu đèn và anh ta tính sổ thì còn lại.. nợ – lãi mười lăm phân! Vợ chồng con cái không tròn thì còn lấy đâu ra may mặc? Năm nay, lập thu từ mười bốn tháng bảy ta, nhưng từ cuối tháng sáu, nửa đêm về sáng đã thấy hơi lạnh lạnh. Chả biết rồi lấy đâu ra áo rét để mặc đây, hở giờ? Hay là rồi cởi trần cả để tỏ ra là ta “*khoe vì nước – kiến thiết quốc gia – đoàn thanh niên ta góp tài ba – tạo nguồn dân sinh mới – hùng mạnh trong năm giới hợp lực xây dựng thịnh chung nước Nam*”.

À không, không. Cứ kể khổ, thì đã khổ nhiều rồi đấy. Người ta thu thuế nặng, dân không dám kêu ca, vì sợ bị buộc tội là quá khích nhưng đừng nên vì thế mà bóp nặn quá làm gì – cực lầm. Phải để cho người bé nhở như chúng tôi sống với! Chia sẻ với nhau cái buồn một tí cho vui. Ăn một mình nhiều quá, đến nỗi không chịu được, phải mửa ra, trong khi nhiều nhà đã bắt đầu phải bữa cơm, bữa cháo tủi nhục cho đồng bào lầm larkin.

Một cảnh đói rét kỷ lục đã diễn ra ở hàng Da năm 1945. – Tôi quên được làm sao? Bốn người vào ăn hiệu, một đêm sanh vào chính giữa mùa chết chóc – cái mùa mà xác người chết đói chất lên như núi ở bãi chợ, đường thành và dưới gầm cầu. Ai cũng đói

mà bốn người này có tiền ăn đến tám trăm đồng với nhau hẳn phải là một lũ tay sai cho Nhật. Đúng thế thật. Họ làm cho bọn Nhật hiến binh cực ác. Họ vu cho mấy người mình là Việt Minh – bởi vì lúc ấy đã có Việt Minh rồi. Họ làm được một món bẫm và tối hôm ấy dắt nhau đi chén. Ra đến cửa, có hàng chục người nghèo đói sắp chết gio tay lên xin tiền. Cả bốn cùng cười lên ha hả – vì họ có biết đói bao giờ – và chính giữa lúc ấy hai người, trong bọn bốn người say, mửa vọt ra như kiểng ma vương phun hắc khí vē ở trong những truyện thần kỳ quái hiệp.

Độc giả, các ngài không đoán được kết cục đâu. Bởi vì cái việc tôi sắp kể không ai có thể tưởng tượng được ra thế nào. Chính những con chó đói cũng chưa làm thế bao giờ. Vâng, lũ người đói khát thấy hai ông nọ mửa ra, xông cả lại chống tay xuống, bò nhoài trên mặt đất và tranh nhau... liếm, liếm... liếm kỳ hết nhẵn hai cái bāi... ăn no thừa mứa!

Một vài cảnh, chưa đến nỗi hắc ám đến như thế, đã nhắc tôi nhớ lại cái vụ đói đạo thu đông năm ấy. Cuối tháng sáu đầu tháng bảy năm nay, gió vàng về có ý sớm hơn thường. Chưa ai chết đói cả, nhưng ăn uống đã có ý hơi thiếu thiếu. Đâu cũng nói chuyện là sống khổ. Nhưng ở chính quyền có nhiều người phàn nàn phải ăn ngày ba bữa – và bốn ngày liền không về ăn cơm với vợ con ở nhà, vì anh em thấy mình sắp làm to đến nơi rồi mời chén, mà mình không chén thì họ giận.

Biết làm thế nào được? Ngoài kia, cứ đánh nhau. Tiếng súng hàng đêm vẫn nổ. Ở Khâm Thiên, ở Kim Liên, ở Trại khách, nhiều người bị bắt và nhiều ổ khí giới bị tịch thu. Chả nhẽ tôi ngồi khóc và nhịn ăn như Bá Di, Thúc Tề?

Chiến tranh, xem đến cái tháng này, thì lại càng thấy ít hi vọng kết liễu trong năm nay được. Nghe nói ở hậu phương đã được tổ chức cơm cứu tế, mỗi nhà nhịn đi một bát để ủng hộ anh em chiến đấu. Mỗi nhà có một người mẹ nuôi chiến sĩ. Thỉnh thoảng lại có lạc quayen, nhưng đánh mà vẫn đói – nghĩa là bụng không no tí nào.

Hỡi ai là những người no, hàng ngày ủng hộ lá bài Vĩnh Thụy, có lúc nào nhớ đến những chiến sĩ nhịn đói quyết chí hi sinh ở bưng biền?

Họ không làm tiền đâu. Họ không hại nước đâu. Không phải anh, không phải tôi, chính ông Vĩnh Thụy trong bài diễn văn đọc ở Sài Gòn ngày 14-6-1949 đã nói: “Họ phấn đấu cho chính nghĩa”.

Cuối tháng sáu năm nay, tôi cũng đi tìm một giải pháp. Giải pháp thế này: Trong lúc toàn thể đồng bào cùng đói khổ, mà mình ăn no chơi sướng một thân mình, thì làm thế nào kéo được chính nghĩa về mình!

Tức quá. Đến tận bây giờ là sang tháng bảy rồi, cái giải pháp ấy tôi vẫn chưa tìm thấy.

Chỉ thấy nói hôm nay gạo Sài Gòn bán ngoài phố  
lại lên bảy trăm mốt rồi.

18-8-1939, Tiểu thuyết thứ bảy,

Hà Nội, số 22 (27/8/1949)

## 7 TO, ĐÉT

Ông Ngô Đình Diệm thế này. Ông Trần Trọng Kim thế nọ. Ông Phạm Biểu Tâm thế kia. Ôi chao, mới chỉ có mấy người được nhắc đến là y như rằng người ta đổ xô cả lại mà công kích. Công kích ông Trần Trọng Kim! Khốn nạn! Các ông ấy đã làm gì đâu. Chỉ có một ông Phạm Biểu Tâm đứng giám đốc một cái nhà thương do người Pháp trả lại cho mình, thì, nay thế này, mai thế nọ, người mình éo eo bắt bẻ như tát nước, không còn biết天堂 nào mà cãi nữa. Chả biết rồi nay mai, cánh ta tranh đấu ở hội nghị Việt Pháp được Tây trả lại cho bốn năm chục sở một lúc thì rồi các ông giám đốc những công sở tương lai đó có may mắn hơn ông Phạm Biểu Tâm không? Hay là rồi báo chí chỉ công kích những ông giám đốc ấy mà hết cả ngày giờ, chả còn làm ăn gì được! Hờ hờ. Cứ bảo là quốc gia đa sự mãi! Có cái quái gì để bàn đâu. Quanh đi quẩn lại, chỉ có mấy cái công xa bị chửi đi chửi lại. Một ông bộ trưởng thất nghiệp, dọn nhà,

đi thửa những đồ gỗ tạp để thay cho những đồ gỗ lúp, ông mang về nhà riêng để dùng. Với lại một vài vụ ăn cắp vật trong chính phủ, một vài việc vận động nhỏ nhen để hại lẫn nhau – thế là hết, hết nhẫn cùi kiệu, không còn có gì mà nói nữa! Việc xảy ra trong nước, đợi một tờ báo Anh xuất bản ở Luân Đôn đăng tải, có báo Pháp dịch ra, mình mới lại dịch lại một lần nữa để đăng tường lên trang nhất. Nhưng mà ông Bảo Đại tranh đấu được đến đâu rồi thì người ta chả cần cho độc giả biết làm gì – cả cái việc ông Bảo Đại gặp ông Tổng trưởng Pháp ngoại, ông Bảo Đại đi Đà Lạt, ông Bảo Đại ra Bắc Hà. Dân chúng mờ mịt mít. Thỉnh thoảng lại thấy có người kêu lên “tự do ngôn luận!”. Nhưng rồi lại thấy im ngay. Mà báo thì sang cái tháng bảy ta này, nghe như bị đóng cửa cũng chả kém gì hồi cực thịnh của mồ mả ông Tổng Thiện. Các nhà buôn đã bắt đầu đói từ tháng năm ta. Bây giờ đến lượt báo đói – đói vì bị đóng cửa, treo bút, mà cũng đói vì không có sinh tố T tiêm vào người. Sinh tố T là sinh tố tiên. Tiên đi đâu cả thật. Người ta đã thấy những tờ báo ủng hộ chính phủ xoay giọng lưỡi. Còn nói gì đến những ông chính khách ô tô nhà lầu, chi phí ở trong nhà mỗi tháng bốn năm vạn bạc! Cả với cái giai cấp được ưu đãi này, hoàng kim thời đại cũng hết rồi. Gạo đã sụt, nhưng tiền thì đét. Hơn hết cả bao giờ, đế quốc đã lung lay - ít ra thì cũng lung lay ở trong ý tưởng những người bênh vực đế quốc, có đóng môn bài đó. Đây đó, đã có thấy anh khặt khuất đi tìm chủ mới để thờ rồi. Một giai đoạn tranh đấu mới lại

sắp bắt đầu: tranh đấu tự do và độc lập cho tổ quốc, hòa bình và cờ áo cho quốc dân. Họ cũng là dân, họ tranh đấu cờ áo cho họ trước - lại càng tốt chư sao! Trong khi đó, chính phủ ta cũng tranh đấu với chính phủ Tây và thủ hiến phủ cũng đã tranh đấu di phủ sang Bắc bộ. Một vài ông bộ trưởng, thứ trưởng mới tranh đấu lấy lại được nhà và ô tô của những bộ trưởng và thứ trưởng cũ định những chuyện “ăn không”; bộ Lao động tranh đấu cho thợ thuyền được đi xem chiếu bóng nhưng mất tiền; người ta nói đến hội nghị Việt-Pháp để thi hành thỏa hiệp É-li-dê<sup>(\*)</sup> và một hội đồng thi hành thỏa hiệp cũng được lập ngay để tranh đấu cho từng quyền lợi môt.

Góm chết, cái gì cũng tranh đấu. Duy chỉ có một việc này thấy đề xuống lên rồi im mãi đến tận hôm nay. Là pháp lý hóa giá thuê nhà thuê cửa.

Anh có còn nhớ lúc ông Vĩnh Thụy về nước, ông có mong được thấy chính phủ giải quyết chóng vánh hai điều này: cơm gạo và nhà cửa. Chao ôi. Chao ôi. Gạo thì ta đã thấy như thế đó. Sang tháng này, gạo ở Nam đã có tải ra được ít nhiều. Giá đã hạ – nghĩa là hạ hơn tháng trước: nhưng nếu anh khôn hồn, tôi khuyên anh không nên ở làng tè vì có nghị định cấm

---

(\*) Élysée: ý nói đến thỏa hiệp Élysée được ký kết giữa Bảo Đại và Tổng thống Vincent Auriol của Pháp tại điện Élysée ở Paris ngày 8.3.1949

đem gạo ở Hà Nội ra quá mươi cây số – dù là anh cũng là người Việt Nam về ăn mày sự an ninh cũng như tôi, một công dân của thủ đô. Trong khi đó, một số lớn nhà buôn gạo đã thấy lo pháp phỏng. Lo kiếm được nhiều lãi quá à? Không, sang tháng bảy cái chiều của các nhà buôn gạo lại hơi xoay đi tí chút. Người ta pháp phỏng lo ế gạo. Một vài anh đã hạ giọng mắng xuống nịnh người mua, không chửi mắng như trước nữa. Ấy là vì gạo số 1 đã có nơi bị mốc. Nay mai, gạo lại về thêm, rồi chỗ gạo mốc ấy đổ đi đâu? – Đem ra ngoại ô? Không được, vì có nghị định mỗi người ở ngoại ô chỉ mua được có năm cân. Nếu anh lại là giống người có lương tâm mà nghĩ đến đồng bào ở làng tề, tôi xin can thảng cánh – và dí cái nghị định “mươi cây số” vào lỗ mũi cho anh biết. Nghị định là nghị định, mà con mèo là con mèo, chứ có phải là chuyện chơi đâu.

Duy có một cái nghị định nhiều người mong đợi mà vẫn bắt tăm không thấy là cái nghị định quyết đoạt về giá cho thuê nhà, thuê cửa. Nghe như một hội đồng xét về giá cả đã được triệu tập cấp tốc ngay từ dạo mới xướng xuất lên chuyện này. Nhưng xúc tiến đến đâu rồi, chả biết. Chỉ thấy khổ vì đời sống, lại khổ vì nhà, vì cửa. Kiếm được một nghìn bạc thì ba bốn trăm tiền nhà. Kiếm được hai nghìn thì bảy tám trăm tiền nhà. Mấy nhà buôn chết dở đã tính chuyện trả lại nhà cho chủ. Còn đến bọn người nghèo! Cái gác không cửa sổ to bằng bàn tay cũng

phải hơn trăm bậc. Một gian nhà dột rết dột rát, ba trăm. Lại có nhà thuê một cái bếp một trăm, mà hễ động mưa thì là cứ như đứng ở ngoài sân vậy. Mà cái tháng bảy mới rồi mưa đâu lại có mưa lạ đời! Không hiểu chàng Người công tác ở miền xa có về thăm được Chức Nữ hay không, mà nước mắt của đôi lứa này, qua đến năm nay, tệ quá. Khóc dai dẳng, khóc sot cả ruột lên, khóc nhì nhè nhì nhăng mãi, cứ y như là chiến tranh Pháp-Việt. Sang đến tháng bảy dù, tưởng là thôi; không ngờ lại khóc dữ hơn: khóc cứ như giông như bão. Ở trong vùng an ninh, người ta thấy thiu cả người. Thiu vì buồn. Nghĩa là buồn thiu, rồi thiu cả đi một lú, vì thời cuộc mỗi ngày thêm bất trắc.

Mấy ông hiến binh đã bắt đầu lo: “Được chim quên ná, được cá quên nơm”. Một ông nguyên bộ trưởng đã bắt đầu đi bộ thật. Vài anh bỏ vốn ra buôn chánh trị, không ăn thua, về nhà đóng cửa lại, cũng lôi chăn ra trùm. Thế là lại thêm ra được một lớp trùm chăn nữa. Trùm chăn A. Trùm chăn B. Cũng như Thiên Võ Vương A, Thiên Võ Vương B. Thiên Võ Vương A là Thiên Võ Vương chính cống đẻ 1920 ở Đà Lạt, còn Thiên Võ Vương B là Chế Thuyết, con cháu Chế Cử và Chế Mân.

Trùm chăn B cũng thế, không giống trùm chăn A.

Nhưng cứ kể ra thì cũng đã hợp thời lăm lăm.

Lạnh rồi. Không trùm chăn thì rét. Mà lại đét nữa: trùm chăn vào, rồi kháng chiến có thắng lợi gì, mình tung ra gỡ gạc được cũng nên.

Phải biết! “Lực lượng thứ ba” không phải là đồ bẩn!  
Cái của ấy cũng to lầm chứ.

\*\*\*

Nhưng mà mấy vụ ăn cắp, người ta lôi ra ánh sáng trong tháng bảy và tháng bảy dư mới rồi, quả tình là bé, chưa có cái nào to cả.

Mấy ông kinh tế còm xà xéo vải sợi. Vài bà lớn đong đầy bán voi. Dăm ba ông thư ký can tội làm tiền vặt. Nhưng còn những ông chánh ăn cắp thì đi đâu? Không ai bênh gì bọn ăn cắp tiểu yêu, nhưng ai cũng phải nhận họ đói mới đi ăn cắp. Cái bọn chánh ăn cắp, ăn cắp hàng chục vạn trở lên, từ trước đến bây giờ có bao nhiêu người, mà vẫn chẳng thấy anh nào “bị” cả? Chả có lý gì mà bảo rằng những ông này ăn cắp là vì đói... Không. Họ ăn cắp để cho dân mình đói thêm. Họ ăn cắp để cho dân mình khổ thêm. Họ ăn cắp để cho dân mình nhục thêm. Quốc dân đảng Tàu hàng Cộng quân cả rồi; ở đây, ta cũng vơ vét cắp tốc rồi liều liệu, thay đổi chánh trị đi là vừa. Nhổ rồi lại liếm – không chết ai, mà sợ. Nếu mà lờ ngờ lại được các quan thương đến cho giữ chức – hay thăng chức nữa! – càng hay quá. Cứ làm bữa đi, người anh em! Người anh em, cứ làm bữa đi!

Nhưng mà cái dài chiến sĩ, ở Bờ Hồ, người ta phá đi dạo nọ thì vẫn chưa thấy làm. Nghĩa là người ta chỉ

mới dự định làm mà thôi. Vẽ kiểu, chưa trông được. Còn tiền nữa. Rồi lại ai đứng thầu? Lo cho người sống còn chả xuể, đã vội lo cho người chết làm cái nợ gì kia chứ? Ấy, nhưng mà không. Mình phàm tục, óc mèo, mới nghĩ một cách bần tiện thế. Chứ những nhà ái quốc! Những chính trị gia! Những chiến sĩ cách mạng ở thủ đô này! Chả có cái chết tiệt gì là họ không nghĩ đến. Làm việc gì cũng có hệ thống như ranh. Thế này: Mình được thế này là vì trước đây và bây giờ có bao nhiêu người tranh đấu cho tự do, độc lập. Ông Bảo Đại tranh đấu bằng ngoại giao; chiến sĩ ở bưng biển tranh đấu bằng quân sự. Tụt trung là tranh đấu cho nước cả. Nước biết ơn cả người sống và người chết. Mình có phải là con bò đâu mà uống nước quên nguồn được?

Bởi vì họ nghĩ như thế mới có người đề xướng lên việc bốc cái mồ công cộng ở bên cạnh tòa án đi. Người chết sẽ nằm yên một xó. Cứ để như bây giờ, y như là cái chuồng ngai vật ở trước mắt mình. Mà cái công tranh đấu độc lập cho đất nước, có di tích sờ sờ và do đó sẽ bị chia sẻ mất, không chịu được.

Nghĩ đến người chết đến như thế là cùng. Mà đáo để là cái óc của mấy ông ái quốc trong thủ đô Hà Nội. Họ chả chịu lép nước ai bao giờ.

Chứ không ư? Tây, họ kính cẩn giữ cái di tích hai phát súng bắn vào thành Cửa Bắc. Tàu họ giữ gìn cái mộ của bảy mươi hai liệt sĩ – trong đó có Phạm Hồng Thái – ở Hoàng Hoa Cương. Lại đến cái hòn đá mà

Nã Phá Luân bước lần đầu xuống Ba Lê cũng được đánh dấu giữ gìn làm kỷ niệm. Thế rồi thì là những cái nhà mà Balzac đã ở, câu lạc bộ mà Emile Zola ra vào, cái bāi mà Victor Hugo lúc bị đi đày vẫn ra ngồi ngắm cảnh, chỗ nào vẫn cứ để y nguyên chỗ ấy. Ôi chao, ta cũng kỷ niệm y như thế, chớ sao – nhưng phải duy vật biện chứng pháp hơn một tí. Không có gì không thay đổi. Ở Tòa án ta đem xuống chôn ở một khu Hợp Thiện; ở Bờ Hồ ta đổi xuống chợ Hôm. Một mai, độc lập thành công ta đem Hà Nội đổi chỗ sang nước Pháp, Bắc Bộ sang bên Tàu và ta lại đổi cả ta ra làm giống mọi cà răng cẳng tai, cũng được nữa – đã chết đâu mà sợ!

Có chết, chỉ ở ngoài kia chết mà thôi.

*Biết mấy người đi, biết mấy người,*

*Máu xương chép sử nét còn tươi...*

Ở đây, ta cũng chép sử, kém gì ai? Ta chép sử.. sống – ta chép vong quốc sử.

24.9.49, Tiểu thuyết thứ bảy,

Hà Nội, số 28 (8/10/1949)

## 8 SÁNG, MÊ

May cho cụ Nghè Tân sinh vào cái thời hủ bại, cứ lờ khờ mà lại ở vào cõi đời này thì liệu có bị treo bút từ bao giờ rồi không? Rằm tháng tám. Trẻ con bày cỗ trông trăng. Cả làng cùng vui vẻ. Thế mà cụ không ca tụng trời đất thái bình lấy một ly, lại vớ vẩn nhìn cái đèn kéo quân tháng tám mà vịnh nê một bài tú tuyệt:

*Một lũ ăn mày, một lũ quan*

*Quanh đi quẩn lại vẫn một đoàn.*

*Đến khi dầu hết, đèn không chạy,*

*Chẳng thấy ăn mày, chẳng thấy quan.*

Không. Cái lối thơ “hước ngọ” ấy không còn hợp thời nữa nhé. Óc phá hoại! Ghét ngon! Phích nó đi!

Rằm tháng tám 1949 ở thủ đô là cả một cảnh yên vui, xán lạn. Từ đầu tháng, những hàng bánh trung thu không còn thiếu một cách quảng cáo gì không đem ra dùng. Báo chí. Truyền thanh. Buồm buồm. Đây, cô tiên gảy đàn. Đó, Trương Dực Đức hét đổ cầu Tràng Bản. Kìa Trung, Nam, Bắc mời nhau ăn bánh nướng Trạng Nguyên. Mọi các bà mua một cân bánh Độc Lập! Tôi vừa ở hiệu bánh Thống Nhất ra! Bánh ở nhà Đoàn Kết, thế mà ra ăn được. Độc lập, thống nhất, đoàn kết. Đoàn kết, thống nhất, độc lập ở trên báo; lại độc lập, thống nhất và đoàn kết trong bánh dẻo nữa, thế là hoàn toàn thua các bà. Tinh thần cao

như thế, ấy vậy mà lợi cho cái két tiền đáo để. Có một nhà khách, bán bánh một ngày mà được tới bảy tám vạn đồng. Có nhà, một cái tết này mua tới ba bốn nghìn bạc bánh!

- Hờ, mua để táng... à?

Người ta mua bánh để ăn, để biếu và để lẽ. Lẽ người chết và lẽ người sống nữa. Mà lẽ người sống nhiều hơn. Vì chính phủ rục rịch như cải tổ. Có tin cải chính chuyện này rồi. Nhưng sao có mấy tờ báo ở Nam cứ đem mãi chuyện thay đổi này ra nói mãi. Mình cứ “chạy” quan thầy của mình trước là hơn. Cẩn tắc vô... áy nấy.

Chẳng biết có phải vì thế không mà có ông chắc chắn là buông, lại ở lại bền cố hỉ. Có ông đã bị “rơi” rồi, thế quái nào lại ló đầu ra... mà bôi tro trát trấu vào cả bộ! Lại có ông ăn dăm bảy ngàn đồng bạc lương một tháng mà hai ngày chỉ vác vợt đi tơ nít<sup>(\*)</sup>, cuối tháng lĩnh tiền mà chả làm sao!

Nghe đâu ông Bảo Đại mới ký một đạo dụ lập một ban giám sát. Ban giám sát này “không ăn tiền”.

\*\*\*

A; tiền nong, sáng đến tháng tám này, hình như vẫn còn túng, chưa có đủ để cho người ta làm việc.

---

(\*) tennis: quần vợt

Chả biết rồi ra thế nào? Có tiền để làm việc không? Bên Tây thay đổi nội các, cái gì cũng săn lòng sống trong đợi chờ. Người ta đợi chờ lập một chiến khu, chống Cộng, diệt xâm lăng. Người ta đợi chờ các đảng quốc gia đoàn kết. Nhưng quân sự thì không chờ đợi. Muối và gạo là hai thức ăn cần dùng. Đánh Vĩnh Yên, Phúc Yên. Đánh Khu Tư. Đánh Phát Diệm. Đánh chết bỏ mẹ cả đi. Thông cáo hàng ngày cho ta biết những vùng bị đánh như thế, chết vô thiên là người. Bình định được đâu, xông ra mà chạy tinh trưởng, quận trưởng; không có đảng khác lại giới thiệu người ra tranh mất thì tro măt chău.

Nói vậy mà thôi, chứ vứt người ra làm tinh làm quận không dễ như người ta vẫn tưởng. Những đảng mạnh mới ăn. Chỗ nào là bờ xôi ruộng mặt, phải “anh em ta” giữ. Hải Phòng, Hải Dương và Kiến An: gạo đấy, vải đấy, muối đấy, về mà “làm kinh tế”, về mà “làm kinh tế” ngay đi!

Trong khi đó, thiên hạ tranh nhau đả kích cái óc đảng phái và chia rẽ. Xấu lắm. Tổ quốc trên hết cả. Phải đặt quyền lợi của dân chúng trên cao.

Quả đất quay. Cái đèn kéo quân quay... Dầu mỡ còn nhiều lắm, bởi vì dân những vùng tạm chiếm chưa chết hết. Chúng cớ là bọn này đi với cái túi nặng è ra, bọn khác đến lại đầy phè cái bị. Một ông, lúc hồi cư, xin bạn hữu từ năm ba đồng bạc; làm quận trưởng về chơi thủ đô bị tổng tiền mất hơn năm vạn đồng. Ông ta khai với nhà chức trách mất ròng rẽm

một vạn. Còn bao nhiêu ông quận trưởng, tỉnh trưởng mất tiền mà không dám hé răng? Còn bao nhiêu ông quận trưởng, tỉnh trưởng nữa, tháng tháng phải đóng “thuế lợi tức” cho các đảng và chi tiêu trong nhà rồi, mà còn để ra bao nhiêu là cửa để tậu nhà, tậu cửa và sắm vàng, sắm bạc?

Không. Quốc quân ở bên Tàu đã chết đâu. Khẩu hiệu của ta là “nặng nhặt, chặt bị”. Nhưng mà phải nói ái quốc cho hăng vào! Bao nhiêu người không phải đảng mình, “khử” đi. Không có, vu cho chúng là “bán mình cho ngoại quốc”, là “Việt gian”. Cho không thể cất đầu lên được!

\*\*\*

Những nhà “ái quốc chính cống bà lang trọc” ấy, không những yêu nước, mà lại còn yêu kháng chiến là đảng khác.

Nghĩa là họ yêu kháng chiến không phải vì thấy cần phải có kháng chiến hay là vì kháng chiến có công trong việc tranh chấp độc lập và thống nhất đâu. Họ yêu kháng chiến vì họ muốn được yên thân, khỏi bị tên bay đạn lạc.

Ở Hà Nội, ăn chơi thả cửa và thì thà thì thót như ranh, nhưng cứ làm như thế để cho có chính nghĩa về mình. Một mai, có thay đổi thế nào, mình sẽ vô ngực là ta vẫn “ủng hộ kháng chiến” và “ái quốc” – ăn lắm

đấy! Một cái “bung biển trăng”, hai cái “bung biển trăng”, ba cái “bung biển trăng” được thiết lập ngay ở chính giữa thủ đô. Nội quy: ủng hộ kháng chiến bằng miệng. Quy định: ăn bơ, sữa và đi ô tô. Mục tiêu: không từ một cách gì có thể làm hại dân hại nước mà không bắt tay vào làm.

Đảng viên chọn lọc và thề phải trung thành với đảng mình. Nhưng trong bóng tối, đảng nào rủ họ, họ đều xung phong tất. Càng nhiều đảng, càng có nhiều hy vọng được ghẹ vào chính quyền, chớ sao! Ông đảng trưởng dò ông thư ký. Ông thư ký dò ông đảng viên. Và ông đảng viên lại dò chính ông đảng viên, vì chính mình lại nghi cả mình! Không khí nặng nề như là một ngày có rươi. Nhưng mà được cái là một ít đêm và giữa tháng thì trăng sáng lầm. Sáng quá chừng là sáng! Tàu bay, nửa đêm, bay rần rần đi đánh hậu phương. Vợ, không ngủ được, quay mặt lại bảo chồng:

- Thế này thì hậu phương ngủ thế nào và tránh tránh ra làm sao. Hở... Giời!

Chồng, chưa ngủ, nhưng lặng im không đáp. Hơn một giờ đêm rồi, anh ta vẫn chưa ngủ, vẫn còn nằm héch tai lên trời để nghe tiếng trăng thu. Trống rước sư tử đã im. Nhạc hồng, nhạc xanh, nhạc tím đã tắt. Ô tô đi suỳnh suỳnh ngoài phố đã thưa. Người đàn ông tưởng như thấy cái ánh sáng băng bạc, phiêu phiêu quằn quại ở trong gió vàng.

\*\*\*

Trăng quắn quại vì đâu? Nhất định không phải vì nhớ lại một mùa thu rạo rực nào đã hết mà buồn khổ.

Ấy chỉ là vì trăng khổ vì đã trông thấy nhiều. Trông thấy ở hậu phương, trông thấy ở làng tề, và lại trông thấy cả ở thủ đô. Một đêm, bao nhiêu người bị giết, nhìn lên mặt trăng mà nghiến răng. Làng tề, ánh trăng soi lạnh lẽo lên những người chưa chết được vì còn phải sống. Còn ở thủ đô thì người ta ăn bánh trông trăng, nhưng sống chết lúc nào không biết. Ba ngày, hai vụ giết người. Thôi thì chả còn biết là vì chánh trị hay là làm tiền nữa. Có mấy đảng mà không cần tiền để củng cố địa vị trong lúc này? Cứ gì người quá khích! Người dân, chả quá khích lấy một ly, tự nhiên è cổ ra mà chịu lấy một trăm thứ nhục.

Thất nghiệp. Phá sản. Tù tội. Bị vu oan giá họa. Ăn mày. Một người bạn cho biết rằng ở ngoài kia, áo rách mà vải đắt, không biết mùa rét này có cách gì may được một tấm ngự hàn không. Hờ hờ, gạo và vải trong này đã rẻ; nhưng mà tiền không có – thì cũng chả hơn cúc gi. Có một điều khác nhau: ở Hà Nội, người ta không được mặc ấm, nhưng được trông thấy người ta mặc ấm thì cũng như mình mặc ấm. *Ái nhân như kỷ mà!* Người ta đã vu oan cho người Hà Nội đủ các thứ tội tày đình. Không có cái tinh thần cao ấy kéo lại, thì còn gì nữa? Hỡi, hỡi anh chết đói nọ, tu đi! Anh khổ bây giờ, nhưng sẽ sướng ở kiếp sau đấy nhé. Và ngay bây giờ phải diệt bỏ lòng dục, vọng, sân si.

Đạo đức càng cao, càng quý. Anh chết đi để cho người khác sống, càng hay.

Báo Phật hét vào tai anh những lời từ bi dịu hiền. Cái món này, lầm lì sống chả ai biết, chết chả ai hay, thế mà có vẻ hình như sống tữn. Hai ba tờ báo Phật ra trong một tháng. Các vãi chung tiền nhau lại mà ủng hộ và mua. Nói đạo đức, ai cũng sợ. Mà lại không mất lòng ai hay bị những ông cao cấp trong chính phủ đưa ra tòa kiện vì tội ăn sàm nói sỡ hay treo bút trong một thời gian nhất định vì những lý do nhất định.

Đến khi chết lại được ghẹ lên trên nát bàn, thế thì bọn dân mình làm gì mà chả... mê đi? Trong khi đó, những người chủ trương văn hồi đạo đức cũng mê; những mê gái, mê tiền, mê chức vọng. Cái đạo ấy thực tế hơn. Trợ cấp cho mèo của mình để lấy tiền mở báо, cho mèo của mình dạy các bà các cô khác giữ tròn lấy tứ đúc tam tòng. Bài trừ chợ đen, buôn lậu, nhưng mình thấy buôn vàng ra ngoại quốc có lãi, thì cứ buôn. Có con gái mới choai, đem ra chài kỳ cho xin được một chức vị khơ khớ, cả bổng lênh và lương lậu mỗi tháng được hơn tám nghìn. Tình thế này, cứ kéo dài, mê lắm. Yên, thì đi ăn mày: hỏng to. Người ta mê hiện tại. Người ta mê dĩ vãng. Dĩ vãng là Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Lê Lai. Dĩ vãng là Phan Bội Châu. Hôm giỗ, đứng mặc niệm và đọc diễn văn, chưa đủ. Có người xuống cõi đầu đánh trống để nghe hát nhà tor... cho hoàn toàn. Sâm banh. Thuốc phiện. Và xác thịt, và xác thịt.

Yêu nước cũng như yêu nhân tình, người ta để ở trong lòng. Chính cũng vì theo một đường lối chánh trị in như thế, người ta cũng đem treo cái tài cái đức của người ta lên xà nhà. Thành ra là rỗng đít bụt. Rỗng đít bụt, cứ “ăn”. Bởi là vì chúng tôi “cựu trào”. Anh giỏi nhưng bây giờ mới hồi cự, đợi đấy. “Chúng tôi đã khổ vì cái óc đảng phái hồi 1945 lắm rồi”.

Khốn nạn! Óc đảng phái, mùa thu 1949 ở thủ đô, còn tệ hại hơn cả khi nào hết. Người ta dồn lấn nhau vào con đường cùng. Rồi thì đến cùng chết với nhau cả lũ.

\*\*\*

Người ta chết vì nước, vì ái quốc.

Chúng ta cũng chết vì ái quốc: nhưng chúng ta chết vì muốn chiếm độc quyền ái quốc vào trong tay.

Chúng ta yêu nước, nhưng muốn “lắm” một mình.

Tổ quốc, đừng có tưởng là của chung của hai mươi lăm triệu con dân Nam Việt!

*Tiểu thuyết thứ bảy, Hà Nội, số 33 (12/11/1949)*

# Chương trình hai ngày

(Truyện thời sự)

Tôi mà có bịa chuyện này nói xấu ông Vũ Văn  
Éch thì tôi chết, đừng có sống ở thủ đô thêm  
ngày nào.

Chớ tưởng thè như thế là không độc. Bởi vì dù sao  
thì thủ đô cũng vẫn là một chỗ để cho chúng ta ham  
sống. Cựu hoàng vừa ở bên Tây về. Bao nhiêu là thay  
đổi. Chánh phủ cũ từ chức toàn khố; có những cuộc  
vận động nhỏ mọc lên như là nấm cỏ dày; ngồi chỗ  
nào cũng thấy bàn về chánh trị, chả khác trước đây  
mấy năm người ta bàn nhau đánh chén đồ hộp Pháp.

Mấy ông đồng lý văn phòng quyết giữ cho được  
chức vị của mình như là giữ gia tài hương hỏa. Lập  
trường, chính kiến, chương trình bị mửa từ trong  
những cái bụng thương dân ra ngoài. Có mấy ông thư  
ký các bộ, hóa ra chính trị gia bất đắc dĩ, chưa ngồi đã

són ra bí mật hiệp định này, nội dung văn kiện khác và lý do cuộc hồi loan kia để cho có vẻ “gàn tà ma do”(\*) một tí.

Cứ riêng một cái việc xưa nay chỉ biết cạo giấy và lĩnh lương, mà bây giờ mấy ông lại trợn cả mắt cả mũi lên để mỉa người lãnh đạo này, tẩy vị bộ trưởng kia và chế cái phong trào nợ – cứ riêng một việc ấy cũng đã làm cho không khí hóa ra táo tợn rồi. Huống chi có lăm ông lại còn bỏ cả công việc hàng ngày ở bộ để vụt một cái bay sang Pháp, vụt một cái vào Nam, ẩn ẩn hiện hiện, thật chả khác gì cái không khí hội kín hội mở mười chín năm về trước. Chỉ một suýt nữa thì người ta tưởng là mình đương sống vào buổi rạng đông một ngày tiền khởi nghĩa, đánh úp Hà Nội đến nơi bằng cái món khí giới... mồm. Duyên do là vì cái bụng người ta, tuy to mà lại quá ư chật hẹp, không thể chứa nổi bộ lòng ái quốc mỗi ngày thêm bành trướng nên nó phải xuất phát ra bằng lời nói. Nhưng thực thì cái viễn nhân là việc Cựu hoàng hồi loan: người ta hét ra lửa, mửa ra khói, nói ra chánh trị là để tự quảng cáo cho mình: “Áy, cứ nói nhặng cả lên như thế, mà lỡ vớ chưa biết chừng được một chân bộ trưởng cũng nên”.

Không làm bộ trưởng thì làm thứ trưởng: cái mục tiêu tất yếu của đa số quan liêu các bộ trong khoảng

---

(\*) *Grand État-Major* (tiếng Pháp): bộ tham mưu.

một tháng nay ở thủ đô. Đến lúc có tin chính thức Cựu hoàng không về thẳng đô thành mà lại ngự trên cao nguyên Đà Lạt, người ta có thể tưởng chừng như Hà Nội hóa rõ hóa dại. Đi bí mật, đi công khai, thôi thì cứ vi va, vi vút. Chương trình, nếu xếp lên thành đống, dẽ chừng cao đến bằng cái núi ông Tân Viên. Mà nếu ta lại chơi cái trò lập dị như người Mỹ, xếp đuôi chữ nọ với chữ kia ở trong các bản chương trình ấy, có lẽ cái hàng chữ bất tận vòng quanh đến mấy trăm lần quả địa cầu.

Bao nhiêu khói óc vĩ đại, bao nhiêu nhân tài của đất nước thi thố tài năng mà đến phen này nước Việt Nam vẫn chưa độc lập và thống nhất thật sự nữa thì bối ai còn biết làm ăn ra thế nào.

Ông Vũ Văn Éch, làm ở phòng khám bệnh công cộng, đeo ở đít khẩu “Côn đui”<sup>(\*)</sup>, sáng hôm ấy vừa đến sở thấy mọi người báo cái tin “Cựu hoàng cử người ra Bắc để mời các nhân sĩ vào đàm luận”, thì ngã đánh bịch xuống ghế một cái và kêu lên một tiếng rất to “Vạn tuế!”. Nguyên do sự hô khẩu hiệu đó, đến tận bây giờ những người làm ở dưới quyền ông vẫn biết rằng suốt một ngày hôm ấy, ông ăn không của nhà nước hơn một trăm đồng bạc. Nghĩa là ông tuyệt đối không làm một việc gì cho sở, nhưng gọi

---

(\*) *Colt douze*: Một loại súng ngắn của hãng Colt Mỹ, băng đạn có 12 viên.

dây nói, viết thư, chạy ra phố rồi về đánh điện tín cho các bạn làm ở trong văn phòng Ngài, cứ hoa cả mắt, rúc cả đầu, thôi thì chả còn hiểu ra làm sao nữa. Mai về sau này, người ta dò la mãi thì mới biết ra rằng ông không phải chỉ là một công chức nguyệt liêm năm ngàn đồng (không kể tiền phụ cấp vợ con) nhưng còn là một nhà chánh trị có chân trong một đảng quốc gia hoạt động bí mật ở trước mũi chúng ta, ngay ở chính giữa thủ đô này nữa. Cái hôm mà ông bỏ sở để đi, về về ngập sị cả lên, chính là ông đi liên lạc với các đồng chí trong đảng để thảo luận về cái nguyên tắc hợp tác và quyết nghị về những phương châm đem áp dụng để cho đảng ông có ít ra hai người được liệt vào hàng nhân sĩ vào bệ kiến trong Đà Lạt.

Ngày mồng năm tháng sáu dương lịch, ông Vũ Văn Éch đương ngồi nghe một người nhà quê mới ở “tề” vào kể bệnh thay cho người vợ bị cấm khẩu từ đêm hôm trước, thì người tùy phái gõ cửa phòng đưa vào một bức thư.

Ông Éch cuống cả tay lên, mở ra xem, thì mặt tự nhiên nhợt hẳn. Đứng phắt dậy và giơ một tay lên trời trong một giáng điệu trầm hùng quốc tế, ông hét lên ba tiếng ở trước mặt người đàn ông sợ hãi và người đàn bà sắp chết:

- Hoan hô! Hoan hô! Hoan hô!

Rồi ông lại ngã đánh bịch xuống ghế, tưởng chừng như có thể ngất đi, vì xúc cảm.

Người đàn ông có vợ ốm sắp chết, vốn không sành khoa biện chứng pháp duy tâm, cứ đứng bên cạnh chắp tay lại mà lải nhải: “Bẩm quan, thoát kỳ thủy thì nhà con rúc đầu và bảo rằng ở các khớp xương như có con gì nó cắn...”. Anh ta kể bệnh rất kỹ càng. Và ông Vũ Văn Éch, tích cực khó chịu bật lên như một cái lò xo trên ghế mà gầm to:

- Con mèo tàu! Nói sốt ruột không ai chịu được. Xuống kể bệnh với thầy khán hộ cho thuốc, chứ ai còn lòng nào mà ngồi nghe các người nói những chuyện đầu cua tai éch như thế được. Cựu hoàng đã về Đà Lạt hơn nửa tháng nay rồi: Ngài đương triệu tập các nhân sĩ vào hội kiến và chỉ nay mai thì chính phủ khác toàn người mới. Hoan hô! Hoan hô! Hoan hô!

Và chạy ra cửa trước, chạy sang phòng bên, ông gọi cứ rống lên: “Thầy Hách, mau lên, thầy Hách!”.

Thầy thư ký hốt hoảng chạy bay vào, ông Éch vội quá, nói lắp ba lắp bắp:

- Thầy phải sang cái bàn con bên này ngồi. Mau lên. Có cụ Giám đến, thì nói rằng tôi chạy ra dinh thủ tướng. À, cái súng của tôi đâu rồi nhỉ?

Ông rút ngăn kéo mở cắp, đập vào đống giấy má ở trên bàn để tìm cái “Côn đui” một hồi lâu. Sau, sờ vào đít thấy vẫn y nguyên chưa cởi, ông gắt một tiếng rồi chạy ù ra phía bàn giấy, lấy cái cắp da “có chữa” cầm ở tay.

Người đàn ông nhà quê, ngu quá, tưởng cứ nói nhiều là ăn, lại lải nhải đứng ở cửa phòng khám bệnh mà nói tiếp:

- Bẩm quan, quan có xem bệnh cứu cho thì chúng con mới thật được an tâm. Nhà con nó đau ở các đầu xương, như thể có con gì nó cắn. Thế rồi chỉ một tuần sau thì nó sưng cả cổ lên, như nghẹt lấy cuống họng, không thể nào nói được.

Triết để phản đối cử chỉ đó, ông Vũ Văn Éch gầm lên:

- Thì đã bảo con mèo tàu đừng có nói lăm cho người ta sốt ruột. Cút về nhà đi rồi mua nhiều đồ bổ mà ăn cho giàu thêm sinh tố D trong người thì khỏi. Quốc gia đa sự, ngày kia người ta đã vào bệ kiến trong Đà Lạt rồi mà cứ đứng ám mãi thế này thì khổ thật.

Vừa nói, ông vừa lấy tay đun người nhà quê ra cửa và nói như nhổ vào mặt anh chàng:

- Thế mà cũng đòi là công dân một nước độc lập và thống nhất! Ngày kia, cái chính phủ thống nhất và độc lập thứ nhất do Cựu hoàng lãnh đạo sẽ bắt đầu thành lập ở Đà Lạt, mà không biết thì còn biết cái nõm gì?

Nhưng nói như vậy xong, cái tinh thần nghề nghiệp phút chốc làm cho lòng ông dịu lièn. Ông dắt nốt người đàn bà sắp chết ra khỏi phòng khám bệnh và nói (giọng hơi hạ xuống):

- Thôi, chịu khó về đi nhé. Ăn nhiều đồ ăn có sinh tố D vào thì khỏi. Nếu không, vài hôm nữa lại đây tôi sẽ xem bệnh và tiêm thuốc làm phúc cho.

Rồi, không để cho chồng con bệnh nói thêm, ông Éch tất ta tất tưởi chạy như ma đuổi sang bờ đường bên kia, lên một cái xe díp vờ nờ bờ sơn vàng có kẻ dấu hồng thập tự màu đỏ thắm. Và ông truyền cho bác tài:

- Mau, lái ra dinh thủ tướng. À thôi, tôi hãy ra Tổng trấn phủ xem sao. Nhưng mà này bác tài ạ, bác cho tôi đến nhà ông Trương Hồng Tế trước để tôi “lấy” ông ấy đã.

Một cuộc hội họp bất thường của các đảng viên cao cấp đã diễn ra trong nhà thủy tọa bờ hồ. Năm người bạn của ông Éch, tướng là ông “làm” được mě gì thú vị mời các bạn đi “nhậm xà”, uống rượu và đồ giải khát sì sà sị sụp và không nói chánh trị và thời cục lấy “một ly ông cụ”. Ông Éch nhấp nhổm chờ cho mọi người đè xuống là đứng lên thuyết trình, nóng ruột quá, lại giật mình đánh phắt lên:

- Các đồng chí không biết một tin gì cả, hở con mèo tàu? Ngày kia, cái chính phủ thống nhất và độc lập thứ nhất do Cựu hoàng lãnh đạo sẽ bắt đầu thành lập ở Đà Lạt.. Và đây, giấy của Ngài triệu đòi vào để trưng cầu ý kiến những thành phần chính phủ ngày mai...

Ông Éch nói một cách nhũn nhặn đầy tự phụ, rồi

không vì lý do gì nhất định, cười sảng sặc lên như có một bàn tay “xỏ lá” cù vào nách. Cười như thế một lúc rồi... thôi; ông ngồi im suy nghĩ ở trước những cái mặt thon của các bạn đồng chí, rồi lại vội vã nói, như sợ có ai tranh mất:

- Cái nguyên tắc như thế rồi, hôm nay tôi mời các đồng chí lại đây là để tranh luận nốt về tiểu tiết cái công tác mà tôi đứng ra phụ trách. Anh bạn này, Phi Vân, nội chiêu nay anh thảo luận với đồng chí Mê Linh và biên ra giấy cho tôi cái chương trình kiến thiết tôi đã thuyết trình hôm nọ. Đồng chí kia, Phan Tiến, đi liên lạc với các anh em mặt trận quốc gia rồi về ngay cho tôi biết nghị quyết của anh em. Còn đồng chí Tương Bần đây cũng là một bí danh nữa, vì (ông Éch toàn gọi các đồng chí bằng bí danh cả, bởi dù sao thì còn ở thời kỳ bí mật) đồng chí Tương, nội ngày mai phụ trách giúp tôi việc ấn loát bản chương trình để dâng lên ngự lâm, mà phải ấn loát cách nào cho thật lạ thật quý và thật chóng. Giờ hành động đã điểm rồi. Phải tích cực tham gia công việc cứu quốc và không thể giữ một thái độ thụ động, lưỡng chừng được. Một phút là một giờ ở trong giai đoạn mới này. Tất cả đều do ở nơi chúng ta công tác cho nhém việc trên cái bình diện quốc gia. Các đồng chí đều tán thành đề nghị của tôi cả hả?

- Tán... cả. Tán thành cả.

- Vậy thì mời các đồng chí cạn cốc rồi chúng ta giải tán. Tôi còn phải về bàn về hành trình để cho

sư tử thông qua mà cũng để lấy một ít tiền... chi phí vặt, dù là ăn ở và đi về đã có chính phủ hoàn toàn ứng hộ.

Cuộc hội họp giải tán trong một bầu không khí hữu nghị và đoàn kết muôn năm. Ông Vũ Văn Éch mời, các bạn hô khẩu hiệu, nhưng vì ông nào cũng còn lúng búng kem nước bạc hà, sô đa, nên ông dành hô một mình, trước khi nhảy vót lên cái ô tô díp.

- Hoan hô! Hoan hô! Hoan hô!

Đúng mười một giờ mươi lăm phút cái ngày đã định sẵn ông Vũ Văn Éch, phó đảng C.K.V.Q.G., bí thư mặt trận Q.G.Đ.K, người đã đề xướng ra ủy ban trung ương chống cộng toàn quốc, chủ nhân ông của bốn cái bội tinh và là chồng của vợ ông – ông Vũ Văn Éch, nai nịt gọn gàng như một người đi săn gấu trắng trên Bắc cực tướng lê mẽ một cái cặp da ống bụng và kèm theo ở bên cạnh bốn cái valy hàng đợi nhảy vót lên cái máy bay đợi sẵn ở phi trường để trong một lát nữa cất cánh đi Đà Lạt.

Không, người ta đoán lầm: ông Vũ Văn Éch, tuy mới đi máy bay lần đầu, nhưng không hề nôn nao khó chịu như thường dân chúng mình. Tinh thần ông cao lão. Nghĩa là đến Đà Lạt rồi, ông vẫn thấy sảng khoái như thường. Ông ăn, hút; ông cười, nói; ông ra, vào; ông chạy, chọt; ông vái, lạy. Tất cả văn phòng của Ngài, ông chẳng quen biết một ai, nhưng bất cứ ai cũng bị ông bắt tay lia lịa và ngoại giao phó mát.

Không khí ở cao nguyên này tốt quá. Trung cộng không biết hôm nào tiến đến đâu rồi? Chiều mai, thế nào cũng mời các bác xơi cơm với đê.

Ông hỏi thăm từng ly từng tí tính nết của Cựu hoàng. Những chánh khách nào đã được hân hạnh Ngài tiếp chuyện? Mà Ngài tiếp như thế thì có bao giờ đặc biệt tiếp ai quá mười phút không?

Ông Vũ Văn Éch, rút kinh nghiệm và hàm súc sẵn một chương trình nghị sự khi ông bí thư trưởng của Ngài báo cho ông biết đúng mười lăm giờ kém năm phút thì ông được vào bệ kiến:

- Tôi vào bệ kiến chừng bao lâu?
- Cũng như mọi người khác: không được quá mười lăm phút.
- Mười lăm phút, thì tôi nói được cái gì.

Cửa phòng tiếp khách vừa hé mở, ông Vũ Văn Éch vừa chui đầu vào, thì cái câu nói thứ nhất của ông là xin phép Ngài cho ông được bẩm chuyện ba mươi phút. Thế rồi, không để mất một cái tích tắc vàng nào, ông tấn công ngay, sau khi đứng thẳng cẳng, giơ tay lên chào Ngài theo lối... nhà binh:

- Cựu hoàng vạn tuế! Việt Nam độc lập và thống nhất muôn năm.

Thế rồi, giật lùi lại phía cái ghế lò xo để đấy, ông ngồi xuống, mở cắp lấy bản chương trình hành động, cúi xuống nhìn đất mà hai tay thì dâng lên cao hơn

đầu như thể là ta vẫn nghe thấy nói ở trong truyện nàng Mạnh Quang thuở trước cử án tè mi vạy. Cựu hoàng không hiểu là gì, truyền hỏi:

- Dạ bẩm Hoàng đế, đó là bản chương trình của chúng con đệ lên Ngự lâm.

Thế rồi ông Vũ Văn Éch ngồi lặng đi một lúc. Ấy là ông bị xúc cảm quá, nói không nên lời. Nhưng về sau, cố lấy mài gân mồm, lời nói cũng xuất phát ra, và chưa đầy ba phút thì câu chuyện đã có vẻ thao thao bất tuyệt.

- Bẩm Hoàng đế, nhất thứ là các đảng khác không thể nào làm việc được, chỉ được cái nói phét là không ai bằng, chứ bói đâu ra thực lực?

Cựu hoàng nghe, gật đầu.

Thấy đã có vẻ ăn câu, ông tiến tới:

- Nhị thứ là lập chính phủ. Bẩm Hoàng đế, Ngài cần phải cương quyết làm một cuộc thanh trù, và chọn những người có tài đức và thực lực thì mới mong có uy tín và làm được việc.

Cựu hoàng nói:

- Rứa, tui cũng chỉ mong có vậy mà thôi. Nhưng theo ý ông thì ai có uy tín và đảng nào có thực lực ở trong nước bi chừ.

Ông Vũ Văn Éch, nghe chừng đã đến lúc tổng phản công, đứng dậy, cúi đầu và nói một cách trịnh trọng, không cười:

- Nếu Hoàng đế không chê, chúng con xin đảm nhận công việc ấy và chắc chắn là với sự lãnh đạo sáng suốt của Ngài cộng với thực lực của C.K.V.Q.G (có bốn triệu quân huấn luyện chỉnh tề và chỉ chờ tiễn là có ngay hai chục vạn súng ống đại tối tân) thì chỉ trong hai ngày hòa bình sẽ trở lại và toàn dân không cần phải mít tinh mít tình gì cả cũng đủ cả cơm áo và hạnh phúc – mà cái ô tô nhỏ để đi chơi phố nữa.

Áy thế mới lại ghê! Bốn năm nay bao nhiêu người trong thế giới vò đầu để nghĩ ra một chước gì đem lại hòa bình cho đất nước Việt Nam mà chẳng ăn thua gì. Thế mà tự dung lại có cái ông chánh khách này quả quyết như thế – mà chương trình hành động chỉ có hai ngày, nghĩa là hai mươi bốn tiếng đồng hồ là xong hết ấy, mới thật là quái quỷ.

- Bẩm Hoàng đế, có người cho thế là quái quỷ thật, nhưng không có gì lạ hết. Đã nói ra là làm được, mà làm thì cần phải có chính quyền ở trong tay.

- Hay lắm. Chính quyền ở trong tay không khó, nhưng khó là làm thế nào mà trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ đem lại được hòa bình cho đất nước này? Có phải đánh nhau không?

- Bẩm có chủ, đánh hăng và đánh mạnh. Nhưng cũng như chánh trị phải đi liền với quân sự, chúng con chủ trương quân sự phải đi liền với đạo đức, đánh tất cả mọi nơi cùng một giờ, nhưng đánh chỗ nào cũng

phải thuyết minh ngay đạo đức cho người ta nghe. Ai nghe thấy đạo đức cũng phải tinh ngộ mà đi về chính đạo. Trong truyện Liêu Trai, ma quỷ nghe thấy đạo đức còn giác ngộ, huống chi là người.

Cựu hoàng lắng tai nghe. Ông Vũ Văn Êch, đương ngồi vùng dậy toan luận về quan điểm này thì có tiếng gõ vào cánh cửa. Hết giờ rồi. Ông bí thư trưởng của Cựu hoàng vào mời ông ra, để nhường chỗ cho một nhân sĩ khác. Ông Êch đương hăng, xua tay cuống quít mà rằng:

- Chưa hết. Tôi xin nói thêm một tiếng đồng hồ nữa.

Thế rồi ông lại nói:

- Bẩm Hoàng đế, cái chương trình hai ngày, chúng con đã nói rõ ở trong tập hồ sơ vàng dâng lên vừa rồi. Böyle giờ chỉ xin nói về đại cương.

- Đại cương như thế, tầm tạm tôi đã biết qua rồi. Vậy thì ngài cứ để cho văn phòng xét kỹ. Nhưng có một điều cuối cùng tôi muốn hỏi thêm. Là cái chương trình hai ngày nay, nếu thực hiện hai ngày mà chưa có kết quả thì ta phải làm ra thế nào?

- Bẩm Hoàng đế, thì lại phải hai ngày nữa!

- Và nếu hai ngày nữa cũng chưa xong?

- Thì cứ làm liên tiếp, liên tiếp mãi, kỳ bao giờ thực hiện được mới thôi, chứ không lý nào ta lại có thể nản chí bỏ dở công việc được!

Cựu hoàng cầm quyền chương trình hai ngày lên xem rồi nói một cách mềm dẻo và nhã nhặn:

- Thế cũng phải. Lúc này ta phải tiến thật nhanh. Tôi xin cảm ơn ngài đã giúp ý kiến cho tôi và tôi mong được sự cộng tác của những người như ngài trong chính phủ ngày mai.

Ông Vũ Văn Éch nghe thấy câu nói ấy sướng rên lên, tưởng như có thể đứt mạch máu ra mà chết ngay lúc ấy. “Ngài... Trong chánh phủ ngày mai”. Ngài? Vũ Văn Éch ở trong chánh phủ ngày mai? Mẹ ơi... ra cái vận tốt thì nó xui cho mình ăn nói lưu loát quá. Bộ trưởng đứt đi rồi; không còn có thể “chêu” đi đâu được nữa.

Mà có quân, có lính, có súng, có chương trình đánh hăng và đánh mạnh thì bố tôi có phá, tôi cũng cứ ăn chắc cái bộ trưởng bộ quốc phòng rồi...

Chiều hôm đó, ông Vũ Văn Éch sướng như cuồng như dại. Nếu ăn cơm thì lại hóa ra người thường mất rồi; ông nhất định chỉ chạy cứ nháo cả Đà Lạt lên và đánh luôn một lúc năm cái điện tín về Hà Nội:

Gửi bà Vũ Văn Éch, ở 182 bít phố Lò-lợn;

Gửi các con ông Vũ Văn Éch 182 bít phố Lò-lợn;

Gửi ủy ban trung ương đảng G.K.V.Q.G;

Gửi ông Giám đốc phòng khám bệnh công cộng;

Gửi ông Cù Văn Hách, thư ký sở khám bệnh công cộng.

Rồi ông bày tỏ một cách vấn tắt cái vận hội may mắn, Hoàng đế chuẩn y hết thảy mọi vấn đề đem thuyết trình, và rất có hi vọng được giúp việc một cách đắc lực, và có kết quả trong chánh phủ tương lai. Dưới, ký tên “Vũ Văn Éch” và chua hết cả các chức tước - không quên cái chức mới là “nhân sĩ”.

Xong đâu đấy, ông đứng một mình nhìn ra rặng núi cao ở trước mặt, hoan hô ba tiếng nữa, rồi thấy lòng mình căng lên như một cái bong bóng lợn mà trẻ con nhà quê vẫn thổi những ngày đình đám. “Vũ Văn Éch... Bộ trưởng bộ quốc phòng!”, “Bộ trưởng bộ quốc phòng ít ra phải biết bắn, dù là súng lục”. Cái máu anh hùng truyền thống của ông Éch, nghĩ đến đấy, sôi lên sùng sục và chỉ chạy có một vòng. Ông néo mắt, thấy mấy cái cây ở xa xa, nhất định cho là quân du kích, hét lên một tiếng, quờ tay ra tìm khẩu “Côn đui” để “xả”. Tức quá! Lúc lên tàu bay người ta lại cấm không cho đeo súng lục, ông phải đưa cho vợ mang về nhà!

Ôm một mối tiếc không được cụ thể hóa cái óc khát khao mang lại hòa bình cho đất nước, ông ra về. Đến trường bay, thấy mấy người lố nhố đứng đón, ông bắc loa tay lên hét, gân cổ kéo cứ chằng chịt cả lên như mạng nhện: “Hoan hô! Hoan hô! Hoan hô!” và chạy lại ôm chầm lấy vợ ông, bà bộ trưởng tương lai, như thể xa cách đã mấy thế kỷ không gian vậy. Rồi quay lại, phía những người Việt Nam làm ở trường bay mà ông tưởng là dân chúng ra đón rước:

- Tôi rất bằng lòng về cuộc hành trình của tôi. Ta thắng lợi về tất cả các phương diện. Cựu hoàng thành công hoàn toàn. Chánh phủ tương lai là một chánh phủ liên hiệp gồm có những thành phần đủ trí thức và đức độ để cộng tác với Cựu hoàng và hướng dẫn quần chúng vào một con đường xán lạn.

Không ai cảm động. Ông chờ một phút nữa xem có ai vỗ tay không. Vẫn không. Đầu ông ở trên cổ, có vẻ hơi ngượng nghịu, ông gật gật mấy cái rồi hô khẩu hiệu tưởng có thể vỡ cả một trời Gia Lâm.

- Cựu hoàng vạn tuế!

- Việt Nam độc lập và thống nhất muôn năm!

- Tinh thần đoàn kết và kiến thiết muôn năm!

Xong, ông quàng tay vợ, đi lên xe ô tô, về nhà.

Luôn tám ngày liền, ông Vũ Văn Éch mua tất cả báo để “thăm dò tin tức”. Chính phủ lập đã xong chưa? Có những thành phần nào? Gồm, bí mật quá, chả ai biết đích xác ra sao cả. Nhưng mà, mặc: thế nào thì cũng chén cái bộ trưởng quốc phòng rồi. Công việc bây giờ chỉ còn là xét kỹ những tiểu tiết và lập một văn phòng có thẩm quyền. Người trong đảng, trước tiên này; còn người ngoài, thứ ba này. Lại còn họ hàng nhà vợ nữa, bao nhiêu người đã nói trước để xin một chân gì. Phải thận trọng lắm, không có thì mang tiếng. Chánh trị, không phải là cái chuyện chơi!

Ba ngày nữa qua đi. Sáng sớm hôm hai mươi chín,

Ông y sĩ Vũ Văn Éch, đọc xong tên những thành phần trong chính phủ mới, kêu lên ba tiếng – nhưng không phải là “hoan hô” hay “độc lập và thống nhất muôn năm”. Tiếng thứ nhất để tiết ra sự thất vọng mông mênh. Tiếng thứ hai là sự uất ức cụ thể hóa. Và tiếng thứ ba là cả một hệ thống chửi đồi, chửi xã hội, chửi cái tổ chức thối nát của nước Việt Nam mèng này.

Trong chính phủ mới, ông Vũ Văn Éch chả có nước non gì cả.

Luôn hai mươi bốn tiếng đồng hồ – nghĩa là theo đúng như “chương trình hai ngày” do ông khởi xướng và được các cấp cao thông qua – ông tổ chức một cuộc nầm ăn vạ vợ ở nhà và có nhiều lúc, ê với cả thủ đô, ông muốn mặc ngay một bệnh nguy hiểm để nôn ra cho... đỡ tức.

Sang đến ngày mồng một, ông mới lại đi ra sở làm. Vừa vào, cái anh nhà quê có vợ cẩm khẩu đã đứng án ngữ ở cửa, một cách bướng bỉnh và chịu khó. Ông hét lên:

- Lại cái anh này! Thế chưa khỏi à?

- Bẩm quan, không ạ.

- Không là không thế nào?

- Hôm nọ, con không ốm. Đấy là vợ con đấy ạ. Vợ con đến nhờ lộc quan, nhưng quan bận không chữa, nên nó đã chết được năm hôm nay rồi.

- Con mèo tàu! Thế mà tôi cứ ngỡ là vợ anh ốm đấy! Ra là anh ốm và chưa chết, phải không? Ồ, ờ, vậy bệnh tình ra thế nào?

Và người nhà quê đứng khoanh tay lại mà kể bệnh như đọc bài:

- “Cũng như nhà con, thoát kỳ thủy, con rúc đầu và ở các khớp xương, như có con gì nó cắn...”.

*Tiểu thuyết thứ bảy, Hà Nội, số 14 (2/7/1949)*

# Thông cáo về việc gạo

(Truyện thời sự)

Một truyện thời sự về việc gạo. Cũng như trong truyện “Chương trình hai ngày”, tác giả không nói riêng ai hay xuyên tạc sự thực. Chỉ muốn gửi lại một tình trạng bối rối trong khoảng đầu tháng bảy dương lịch 1949.

Nhân vật chính được tạo ra để hành động đến cái kết quả “dân chúng khan gạo”, thế thôi: còn sự thật về việc gạo biến chuyển có lợi hay có hại, người viết chuyện không quan tâm làm gì.

Đô Tương, giám sát viên kinh tế ở dinh thủ tướng được đặc nhiệm đứng ra lập “Ủy ban cấp tốc tiếp tế gạo cho Bắc phần Việt Nam “cạnh” Tổng trấn Phủ, nghe ông thư ký đặc vụ tường trình xong kết quả cuộc điều tra về gạo thì đứng phắt ngay dậy, huơ tay lên trời trong một dáng điệu ngạo nghễ và đắc thắng. Ấy là ông sắp vặn cái đĩa kinh tế cho người thư ký nghe:

người thư ký vốn đã biết tính ông rồi, khoanh tay lại rồi ngồi chờ thụ giáo. Giữa hai thầy trò, có một cái bàn trên để mười tám bọc gạo nhỏ đùm lại như là những cái bọc mắm tôm; ông Đỗ Tương, dở từng bọc ra nhìn, ngửi và nếm; rồi lén giây cái kèn máy ở trong bụng, vẩn bài kinh tế học như thế này:

- Trong phạm vi kinh tế, Chính phủ cố: A) Tăng gia sản xuất và canh nông. B) Giúp cho thương mại và tiểu công nghệ tiến triển. C) Dùng hàng hóa nhập cảng tiếp tế thêm cho dân chúng.

Xem vậy, chính phủ đặt canh nông lên đầu vì nước ta sống về nghề nông. Muốn phục hưng nghề nông, Bắc phần ta đã làm gì? A) Phát hạt giống đã chọn kỹ cho dân quê: loại “gié thanh”, loại “Bầu”, loại “Tép”, loại “Sái dương”, loại “Him trang”. B) Diện tích ruộng lúa, so với 1946, tăng gấp bảy lần: đến tháng 5 và tháng 10, 1948 tổng cộng 65.899.77 mẫu tây, sản xuất 85 ngàn 173 tấn. C) Số gạo ăn vẫn mua được theo giá phải chăng, như ở Hải Dương, giá gạo thường từ 135đ đến 260đ một tạ tùy theo từng quận; ở thành phố từ 300 đến 320đ.

Ông Tương đọc thuộc lòng cái điệp khúc bài hát tán nhảm công lao của chính phủ Bắc phần Việt Nam xong rồi, ngồi im lặng, suy nghĩ một hồi lâu rồi vô đánh đốp một cái vào cái trán ngắn trắn trắn mà tiếp:

- Theo đúng “Sách Sanh” trong đệ nhị lục cá nguyệt 1948 trang 23 chương I trang 29 và trang 41 chương II

thì tình hình thóc gạo đúng in như thế, không sai một dấu phẩy; thế mà ngoài phố từ đầu tháng 6 cứ ồn ồn lên gạo kém, thì là cái nghĩa lý gì? A, nhưng mà ông ký ạ, theo ban điều tra thứ 27 của ban Đặc vụ do ông thu tập thì về gạo kém, thế thì có lẽ gạo kém thật. Nhưng mà không lo. Theo bản tường trình 5 chương A. 7.25 tiết T/. 52, hằng S.I.T một hội buôn bán của người Pháp ở đây hiện có bảy trăm tám mươi hai tấn thóc. Vậy ông cho mở ngay cho tôi một cuộc điều tra về giá gạo quê và giá gạo máy ở trong thành phố ngày hôm nay trong khi tôi trù tính cấp tốc một giải pháp mới về gạo với các nhân viên cao cấp. Rồi ông Tương chép một tràng chữ vào cuốn lịch để bàn: A) Điều đình với S.I.T để mua ngay 782 tấn thóc bán cấp tốc cho dân dùng. B) Cử ngay một ủy ban tranh luận và quyết nghị việc tải gạo trong Nam ra bán một giá hạ nhất. C) Lập một chương trình triệt để bài trừ nạn gạo bán chợ đen.

Nói xong, ông Đỗ Tương, chạy như ma đuổi, trèo lên ô tô đi về nhà, ăn cơm. Lo quá, ông không tài nào nuốt được. Chỉ ăn có năm bát đã no. Ông gắt vợ:

- Bút mực đâu rồi? Phải làm ngay bản quyết nghị mới được, không có thì cả Hà Nội chết đến nơi. Gạo ở ngoài phố bao nhiêu nhỉ?

- Tôi không biết. Vợ ông trả lời. Nhá, gạo còn nhiều, nên đến hơn tuần nay tôi chả đi đóng nên cũng chả biết giá cả ra sao nữa.

Thế còn nói chuyện gì. Cái giá gạo là then chốt, chưa được biết thì làm thế nào mà làm được việc. Ông Đỗ Tương đành phải đi ngủ để sáng mai đến sở xem lại giá biếu ra thế nào. Gạo quê, sáu trăm tư. Gạo máy bốn trăm chín. Tám thơm chín trăm. Chết thật! Trong khi gạo Sè goòng chưa ra, phải cấp tốc điều đình với hãng S.I.T mua 782 tấn thóc về xay để bán cho dân chúng làm cho cái giá gạo ở thị trường hạ xuống không có thì chết hết. Hôm nay gạo quê lại lên sáu trăm rưỡi rồi. Gạo máy, năm trăm. Tám thơm, chín trăm. Ông ký! Ông cho tôi bản điều tra và đánh ngay dây nói gọi hãng S.I.T để tôi nói chuyện. Có phải thật là họ có bảy trăm tám mươi hai tấn thóc bán không?

Bốn hôm sau, ông Đỗ Tương nhận được của hãng S.I.T một bức thư trả lời như sau này: “Đáp thư số... gửi ngày... chúng tôi trân trọng xin nói để ngài biết cho rằng bảy trăm tám mươi hai tấn thóc của hãng chúng tôi đã bán mất 82 tấn cho các nhà buôn lẻ rồi, chỉ còn tròn bảy trăm tấn. Nếu quý phòng cần dùng đến, chúng tôi xin vui lòng nhượng hết, không bán cho những nhà buôn nhỏ nữa. Giá tiền mỗi tấn là hai trăm hai mươi nhăm đồng, chuyên chở về phần quý ngài chịu lấy. Trong hạn ba hôm, xin trả lời cho được biết để chúng tôi trù liệu trả lời các com măng của khách hàng chúng tôi”.

Ông Đỗ Tương triệu tập một phiên hội đồng bất thường để thảo luận về việc này. Mời bảy người thì năm ông đi Đà Lạt. Phiên hội đồng phải hoãn lại ba

hôm. Đến hôm thứ tư, bắt đầu thảo luận thì ông thư ký đưa bản điều tra lên: gạo quê, sáu trăm sáu; gạo máy, năm trăm hai; tám thơm chín trăm mốt. Ngày nào sở cung nhận được vài chục lá thư nhờ can thiệp vào việc gạo. Thợ thuyền làm tám trăm một nghìn một tháng không đủ tiền đóng gạo. Công chức lương ba nghìn đóng được gạo và mua được đồ ăn thì không còn xu nào để trả tiền nhà cửa, đèn nước, thuốc thang. Tiếng kêu than đói kém thành ra một luồng oan khí như cái cầu vồng của thái tử Đan lúc chưa gặp Kinh Kha. Hội đồng không thể trù trừ được nữa và quyết nghị gửi thư chính thức nhận mua thóc của hãng S.I.T và yêu cầu cho trả tiền làm hai lần: một lần sau khi nhận được thóc mười lăm ngày và một lần sau đó ba mươi ngày. Bốn người được cử ra thảo giấy má và điều đình về việc đó với hãng S.I.T. Tính ra trước sau gửi mười một cái thư đi và nhận được một ba cái thư về. Cái nào đi đi về về cũng được ghi vào sổ, đánh số, cập vào tập hồ sơ “Tiếp tế cấp tốc” đóng dấu, ký, ghim lại, chuyển từ hạ cấp, trung cấp, thượng cấp sang nha, rồi quay về phòng ông Đỗ Tương để cho ông Tương – chuyên môn về việc gạo, cựu nghị viên Đại hội nghị Kinh tế và Lý Tài, hội trưởng Nông nghiệp Ái Hữu, cựu phái viên phòng canh nông, Bắc Đầu bội tình - xem xét kỹ lưỡng và thực hành. Bảy hôm sau nữa, ông Đỗ Tương thở đánh phào một cái, như vừa thoát chết trong một vụ oanh tạc ở hậu phương.

- Sống rồi! Bây giờ chỉ còn phải tính cách chuyên chở thế nào cho có lợi.

Ông Đỗ Tương, banh ngực áo sơ mi ra, vận quạt trần hết tốc độ để nhí nhá nhí nhoáy làm các thứ tinh nhân, chia, trù, cộng. Thế rồi cứ mười lăm phút thì cái máy điện thoại lại bị ông hành cho một trận: “Ông thứ trưởng, xin trả lời ngay” – “Cô Nhã, xin cho tùy phái mang sang cho chúng tôi ngay chỉ thị tổng quát về việc chuyên chở hàng trong nước” – “Lại ai gọi thế nữa? A, ông Trịnh... Thế sao? Tin tức khá lầm à? Ông bảo? Sè goòng đã bắt đầu chở ra đây hai nghìn tấn gạo, mà ngày kia thì tàu nhổ neo khởi hành?”.

Thôi, ông Đỗ Tương không cần nghe nữa. Gạo Sè goòng hai tuần lễ nữa thì ra đây rồi. Chín mươi sáu tiếng đồng hồ sau, các báo đăng âm ī một bức thông cáo thứ nhất về việc gạo “Nhờ sự tranh đấu hiệu nghiệm của Ủy ban cấp tốc tiếp tế gạo cho Bắc phần Việt Nam, hai nghìn tấn gạo Sè goòng đã được xuống tàu và chở ra Bắc phần. Dân chúng nhất định không lo thiếu gạo. Ký tên: Đỗ Tương”.

Ông thư ký đặc vụ cười từ ngoài cửa cười vào:

- Thưa ông hiệu nghiệm thật. Gạo ngoài phố đã rút xuống mỗi tạ hai đồng.
- Có thể chứ lại!

Rồi ông Đỗ Tương đi ra phố tự thưởng cho mình hai cốc rượu. Phải biết... thành phố được ăn gạo hơn là vì tại mình tranh đấu. Nhưng mà tranh đấu như thế chưa đủ. Phải hơn nữa, phải hơn nữa. Ông ngồi viết thư giao thiệp về việc chuyên chở bảy trăm tấn gạo

của hãng S.I.T. Thư đi, thư lại, chỉ năm hôm thì xong xuôi. “Thông cáo thứ nhì về việc gạo: Ủy ban cấp tốc tiếp tế gạo cho Bắc phần Việt Nam, trong khi đợi gạo ở Sài Gòn ra, đã điều đình mua được 700 tấn thóc để xay thành gạo bán rẻ cho dân. Nay bỏ thầu xay gạo. Ai muốn thầu xin cứ gửi thư dán kín gửi về Ủy ban cấp tốc tiếp tế gạo cho Bắc phần Việt Nam. Ai bỏ giá rẻ nhất sẽ được thầu”. Tám ngày qua. Vận động, vận động. Không có người nào trúng cả.

Ông Đỗ Tương viết cái thông cáo thứ ba về việc gạo: “Muốn cho dễ dàng công việc xay gạo, ủy ban cấp tốc tiếp tế gạo thông cáo cho những nhà buôn gạo được biết ủy ban có bảy trăm tấn thóc bán bằng một giá rẻ là hai trăm sáu mươi đồng một tạ, cước phí về người buôn gạo chịu. Hạn mua là mười ngày sau khi đăng thông cáo này”.

Những nhà buôn gạo tưởng chừng như mới ngã ở trên mặt trăng xuống đất. Mua của S.I.T có hai trăm hai mươi nhăm đồng. “Tưởng là ủy ban tranh đấu thế nào, hóa ra mỗi tạ phải trả thêm ba mươi nhăm đồng”. Một mặt thì gạo khan, một mặt thì mua thóc đắt thêm ba mươi nhăm đồng, các nhà buôn gạo đương bàn nhau lập một “Ái hữu các nhà buôn gạo” để đối phó với tình thế mới thì ông Đỗ Tương, không có gì là không nghĩ đến, vô bàn mà kêu lên:

- Không thể được. Mình bàn như thế này thì cái công tiếp tế gạo và cứu sống dân thủ đô thoát khỏi nạn đói, đến về cả tay người khác mất. Mình sẽ mất

lập trường và chánh phủ sau này, mình không thể có hy vọng được.

Bèn rút ngay bút máy, cấp tốc thảo cái thông cáo thứ tư: "Theo nghị quyết buổi họp ngày hôm kia, ủy ban cấp tốc tiếp tế gạo xin báo để cho các nhà buôn gạo được biết thóc của ủy ban đã nhất định bán hai trăm sáu mươi đồng một tạ. Các nhà buôn có thể đến xem thể lệ ở trụ sở ủy ban từ sáng mai".

Thể lệ như thế này:

A) Ai mua thóc sẽ phải trả tiền ngay và ký quỹ thêm một số tiền một nghìn đồng vì lý do B.

B) Ai mua thóc sẽ phải già và bỏ thâu. Mỗi tạ thóc ít nhất phải được sáu mươi tám cân gạo. Gạo ấy sẽ lại đem trả cho ủy ban cấp tốc tiếp tế gạo, ủy ban tiếp tế sẽ bán hộ cho. Vì lẽ ấy, ủy ban phải giữ nghìn bạc làm bằng.

C) Gạo xay già rồi, ủy ban tiếp tế sẽ triệu tập ngay những tiểu ủy ban để chia đi các hợp tác xã; các hợp tác xã này lại sẽ triệu tập những tiểu tiểu ủy ban để bàn nên phát bông cho những ai được mua gạo, và bằng giá nào, rồi những tiểu tiểu ủy ban này sẽ tự động thành lập nên những tiểu tiểu ủy ban để quyết nghị xem các hợp tác xã nên bán theo phương pháp nào cho thật chóng, kéo không thì dân chúng có vẻ đói lấm rồi.

Cái thông cáo này đăng ra thì gặp ngay một sự tình cờ đáng ghét: gạo quê ngoài phố từ sáu trăm ruồi tăng

lên sáu trăm sáu mươi nhăm đồng; gạo máy, năm trăm sáu; tám thơm chín trăm hai. Ông thư ký đặc vụ nhợt cả mày cả mặt đi, lắp bắp:

- Thưa ông, ngoài phố người ta chửi om cả lên. Các báo nào chưa ăn tiền công kích cứ như là ó.

Ông Đỗ Tương, ngạc nhiên:

- Công kích gì? Chửi ai như ó?

- Công kích gạo, chửi về... gạo.

Ông Đỗ Tương lại thoát khỏi một cái nạn oanh tạc thứ hai. Nghĩa là ông thở phào ra một chập:

- Ô, thế mà anh làm cho tôi hết hồn. Chửi về gạo thì việc gì đến mình, có chửi mình mình mới sợ chứ!

Tuy vậy, ông Đỗ Tương thấy thế cũng hơi rờn rợn. Lúc bấy giờ ông mới hơi thấy hối đã day tay mấp miệng vào cái việc sinh, tử này. Một ngày, có đến tám nhăm bận gọi dây nói trao đổi tin tức với ủy ban tải gạo từ Nam ra Bắc.

- Hơn hai tuần lễ rồi, mà gạo chưa ra là cái cớ gì?

- Gạo Sè goòng có bao giờ còn ra Bắc nữa không?

- Nửa tháng nữa? Chắc chắn là nửa tháng nữa thì có gạo Sè goòng ra?

Ông Đỗ Tương nghẹt thở, phải nới lỏng cái dây cà vạt. Ông chửi rầm lên tại sao người ta sống lại cứ phải ăn cơm mới được. Ông chửi rầm lên tại sao lại xảy

ra chiến tranh để cho việc “dết tê”<sup>(\*)</sup> trở ngại, không mang được gạo ở hậu phương ra đô thành. Rồi ông Đỗ Tương chửi rầm ông... Đỗ Tương lên: “Quyền rơm và đá! Mày ăn cơm ăn gạo vào mồm mà sao lại như vích thế? Phen này mà không giải quyết xong việc gạo thì đến chết bỏ đời thôi, Tương ạ”.

Bèn cấp tốc phanh cổ áo và viết bản thông cáo thứ năm: “Gạo Sè goòng nửa tháng nữa thì tới đây. Dân chúng không nên nóng quá”.

Không nóng thế nào được? Ai cũng nóng ruột chờ gạo mà gạo ở đây thì không có; mà gạo Sè goòng vẫn chưa ra! Có nhà kiểm hai nghìn một tháng, vừa đủ tiền đong gạo. Nhiều nhà đã phải đi vay lãi mười lăm phân để đong gạo rồi. Từ sáu trăm sáu mươi nhăm đồng, gạo quê tăng lên sáu trăm tam; gạo máy, sáu trăm; gạo tam, chín trăm tam mươi nhăm đồng.

Không thể được nữa rồi. Trong khi đợi gạo Sè goòng, phải tấn công cấp tốc bảy trăm tấn thóc hiện có ở đây. Đây nói, công văn, điều tra, tường trình: các ủy ban xay gạo vẫn xúc tiến nhưng gạo vẫn chưa có ai xay cả. Người ta đương trù tính gửi gạo đi xay ở nhà máy gạo Hải Phòng. Giấy má gửi tới ta tới tấp. Lại từ hạ cấp chuyển lên thượng cấp, rồi từ thượng cấp lại chuyển xuống hạ cấp mười bốn ngày qua đi; gạo máy sáu trăm sáu; gạo tam, nghìn năm đồng. Giấy má xay

---

(\*) Giao thông (nguyên chú)

gạo vẫn chưa xong. Ông Đỗ Tương chỉ còn thiếu một cách là ngồi mà khóc. Cuối cùng, công việc điều đình với nhà máy gạo ở Hải Phòng lại không xong.

Ông Đỗ Tương sắp làm bản chúc thư để lại cho vợ thì ông - không học khoa kinh tế, mà cũng chưa từng làm chuyên môn về việc gạo, cựu nghị viên Đại hội nghị Kinh tế và Lý tài, hội trưởng Nông nghiệp ái hữu, cựu phái viên phòng canh nông, Bắc đầu bội tinh như chồng bao giờ - bỗng nghĩ được ra một kế:

- Tất cả vấn đề bây giờ quy vào điểm nào?

Ông Đỗ Tương, lục soát hết cả hồ sơ gạo ra khảo cứu, ngày hôm sau, trả lời:

- Tất cả vấn đề bây giờ quy vào điểm này: thóc không có người xay giã.

- Bao nhiêu tấn?

- Bảy trăm.

- Thế thì thế này: bảy trăm tấn ấy, không có ai xay giã thì ta giã lấy. Ta giã không hết thì cả họ nội họ ngoại ta quây quần lại giã với nhau. Giã ba tháng không xong thì năm tháng, sáu tháng, một năm.

- Thế thì dân chúng không có gạo ăn à?

- Ông này lầm cảm chưa? Thế gạo Sè goòng chở ra đây thì đổ cả xuống biển xuống sông đấy chắc?

Ông Đỗ Tương rùng mình, sợ cái tài biến hóa của bà đầm. Đến bây giờ ông vẫn còn chưa hiểu tại sao

đàn bà không học khoa kinh tế và không làm phái viên phòng canh nông bao giờ mà giải quyết vấn đề này bợm thế! Tuy vậy, ông cũng hỏi:

- Thế nhưng giao kèo ký với hãng S.I.T một tháng phải trả nửa tiền thì làm thế nào?
- Thì lấy công quỹ ra mà trả chứ sao!
- Trả tiền công quỹ, mà dân vẫn phải ăn gạo đắt thì họ chửi!

Họ chửi cái gì? Mình vẫn xay, giã chứ có ăn cắp của ai đâu mà sợ chửi. Vả tôi vẫn nói, trong khi xay giã thì có gạo Sè goòng ra kia mà!

Việc quân quốc được giải quyết ngay đêm ấy ở trong phòng ông Đỗ Tương. Năm hôm sau, cả họ nội họ ngoại, tam tangle tổ khảo nhà ông Đỗ xay gạo giã gạo ở khắp mọi chốn trong thủ đô Hà Nội. Ông Đỗ Tương đi “kinh lý” những chỗ xay gạo ấy, đưa tay lên xoa cầm như Hít-le tiến vào nước Áo không phí một hòn đạn mũi tên. Bản thông cáo thứ sáu được thảo ngay: “Chắc chắn là mười hôm nữa có gạo rồi”.

Tính từ ngày trực tiếp với Ủy ban tiếp tế gạo từ Nam ra Bắc lần thứ năm đến hôm nay đã mười tám ngày rồi, mà vẫn chưa thấy hạt gạo ra cả, ông Đỗ Tương lại gọi điện thoại rầm lên.

- Điều đình chưa xong.
- Quy tắc về việc chuyên chở còn phải bàn tính kỹ.

Đương tranh đấu để chuyên chở gạo tự do.

Người thư ký đưa bản tường trình lên.

- Hôm nay gạo quê ngoài phố bảy trăm ruồi, gạo máy sáu trăm chín mươi nhăm đồng, gạo tám, một nghìn hai.

Ông Đỗ Tương lại tính, lại viết thư Chiều hôm đó, ba điện tín ở xa đánh về.

- Dũng trông mong có gạo trước hai tháng.

- Tàu chở gỗ cả, không chở gạo.

- Một số người có “cô-ta” chở gạo đi ra biển rồi mất tích. Nếu vua Thủy không ăn gạo thì có lẽ họ đem gạo đi bán ở một nơi khác lợi hơn.

Ông Đỗ Tương mồ hôi rỏ ra đầm đìa. Hú vía: nếu cứ đợi mãi gạo Sè goòng ra thì có chết bỏ tổ chấy không. May mà vợ ông lại tổ chức ngay việc xay giã bảy trăm tấn thóc chứ không có phen này cả Hà Nội chết nhăn răng ra rồi.

Đỗ Tương “đắng cứu vớt”, tự nhiên thấy một mối hành diện to phồng lên trong ruột. Ấy không phải vì ông đầy ruột đâu; nhưng sự sung sướng nó làm cho ông như thế. Ông đi “kinh lý” một lần cuối cùng những nơi xay giã của bà Đỗ Tương và thảo cái thông cáo thứ bảy về việc gạo: “Nhờ sự tranh đấu thường xuyên của các nhà thẩm quyền về việc gạo, hiện đã có gạo để bán cho dân chúng. Xin yêu cầu cấp tốc các hợp tác xã cử đại biểu đến trụ sở “Ủy ban cấp tốc tiếp tế gạo cho Bắc phần Việt Nam” để nhận chỉ thị mới về việc gạo.

Mười một hôm sau, hai mươi bốn hợp tác xã lớn nhỏ đều chăng vải trắng kẻ chữ đỏ cảng từ cổng này sang cổng kia: “Có bán gạo rẻ cho dân chúng”. “Ủy ban cấp tốc tiếp tế gạo Bắc phần Việt Nam” xay được tất cả trong kỳ thứ nhất năm tấn gạo chia làm hai mươi bốn nơi bán, mỗi nơi có hai tạ tức là hai trăm cân gạo bán mà số người mua ở mỗi hợp tác xã mỗi ngày ước chừng... một ngàn người.

Ai cũng có một.. dûm gạo nhỏ để ăn cho no bụng.

Ông Đỗ Tương đi quan sát hai mươi bốn hợp tác xã trong ngày hôm ấy, sướng quá, cười nhe cả hai hàm răng sún.

Ông sướng nhất là gạo đã bán được cho đủ mọi hạng người – không riêng hạng vô sản mới được mua đâu, cả tư bản cũng có quyền mua nữa! – mà giá bán lại cũng không đắt lắm. Tính ra thì gạo ấy chỉ có bảy trăm tám mươi đồng một tạ. Ngoài phố, có ý rẻ hơn một tí – bảy trăm hai – nhưng nhẹ, trắng, mà trong hạt, ăn chóng đói.

Còn “gạo Đỗ Tương”, chế theo “phương pháp Đỗ Tương”, một bát bằng hai bát.. ăn vào phải biết là no lâu. Bởi vì trong gạo lại có lẫn cả cát và nhiều sỏi nữa!

Ông Đỗ Tương lại nhe hai hàm răng sún ra cười vang một mình. May quá. Không có ông thì phen này chết cả thủ đô. Chỉ phàn nàn có một điều là làm việc này, ông đã phải hi sinh nhiều quá. Dúng lẽ, gạo phải tinh tám trăm đồng mới hòa vốn nhưng thôi, không

cần. Mình làm việc này là để phúc cho con. Và ít ra mình cũng tự hào được với đồng bào và người ngoại quốc mình cũng đã đem một phần nào cái tài học và tâm huyết của mình ra để triệt để phụng sự nền độc lập và thống nhất cho tổ quốc Việt Nam bất diệt.

*Tiểu thuyết thuỷ bảy, Hà Nội, số 17 (23/7/1949)*

## Lá cờ trên công sở

Hàng Oversea (New Agency) vừa đây có một tin rất nhiều ý nghĩa mà ít báo dịch đăng. Đó là cái tin về lá cờ trên công sở nọ ở nước Đan Mạch vậy. Nước Đan Mạch, như các bạn đọc đã biết, là một nước ít lâu nay bị Đại Đức đem quân đến đóng. Đóng nhưng, giữa Đại Đức và Đan Mạch, hai bên đều có ký hợp ước riêng. Thì hôm mới đây, như không nhớ đến hợp ước đó, Đại Đức cho cắm cờ lên một công sở Đan Mạch. Vua Đan Mạch thấy lá cờ treo như thế, không đúng như hợp ước, bèn tìm một sĩ quan Đức nói chuyện việc này. Viên sĩ quan trả lời vắn tắt:

- Đó là theo mệnh lệnh của chính phủ Bá Linh. Tôi không thể làm khác được.

Nhà vua bèn nói rằng:

- Ông không thể làm khác được? Nhưng tôi cứ khuyên ông nên cất lá cờ đó trước trưa nay. Nếu không, tôi sẽ cho người đem cất nó đi chỗ khác.

Đến giữa trưa, lá cờ Đại Đức vẫn cứ treo như thường.

Nhà vua Christian báo trước rằng ngài sẽ sai một tên lính Đan Mạch trèo lên cất lá cờ đó đi.

Viên sĩ quan Đại Đức đáp:

- Chúng tôi sẽ bắn vào tên lính đó.

Nhà vua trả lời:

- Nếu thế, thì tên lính đó, chính là tôi vậy.

Một lát qua, Viên sĩ quan Đại Đức cho hạ lá cờ chữ “Vạn”.

\*\*\*

Cái tin vắn tắt đó, vứt ra giữa lúc thế giới tàn sát nhau, đã làm cho người xem tin thấy đỡ trống trải ở lòng. Người ta chưa tuyệt vọng. Bởi vì người ta thấy rằng, dù cuộc đời biến chuyển đến thế nào đi chăng nữa, bao giờ Lê Phái cũng được người ta tôn trọng. Những sự thấp hèn phải đào thải. Chỉ có những cái gì cao thượng là còn mãi mãi với thời gian. Truyền xưa để lại bao nhiêu thí dụ đến bây giờ: thầy Đường Tam Tạng đi thỉnh kinh gặp trăm ngàn nguy hiểm ở dọc đường, nào là quỷ sứ định ăn thịt, nào là tà ma nhũng nhiễu, vậy mà vì một lòng tin tưởng mãnh liệt

với một khối óc cao thượng không hai, thầy đã đạt được mục đích của mình; Dự Nhượng chết đi sống lại bao phen, nhưng bởi vì trong lòng nuôi một sự trả thù cao thượng nên cũng đã làm trọng phận sự trước khi nhắm mắt.

Khi nhắm mắt, người ta mới biết kẻ hay người dở. Ở vào cái đời sống của chúng ta, tôi thấy rằng bất cứ người nào cũng có thể làm điều ác được, như trong câu truyện “Người Pha-ri-si và kẻ thu thuế”; duy có mỗi một điều người ta sợ mà thôi: điều đó là Lê Phải.

## KIỂM DUYỆT BỎ

*Tiểu thuyết thứ bảy, Hà Nội, số 356 năm 1941*

# Buổi chiều ngày giỗ tổ

Chiều nay, trời rét. Mới hôm qua, trời còn nắng như thiêu. Quần áo nực đã cất rồi. Cái rét tháng ba này chẳng mấy. Anh ta ngại, không buồn lấy ra mặc nữa. Anh ta ngồi ở nhà và ngồi lặng trên bàn viết một mình. Anh ta đăm chiêu, khổ sở và trông giống một ông già dưới mớ tóc hoa râm. Ánh sáng xanh dịu của ngọn đèn dễ làm cho lòng ta đôn hậu. Tuy vậy, không ai cấm anh ta nghĩ ngợi lan man bởi vì những sách vở đồ đạc của anh ta, bừa bãi trong phòng, đều có linh hồn cả. Mỗi quyển sách, mỗi đồ vật đều nói chuyện với anh ta về một xứ sở, một nhân vật, một sự thăng trầm, một chiến công hiển hách, hay một giờ vui giờ buồn.

Giờ là mấy giờ rồi? Đêm đã lịm. Anh ta nghĩ đến một ngày đã mất. Mà ngày đó là ngày gì?

Một ngày của lịch sử. Ngày hội đền Hùng Vương.  
Ngày các con cháu kéo nhau đi giỗ tổ.

Năm nay, có người lại tổ chức cuộc đi giỗ tổ long trọng lắm.

Từ căn phòng nhỏ hẹp này, anh ta còn như thấy vọng đến bên tai những tiếng huyên náo của buổi sáng hôm ấy, vô cùng rộn rịp. Hàng ngàn người chen chúc trên xe lửa đi Phú Thọ. Hành khách tranh nhau, ô tô tranh nhau, những nhà tổ chức tranh nhau. Anh ta nghe thấy bạn bè kể lại rằng người ta lại tranh nhau để vòng hoa lên mộ tổ. Một nhạc sĩ lại đem đàn lên đó khẩy và hát điệu horsey – horsey “Yêu nhau đi chiều hôm tối rồi!”.

Ôi! Những cuộc họp tung bừng như thế ở trước ông tổ chung của nước ta gợi cảm biết bao nhiêu. Anh thấy như ông tổ chung đó ngồi nhìn anh. Và anh buồn. Vì ông tổ ấy cũng là ông tổ của anh, mà chỉ vì nghèo, không có sáu bảy đồng bạc nên ban sáng anh đã không thể lên chiêm bái Ngài trên mộ.

Chiều nay, trời rét. Sự mơ mộng của tôi sẽ có thêm sức mạnh. Tôi thấy mấy cuốn sách trên bàn. Đó là bộ sủ. Buổi chiều ngày giỗ tổ râu rí vì không được dịp lên thăm mộ tổ – còn có đồ vật nào đem so sánh được với pho sứ ấy. Đó là một mối an ủi anh, đó là tất cả các trò quỷ thuật. Ngày xưa người ta kể chuyện rằng những thầy phù thủy của ta vẫn luyện âm binh nhốt vào trong lọ sứ, hễ khi nào mở nút lọ ra, thì các âm

binh đó chạy đi chạy lại ở trong nhà và có khi kéo cả ra đường và nghĩa địa.

Hai quyển sử để trên bàn cũng giống như những cái lọ sú thần kia vậy. Mở trang sách ra xem, ta thấy cả một đất nước bay ra. Ta tưởng rằng bộ sử chỉ để cho ta đọc vơ vẩn lúc tàn canh. Không. Ở pho sử ấy, ta thấy bước ra mười tám vị Hùng Vương gây dựng đất nước ta, bà Âu Cơ để ra trăm trứng, ông Đinh Bộ Lĩnh, vua Lê Thái Tổ, đúc Trần Hưng Đạo đánh đuổi quân Nguyên dữ dội.

Người trẻ tuổi thấy mình như được trời cứu vớt.

Anh ta nhẹ hẵn người:

- Thôi, ta không cần phải sâu khổ nữa. Những người có đồng tiền đi thăm mộ tổ sáng nay chưa chắc đã được “huởng” nhiều bằng ta. Họ đi mệt mỏi, họ nghe thấy đàn địch ca hát nhiều, họ mải đặt vòng hoa, nhìn, ngắm, và trò chuyện, có khi vì thế mà họ không kịp nghĩ đến lịch sử của ông tổ chúng ta nằm đó!

Người thanh niên thấy lòng lại bình tĩnh như thường. Anh ta thấy rằng anh ta đã may mắn vì không có tiền đi thăm mộ tổ. Mà vì có may mắn phải ở nhà như thế, hôm nay, anh ta mới dở lại pho sử để xem. Xem sử tức là nuôi linh hồn mình. Trong một lúc, người thanh niên đã dóm lại mớ lửa trong lòng và đem thân ra làm sống tất cả một dân tộc có bao nhiêu vị anh hùng liệt nữ.

Gà đã gáy. Đêm hồn tàn. Người đọc sách đứng dậy ra gần cửa sổ. Đằng xa, những tiếng động tắt dần. Trên trời, sao lấp lánh. Người ta tưởng như thấy không gian vô biên vậy.

Trong khoảng đó, chuông đồng hồ đánh bốn tiếng ngân nga, chậm chạp, lạnh lẽo. Những tiếng chuông ấy hình như nghiến nát một ngày nữa vào dĩ vãng.

- Ta sẽ thức đến sáng. Hôm qua, nếu ta đi thăm mộ tổ thì có lẽ bây giờ vì nhọc mệt, ta đã ngủ mất rồi. Còn đâu mà có được những cảm tưởng bé nhỏ nhưng thành thực kia!

*Tiểu thuyết thư bảy, Hà Nội, số 358 (26.4.1941)*

# Tôi vừa trẩy hội chùa Hương về khi nãy

Tôi vừa về nhà được hai tiếng đồng hồ thì vội vàng lấy giấy ghi ngay những ý nghĩ về cuộc hành trình đó lại. Hai năm trời ăn ngủ thất thường trong những quán trọ tồi tàn ở đèo Suối; ngồi nằm luộm thuộm ở trên một cái đò mục nát chõ bến Đục; rồi đi, rồi trèo, rồi lê gót trên những ngọn núi cao từ chùa Ngoài vào chùa Trong, rồi lên đến chùa Tiên; bấy nhiêu sự nhọc mệt đó hiện giờ như hãy còn trong xương, trong máu tôi, nhưng không một phút nào cái “bầu trời cảnh phật”, cái “động đứng vào bức nhất trời Nam” đó lại nhòa trong trí óc tôi, tôi vẫn còn thấy như đương hít cái mùi gió núi. Cảnh hùng vĩ của những rừng mai mà thi sĩ bảo là có “chim cúng trái”, cái đẹp muôn màu sắc của những khe suối có giống “cá vẫn nổi lên để nghe kinh” làm cho tôi có

một lúc đã thấy tất cả cái đẹp cao kỳ, cái thiêng liêng bất tận của non sông đất nước ta. Tôi đi chùa Hương chuyến này không phải là chuyến nhất. Chuyến thứ bảy hay chuyến thứ mười? Tôi cũng không nhớ rõ làm gì, nhưng tôi nghiệm ra rằng chuyến nào cũng vậy, tôi cũng thấy những cái đẹp, những cái thiêng liêng mỗi ngày một thêm ra, mà càng thấy đẹp, càng thấy thiêng liêng như thế bao nhiêu, tôi lại càng sợ cái bàn tay huyền bí của Trời, Phật, hình như ngồi ở chung quanh tôi, trong những “cái am Phật tích hay động Tuyệt kinh, đá ngũ sắc long lanh như gấm dệt”. Các vị đó ngồi nhìn đám thế nhân đã mấy nghìn mấy vạn năm rồi? Chao ôi, còn ai mà có thể biết được nữa. Có biết chẳng là biết rằng các ngài lúc nào cũng thương xót ta, cứu giúp ta, và lần trẩy hội chùa nào cũng vậy, tôi cũng có cảm giác như các ngài lúc nào cũng hóa phép màu nhiệm làm cho lòng tôi đỡ ác, cho tư tưởng tôi đôn hậu. Tôi nghĩ như đã từ bao nhiêu lâu nay rồi, từ kiếp trước, kiếp trước nữa, các ngài đã ở đó nhìn tôi, xét lòng tôi, vì hình như từ kiếp trước tôi đã vào những cái động này rồi thì phải. Một sự nghĩ ngợi như thế không phải là nhỏ đâu. Lòng tin tưởng vào một đấng Tối Cao, những ngày trẩy hội chùa như vậy đã thay đổi hết cả những cử chỉ, những tính tình và những tập quán của tôi; hơn nữa, nó lại thay đổi hết cả quan niệm của tôi về đời. Người ta từ cái nguồn sâu xa nhất của cảm tình, của ý nghĩ, của dục vọng và của tâm trí đều như có một phép màu hiện đến làm thay đổi cả.

Những nhà đạo đức từ xưa vẫn dạy rằng người ta yêu thương nhau không phải là theo lòng, nhưng là theo cái sức của người ta. Chính thế sự tin tưởng của tôi, những khi đi trẩy hội chùa Hương, chính đã đưa tôi, đã giục tôi yêu thương vậy. Nói rằng tôn giáo đã đem cho người ta cái sức để mà yêu thương anh em bè bạn thực là đúng quá. Người mà đã sa ngã ấy là người đã mất lòng tin. Ở chốn thị thành xe ngựa, có bao nhiêu là tiệm thuốc, nhà nhảy, quán rượu, lầu hồng, cái lòng tin tưởng cao siêu dễ mất. Nhưng hỡi ai đã thấy mất cái tốt đẹp nhất của lòng, một mùa xuân, hãy chống cái gậy trúc leo lên những ngọn núi chùa Hương nghe tiếng chày kinh và bước mãi lên chỗ cao nhất núi, thế nào bạn cũng thấy rằng bạn say vì đạo... tôn giáo sẽ thống trị thiên tính và làm cho người ta nhẫn nại, an phận và sung sướng trong cảnh khổ. Cái lòng tin tưởng rằng Trời, Phật luôn luôn ở cạnh ta có một phép màu nhiệm và đắc dụng hơn hết cả những sự giúp đỡ của người đời vậy.

Cho nên đi trẩy hội chùa năm nào cũng thế, tôi lấy làm thán phục những cụ già, những thiếu phụ và thiếu nữ, thường thường đi trẩy hội chùa rất sớm, vẻ từ bi ở trong mắt, câu Nam mô ở trên môi, cứ ra công lặn lội leo trèo trên những dải núi gập ghềnh, trắc trở. Ở trong lòng những người này, chắc đôi khi cũng có nhiều sự khổ não lắm đây. Họ đi lễ như thế này là để cầu Trời, Phật thương xót họ, phù hộ độ trì cho họ - có khi họ cũng chẳng cầu điều gì to tát

lắm đâu! – Nhưng năm nào họ cũng cứ đi như thế. Ở nhà, có khi họ tưởng không thể nào đi được đến chùa Trong. Nhưng đến nơi thì không những vào được đến chùa Trong mà thôi, họ lại ra về được, mà ra về khỏe khoắn hơn cả lúc ra đi nữa.

Tôi mới biết rằng, quả thực, cái lòng tin mạnh nhất ở trên đời. Cái đỉnh núi chùa Hương kia - biết đâu lại chẳng như đỉnh núi Calvaire - cao thâm là thế, nếu người ta tin rằng trèo được thì trèo phải được. Không tin, không trèo, thì bao giờ gần Trời. Những người có công không bao giờ bị phụ. Tôi đã nói rằng Trời, Phật lúc nào cũng thương xót ta, cứu giúp ta.. Mặc những người không trèo núi. Họ sẽ không bao giờ được hưởng gió mát cho tâm hồn. Không tin thì không được. Tin cái gì thì được trời cho cái ấy. Tin rằng khổ thì sẽ khổ, tin rằng sướng thì được sướng.

Văn hào Paul Claudel chẳng đã nói rằng:

“Phải tin, phải tin đi. Một người có lòng tin bao giờ cũng hơn người thường. Cái lòng tin ấy có lầm lẫn đi chăng nữa, mặc dầu, đó cũng vẫn cứ là một lòng tin, một sức khỏe đem ra dùng vậy”.

Bạn ơi, tôi đã trẩy hội chùa Hương về khi nãy. Tôi đã thấy một bí quyết hạnh phúc ở đời và tôi muốn rằng hạnh phúc ấy bạn cũng sẽ có như tôi vậy. Chớ buồn. Nhưng phải tin, tin ở đấng Tối Cao.

Tin ở Hạnh phúc sẽ có Hạnh phúc.

Tin ở Tương lai sẽ có Tương lai.

Mà tin ở Quốc gia, thể nào Quốc gia cũng có một ngày hưng thịnh.

Sự đau khổ bây giờ là một bài học sấp sẵn cho người ta nhận lấy một Ngày Mai trong sáng.

*Tiểu thuyết thứ bảy, Hà Nội, số 353 (23/3/1941)*

## Một chữ bẻ làm đôi

Đây là một chuyện thực không thêm không bớt một ly gì. Hai nhân vật chính hiện giờ còn sống cả. Chuyện của họ vừa xảy ra ở tỉnh Vinh hôm rồi. Cô giáo Thúy Ái và ông Nguyễn Nhiên, thư ký bang tá, biết nhau đã lâu. Mãi đến hồi đầu tháng trước đây, họ mới chính thức lấy nhau: thiếp mời, ăn uống... đó là một đám cưới vì tình chứ không phải ép uổng do hai bên cha mẹ. Một đám cưới như thế, cố nhiên phải vui vẻ. Cô dâu chú rể yêu mến nhau và hưởng mười ngày trăng mật đầy thơ mộng như trong tiểu thuyết. Thế rồi thì...

Hôm 19 Avril, ông Nguyễn Nhiên đi mần công chuyện, về nhà thấy cửa buồng đóng kín. Đập, kêu, hò chẳng thấy vợ thưa, ông Nhiên nghi ngờ gọi người nhà phá cửa vào xem thì, chao ôi, cô giáo Thúy Ái nằm bất tỉnh ở đó với một chai thuốc độc. Cô tự tử.

Và cũng như nhiều người tự tử khác, cô để lại hai bức thư: một bức thư cho nhà chức trách nói rằng cái chết bất đắc kỳ tử của cô không có quan hệ đến ai đâu, còn một bức thư thì để cho chồng, xin lỗi chồng rằng “anh ơi, anh yêu quý của em ơi, em không xứng đáng làm vợ anh nên xin chết để tạ lòng tri kỷ”.

Cô giáo Thúy Ái không quên cho ta biết nguyên nhân cái chết của cô: đó là cái nguyên nhân rất cũ, gần như là sáo mà người ta vẫn thường viện tới luôn luôn: mới, cũ giao nhau; hai gia đình, hai lý tưởng: “anh ơi chúng ta là đôi thái cực, hai nhà chúng ta không bao giờ hiểu được nhau, em không tin em có thể gây hạnh phúc cho anh sau này được. Nhờ anh gửi lời chào cậu mơ dùm em”.

Người bạc mệnh ấy, may thay, lại được thầy thuốc cứu sống ngay lúc ấy. Người viết tin ở báo hàng ngày thở dài mà hạ câu này: “Mình dầu muốn thác, trời nào có cho!”.

Cô giáo Thúy Ái còn nặng nợ trần duyên thực. Nhưng cô cũng không chịu thua số mệnh đâu. Cô bảo “Nếu cô không chết phen này thì sẽ chết phen khác. Nếu không muốn cho cô chết thì tốt hơn hết là cho cô đi ở chùa như cô Kiều ngày xưa”. Ông Nguyễn Nhiên, làm Kim Trọng, đã hết lời dụ dỗ nhưng cô quyết chẳng nghe. Ông Nhiên đành phải bàng lòng vậy và sau đấy một hôm, cô Thúy Ái tự tay viết ly tờ, cho chồng tự do lấy vợ khác, còn cô, cô không biết về người đàn ông này nữa.

Giá nhân vật chính trong chuyện này là hạng người tầm thường không đáng đếm xỉa thì người ta chỉ hạ ba chữ “Đồ hèn nhát!” cho người tự tử. Đằng này không. Cô Thúy Ái và ông Nguyễn Nhiên ở tỉnh Vinh, lại được kể là hạng người có học, nên bà con bàn tán rất lâu. Người ta muốn biết cái nguyên nhân chính của vụ tự tử này và người ta lấy làm lạ rằng cô Thúy Ái trong mươi ngày ăn ở với chồng, chưa thể hiểu hết cả chồng và nhà chồng được, mà sao đã tính đến chuyện ly dị, viết giấy cho chồng tự do lấy vợ khác?

Đó tưởng cũng là một việc nên để ý trong khi phẩm bình... Riêng tôi, thì tôi lấy làm lạ rằng cuộc hôn nhân này là một cuộc hôn nhân về tình, cha mẹ đôi bên không ép thì cớ sao người ta lôi các bậc cha mẹ vào đâu? Ông Nguyễn Nhiên và cô giáo Thúy Ái, tự họ, họ có thể gây lấy hạnh phúc riêng, chớ việc gì mà cô Thúy Ái phải hủy mình đi như vậy. Thực là khó hiểu. Khó hiểu cũng như người ta khó hiểu thanh niên nam nữ ngày nay không biết họ nghĩ sao mà họ coi những chuyện tự tử rất thường – mà bảo tự tử vì một mục đích gì cho cam, họ tự tử nhiều khi không vì một mục đích gì hết, họ coi thân họ chỉ là của họ, họ có quyền hủy bỏ nó như hủy bỏ một cái giẻ lau tay vậy.

Dù sao, câu chuyện tự tử ở đây tôi cũng không muốn nói dài bởi vì nhiều người đã nói đến l้า lăm rồi. Tôi, tôi chỉ muốn nói đến đoạn cuối tẩm thảm kịch: đó là việc cô Thúy Ái ly dị chồng. Mười ngày

ăn ở với nhau chưa có chuyện gì hết mà đã xin ly dị! Vậy chớ không biết người ta coi hôn nhân là cái gì chớ? Mà ly dị mới là cái gì nữa chớ?

Hai điều này, có cô Thúy Ái trả lời.

Duy cứ mắt kẽ này xem ít lâu nay thì ở xã hội ta, không hiểu vì có một ngọn gió ở đâu thổi tới, những chuyện lấy nhau rồi bỏ, người ta xem rất thường. Ngày xưa Thúc Sinh gặp Kiều ở gác kinh, vĩnh biệt Kiều có câu rằng:

... Cắn răng bẻ một chữ đồng làm hai.

Thẹn mình đá nát vàng phai...

Ý nói rằng đôi trai gái phải biệt nhau, xa nhau (chứ đừng nói là ly dị với) thì đau khổ không bút nào tả được, chữ đồng là được mà phải bẻ làm hai là thẹn...

Bây giờ thì không. Không mấy ngày các báo ở đây không đăng truyện bỏ nhau: ly dị là việc cơm bữa, cái thiêng liêng ở trong sự hôn nhân không còn được trọng nữa, thành thủ gia đình ở xã hội ta gần như không được có một cái gì che chở cả.

Âu đó cũng là một việc đáng phàn nàn. Thiết tưởng trong lúc người ta đương chú trọng về gia đình để cải tổ lại xã hội, người ta cũng nên nghĩ mà hạn chế chuyện ly dị cho mỗi ngày một ít đi.

Ông Barthélémy, tổng trưởng bộ tư pháp ở Pháp, vừa đây có nói ở trong ống truyền thanh khá dài về vấn đề này:

- Trước đây người ta chỉ chú ý đến cá nhân. Từ bây giờ trở đi, người đàn ông, người công dân phải đem xét ngang với quyền lợi chung và coi là cao ở quốc gia. Mà quốc gia thì quốc gia cần trước hết những gia đình đồng đúc. Quốc gia chỉ có thể toát được khi nó có những người cha đứng ở hàng đầu và những người mẹ được kính trọng và trùm mến.

Coi vậy, sự thịnh suy của quốc gia, một phần lớn là trông vào đạo đức; một nước muốn tiến không thể để cho những cái đồi phong bại tục mỗi ngày một nhiều thêm, trái lại, phải bài trừ. Mà đã nói đến bài trừ, thiết tưởng việc ly dị là một việc ta nên bài trừ trước hết.

Sự thực, việc ly dị giữa những cặp vợ chồng có thể trừ tiệt được không?

Ông Barthélémy nói rằng:

- Không. Không thể bỏ hẳn việc ly dị được. Nhưng hôn nhân, từ giờ, người ta phải coi là một chuyện đứng đắn thiêng liêng mà ly dị thì là một chế độ đặc biệt, chỉ khi nào tình thế không còn thể cứu vãn được thì mới phải dùng đến phương thuốc ấy. Muốn ly dị nhau, người ta từ giờ không thể viện những lý lẽ viển vông hay những chuyện xích mích nhỏ nhặt qua đi trong chốc lát, nhưng cần phải có những nguyên nhân sắt đá, chắc chắn, nếu không ly dị thì không thể nào sống được.

Bởi vậy, thống chế Pétain vừa ký một đạo luật mới về việc ly dị như sau này:

1. Quan xử án phải dùng các cách để điều đình cho hai vợ chồng.
2. Vợ chồng lấy nhau trong ba năm không thể ly dị được.
3. Người đàn bà ly dị được hưởng một món tiền phụ cấp.
4. Những cuộc xử những vụ ly dị này không cho công chúng vào xem.
5. Những biện sự phòng lo chạy chọt về những vụ ly dị đều phải đóng cửa.

Đó là đạo luật mới ban bố ở Pháp về việc ly dị vậy.

Thực là một đạo luật rất hợp thời, nó cho ta xét lại “nhân tâm và phong tục”.

Nước ta, nếu quả như muốn tiến, nếu quả như muốn rằng ngày mai sẽ trở nên một nước “khỏe mạnh và sạch sẽ”, thiết tưởng ngay bây giờ mọi gia đình bất hòa đều nên ngẫm nghĩ về đạo luật mới này. Những cặp vợ chồng bất mãn về tình nên chú ý đến hạnh phúc của nhà của nước trước đã rồi hãy nghĩ đến cá nhân sau, những chuyện ly dị mong rằng mỗi ngày mỗi bớt, may ra vì thế mà gia đình sẽ không bị thương tổn vậy.

Ta nên buồn rầu mà nhận rằng cái đại nghĩa của những đại gia đình nước ta, ít lâu nay, đã gần như không còn...

*Tiểu thuyết thứ bảy, Hà Nội, số 360 (10/5/1941)*

# Giọt máu ở trên cánh thần tình ái

Trong tuần lễ vừa qua ở Nam kỳ có tới  
sáu đám chồng đám chết vợ

**N**gười ta vẫn thường nói tới tai tôi rằng các báo  
ít lâu nay, về phía báo hằng ngày hay hằng  
tuần cũng vậy, bạn phụ nữ chiếm một phần quan hệ  
trong bọn người đọc nó.

Báo hằng ngày họ đọc để biết tin. Còn đọc báo  
hằng tuần, thì họ tìm những cái gì hợp với tâm họ –  
họ, những người lanh lợi, thông minh và đa cảm, hay  
suy xa rộng và khéo nhận ở trong một cái thảm  
kịch xảy trong chốc lát thấy cái thảm kịch của cả một  
đời người, cái đời người đau khổ tǎ ở trong tiểu thuyết  
trên những tờ tuần báo. Bởi vì một nhát dao, một viên  
đạn nổ ra giết chết một mạng người, chẳng qua chỉ  
là một cái kết cục mà thôi, một sự giải thoát mà thôi.  
Chứ thực ra thì tấn thảm kịch chính đã xảy ra tự bao  
giờ, làm cho người ta ngày không ăn, đêm không ngủ,  
và xâu xé và vò nát một trái tim đau đớn...

Đó là những ngày tươi đẹp nhất của đời người bởi vì đôi thanh niên ấy vừa lấy nhau. Một người đàn bà tin tưởng ở hạnh phúc của mình của gia đình mình, mở mắt nhìn một cái tương lai rực rỡ như ngôi sao bắc đẩu. Có không ư? Người đàn bà ấy có quyền như thế lắm, nhưng, đêm nay, nàng đứng dựa cửa đợi chồng vì đến giờ này chồng nàng vẫn chưa về.

Trời tối mịt mùng. Gió lạnh. Chưa bao giờ, thực chưa bao giờ người đàn ông ấy lại về chậm như đêm nay, để cho người đàn bà kia sợ hãi một mình như thế. Nàng bắt đầu nóng ruột và thấy lo sợ vu vơ... sợ một cái tai nạn gì đã xảy ra; sợ một bệnh tật đột nhiên mà người đàn ông ấy không có vợ yêu bên cạnh để chăm nom săn sóc; sợ một chuyện phụ tình xảy ra như cơn bùa đã thêu dệt nên những đoạn thảm khốc trong đời những người đàn bà mà chẳng biết tên.

Trời tối mịt mùng. Gió lạnh. Người đàn bà bỗng nghe thấy tiếng chân bước ở cầu thang. Một giờ ruồi khuya. Nàng không dám động đậy. Cạch! Cạch! Cửa mở! Chao ôi, nàng có ngờ đâu đến thế này: người đàn ông vừa vào đó, người đàn ông mà nàng yêu thương kính trọng có thể hi sinh tính mạng, tài sản đó – chồng nàng – đã thành nhơ nhớp vì sa vào nơi trụy lạc. Trong một phút, người vợ nhu mì kia đã thấy sự thực ghê tởm nhất trần đời: người đàn ông mà nàng thờ phụng đã đứng kia và say rượu, và nói nhảm, và hấy còn ghi ở quần áo, ở mặt mũi và đầu tóc những thú vui bẩn thỉu ở làng phấn son.

Nước mắt chan hòa ra ở trên má người đàn bà trẻ tuổi. Giọng nói của nàng như bể tắc, nghẹn ngào; nàng kêu to sự thất vọng; thế là tấn bi kịch xảy ra, tấn kịch chưa đựng tất cả những mầm giống của một tương lai sầu khổ.

Ở đầu giường, một người mẹ hiền từ ngồi săn sóc đứa trẻ đương ngủ một giấc ngủ của thiên thần. Mặt người mẹ trẻ tuổi ấy buồn rười rượi. Nhưng ở đâu mà cuối mắt nàng sự hi sinh, sự thương mến sáng ngời lên. Nàng hình như muốn đem hết cả tim óc với tất cả cái gì cao quý nhất đem truyền sang cho đứa trẻ.

Phải, phải, đứa trẻ ấy là con nàng, bởi vì ở đời, cuộc tình duyên nào – nhất là những cuộc tình duyên sầu khổ – lại không mang đến một đứa con? Đứa con ấy, bây giờ, là tất cả cuộc đời của thiếu phụ bị chồng ruồng rãy. Tình mẫu tử bây giờ thế vào tình yêu. Người đàn bà khốn nạn ấy thấy mình cũng đỡ khổ đôi ba phần.

Hôm nay, đứa trẻ ấy ngủ một giấc ngủ của thiên thần. Nó hâm hấp sốt nên mẹ nó phải thức để thuốc thang cho nó.

Đêm tối mịt mùng. Gió lạnh. Và trong sự lặng im của đêm khuya, nàng lại thấy diễn ra ở trước mắt tất cả những ngày bất hạnh âm của âm nhả; người đàn ông cáu kỉnh, chửi mèo mắng chó; những bữa cơm chẳng lành, canh chẳng ngon; bao nhiêu là cuộc cãi lộn chẳng ra đâu vào đâu hết nhưng có cái ác quả là đâu độc tất cả cuộc sống hàng ngày vậy.

Người đàn bà nọ bèn lắc đầu chua chát, nhìn đứa con rồi chép miệng:

- Đây, đây là kết quả của ái tình đây!

Và bưng mặt khóc một mình trong bóng tối. Nàng khóc một mình trong bóng tối nhưng vẻ đẹp vẫn nồng nàn: đôi mắt sáng, làn môi tươi và một cái buồn dỗ cảm lòng người trong cursive, trong ngôn ngữ... Chao ôi, bao nhiêu người đàn ông đã mê nàng... Nếu nàng muốn... nếu nàng muốn... nàng cũng có thể sung sướng được. Nhưng không. Những ý tưởng càn dở kia không một lúc nào đến với nàng, nàng chỉ muốn làm mẹ của con nàng, nàng chỉ muốn làm vợ của chồng nàng, bởi vì nàng vẫn muốn lôi người đàn ông kia về với gia đình, người đàn ông chỉ mang sự đau khổ và rắc rối cho vợ con, nhưng dù sao đi nữa thì cũng vẫn là chồng nàng vậy.

Bao nhiêu sự cố gắng của người đàn bà nọ đều vô ích. Người đàn ông vẫn đi theo khoái lạc ở bên ngoài và bỏ mặc nàng với một mình nàng; nàng thấy mình thua cuộc, vừa xấu hổ, vừa tức... và lầm lũi xót xa nhục nhã vì thấy tấm lòng thành thực của một người đàn bà chung thủy bị thương.

Đi! Phải đi mới được! Phải ấm con bé ra đi để thoát ly người đàn ông tàn ác. Đừng cho nó khóc, bước se sít thôi, mở khóa, lén ra đường rồi thuê xe đi tuốt về nhà mẹ đẻ, lúc nào cũng ngóng ngóng đợi... thế là xong! Nhưng không, không thể thế được, hỡi người thiếu phụ! Đàn ông dù rắn gan rắn ruột đến thế

nào cũng yêu con. Mà đứa con, lẽ giờ sinh vẫn thế, có bao giờ lại không yêu nó? Nàng, không thể mang con về nhà mẹ. Như thế là ăn cắp trẻ. Nàng không có quyền chia rẽ cái tình cha con nó được. Nàng không thể bắt nó bỏ cái mái nhà thân yêu của nó, cái không khí gia đình của nó.

Thế hay là nàng ra đi một mình? Cũng không thể được. Đứa trẻ kia lúc này cần có mẹ hơn cả cha, nàng không nhẫn tâm thế được, xin trời chứng giám. Thôi, con, con ngủ đi con. Mẹ lúc nào cũng ở cạnh con, che chở con, xót xa con. Hai người, một người đàn ông và một người đàn bà, đã tạo ra con sẽ ở mãi với nhau một nhà, để cho con sau này khỏi phải ân hận hay thù oán cái thời kỳ thơ ấu. Con còn nhỏ, con chưa làm nên tội, lương tâm con hãy còn sạch như lau mà đã phải chứng kiến những cuộc cãi lộn và xô xát, tưởng đã khổ não lắm rồi, mẹ không thể làm tình làm tội con thêm nữa. Con nhắm mắt ngủ đi và mẹ sẽ có can đảm để phấn đấu, để hi sinh, để nhẫn nhục chịu cái tội trời dày mẹ.

Chuyện đó là gì vậy? Có phải là một tin thời sự không? Vâng đó là một tin thời sự, một chuyện thực của đời người, của bao nhiêu đời người đàn bà thầm nhuần nho giáo. Và đó cũng là đời của bà Nguyễn Thị K... ở Nam kỳ lấy chồng là Trần Sỹ C... thư ký kế toán của nhà buôn kia.

Như lời nhà thi sĩ, một ngày kia, cái “cốc rượu ân ái” của đôi lứa này “đầy quá, tràn ra”. Đứa trẻ nằm ở

giường kia lớn lên, đi học và chốc chốc đã mười bốn tuổi. Nó không cần đến sự chăm nom của mẹ. Nó đã tập từng bước một mình trên đường đời. Và bà Nguyễn Thị K... lúc bấy giờ đã đeo nặng một tấm lòng đau đớn, lúc bấy giờ không thể chịu đựng hơn, mới thực hành những ý nghĩ mười năm về trước: bà về ở với mẹ để mong khuây khỏa nỗi buồn của tất cả một kiếp nhân sinh, và có một ý định là theo gương mẹ tìm sự an ủi ở trước bàn thờ Phật.

Nhưng người đàn ông, từ khi vắng bóng người đàn bà ở gia đình, tự nhiên thấy đơn độc một cách ghê gớm. Cái nhà ở rộng quá, những kỷ niệm cũ giày vò người ta quá. Y bèn uống rượu thực say rồi dắt con đến tìm mẹ nó ở nhà bà. Tội nghiệp đứa bé, nó ngây thơ, vô tội, nào có biết gì đâu: nó muốn cho cha mẹ nó xum họp, nên, chao ôi, nó đến lấy mẹ nó về nhà với cha con nó.

Không muốn cho con khổ, người đàn bà duyên kiếp chẳng may kia ngần ngại mãi sau đành phải thuận. Thuận tiếp chồng, thuận tiếp cái người đàn ông đã làm tan nát một đời người. Bà mẹ già lần tràng hạt. Đứa con hi vọng ở tương lai. Bà Nguyễn Thị K... và ông Trần Sỹ C... đang nói chuyện.

Bỗng tự nhiên, không hiểu vì câu nói khốn nạn gì – hay là vì K... không chịu quay về nhà mà lười dao “con chó” hoa lê... Một tiếng kêu khủng khiếp, và người đàn bà đau khổ mở tròng tròng con mắt nambiết giây giữa trên vũng máu.

Viết đến những dòng này, tôi nghĩ đến những người đàn bà đau khổ đọc đến đây chắc cũng thấy hồi hộp trong lòng; hoặc sợ hãi những cảnh ngộ hay những nỗi thương tâm này; hoặc quắn quại với những kỷ niệm như kỷ niệm này.

Tôi nhớ đến những người đàn bà sống một cuộc đời tối tăm, nhẫn nhục của nước ta lấy gia đình làm tôn giáo, chồng con làm lòng tin, lấy đức can đảm và lòng hi sinh làm vôi, cát mà xây dựng cái tòa nhà xã hội.

Tôi lại nhớ đến cả những người, một buổi sáng thảm sâu kia, nhọc mệt quá, không thể gượng gạo thêm được nữa, đã theo tiếng gọi Hototogicou trong câu chuyện Nhật, tìm cách giải thoát mình ra khỏi cái cuộc sống hôi tanh. Và tôi thương xót những người bạc mệnh này lắm lắm. Ở tỉnh tôi, cách đây đã năm sáu năm rồi, tôi có biết một người đàn bà theo tân học lấy phải một ông chồng đàng điếm lắm. Ông này đóng kịch, quen nhiều bạn gái và được nhiều điều may mắn trong tình trường. Bà ta ngăn không được. Ông ta lấy tiền của vợ cho gái; nhiều khi đem gái về nhà; ông ta “đào mỏ” vợ cho đến khi vợ hết cả tiền của thì ông ta đuổi vợ đi. Biết làm thế nào được? Người vợ đành phải về nhà mẹ đẻ, đau cầm sâu nín liền trong bốn năm trời. Bốn năm đó, người đàn bà ấy như sống trong địa ngục. Sang đến năm thứ năm, thì bà nghe thấy tin chồng bị phụ tình và đau ốm; bà lại trở về nhà, an ủi chồng, thuốc thang chạy chữa cho chồng và đã vuốt mắt cho chồng lúc lâm chung.

Đấy! Ở đời có những người đàn bà như thế đấy!

Tôi có xin lỗi những gia đình có hạnh phúc – những gia đình có hạnh phúc vẫn còn nhiều – nhưng để kết bài này tôi xin thú thực tôi không hiểu tại sao cái điều đẹp nhất trần đời là Ái tình lại có thể mang những hạt giống ác liệt; sao những cặp trai gái yêu nhau là thế tự nhiên trở nên thù nghịch; mà những sự đau khổ sao lại cứ phải đi theo sát hạnh phúc để mà làm hại nó.

Đó là cái ác quả mà trời bắt người đời phải chịu chăng?

Nếu quả như thế thực, thì ta cũng nên mong cái giờ giải thoát chóng đến với chúng ta để cho cuộc đời đỡ khổ: lòng Thương Yêu là một quyển kinh tạo nên những tính tốt, những điều thiện mĩ ở trong lòng người vậy.

*Tiểu thuyết thứ bảy, Hà Nội, số 351 (8.3.1941)*

# Thôi đừng sâu khổ

N gười bạn của tôi, sự thực, cũng chẳng lấy gì làm may lăm. Mới đầu xuân, nhà cửa đã eo seo. Công việc buôn bán, cứ vào khoảng này mọi năm phát tài là thế, vậy mà nay cũng đình trệ hẳn. Thêm vào đó, nào là những chuyện bạn bè lừa lận và vợ con nheo nhóc vì không lấy gì làm thừa thãi, v.v...

Ai mà chẳng nản. Nhưng sự nản ấy, cứ tưởng dăm bữa sẽ qua đi, bạn tôi, sau một thời kỳ nghỉ ngơi sẽ lại thu can đảm vào hai tay mà sống... Chẳng ngờ sự thử thách cỏn con đó, anh ta lại đem “phóng đại” nó lên, và kêu sự sâu khổ với tất cả mọi người, và tuyệt vọng.

Cho nên buổi sáng hôm nay, anh viết cho tôi một bức thư ngỏ ý không muốn sống và hiện lúc tôi đương ngồi viết bài này tôi còn nhớ rõ rệt bức thư đó có một câu này thúc kết:

“Anh ơi, hạnh phúc không phải là của trời cho tất cả mọi người đâu, hạnh phúc hình như không còn bao giờ đến với một người như tôi, anh à”.

Những lời nói lạnh lẽo đến bàn tay giữa một buổi sáng mùa xuân ấm áp và đầy ánh sáng làm tôi giá cả người.

Chao ôi, đời khổ quá! Nhưng mà tôi thực không hiểu làm sao ở trên cái mặt đất này lại có người tuyệt vọng một cách dễ dàng như thế được? Họ không có gan kêu gào hạnh phúc, họ chỉ nhìn hạnh phúc nó đi và không dám biết hạnh phúc là gì cả.

Và tôi, nhân đó, mới nhớ rằng:

Ngày xưa, hình như ở xứ sở của nhà đại danh sĩ Tolstoi thì phải, có một người nhà quê nọ cũng sâu khổ vì đời, than khóc, chửi rủa và giận dữ xã hội không kể sao cho xiết.

Có một nhà hiền triết thấy thế bảo gã rằng:

- Nay này, ta mách anh một cách nhé! Ta có quen một ông thầy thuốc tài lâm, chữa được cho những người sâu khổ bất mãn trở nên vui vẻ và sung sướng. Mai, anh lại nhà ta, ta sẽ chỉ cho anh.

Gã nông phu y hẹn và mai đến.

Nhà hiền triết bèn bảo:

- Ta vừa gặp ông thầy thuốc đó. Ông có bảo ta rằng: “Nếu anh khổ quá, thì ông có thể giúp anh được: anh bán cho ông ta một cánh tay, ông ta sẽ trả

5.000 đồng “rúp”. Anh bỗng lòng để cho ông ta cả hai cánh tay anh thì sẽ được một vạn đồng. Với tiền ấy, anh sẽ sung sướng và thôi không còn khổ nữa!

Gã nông phu vội kêu lên:

- Ai lại dại gì mà bán thế?
- Thế thì anh để ông ta khoét hai mắt anh vậy. Ông ta sẽ trả gấp đôi, nghĩa là hai vạn đồng.

Gã nông phu tức giận trả lời:

- Đời người, giàu là ở hai con mắt mà khó là ở hai bàn tay. Ông bảo như thế, đến người hóa đại cũng không nghe được. Được ít tiền mà mất hai cái quý của trời cho, ai dại gì!

Nhà hiền triết cười khì:

- Thế thì anh còn sâu khổ, kêu ca gì nữa. Của quý trời cho, lúc nào cũng ở trong người anh; anh sao không biết dùng nó; cứ đi tìm ở tận đâu đâu cho mệt?

Bạn ơi, hạnh phúc ở đời cũng như vậy đó, ta là chủ thân ta thì ta là chủ hạnh phúc của ta.

Hạnh phúc, ta phải tạo ra nó, ta tạo ra nó bằng tư tưởng vậy.

Những cái xấu, cái dở do tư tưởng mà ra thì cái thuốc trị bệnh cũng do ở đó. Ta phải tự điều khiển tư tưởng cũng như một đứa trẻ điều khiển những cử động của chân tay vậy. Mà điều khiển bằng cách gì? Bằng cách định rõn rồi từ đó tập trung ý nghĩ.

Muốn định nhỡn, một nữ sĩ Pháp khuyên ta vẽ một cái vòng tròn đen ở trên một trang giấy trắng đặt cách ra một thước, nếu ta nhìn không chớp độ năm phút đồng hồ, ta sẽ thấy lòng bình tĩnh.

Tập trung ý nghĩ cũng vậy. Ngồi im, nhập định và tưởng tượng là ta đương nhìn một ngôi sao, một bông hoa. Hồ có một ý nghĩ nào hắc ám đến với ta, ta đuổi nó đi. Tinh thần ta dần dần mạnh lên, những tư tưởng đã cho sầu khổ sẽ hết và ta đã gây được hạnh phúc mà ta chọn.

Tôi không nói rằng đời người không có số mệnh, nhưng tôi nhận rằng khi nào tinh thần người ta mạnh thì thường thường người mạnh thì làm chủ được số mệnh của người ta.

Bạn ơi, hãy thực nghiệm phương pháp gây hạnh phúc của nữ sĩ trải đời kia. Tôi chắc bạn sẽ không khổ nữa. Cái dĩ vãng là một bài thí nghiệm. Mà, tương lai, thì bất cứ ở tuổi nào, bất cứ ở tình trạng nào, bạn cũng có thể nói như văn hào Paul Claudel:

- Mùa thu, mùa thu cũng như mùa xuân vậy, là một cái vừa mới chớm nở, mới bắt đầu, mới khai hoa...

Tiểu thuyết thứ bảy, Hà Nội, số 350 (1/3/1941)

# Tình đặc biệt

(Truyện thời sự)

1 Bắt đầu là ông nhà báo nổi lên công kích. Giọng ông có vẻ chua. Ông bảo:

- Ít lâu nay, kể từ khi trong nước bắt đầu tao loạn, tôi đã từng được thấy nhiều vụ tình duyên lố lỉnh. Nay, một ông đã sáu mươi tuổi, người như con mắm, tự nhiên dở chứng đi cạo răng trắng, mặc quần áo Tây bảnh chọe rồi đi chim một bà vợ khách để làm tiền. Một đám khác, hai bà vợ có chồng đi vắng, rủ một cô thiếu nữ thứ ba về ở chung, rồi một buổi sáng, hai ông chồng phóng xe đẹp về thì thấy ba bà cùng ngủ như ba con nhộng ở trên giường mà xen vào giữa lại có một thanh niêm lụ mặt. Lại một vụ nữa mới đây cũng có thể gọi là kỳ: một bà năm mươi tuổi, vợ một ông thầu khoán, có mươi con, bỏ nhà đi theo tiếng gọi của tình yêu và mang theo 30 vạn đồng và 50 lượng vàng. Ấy đó, tình thời loạn! Nhưng loạn gì thì loạn, chứ vụ tình duyên mà chúng ta đương nói chuyện đây, không

thể bảo là lố lỉnh, nhưng quả thật là kỳ quái. Kỳ quái một cách trào lộng và bi đát.

Chúng tôi cả thảy năm người. Một ngày cuối năm, ngồi nhớ lại những người còn, kẻ mất, những bạn chưa về, tuyệt mù tăm cá bóng chim, chúng tôi thấy lòng nao nao buồn bèn dở rượu ra quần ấm. Người ta thường bảo những kẻ vắng mặt bao giờ cũng thiệt thòi. Chả biết có đúng không? Nhưng, riêng đối với chúng tôi, những kẻ vắng mặt, lần này, lại là những người được lợi. Là vì chính lầm khi cùng chung sống với nhau, chúng tôi không hề tìm thấy những đức tính tốt của nhau, có khi lại khó chịu vì vài tật nhỏ của nhau là khác. Nhưng đến bây giờ vắng mặt... Những người vắng mặt, còn sống hay đã chết, lúc này tự nhiên hóa ra những người đạo đức, can đảm, hỉ xả... có bao nhiêu tính tốt khác mà từ trước chúng ta không khám phá ra.

Rồi thì do những người bạn vắng mặt gặp được cảm tình của chúng tôi, những người vắng mặt khác mà chúng tôi chưa từng quen biết cũng được nói tới bằng một giọng yêu thương kính nể. Cố nhiên là những kẻ có mặt bị giảm mất uy tín một ít nhiều, là vì một lẽ rất thường: Ở gần nhau, người ta biết rõ nhau hơn, thấy rõ nết xấu của nhau hơn; đức tốt bị mờ đi, nhưng nết xấu thì như được soi vào kính hiển vi mà to lên gấp bội, rõ cuộc, hầu hết các người có mặt đều bị hạ một câu “xấu lầm”!- cố nhiên là trừ năm người trong bọn chúng tôi.

Một người đề cập đến thuần phong mĩ tục.

Nói đến thế, làm thế nào tránh cho khỏi đụng chạm đến các bà? Rồi từ đó, câu chuyện của chúng tôi tiến đến mục “tình thời loạn” và chính vì thế mà chúng ta mới được nghe thấy ông nhà báo bắt đầu lên giọng chua công kích cái vụ “tình già” mà anh Hải vừa mới đề cập tới.

Thực ra thì vụ tình duyên này không phải chỉ có một mình chúng tôi được biết. Vào khoảng hai tháng một, chạp khắp các giới - nhất là các bà, các cô - ngồi chơi đã kể cho nhau nghe với một giọng mỉa mai, vụ tình duyên lố lỉnh này và không ngại điểm xuyết một hai chi tiết tưởng tượng để cho hai nhân vật chính trong truyện thêm phần dẽ ghét:

“Một ông làm nghề lang thuốc, không biết chữa chạy tần mẫn cho một nữ bệnh nhân thế nào mà kết cuộc con bệnh và thầy thuốc phải lòng nhau và lấy nhau. Không có gì là lạ. Nhưng người ta lấy làm lạ về điểm này: ông lang sáu mươi mốt tuổi mà bà con bệnh thì đã sáu mươi ba”.

Theo sự nhận xét của thiên hạ thì vào tuổi đó, người đàn ông và người đàn bà chỉ có quyền chờ chết, lý gì lại còn động cõi mà đi nhân tình nhân bánh rồi lại giở “trò lục sở” ra mà cưới với xin? Buồn cười lắm. Mà cưới với xin thế nào? Có người lại còn nhớ vanh vách cả những câu vè mà một thi sĩ châm biếm đã tạo ra nhân vụ này:

*"Tuổi già đôi lứa sánh duyên,  
Tiệc trà tổ chức càng thêm linh đình  
Tu bin bốn chiếc mới tinh,  
Kết hoa dâm bụt, củ hành đón dâu  
Bà bụng chiếc cối già trầu,  
Cũng vờ e thẹn, âu sầu lệ sa...  
Lom khom lên chiếc xe hoa  
Riêng quanh hàng phố như là mọi khi!".*

Câu chuyện buồn rầu được kể thúc một cách ai oán. Là vì thiên hạ, sau khi bình phẩm về đám cưới già cỗi đó, đã tìm cách truy nguyên thì khám phá thấy rằng bà dâu nọ đã có tới năm con, đã có vợ, có chồng, cháu chắt đê đa, mà hai người trong số năm người con đó thì lại làm quan to nhất phẩm. Kẻ mần bác sĩ, kẻ giữ quyền sinh sát.

Theo dư luận của những người dễ tính nhất thì một vụ tình ái như thế không thể nào dung thứ được. Vì nó lố lỉnh, nhưng nhất là vì các con cái bà đã cao tuổi và lại là những bậc tai to mặt lớn trong xã hội. Làm một người mẹ đã gần kề miệng lỗ, mà lại không biết tiết chế lòng dục đi (nếu trong đó có tình dục xen vào!) để mang tai mang tiếng cho con cái đến như thế, quả thật là đáng trách.

**2** Ông Chí, làm báo lại một lần nữa, nguyễn rửa người đàn bà “tội lỗi”.

Anh Lâm bàn:

- Tôi nghiệm thấy điều này, chả biết có đúng không, nhưng cũng xin cứ bộc bạch để anh em nghị xét. Sở dĩ ít lâu nay trong xã hội ta có nhiều vụ tình kỳ quái như thế là vì chiến tranh đã thay đổi rất nhiều tinh thần của người ta đi. Hàng ngày, được tiếp xúc với cái chết, với sự túng thiếu, lại luôn luôn bị hoang mang vì cuộc sống bấp bênh, vô định, không biết sống chết lúc nào, người ta sinh ra có cái muốn được tận hưởng cuộc đời ngay để cho khỏi phí uổng một kiếp người. Thêm vào đó, sự tiếp xúc với văn minh, văn hóa của người ngoài, thiết cận quá, dễ làm cho người ta hoa mắt, người ta thiêng về vật chất nhiều hơn tinh thần; do đó một cuộc đời no ấm, nay đủ khoái lạc dễ cám dỗ người ta nhất. Vì thế, mới có những cuộc “chạy thi” để đi tìm những dật dục vong nhân, không quản đến tiếng tăm, không kể điều danh nghĩa và gia giáo...

Anh Chí bắt ngay lấy cơ hội:

- Thế thì chả là tội lỗi ở người đàn bà là gì?

Anh Lâm cãi lại:

- Đã đành. Nhưng không phải chỉ có người đàn bà tội lỗi, cả người đàn ông nữa cũng dự phần vào đó. Mà có phải chỉ có người đàn ông và người đàn bà gây ra tội lỗi không?

Anh Hải ngắt lời:

- Thôi, nhảm rồi. Các anh lại sắp kết tội tổ chức xã hội thối nát đấy chứ gì? Bịt lại. Tôi ngãy đến cổ rồi. Theo tôi, chả tội lỗi ở ai cả. Đó chỉ là một chứng cớ của tiến bộ mà thôi. Tiến bộ có cái vinh thì phải có cái nhục. Lý luận, bài bác hay sĩ tiểu máy móc cũng như sĩ tiểu, lý luận, bài bác óc vật chất, cá nhân, không đi đến đâu cả. Tiến bộ nó cứ đi theo đà của nó. Rồi, một ngày kia, nếu chúng ta còn sống lâu, chưa chắc chúng ta đã giữ nguyên được cái tinh thần đạo đức nghiêm khắc như bây giờ...

Mọi người “ồ” lên một tiếng ra dáng phản đối đến kỳ cùng. Giữa một chốn nghiêm trọng, nói câu chuyện để cùng tìm hiểu mà dở cái giọng ngang búa và hoài nghi ra nói vậy, không thể nào tha thứ được. Anh Chí bắt đầu đỏ mặt: ấy là anh túc. Anh Lâm đứng dậy, định sừng sững sô sô trả lời to tiếng thì may, anh Phụng đỡ lời, thành thử bầu không khí xao động, tưởng chừng như có cớ nảy lửa lại được êm dịu lại trong khoảnh khắc.

Anh Phụng nguyên là người cao tuổi nhất trong bọn chúng tôi. Thường, anh vẫn được anh em yêu mến vì anh thật thà, có chí lại giàu lòng tha thứ, tha thứ cả những việc quan trọng có phương hại đến thanh danh và tài sản của anh.

Anh Phụng từ lúc đầu vẫn im lặng nghe, thỉnh thoảng lại cười mỉa ra dáng trầm ngâm suy nghĩ, bấy giờ mới cất tiếng lên mà nói:

- Tôi không đồng ý với anh Hải về điểm hoàn toàn tha thứ cho người đàn bà tội lỗi. Vẫn biết rằng một cuộc tình duyên như thế là hậu quả của làn sóng tiến bộ dâng triều, nhưng tại sao cũng ở trong một triều nước như thế, có người bị cuốn theo cũng có người chống được. Chống được, ấy là vì người ta đã có một tinh thần mạnh, cái óc chiến đấu. Mà những người không chiến đấu được, dành để cho nước cuốn đi là tại sao? Theo tôi, đó chỉ là vì họ không can đảm, họ sợ chiến đấu, mà sợ chiến đấu như thế chỉ vì họ không có một tinh thần làm mạnh, không có một lý tưởng vững chắc để mà tiến tới.

Không, dù sai đi nữa thì ta cũng phải nhận rằng tất cả những sự sút kém về tinh thần đó, một phần lớn, do văn hóa của ta hiện nay quá thấp kém, quá ươn hèn. Muốn cải thiện cách nào đi nữa thì kết quả cũng không thể thấy ngay lúc này, xin miễn bàn đến, mà ta chỉ cần xét xem trong vụ án “ông lão sáu mươi mốt, lấy bà lão sáu mươi ba” này, người đáng trách là ai? Ông sáu mươi mốt, bà sáu mươi ba hay những người nào khác?

Chúng tôi đều hiểu ý anh Phụng, sợ rằng không khí sôi nổi quá có thể xảy ra những trận đấu khẩu không có lợi cho buổi cuối năm, muốn chuyển hướng câu chuyện sang phía khác, mà cũng im lặng không nói nữa trong một phút.

Ngoài kia, mưa sanh lặng lẽ rơi im lìm, đều đều.

rét ngọt. Không khí hanh hao làm cho gân cốt người ta căng thẳng, dễ sanh ra bão tính.

Anh Chí như chưa trút được hết nỗi bất bình ở trong lòng ra, lại tiếp:

- Còn tội ở ai nữa? Ở người đàn bà trước. Còn người đàn ông là thế, nghĩa là phải lấy vợ, dù là người đó đã bảy mươi!

Anh Lâm nói:

- Cũng phải. Nhưng, theo tôi, người đàn bà cũng chả nên trách quá vì nếu phải lấy chồng thì đó cũng là thiên tính của người ta. Dù sao, trong việc này, chúng ta chỉ mới là nghe hơi nồi chõ người ta kể lại mà thôi chứ không được nghe thật, thấy thật. Muốn lên án một vụ gì, một người nào phải biết rõ từng chi tiết, đắn hậu mới xét đoán được phân minh. Như vụ này chẳng hạn: các anh chỉ trích người đàn bà đã sáu mươi ba tuổi hạc mà còn bước lên xe hoa về nhà chồng nhưng ngộ người đàn bà đó bị đau khổ vì một chuyện gì đó, bị cô độc, bị con cái khinh khi, không thể trông cậy vào ai trong lúc tuổi già bóng xế thì các anh bảo ra thế nào? Các anh có tai ác đến kết tội một người đáng thương hại như thế hay không?

Anh Hải không cần nghĩ, gầm lên:

- Kết tội như thường. Đã già rồi thì phải ở vậy, dù là con cái nó có bỏ mình. Lấy chồng, tức là bôi tro trát trầu vào mặt con cái. Người đàn bà Việt Nam cần phải đặt đức hi sinh lên trên hết.

Anh Phụng lúc đó mới chật rai gạt tàn thuốc, rồi nhìn xuống mà nói, như thể nói với cái bàn:

- Tôi thì khác hẳn. Tôi thiết nghĩ trong vụ này, người đàn bà có tội thì là đã hẳn đi rồi, nhưng đáng trách hơn hết, có lẽ không phải là bà ấy, nhưng lại là các con bà. Vì những trường hợp gì mà các người con đó lại để cho bà mẹ phải buồn chán mà bước đi bước nữa.

Anh Hải cười gần:

- Ai bảo anh là bà ta buồn chán?

Thế ngộ tôi bảo rằng bà ấy vui vẻ mà bước đi bước nữa. Tôi thiết nghĩ các con bà cũng vẫn có tội như thường vì chúng ta đã biết rằng các người con đó đều đã phượng trưởng cả, và nếu tôi không lầm thì kẻ đã đạt tới quan cao nhất phẩm, kẻ lại làm bác sĩ. Nghĩa là những bậc tai to mặt lớn trong xã hội. Vậy mà tại sao họ đã không ngăn cản mẹ, khuyên răn mẹ để cho đám cưới già nua ấy lại có thể xảy ra được?

Anh Lâm cười, nói chêm vào:

- Có trời bảo được! Khi mà lòng người ta khao khát... ái tình...

Anh Chí nói:

- Khao khát ái tình? Vào cái tuổi sáu mươi ba?  
Chưa chắc.

Anh Hải độc đoán:

- Bất luận là khao khát tình hay là thèm muốn tiền đi nữa, cũng thế. Cứ là phải kết tội. Anh Phụng nói phải: trong vụ này bà sáu mươi ba tuổi đó là thủ phạm, nhưng tòng phạm còn có các con bà.

**3** Mọi người gần như đồng ý về bản án vắng mặt đó, sắp sửa uống nốt chén trà Tàu để “thông qua” thì tôi tự nhiên thấy hứng đâm ngang câu chuyện để cho mọi người cùng bực. Thật ra, tôi không phải không tán thành một phần nào những ý kiến của năm ông bạn đang ngồi uống nước, mà luận đàm thiên hạ sự kia đâu, nhưng tôi có cái tính ương gàn (cái thích này nhiều bạn làm cho tôi hỏng việc) là khi thấy người ta đồng ý nhau về một điểm gì thì đề ra một ít lý lẽ tương phản, trước là để làm cho anh em bực mình, mà sau là để... tỏ ra rằng ta lập dị dù vẫn biết lập dị như thế nhiều khi chỉ tổ làm cho người ta ghét mình thêm.

Chờ lúc anh em hỉ hả vì mới làm xong một luận án bảo vệ đạo đức, tôi chậm rãi châm điếu thuốc rồi sửa một bộ mặt khó chịu, giơ tay ra:

- Xin các bà chờ một tí: Tôi xin nói. Và tôi xin nói ngay là tôi không tán thành ý kiến anh em một tí

nào, nghĩa là tôi không chủ trương kết tội người mẹ mà tôi cũng chẳng tán thành kết tội những người con.

Anh Phụng giương mắt nhìn về phía tôi với một vẻ ngạc nhiên, gần như sợ sệt, nhưng bốn người kia thì tỏ ra đáng chán nản, không muốn ngược mắt để nhìn tôi là khác. Có lẽ như thế, một phần, là vì họ đã hiểu tính tôi và ghét cái thói lập dị chướng ách của tôi. Tôi cứ nói là hỏng rồi. Nhảm lắm. Nhưng mà lộ vẻ tức tối, theo ý họ, thì là bị thua tôi, nên chả ai buồn tức bức tôi. Họ coi như là không có tôi vậy. Họ cắn hạt dưa, nhìn ra ngoài trời. Mưa vẫn bay lất phất. Tôi nói, và nói trong chô rỗng không như thế māi, rồi cũng có ích. Là mình đạt đến cái nghệ thuật làm rát tai người khác. Mà trong mười câu nói rát tai đó, thể nào cũng có một hai câu làm cho người nghe như bị cửa vào gân, không thể chịu đựng được, phải nổi xung lên gắt.

Lại một lần nữa, tôi đã thành công. Chứng cớ là ba ông bạn nghe tôi nói, đâu chả làm sao, đoạn giữa chả làm sao, nhưng đến đoạn gần cuối không thể nghe được nữa, phải tiết ra một câu khinh miệt:

- Ở ở đúng đấy. Về đây, phải thế; chứ không lẽ lại không làm một cái gì để bênh vực tội ác cho những người ở chung quanh...

Tôi thản nhiên như thể không nghe thấy, cứ nói như thường, bất luận là có một anh bạn tức quá, xô ghế lên đứng dậy:

- Thật thế. Tôi không kết tội ai cả, là vì chính anh Lâm đã bảo thế: trong vụ này chúng ta chỉ mới là nghe hơi nồi chõ người ta kể lại mà thôi, chứ thật tình chúng ta không được biết rõ từng chi tiết. Vì thế, tôi không dám hạ lời bình phẩm. Nhưng, theo ý riêng tôi, thì đây chúng ta chỉ dùng một lý luận đại thể để kết tội một người, không cần biết rằng đó là một người thường hay bất thường. Như thế, không thể được. Là vì tôi biết rằng, trong rất nhiều trường hợp ở đời, nhất là trường hợp ái tình, có những loại người đặc biệt, cần một khối óc riêng ra xét xử hay là tha thứ cho người ta, cũng như trong trường hợp những vụ án mạng vì tình, người buộc tội cần xem xét thủ phạm cố ý và âm mưu hạ sát người khác hay hạ sát vì nổi nóng mà mất trí đi trong một lúc.

Anh Chí nhìn tôi một cách dè bỉu và nói một giọng mỉa mai như muốn cho tôi chết đắm vào trong kinh tởm:

- À phải, đúng đường lối đấy. Giết người, cướp của, phụ tình, phản bạn... nhất nhì nhất đều là điên cả đấy mà. Bây giờ đời có khi tiến triển quá, óc người ta hỏng nên không những là nói năng láo lếu mà hành động cũng lại điên rồ. Có phải tội ai đâu! Tôi ở cái đời sống vật lộn đấy.

Tôi gật đầu:

- Đó là tùy anh. Tôi chỉ biết rằng pháp luật thật ra đã gay gắt lắm rồi, cái tòa án dư luận của người

đời cũng nên nhìn về điểm đó mà tha thứ cho các người lầm lỗi hơn một chút. Nói như thế không thể bảo rằng bao nhiêu người lừa chồng, giết bạn, cướp của, đốt nhà đều nên tha trăng án. Không làm lỗi thì phải nhận lỗi, gây ra tội ác thì phải chịu hình phạt, lẽ đó đã đương nhiên. Nhưng tôi muốn rằng, nếu pháp luật trong một số trường hợp không thể soi thấu được các góc cạnh của tội lỗi làm cho một số người gặp một mối oan khiên, thì ít nhất dư luận của người đời cũng phải triết trung hơn một chút, không nên nhất thiết thấy một người vướng vào tội ác mà hạ ngay câu kết luận là người đó là kẻ thù của trật tự, an ninh, đạo đức. Riêng vụ này, tôi không dám kết tội ai là vì tôi nghĩ rằng biết đâu chính người làm ra lỗi đó lại không phải là một người đặc biệt, một nạn nhân của một thứ bệnh tật mà từ trước không được ai biết đến.

Anh Chí đứng nhìn ra cửa sổ, quay vào, văng một câu:

- Hờ hờ, đúng đấy, bệnh thật! Bệnh động cõi chứ gì! Bệnh... già chẳng trót đời, mặc áotoi mà chết...

Tôi không dám trả lời thảng câu của anh Chí vì trong giọng mỉa mai của anh, tôi cảm thấy một sự tức bức đến có thể sinh sự được. Nếu không khéo, có khi một việc không đâu như thế này có thể làm nguy hại đến tình bè bạn. Tốt hơn là tôi nhịn:

- Tôi xin nói tiếp. Là trong lãnh vực ái tình, có nhiều thứ bệnh mà người mình không chú ý mấy,

một phần là từ trước, mình không thấy có hay rất ít khi thấy có. Từ khi tiếp xúc với người ngoài nhiều, văn minh văn hóa ngoại quốc tải vào nước ta nhiều cái hay, nhưng đồng thời cũng tải nhiều cái dở. Những bệnh đó là một. Nó làm xáo động óc người mắc bệnh, làm cho họ thành ra những người hành động lầm khi quái gở, tục tằn, độc ác, mà nhiều khi chính những người bệnh đó không biết, hoặc biết mà không tránh được.

Chúng ta thấy những vụ ngoại tình mà trong đó người đàn bà cùng tình nhân vào phòng ngủ bày chuyện trăng hoa, chúng ta lại còn thấy có những vụ đồng tình ái mà trong đó một bà góa yêu một người đầm lai như yêu chồng, đến khi người đầm lai ấy bắt nhân tình với một “minh tinh” hát bội thì bà góa ấy tam tú thứ định quyên sinh nhưng may mắn là... chả có lần nào chết cả. Đó là mấy thí dụ về loại tình đặc biệt, nói là mấy thứ “bệnh yêu” thì đúng hơn, mà tất cả chúng ta đều đã thấy đăng tải trên mặt báo. Nghe mà quái ác! Nhưng còn biết bao nhiêu vụ “ái tình không dám nói rõ tên” đã xảy ra và đang xảy ra ở quanh ta, mà các báo vì “vấn đề phong hóa” không nói ra hay không dám nói ra, vì sợ phương hại đến “thuần phong mỹ tục”? Đại khái như chứng loạn đâm của đàn ông (satyriasis), của đàn bà (nymphomanie), chứng ưu uất cuồng đâm (bysterie), chứng bạo dâm (sadisme), chứng dục biến tính (masochisme) mà người bệnh có bị hành hạ, khinh bỉ hay đánh đập thì mới thú...

Anh Hải nghe thấy tôi kể như thế thì hét lên:

- Thôi, thôi, thôi. ĐẬY LẠI! Anh mà kể thêm một câu nữa thì tôi đến mắc bệnh thần kinh.

Tôi không hiểu là chỉ nghe thấy thế thì người ta có thể mắc bệnh thần kinh thật không; nhưng tôi biết chắc rằng những chứng bệnh tình ái mà tôi vừa kể chính là do thần kinh gây ra, trên sức của con bệnh, mà đau khổ là chính những con bệnh đó lầm khi không biết là mình có bệnh.

Nói thế này, tất có người sẽ công kích tôi kịch liệt nhưng tôi cứ nói. Đối với họ, ta nên thương nhiều hơn là ghét, ta nên tìm hiểu hơn là chỉ lấy đạo đức ra làm mốc rồi hết lời nhục mạ. Riêng về bà sáu mươi ba tuổi còn lên xe hoa về nhà chồng, mà chúng ta nói chuyện đây, tôi cũng ngờ là một người bệnh, tôi chỉ ngờ thôi, mà chính vì ngờ như thế tôi mới không dám vỗ đoán và kết tội như anh em đã làm. Cố nhiên là bà ấy mà không có tội thì các con bà cũng chả tòng phạm với bà. Vì một cô dễ hiểu là nếu người ta chưa có cách nào cấm một người mắc bệnh gan được phép đau gan, một người đau bụng được lên cơn đau bụng, một người hóa đại được nói láo leu quàng xiên thì người ta cũng không thể và không có cách nào cấm một người có một tình dục ốm đau được yêu bừa bãi, được yêu nhảm nhí, được yêu tội lỗi.

**4** Tất cả cứ tọa nghe thấy tôi nói như thế thì nhao lên. Một người nào cũng sa sầm, lộ một vẻ khó chịu, mà lại như hơi sượng sùng. Thật tình, tôi hơi lấy thế làm ngại vì đến cái giai đoạn tâm lý đó người ta rất dễ sinh sự suy sinh; nhưng trong thâm tâm, tôi thấy nở lên một niềm vui kín đáo, thoang thoảng như cái vui của một “kẻ phá đám hội”, vui vì một mình mình đã làm được nhiều kẻ khác mất vui. Bản thân tôi lúc đầu thì không hề có ý muốn đùa dai như thế. Tôi định nói dóc trong giây lát rồi về, nhưng vì chính anh bạn có óc độc đoán, nhất thiết cho ý kiến của họ là đúng cả, và nhất là vì các ông có vẻ miệt thị tôi, nên tôi cố bướng, tự bênh vực lý lẽ của mình đến cùng.

Rốt cuộc, tôi không còn cho đó là một chuyện đùa nghịch nữa, nhưng tôi tưởng như đó là những ý nghĩ thật, do chính tâm hồn tôi xuất phát thật. Cho đến lúc anh Phụng đứng dậy, bắt tay mọi người để ra về và bảo tôi: “Anh Liên nói đùa giỏi quá, làm cứ y như thế là thật vậy” thì quả là tôi tức giận và có ý muốn thách mọi người ở lại để đấu khẩu với tôi. Ờ, tôi nghĩ như thế thật đấy, tại sao người ta lại có quyền cấm tôi nghĩ như thế? Tại sao một cái tư tưởng xét ra cũng có thể gọi là đứng đắn được mà người ta lại dám cho là đùa.

Tôi cố ngồi lì ra đấy để chờ mọi tấn công, nhưng sau rốt, chả ai buồn nói với tôi nữa, duy anh Phụng trước khi từ biệt, nói với anh em một câu lờ mờ như sau:

- Dù sao, đó cũng là một ý kiến lạ, mà ta cần phải có những sự lạ luôn luôn như thế. Nay giờ ta không cần biết là anh Liên trong thâm tâm có nghĩ thực như thế hay không, nhưng ta cứ phải đem ý kiến của anh ấy ra mà suy ngẫm vì tôi thấy trong những lời anh nói cũng có nhiều câu xét ra có thể không đến nỗi phản tiến bộ, phản khoa học lắm.

Mọi người cười nhạt, cố nhiên trừ tôi ra.

Bắt tay. Chúc mừng năm mới. Lúc ấy vừa mười giờ rưỡi, đêm ba mươi Tết. Câu chuyện cãi nhau của chúng tôi về vấn đề sinh lý tưởng cũng theo với năm cũ mà chìm dần vào chỗ lảng quên, thì, không ngờ đến ngày mồng ba Tết năm nay, một chuyện tình cờ, hay có ý không rõ! Lại làm tôi thắc mắc vì chuyện đó. Nhưng lần này, câu chuyện rút lại chỉ còn có giữa hai người, anh Phụng và tôi, trong một bầu không khí êm đềm, dưới một cành đào bích sau khi mừng tuổi đứa nhau, Phụng và tôi nói về cái cảnh người ta đua nhau sắm Tết, chúng tôi nói đến chuyện ăn mặc, ăn chơi, thì vừa lúc đó một người con gái chừng hai mươi mốt, hai mươi hai tuổi nay cửa đi vào nhà tôi như gió, một tay cầm lăng cầm cù, còn một tay cầm một con búp bê Nhật đựng trong một cái bồn thủy tinh. Vừa trông thấy người thiếu nữ, Phụng thoát rùng mình lên nhẹ nhẹ. Mà ai trông thấy cô ta lần đầu lại không phải e ngại, ngạc nhiên? Mặt xinh, nhưng mắt hơi dại, cô vừa ngồi xuống chưa kịp nói câu gì đã cười mà bảo Phụng:

- Tôi trông thấy anh lù đù lắm. Có phải là năm

ngoài, tôi gặp anh ở nhà hát lớn và tôi đã bảo như thế rồi không?

Đợi cô ra về, tôi phải xin lỗi mãi Phụng và bấy giờ tôi mới dám nói thật, đó là một cô em họ tôi, mặc chứng dở người đã năm sáu năm nay, ai trông thấy cũng phải lấy làm ái ngại. Con gái hơ hơ ra, mà nhà lại giàu, vậy mà không hiểu làm sao đám nào hỏi đến cũng không thành. Rồi loạn thần kinh như thế đấy! Cứ mỗi ngày mỗi nặng! Chả còn hy vọng lấy chồng nữa! Ai dám lấy? Thế mà có người lại viện “thuyết ẩn úc” của Phò Rót(\*) mà bảo rằng giá mà cô ta lấy chồng thì có nhiều cớ khỏi bệnh...

Thế là câu chuyện tương quan giữa thần kinh hệ với sinh lý lại trở lại, nhưng lần này kín đáo hơn, êm ái hơn nhiều. Phụng hỏi tôi:

- Nhân việc này, tôi lại nhớ lại những ý kiến anh bày tỏ vào ngày 29 Tết mới đây. Tôi phải nói thật với anh rằng tôi theo khoa học, đọc chữ Pháp lồng nhằng nên ít được biết những sự tìm tòi mới về khoa học.

- Anh nói thế, chứ thật ra có gì là mới đâu? Sách báo ta họ nói về vấn đề ấy khói ra rồi, chả qua là tôi xem rồi nhắc lại đó thôi, chứ quả thật không có gì lạ.

- Nhưng mà lạ với tôi, anh ạ. Từ lúc nghe anh nói, tôi thú thật là băn khoăn hết sức. Là vì... là vì. Thế,

---

(\*) Phò Rót (*Freud*): nhà phân tâm học người Áo.

tôi hỏi thật anh: anh có tin rằng vấn đề tình ái không phải hoàn toàn do trái tim chi phối không? Có thật là có những trường hợp, sức người ta không thể nào chống được lại những biến chứng do một thứ tình dục đau ốm gây ra? Có thật rằng nếu gặp những trường hợp như thế thì anh tha thứ thật tình cho nạn nhân khỏi mắc vào vòng tội lỗi?

Ở vào một trường hợp khắt khe như thế, thật là khó xử. Nhưng riêng tôi, tôi cũng chả phải nghĩ lâu bởi vì chính lúc bấy giờ tôi cho những ý tưởng của tôi đã bày giải với anh em chiều hôm hăm chín Tết là phải cả; và lại, nếu những tư tưởng đó không phải hoàn toàn của tôi đi nữa, tôi cũng vẫn cứ có đủ can đảm như thường để nhận đó là những ý tưởng của tôi thật, do tôi nghĩ thật. Có bao giờ tôi lại nói dối nửa câu nói dối đâu!

Tôi bèn nhìn thẳng vào mắt người bạn, làm ra vẻ thành thật (và ngây thơ) nhất trên đời mà bảo:

- Ô hay, thế ra từ hôm đó đến nay, anh vẫn cho là tôi nói đùa à? Không, thật đấy, anh ạ. Và hơn thế, đối với những vấn đề như vậy, tôi còn có thể có những tư tưởng bạo hơn và có độ lượng hơn, nhưng không tiện nói vì gặp phải những người câu nệ quá.

- Trong hai chữ “câu nệ”, anh hiểu nghĩa thế nào?
- Tôi muốn nói tới những người buộc mình vào những thành kiến cũ chỉ xét đạo đức về một phương diện khác. Theo họ, đạo đức là một con đường đã

vách sắn, bất cứ người nào cũng không được đi chêch sang bên cạnh. Riêng tôi, tôi nghĩ rằng cái gì mà chả có đổi thay; đạo đức cũng thế, đối với đời sống mới cũng cần thay đổi, không nên bó buộc quá, câu nệ quá.

- Tôi có một người bạn ở vào một trường hợp vạn nan. Mẹ vì tình duyên mà làm nên tội, anh ta vì lê giáo, vì đạo đức ngăn cản mẹ không cho sa vào tội lỗi. Đến nỗi người mẹ âu sầu mà chết. Thế thì anh ta có thể gọi là một người câu nệ hay không? Ta tha thứ không kết tội những kẻ đã không ngăn cản người thân thích làm tội lỗi: nhưng còn có kẻ ngăn cản người thân thích làm tội lỗi để cho người thân thích phải thiệt thân thì anh có nghĩ rằng không thể dung thứ được không?

Tôi không thể trả lời được anh bạn. Mà trả lời làm sao khi mà tôi không biết được tình tiết câu chuyện anh đương nói? Tự nhiên mà phải buông một lời kết thúc bâng quơ, không dựa vào căn bản gì chắc chắn đó là điều tôi không muốn. Anh bạn tôi cũng cho thế là phải và không muốn kéo cho câu chuyện dài thêm...

**5** Nhưng từ hôm đó, tôi thấy anh Phụng mỗi lần gặp tôi thì có vẻ băn khoăn có thể nói là như hơi ngượng ngập. Chả hiểu anh có thái độ như thế có phải vì anh xấu hổ vì đã có một người bạn nuôi những tư tưởng quá ư táo bạo như tôi? Hay là tại tôi đã từ chối không phát biểu ý kiến về chuyện anh đã hỏi tôi trong ngày Tết? Tại sao? Chính tôi, tôi cũng bị vẩn vơ vì chuyện đó thì một hôm, anh Phụng đến chơi tôi vào buổi tối hạch sưu rượu ra nhấm nháp khè khà. Hôm nay, anh uống say hơn mọi lần. Đến nửa chừng bảo:

- Tôi phải thú thật với anh: câu chuyện ấy đã làm cho tôi băn khoăn rất nhiều. Tôi muốn biết ý kiến của anh, nhưng vì anh bảo vì không được biết rõ tình tiết nên không thể hạ lời kết luận; vì vậy, tôi muốn nhân hôm nay thanh thả, tôi kể cho anh nghe tỉ mỉ câu chuyện đó, nếu anh không bằng lòng nghe...
- Nghĩa là anh nói về chuyện...
- Chuyện tôi nói hôm nọ, mà sao anh không muốn giải bày ý kiến... Một người mẹ tội lỗi... một người con ngăn cản, mà kết cuộc là mẹ chết để lại cho con trai một niềm hối hận ngàn thu...
- Hay lắm. Tôi thích sưu tầm những chuyện tình đặc biệt và tìm tòi phân tích tâm lý của từng vai trong chuyện để xem xét những lời khen của đạo đức có thật đáng khen không và những lời chê của thiên hạ có thật đáng chê không... Tôi đi tìm một quan niệm mới... Tôi muốn... tẩy não ra thế nào.

Vừa cười vừa nói nửa đùa nửa thật như thế, tôi đã làm cho Phụng trong giây lát ngập ngừng, có vẻ như muốn lẩn, không muốn kể cho tôi nghe câu chuyện nữa, nhưng kết cuộc là sau đó độ mười lăm phút, tôi lại chiếm ngay được lòng tin của bạn, sau khi đã hứa chắc chắn sẽ giữ kín chuyện này, không tiết lộ bất cứ cho người nào được biết. Ấy là vì, theo lời Phụng, chuyện đó liên quan trực tiếp với một người thân thích của anh, chỉ có một mình anh biết, nếu nhất đán tiết lộ ra thì những người trong cuộc “sẽ biết ngay rằng chính anh đã nói và như thế, quyết là không đứng đắn”.

Sau khi đã hứa một lần nữa thật chắc chắn rồi, tôi mời anh xơi cạn cốc rượu sen, tôi cũng cạn chén, và chúng tôi cùng ngồi im lặng trong một lát.

Qua lần cửa kính đục mờ vì hơi nước đọng, cây mai già có vẻ nhọc mệt vì phải ôm ấp nhiều hoa quá trong buổi đầu xuân. Cuối vườn, hai con ngỗng đứng rỉa cánh cho nhau. Một thiếu nữ đi qua hàng rào găng, nhìn vào vườn, vẽ lên bức phong cảnh mộc mạc một nét tươi vui linh động.

Anh Phụng rót thêm rượu ra chén, rồi cúi đầu nhìn mấy cánh đào rơi trên kỷ, nói với một giọng chậm chạp, u trầm:

- Anh Liên có còn nhớ vào hồi 1949, tôi và anh vừa hồi cư về, chúng ta đã có ý lập một nhà xuất bản? Công việc đã hoạch định rõ ràng, đến lúc cuối cùng

lại hỏng, là vì đến phiên họp cuối cùng lại hỏng, vì đến phiên họp cuối cùng của các anh em văn nghệ thiếu mặt tôi và anh Sủu.

Hồi đó, nhiều người tưởng rằng Sủu và tôi cùng đi với nhau ra hậu phương đón người nhà. Và đến bây giờ, cũng vẫn có nhiều người nghĩ thế. Sự thật, không phải. Một sự tình cờ quái lạ đã đưa chúng tôi đi cùng một ngày, nhưng không bao giờ chúng tôi lại rủ nhau cùng đi một hướng để làm cùng một việc. Đến bây giờ, tôi thú thật rằng tôi không biết anh Sủu đi đâu, và cũng không ai biết cả, chỉ vì lẽ là anh Sủu chưa về. Nhưng tôi bây giờ có thể nói thực, nói tất cả sự thật để anh rõ, là hồi ấy tôi không ra hậu phương, như tôi đã nói chuyện với anh em chúng bạn. Tôi đi chỉ là để đưa đám bà mẹ ở làng T.Q, một làng đã “tè” sáu tháng sau khi chiến tranh bùng khởi. Hồi đó, tôi nói rằng bà mẹ vợ tôi bị tai nạn bom rồi chết ở hậu phương, tôi đón xác về để chôn cất, chính là tôi nói dối. Nói dối như thế có lẽ không có ích lợi gì cho ai, nhưng không hiểu tại sao lúc đó tôi cứ thích nói dối mọi người như thế. Có lẽ là vì tôi sợ người ta biết... có lẽ là tôi muốn làm sai lạc ý nghĩ của người ta đi... mà cũng có lẽ bản tính của tôi thích nói dối những siêu vô hại để cho người ta bị lừa thì thích. Dù sao, điều đó, cũng chẳng lấy làm gì là quan hệ.

Quan hệ là lúc đó tìm hết các cách để giấu giếm đám ma ấy cho không một ai được biết, trừ làng TQ. Công việc chôn cất mau chóng và đơn giản, gần như

cho xong việc. Về sau này, những người ở các vùng lân cận và một số rất đông các bà buôn bán ở tỉnh Thanh nghe thấy tin này đều ngạc nhiên vì người ta không thể tưởng tượng được rằng một nhà như bà mẹ vợ tôi, giàu có khét tiếng, lại có tính thích phô trương lại có thể, ma chay chôn cất bà một cách lùi xùi như thế.

Nhưng, trước khi muốn biết rõ tại sao lại có một luồng dư luận như thế, anh cần phải biết rõ người xấu số đó thế nào và gia thế ra sao.

**6** Chúng tôi lại nâng cốc uống. Mưa sanh bay im tiếng ở ngoài vườn. Thỉnh thoảng, lại có tiếng cười nói của trẻ nhà bên cạnh, đầu năm, đánh bạc vọng sang.

Anh Phụng, đợi cho tiếng cười nói dịu đi, chậm rãi nói tiếp bằng một câu hỏi:

- Người xấu số là bà Chế, tức là cụ Thương Chế. Anh có dịp về Thanh mấy bận, có biết tiếng cụ ta không nhỉ? Không. Năm nay mà còn thì cụ đã bảy mươi mốt, bảy mươi hai.

Có thể nói rằng suốt một đời người, cụ đã thu góp lại ở trong mình tất cả những đức tính của một người đàn bà gương mẫu. Lấy chồng từ năm mươi sáu tuổi,

cụ chịu thương chịu khó làm ăn, dành dụm nên chả mấy lúc đã có một cơ nghiệp tạm gọi là kha khá, nuôi sống được bao nhiêu người làng. Cứ cái gia sản của bố mẹ chồng để lại và của cải do chính tay cụ làm ra, riêng nói về hồi đó mà thôi: cụ ngồi đấy mà ăn thì cũng đủ phong lưu cho đến chết. Nhưng cụ Thương Chế không thể sống một phút nào mà không làm một việc gì. Là vì làm giàu nó cũng là một thú nghiệm: nghỉ làm giàu thì sinh ốm, nên đã giàu, thường là ai cũng muốn giàu hơn. Cụ Thương thấy rằng làng cụ và những làng lân cận không đủ để cho mình hoạt động, lại thường bị bọn cường hào ngu dốt xách nhiễu luôn bèn tính với chồng đem hai con trai ra lập nghiệp ở tỉnh Thanh. Và ở đấy, công việc làm ăn chỉ trong mấy năm trời được khuếch trương mau chóng, nên chả mấy lúc cụ càng giàu gấp bội. Trước hồi chiến tranh, một tư nhân ở miền này mà làm chủ đến tám cái lò chum, không phải người thường. Những người nhà quê, nguyên sống thanh bần, mỗi khi ra chơi về đều hạ câu này khen cụ “Phú gia địch quốc”. Nhưng chính vì người khen cụ cũng nhiều, nên bọn thù cụ sinh ra cũng lắm, nhất là những bạn hàng buôn bán cạnh tranh với cụ thì ngoài mặt tươi cười nhưng trong mồm người thì có đến sáu bảy câu cho cụ thất cơ lỡ vận. Nếu người ta làm ăn quả là có vận thật, ta cũng nên lấy làm lạ cho cái vận của cụ Thương. Trong suốt mấy năm ra lập nghiệp ở Thanh, cụ không hề bị một chuyến nào gàn quải. Công việc làm ăn của cụ tiến mau và đều như chạy trên những bánh xe. Kiếm tiền

cứ như là vỗ tay, vận đó quả là thứ vận mà người ta thường bảo là “đỏ như vông, đông như tiết”. Thấy thế, những bạn buôn bán cạnh tranh với cụ, cố công cùng sức bới móc đồi tư của cụ ra để gièm pha nhưng muốn bôi lợ cụ thì bôi lợ làm sao được?

- Cụ “buôn ngày bán đêm”?
- Cụ ghen tuông, xấu nết?
- Cụ cờ bạc đông dài?
- Cụ trai trên gái dưới?

Muốn bịa đặt cách nào đi nữa thì cũng không ai có thể vu phản cho cụ được điều gì, là vì càng nói xấu cụ bằng lời thì những đức tính của cụ lại càng ngời sáng.

Dù cửa cải đã dư bách vạn, cụ chả hề nghỉ tay một lúc nào, không buôn bán giao thiệp với khách hàng thì lại đích thân làm những công việc trong nhà trong cửa, không từ những công việc có thể giao cho con hầu đứa ở như quét nhà, dọn trạn và làm đồ ăn đồ uống ngon lành cho chồng con ăn. Có thể bảo cụ Thương ông là một người đàn ông sung sướng nhất trong tỉnh lúc bấy giờ. Hai con trai thì đã lớn khôn, nhà lại giàu, công việc buôn bán chả phải trông nom gì cả, nhất tề giao phó vào đôi tay của bà vợ có tài tháo vát. Trông nom kẻ ăn người làm, bán chịu, điều đình với những chủ bè để hàng tháng họ mang củi về đèo; sắp đặt kế hoạch thích ứng để đối phó với những đối phương muốn cạnh tranh; kiểm soát chum vại để cho hàng hóa giao đi đều là của tốt, không ai

chê trách được... nhất nhì, từ việc nhỏ đến việc lớn, đều do bà vợ quán xuyến đảm đương. Ông Thương bận kiếm thứ rượu cho ngon, làm mấy món đồ nhắm cho tốt cung đã đủ hết ngày. Huống chi ông lại còn nhà hát cô đầu, nay cờ mai kiệu, thành thử ra đến việc lo ăn học và dạy dỗ hai cậu con trai cũng lại đến tay bà nốt.

Vậy mà rất ít khi người ta thấy bà Thương phàn nàn. Trừ những trường hợp bức mình vì người nhà, người cửa không làm ăn đúng như ý muốn của mình ra không kể, lúc nào bà cũng hơn hớn như hoa, và gieo rắc ở chung quanh một không khí tươi vui, thân mật nhưng không một lúc nào thiếu vẻ trang nghiêm.

Vì thế, ngay chính những kẻ cạnh tranh với bà, tuy là thù oán, mà vẫn có lòng kính nể bà. Không còn biết nói xấu cách gì khác, họ vu phản bà là một người đàn bà ghen tuông, độc ác, nhưng bao nhiêu tai tiếng dèm pha đó chả mấy lúc tự tiêu tan vì bao nhiêu kẻ ăn người làm đều trông thấy rõ ràng không ai chiêu chồng, yêu con như bà. Hơn thế, thấy chồng muôn có con cái để giúp đỡ bà về công việc doanh thương, chính bà lại khuyên ông nên lấy vợ lẽ, và người vợ lẽ đó, lại do chính bà chọn lựa và mua bán cho ông.

Cũng có người cho rằng việc lấy vợ lẽ cho chồng đó chỉ là một cớ để để che mắt thế gian, nhưng ai đã đi sâu vào gia đình ông Thương đều quả quyết nói rằng trong việc đó không có gì khó hiểu. Là vì đối với gia đình ông Thương lúc đó thì bao nhiêu người ăn kẻ

làm cũng không thừa. Thêm vào đó, bà Thương cũng nghĩ rằng cứ để ông dông dài nhà hát cao lâu mãi như thế, thì sau này mang tai tiếng cho con, chúng khó lấy chồng lấy vợ, âu là tốt hơn hết lấy cho ông người vợ lẽ «cho đứng đắn» con người. Nhưng nguyên cớ sâu xa nhất trong chuyện này, chính là vì bà Thương ham mê buôn bán làm ăn quá, không được rảnh rang mấy chút đi nghĩ đến chuyện tình duyên, sinh đẻ. Những con số, những kế hoạch, những chương trình làm việc đã làm cho bà gần như quên hết cả ngoại cảnh và không để cho tâm trí bà còn thì giờ nghĩ đến những chuyện vẩn vơ, mơ mộng.

Tôi xin anh chú ý đến điểm này vì có lẽ nó liên quan đến một trạng thái tâm lý và sinh lý có một ảnh hưởng không nhỏ trong đời bà Thương sau này. Nhưng đó là chuyện về sau, ta hãy khoan nói tới.

## 7

Anh Phụng gật đầu rồi tiếp:

- Phải. Về sau... nghĩa là đến lúc bà Thương sáu mươi tư tuổi, ta mới thấy có sự thay đổi trong tâm lý của bà... hiện lúc xảy ra câu chuyện mà tôi đương thuật lại đây thì bà Thương Chế là một người hoàn toàn lành mạnh, có đủ đức tính của một người đàn bà Việt Nam thuần túy.

Như ta đã thấy bà là người rất mềm dẻo, khôn ngoan và vui tươi. Tuy bấy giờ bà đã băm sáu, băm bảy tuổi rồi, và đã có hai con, nhưng bà vẫn tươi hơn hớn như bông hoa, gây cho những đàn ông ở chung quanh một nỗi thèm khát vẫn vơ, nhưng tuyệt nhiên không một ai dám dở chuyện trăng hoa đùa cợt.

Là vì dưới nụ cười tươi của bà, có ẩn cả một tấm tình nghiêm khắc làm cho những người bạn hàng buôn bán cũng phải “kinh” bà. Cho nên ra lập nghiệp ở Thanh chỉ vốn vẹn có bốn năm năm mà bà chúa tể trong giới lò chum, đánh bại cả những người cắt rốn chôn nhau ở đó. Có thể nói rằng bà để cho ai làm ăn thì được mà không muốn cho ai cất đầu lên thì cũng chả khó khăn gì. Sở dĩ được cái quyền uy như thế, một phần lớn là vì bà thừa thãi đồng tiền để mua thế lực, để lấy lòng lấy bồ người trên và nhất là để cho kẻ địch chìm đắm trong sự thiếp thốn, không thể cạnh tranh với bà.

Vào thời đó, cứ độ mươi hôm thì lại có hai ba chục chiếc bè củi ở trên ngược về bán cho những người làm lò; lò nào có bè củi riêng của lò ấy, ít khi bè này lại bán củi cho bè kia. Vậy mà không hiểu vì giao thiệp khéo léo hay là vì đồng tiền được tung ra làm tối mắt người ta, mà cứ mỗi khi có bè về thì bà Thương cũng có đặc quyền chọn trước, thừa bà thì mới ra đến người ngoài. Cái tính cách hách dịch cộng với tội giàu tiền đồ càng làm cho người ta ghét ngột bà Thương, nhưng tính bà sắc sảo nên không một người nào dám phản

đối bà ra mặt. Bà không dung thứ một tí công kích nào và luôn luôn tỏ ra một người khỏe, có một tinh thần gan góc, cứng rắn, độc đáo, dưới một bề ngoài tha thuốt mĩ miều.

Người ấy duy chỉ yếu ở có một điểm đối với chồng và con. Là yêu chồng nhưng không muốn gần chồng, còn đối với con thì có thể bảo là bà chiều con quá độ, đến nỗi gần như là sợ con. Nhất là đối với người con trai thứ hai thì bà lại quý mến, thương yêu rất mực, muốn gì được nấy, không ai được làm phật ý. Người này khổ mặt giống bà, lúc bé học giỏi và tỏ ra vẻ khôn ngoan, thùy mị, nhưng đến năm mười sáu tuổi, thì tâm tính cậu ta thay đổi hoàn toàn.

Đó là hồi ông Thương, sau một thời kỳ liệt giường liệt chiếu vì bệnh ung thư dạ dày, đã mất đi, trong sự nhớ tiếc không nguôi của vợ con. Bao nhiêu tình yêu thương của bà Thương đối với người chồng tài hoa, bây giờ, trút cả lại cho người con thứ mà bà coi như là hình ảnh trung thành nhất của mối tình duyên dang dở. Thôi thì chả còn thứ gì cậu hai Sâm ao ước mà bà mẹ lại không chiều cho được ý con. Ai làm phật ý cậu tức là làm phật ý bà. Cậu ho thì bà đau ngực.

Được một cái là cậu hai không vì thế mà sinh hỏng: trước sau, cậu vẫn hết lòng ăn ở hiếu đế và hòa thuận với anh; nhưng ngoài ra cậu thừa hưởng của ông cụ mấy nét di truyền không thể sửa được là thích chơi bời phóng túng.

Đến mươi tám tuổi, cậu hai Sâm đã thành ra một tay chơi lọc lõi nhất vùng. Sách vở bỏ mốc meo, cậu đi theo bọn đứng tuổi nay đây mai đó để “kết nạp hảo hớn” khắp nơi. Rồi thì cờ bạc, rồi thì cò đầu, rồi thì chó săn gà chơi, chả mấy lúc cậu hai Sâm đã thành một tay “du”, chả có ngón chơi nào không thạo, kể cả môn thuốc sai và từ từ tiến tới cái độ rất liều và làm liều bất cứ việc gì, miễn là để có tiền chơi và được tiếng với đàn em là một bậc “anh cả” hoàn toàn xứng đáng.

Trong khi đó thì người anh cậu Sâm là cả Tiến, trái lại, cần cù học tập và sống một cuộc đời lê giáo gần như khắc khổ; ăn nhịn để dành, thức khuya dậy sớm, hiền hòa, lẽ phép với kẻ ăn người làm. Ai cũng có lòng yêu mến cậu cả Tiến, kể cả bà Thương nữa; nhưng tương đối, bao giờ bà cũng có ý yêu cậu hai hơn, nên mỗi khi cả Tiến có ngỏ ý với mẹ để khiển trách em thì bà Thương lại gạt đi và bênh cậu hai Sâm là “còn nhở dại, chưa biết nghĩ”.

- Thôi, trăng đến rằm trăng tròn. Anh là anh nó, cũng nên thương em một chút.. để cho khi nào nó mạnh khỏe hãy bắt nó làm ăn, chứ hai ngày ba tật mà bắt nó vào khuôn phép thì nó đến ốm to... Chỉ khổ cho mẹ thôi.

Nói đến thế thì còn trả lời làm sao được nữa? Thế là cậu hai Sâm được thể, lại càng chơi bời phóng túng thêm, kết nạp hết cả du côn ở tỉnh Thanh dưới trướng, nay chè, mai rượu. Rồi từ cái độ ấy, tiến tới

cái “ỷ chung hiếp cô” có việc gì có tiền, có gái mà lại không làm.

Chính vào giữa lúc đó thì trong gia đình bà Thương xảy ra một chuyện, kể ra cũng nhỏ, không có gì quan trọng làm cho bà Thương bức vô cùng, đến cái độ gần như quên ăn mất ngủ.

## 8

Anh Phụng dừng lại một giây, xin lỗi tôi mà bảo:

- Tôi xin phép anh mở một cái dấu ngoặc ở đây là vì nếu không kể tỉ mỉ ở đoạn này một chút thì câu chuyện về sau sẽ có vẻ đột ngột mà người nghe là anh không khỏi ngạc nhiên và có thể không hiểu rõ được tinh thần câu chuyện này.

Nguyên từ khi ông Thương mất đi, bà Thương vẫn ở vậy, nuôi con, không hề bao giờ lại có ý nghĩ bước đi bước nữa, dù là có rất nhiều người yêu chuộng những đức tính và ngập mắt vì đống của xúc tích của bà đã mượn mỗi manh ướm hỏi. Thôi thì không già cũng lấy làm già, ngay khi có chồng cũng chẳng còn tha thiết gì đến tình duyên sinh đẻ, huống chi bây giờ con cái đã khôn lớn mà lòng thì bận trăm công nghìn việc cũng đã già yếu mất rồi... Bà Thương càng khuếch trương việc làm lò hơn nữa: từ tám lò,

bà tiến tới mười một lò. Nhưng công việc làm ăn đã có nếp săn nên cũng không bận hơn trước mấy, nên cứ mười giờ tối trở đi thì bà đã được nghỉ ngơi và vui với quyển kinh cái mõ. Là vì ít lâu nay bà Thương qui Phật, tối nào cũng lễ bái, tụng kinh. Tại sao lại có sự thay đổi trong tâm hồn bà như thế? Có lẽ không ai biết rõ. Nhưng con cái và kẻ ăn người ở trong nhà đều nhận thấy rằng vào khoảng một hai năm trở lại đây, bà Thương không còn được tươi vui như trước nữa. Bà giờ giờ luôn và mỗi khi thay đổi thời tiết thì lại kêu đau xương đau mình, ở luôn trong buồng không tiếp khách, có khi hàng tháng phải nằm một chỗ không dậy được. Từ lúc đó, sức khỏe mỗi ngày mỗi kém dần đi, nhan sắc tàn tạ và mặc dầu thuốc thang tẩm bổ như tắm, bà cũng không còn được làn da thịt mát mẻ và nhẵn mịn như trước. Hai con sen là Hồng và Bích với một thằng nhỏ tên Tôn được cắt ra để đầm bóp và sắc thuốc thang, một đứa nữa, chuyên nhổ tóc sâu và kể chuyện để cho bà dễ ngủ, còn cả Tiến thì luôn phải ở cạnh bà để làm theo các lời bà chỉ bảo và giữ gìn sổ sách.

Có phải là vì trong người không còn được mạnh, hay vì đau ốm luôn, không thể hoạt động một cách đắc lực như trước, hoặc vì một lẽ gì khác không ai biết, mà bà Thương không còn được tươi tỉnh luôn luôn? Mấy nếp nhăn hiện lên trên trán, nụ cười héo hắt đi, người ta nhận thấy trong khoe mắt bà, những lúc mây chiều gió sớm, thoảng có một nỗi bâng khuâng u ẩn...

đồng thời, bà hay gắt gỏng hơn trước, hơi một tí gì phật ý chả ra đâu vào đâu cũng làm cho tức bực, hoặc là nói mãi mà chưa đủ hả giận, hoặc là giữ kín trong bụng mà hờn dỗi một mình.

Câu chuyện tôi vừa nói, câu chuyện làm cho bà Thương bực bội vô cùng, đến cái độ gần như quên ăn mất ngủ, chính đã xảy ra trong thời này. Nguyên do không có gì. Một bữa, người vợ lẽ của ông Thương ra bến đón những bè củi thì đồng thời bên nhà Trưởng Sen, giàu vào bậc nhì ở trong khu, cũng có người ra đứng chờ. Ta đã biết rằng bà Thương từ trước nay, vì tiền tài, vì thế lực, không bao giờ chịu để cho ai cạnh tranh với bà, mỗi khi bà về thì bà chọn trước, thua bà thì củi mới được đến tay người khác. Vậy mà, lần này, Trưởng Sen lại cho người ra bến đứng đợi bè và một khi bè tới thì xông ra trước để mua tranh, không ai đếm xỉa đến người nhà bà Thương. Ngoài ra, lại không ngại buông những lời bóng gió xỏ xiên, đến một đứa trẻ con cũng hiểu. Cố nhiên là vợ lẽ ông Thương phải lên tiếng phân trần, nhưng không hiểu vô tình hay cố ý, người nhà Trưởng Sen nhất định không nghe, trái lại, lại còn sần sộ hành hung và thách “muốn đi đến đâu thì đi về bảo cho mụ Thương biết”.

Bà Thương tức mà sinh ốm đến nửa tháng trời. Bệnh đau gân nhúc xương của bà tái phát và có ý trầm trọng hơn. Suốt ngày suốt đêm, hai con sen và một thằng nhỏ vào khoảng mười lăm tới hai mươi tuổi thay phiên nhau để đấm bóp cho bà. Sau đó thì là

công cuộc theo kiệu. Hai nhà Trưởng Sen và Thương Chế kiệu nhau ròng rã bốn tháng trời mà chả đi tới đâu, bà Thương lại càng bức bối suốt ngày gắt gỏng lúc nào cũng âm ī những tiếng chửi thây mắng tớ. Nhưng người nào hầu hạ bà lâu, hiểu cái tình trạng đau ốm của bà cứ kiên nhẫn ở lại và chỉ phàn nàn sơ sơ, song còn những người mới đến, thấy thế, thường không chịu đựng được quá một tháng và phải bảo nhau bước cả, trong số đó có mụ Thoại, con Bích và thằng Tôn.

Thấy vậy, bà Thương nghĩ ngay là nhà Trưởng Sen mưu mô phá hoại mình, dù dỗ người ăn người làm bỏ mình đi, mối thù càng ác liệt và bà tưởng chừng như nếu không trả được “mối thù lũy thế” đó thì không những đã tiêu tan danh dự, mất làm mất ăn mà lại còn có thể làm cho bà “tức hộc máu ra mà chết”. Dựa vào thế lực, của các ông tinh, không được dựa vào tiền, không xong, bà Thương sau một phen lao tâm khổ trí và nghĩ mưu tính kế, đã gọi cậu hai Sâm vào phòng riêng mà bảo:

- “Chắc con cũng đã hiểu chuyện nhà ta đối với Trưởng Sen rồi. Mẹ đã nghĩ kỹ, đối với quân ấy không thể lấy nghĩa lý ra mà nói chuyện”.

Cậu hai Sâm hiểu ngay mẹ định nói gì, gật đầu, đáp:

- “Mẹ không việc gì nghĩ ngợi cho ốm người, cứ để đấy, mặc cho con định liệu”.

- “Con thật là con của mẹ. Mẹ không cần phải dặn thêm điều gì nữa, phải không?”.
- “Vâng”.

- “Vậy con nên thu xếp cho chóng nhé. Tiền nong không cần. Con muốn cần bao nhiêu để phân phát cho bọn tôi đòi của con, cứ bảo mẹ một tiếng, đừng quan ngại”.

Thật ra, từ trước đến nay, phàm người nào ở trong khu này làm việc gì có thể phạt ý bà Thương, cậu Hai Sâm vẫn thường sai một hai đứa đàn em đi trị. Bọn đó, bà Thương gọi là bọn “tôi đòi”. Nhưng lần này, việc là việc rửa nhục cho nhà, trả oán cho mẹ, cậu hai có lý nào lại giao phó được cho ai? Phải chính là cậu thi hành mới được. Và kết quả là hai hôm sau, cậu đã đích thân đến tìm vợ Trưởng Sen nói chuyện và tát cho bà này hai cái.

Thấy vợ bị vū nhục, ông Trưởng Sen cùng ba đứa gia đình chạy vào. Hai Sâm tin tưởng ở quyền thuật của mình theo học ông khách già Tắc Coóng từ tấm bé, đứng lại bóp cổ ba thằng nhỏ rồi đá Trưởng Sen ngã quay ra tại chỗ, hộc cả máu mồm máu mũi.

Hai hôm sau, tin Trưởng Sen bị đá chết đồn ầm cả tỉnh Thanh lén.

**9** Phụng nói tới đây, ngừng lại một lát, rót rượu uống, khà một tiếng dài rồi nhắm mắt lại như để nhớ lại một kỷ niệm gì.

Ngoài kia, mưa rơi đều và nặng hạt trên giàn hoa thiên lý. Trong này, những bức tường trắng không tranh ảnh làm tăng thêm sự lạnh lẽo gian phòng chúng tôi ngồi và vẽ cái bóng to và đen của anh Phụng lên trên như bức tường của một người đương nghiền ngâm sự đau thương sâu khổ.

Anh lắc đầu, đuổi cái “sầu vạn cổ” đi rồi kể tiếp câu chuyện:

- Phải. Trưởng Sen chết, chết thật, nhưng Hai Sâm và cả gia đình bà Thương chả có một ai việc gì. Việc ra đến phòng biện lý thì bị xếp. Ông chánh án Tây cũng chả lục ra làm gì. Người ta đồn rằng nguyên một việc “dìm” vụ này đi, bà Thương Chế đã mất tối ngót hai vạn bạc mà hai vạn bạc bấy giờ không phải là ít của đâu!

Thế rồi cuộc đời ở khu lò Chum lại trở lại cái mực bình thường êm lặng xưa kia. Ngoài mấy phiên bè tối, bè đi, các người sống trong khu lân cận cần cù làm việc, tối tối người này sang nhà người nọ ngồi nói chuyện về buôn bán, làm ăn, thiên văn, địa lý, mùa màng, trộm cướp... Nhà bà Thương vẫn phồn thịnh. Cả Tiến vẫn loay hoay lò nọ sang lò kia hết ngày; Hai Sâm vẫn nói rồng nói phượng suốt ngày đêm và bạc bài, hút sách, không còn ai coi ra gì nữa, còn

bà Thương thì tính đã đỡ cau có, gắt gỏng đi nhiều, nhưng già rồi, nên cũng chả hoạt động tháo vát được như ngày trước nữa.

Lúc đó, bà đã sáu mươi hai tuổi, còn gì! Cứ kể vào tuổi đó thì hầu hết các bà, sau ba bốn mươi năm trời làm ăn vất vả, phải là yếu đuối rồi và nếu không lung còng, mắt kém thì ít nhất cũng phải yếu rãng hay nghênh ngãng. Đằng này, không ngoài chứng đau xương nhức gân trở lại, những hôm trái gió giở trời, bà Thương vẫn óng ả và đẹp một cái đẹp nền nã của buổi chiều tàn bóng xế. Người ta cho như thế là một điều không hay: phàm trong nhà, ông bà cha mẹ đã cao niên mà mắt mũi vẫn tinh tường, chân khỏe tay mạnh thì con cái khó làm ăn.

Bà Thương Chế hình như không quan tâm lắm đến những ý kiến kỳ cục như vậy, cũng như bà vẫn ghét những trò mê tín dị đoan như bói toán và đong bóng, nhưng trái lại, về đạo Phật, thì phải nói rằng bà tin tưởng vô cùng và rất thành tâm lê bái.

Chính vào hồi này bà đã gọi thợ về nhà thiết lập mấy bàn thờ Phật thật nguy nga và đồng thời lại sửa sang lại bàn thờ tổ tiên và bàn thờ ông Thương. Ngoài những thì giờ trông nom việc buôn bán, bà chỉ quanh quẩn ở trước mấy bàn thờ, tụng kinh, gõ mõ và lẵn tràng hạt. Sức tin tưởng mạnh mẽ ở tôn giáo làm cho lòng bà dịu lành dần. Những trận lôi đình mỗi ngày một thưa đi, kẻ ăn người ở trong nhà lân lận lại thấy dễ thở hơn một chút và bọn người làng người

nước túng thiếu ra chơi, được bà giúp đỡ về tiền nong lại quay lại ca tụng bà, bây giờ mỗi khi trong nhà có giỗ chạp lại kéo nhau về ăn giúp làm đỡ vui vẻ lắm.

Đối với tất cả những người đã nấp bóng bà, bà Thương đều tỏ vẻ độ lượng. Đánh kẻ chạy đi, ai nỡ đánh người chạy lại! Chính bà đã gây dựng cho con Bích có chồng có con tử tế, con Hồng, bà giúp cho cái vốn mở cửa hàng bán bánh dẻo, bây giờ cũng đã mát mặt rồi. Còn thằng Tôn, mới 17, 18 tuổi, hãy còn trẻ con, thì bà gọi mẹ nó lên cho quần áo cũ và cấp cho bốn sào ruộng ở quê để cày cấy mà ăn. Tôn giúp đỡ mẹ già trong công việc đồng áng, tháng ba ngày tám rưỡi việc, thì lại lên làm giúp mười hôm trên nhà bà, lần nào về, cũng được bà chủ gửi đống quà tấm bánh về cho bà cụ mẹ.

Tấm lòng quý hóa của bà Thương đối với kẻ trên người dưới làm cho không ai bỏ được. Tiếng tăm bà đồn đi khắp xa gần. Dần dần, một số lớn bạn phường trước đây vẫn cạnh tranh túi khí với bà, bây giờ, cũng quay lại thành ra bạn, tính toán chuyện làm ăn với nhau thân thiết như người nhà vậy.

Chính giữa lúc đó, năm 1944, một năm trước khi nước ta xảy ra những biến chuyển lịch sử lớn lao, vua Ngự ra Thang Mộ ấp, nghe thấy bà Thương một lòng thờ chồng nuôi con, tự tay gây được một cơ nghiệp cự vạn lại bao dung, gây dựng cho bao nhiêu người bèn ân tứ cho bà bốn chữ “Tiết hạnh khả phong”.

Hôm bà ăn mừng bốn chữ đó, cả một vùng Lò Chum tưng bừng như Tết. Có nhà ba ngày liền không thổi cơm nấu nước vì muốn ăn uống thì cứ việc lại đằng bà Thương, bất cứ giờ nào cũng được, tha hồ mà chè chén no say, chả có ai giữ cả. Đồng dân cảm ân đức của bà, vui vẻ không bút nào tả xiết. Nhưng ngày vui chung đó của mọi người cũng chính lại là một ngày buồn riêng cho một người. Đó là cậu Hai Sâm. Là vì hôm đó, cậu Hai Sâm bắt đầu ngoa bệnh, mà bệnh vừa khởi ra đã trầm trọng ngay, đến nỗi không kịp thuốc thang chữa chạy, cậu đau ở bụng dưới, như có ai đá mạnh. Ngay đêm hôm đó, bệnh chuyển sang thể cấp hành, bụng và ngực cậu đau như thể bị cưa xé. Suốt một đêm, cậu kêu la như một con lợn bị chọc tiết rồi đến sáng thì tắt thở... để lại một niềm đau đớn vô hạn cho bà mẹ.

Sau cái tang đau đớn đó, bà Thương liệt giường liệt chiếu đến hơn nửa tháng trời. Công việc buôn bán làm ăn bị bỏ bê cũng có ý kém trước nhưng bà Thương cũng không lấy làm điều bức. Bực nhất là sau khi cậu Hai Sâm nằm xuống thì trong nhà hai cái tiêu tang liền lại kế tiếp xảy ra: vợ lẽ ông Thương bị nạn lò bỏ mạng rồi đến thằng Mía gọi bà Thương bằng dì ruột chết nằm đó trong một buổi đi thăm đồng.

Ba cái tang liên làm cho bà Thương nấu ruột, nấu gan, lấm khi chán nản không còn thiết sống. Có người bảo có lẽ là “trùng” cậu Hai, có người lại đồn rằng chưa biết chừng đó là một chuyện báo ân báo

oán, ý muốn nhắc lại cái chết của Trưởng Sen dạo nào. Nghe những lời bàn đó mà sốt ruột! Bà Thương, vốn không phải là một người mê tín, như chúng ta đã biết, nhưng đứng trước những tai ương từ trên trời xảy đến bất thình lình như thế, bà cũng bắt đầu nghi ngờ những thành kiến của bà. Rồi cũng gọi thầy phù thủy trừ trùng, rồi cũng lập đàn giải oan, rồi thì cũng tụng kinh siêu thoát... nhưng kết quả chẳng tới đâu. Chứng cứ là vận nhà bà Thương cứ mỗi ngày mõi xui, chả có việc gì gọi là may.

Nhưng đáng khen cho người đàn bà ấy là gặp bao nhiêu sự rủi ro như thế, mà lúc nào cũng vẫn cố gắng và tin tưởng. Trừ những người ở trong nhà ra không kể, còn thì không có một người ngoài nào có thể thấy bà ủ rũ, buồn phiền. Tuy đã có tuổi, bà vẫn tươi hơn hớn, mỗi khi có chuyện gì xứng ý thì vui cười hể hả và lại còn bông lớn là khác.

Song lẽ, khách ra về rồi, quay lại bàn thờ tụng niệm, mặc dầu bà đã để hết tâm trí vào câu kinh, cái mõ người ta vẫn trông thấy rõ ràng cái buồn đóng dấu ở trên sân thần bà. Như thế, nửa năm trôi qua đi. Rồi sang đến đầu năm sau thì bà như si, nhiều khi ngồi thử ra hàng tiếng đồng hồ không nói không rằng gì cả, nhưng mà vẫn khỏe mạnh như thường, có khi lại đầy hơn lên một chút.

Cả Tiến thấy mẹ như thế, hết lòng lo chạy thuốc thang, nhưng chả ăn thua gì cả. Ông Lang nào cũng nói khoác lác như thánh cả, nhưng rốt cuộc bệnh của

bà Thương vẫn cứ y nguyên như thế. Bà không điên rồ, cười khóc nhưng ngây ngây dại dại, có khi người ngồi bên cạnh nhắc đi nhắc lại một câu nói tới ba lần mà bà mới nghe ra. Ngọn lửa gì đã đốt cháy tâm óc bà để cho bà lầm lúc bứt rứt ngồi yên không chịu được? Những trạng thái tâm hồn gì đã làm cho bà nhiều lúc ngắn ngơi như không còn biết ngoại cảnh là gì? Những nỗi u uẩn gì chất chứa không nói nên lời, đã làm cho bà nhiều khi lầm bẩm nói một mình những câu bí hiểm không làm ai hiểu nổi?

Cúc mùa thu đã nảy chồi. Sương móc mùa đông lại sa lác đác. Một năm nữa lại qua. Bà Thương hồi cư về, vừa bước sang năm sáu mươi bảy tuổi được hai tháng mấy ngày thì cả một khu Lò Chum bỗng nhiên sôi nổi về một tin quái đản là bà Thương mất tích.

**10** Anh Phụng nói tới đây, ngừng lại một thời gian lâu hơn những chặng nghỉ trước, đứng dậy, ra cửa sổ nhìn xuống đường vắng lạnh. Trời tối mịt mùng, không có một người đi lại, mà anh Phụng cứ đứng nhìn như thế thì là nhìn gì? Cái gì đã làm cho anh chú ý hầu như quên hẳn mất tôi thế?

Phá tan bầu không khí tẻ nhạt đó, tôi bảo:

- Thôi vào uống đi chứ? Đứng thế gặp gió lạnh thì sao?

Anh Phụng quay vào. Mắt anh xa vắng, mặt ủ ê một nỗi buồn không tên, anh ngồi xuống, khẽ thở dài, nhưng sợ rằng tôi lại nghe thấy tiếng thở đó mà đoán này đoán nọ gì chăng, anh đưa cốc lên uống như muốn chẹn tiếng thở dài đó lại. Và vẫn không nói gì, tôi lại phải tìm cách gợi cho anh kể tiếp mau lên, bởi vì, thật quả, lúc đó tôi thấy sốt ruột và muốn làm thỏa mãn tính tò mò ngay.

Tôi bảo:

- Mất tích? Anh này cũng khéo làm văn trinh thám! Mất tích là mất tích thế nào?

Anh Phụng nghiêm mặt nói:

- Không. Tôi chả làm ra vẻ bí mật một tí nào đâu. Mất tích thật. Nghĩa là một buổi sáng kia trở dậy, cả nhà không thấy bà Thương đâu nữa, muốn tìm đâu cũng không thấy. Đã dành rằng bao nhiêu kẻ làm người ở và con cháu trong nhà đều được huy động để đi tìm khắp mọi nơi, nhưng không có qua một người nào thấy bóng dáng bà Thương đâu cả.

Theo những dấu tích mà người ta thu lượm được (anh cũng thừa biết rằng những nhà có tiếng tăm một chút gặp những trường hợp này ít khi muốn cầu cứu ngay đến sở mật thám công), người bàn và mật thám tư chỉ biết đại khái mấy điểm này: bà Thương mất tích vào khoảng từ 1 giờ đêm đến 5 giờ sáng, vì đến

mười hai giờ rưỡi, có người dở thức dở ngủ vẫn còn nghe thấy tiếng mõ bà tụng kinh, 5 giờ rưỡi, con hầu vào buồng bà pha nước đã không thấy bà đâu nữa; lúc đi, bà có mang theo một cái túi đựng giấy bạc và vàng lá, bà ra đi do cửa chính, không vội vã, vì theo dấu những bước đi thì bà tỏ ra bình thường, không có vẻ gì bước nhanh hay bước vội. Do những vết tích đó, giả thuyết của một số người chủ trương rằng bà Thương bị bắt cóc nhưng vẫn đứng vững. Buồng bà không bị xáo trộn, lại không có dấu chân của người lạ dưới đất chứng tỏ không có quân gian đột nhập vào để bắt cóc bà hay lấy tiền.

Một số người khác lại đồn rằng không khéo bà Thương tự vận. Nhưng tại sao lại tự vận? Rất có thể là vì những tai biến đồn đại ít lâu nay, bà Thương bị khủng hoảng tinh thần và trong một cơn cuồng loạn, đã kết liễu sự sống bằng dây thừng, bằng sông nước hay bằng nhiều cách hủy hoại khác như nhảy vào xe lửa, uống độc được ở một nơi kín đáo nào... có thể như thế lắm, nhưng nếu bà quyên sinh thật thì ít ra trong năm sáu ngày tìm kiếm, dò la, người ta ít ra cũng thấy xác bà ở một chỗ nào đó chứ!

Nhân giả thuyết này, các ông già bà cả nhắc lại câu chuyện nhà Hồng Sến ở Cầu Sáng tỉnh Thanh ngày trước: cụ cố ông sinh ra bà thân mẫu cũng mắc chứng si, một ít lâu rồi, một đêm tối trời kia, cũng mở cửa ra đi mất. Kết cục hai hôm sau người ta tìm thấy xác cụ nổi lên ở khoảng cầu Treo sông Cốc và hồi đó

ai bị “ma làm” và nạn nhân của một cái “rớp” theo nó báo oán.

Bảo là oan nghiệt, bảo là tự tử, nghe cũng có lý, nhưng tìm mãi không thấy xác, người ta rồi cũng không tin và cuối cùng, người ta kết luận ba điều: một là bà chán đời, đi tìm một nơi non xa núi thẳm nào để sống một đời khổ hạnh muối dưa, hai là bà lạc vào rừng rồi bị ác thú nó vồ, mà ba là bà chán nản cuộc sống ở Lò Chum đã bỏ ra đi đến một miền đất khác để làm ăn buôn bán cho qua lúc tuổi già bóng xế, khỏi phải trông thấy những cảnh nhắc nhớ bà những kỷ niệm đau lòng.

Giả thuyết, vẫn là giả thuyết! Sự thật thì mười bảy, mười tám ngày đã trôi qua, người ta vẫn không tìm thấy một bằng chứng nào cụ thể gì tỏ rằng bà Thương còn sống hay đã chết rồi, mà vì lẽ này hay lẽ khác, người ta chưa tìm thấy xác.

Khỏi phải nói, anh cũng có thể tưởng tượng được sự hoang mang, tang tóc ở trong gia đình bà Thương lúc đó đến thế nào. Cả Tiến bỏ bê cả công việc làm ăn, đi hết mọi nơi để hỏi thăm tin tức về bà mẹ. Ông không ngại tốn tiền cho cả con cháu trong nhà ra Bắc vào Nam để dò hỏi xem bà có ở chơi nhà họ hàng người thân nào không. Rồi lại thuê bọn dân chài trên khắp các nẻo sông đi câu, đi mò xem có thấy xác bà không, ai tìm thấy thì sẽ được thưởng tiền bạc và đồ vật.

Trong lúc mọi người đương sôi nổi, tấp nập đi tìm kiếm dấu vết của bà Thương, ông Phán Câu, cháu gọi bà bằng dì, nghe thấy hung tin, lại nhầm vào mấy ngày nghỉ lễ, tìm về Thanh hóa hỏi thăm. Ông này tòng sự tại nhà Đoan, lúc bé, được bà Thương giúp đỡ cho đi ăn học nên vẫn ghi ơn ân đức của bà trong lòng, nay thấy bà bị vận hạn chả hay như thế nên không ngại đường xa khó khăn (đó là hồi Nhật chiếm đóng) quyết về tận nơi để xem ra thế nào và để nhân tiện để thăm nhà luôn thề.

Câu chuyện tỉ mỉ của ông Cả Tiến thuật lại đã làm cho Phán Câu thắc mắc. Trái với nhiều người khác, Phán Câu, thoát đầu, cũng đồn rằng bà Thương bỏ nhà ra đi đến một nơi thâm sơn cùng cốc nào để tu hành, mà hiện chưa ai khám phá ra. Nhưng sau, một sự tình cờ đã làm cho Phán Câu vô tình thấy hé ra một tia sáng nhỏ. Sự tình cờ đó xảy ra trong một bữa cỗ ăn giỗ hết cậu Hai Sâm.

## 11 Đêm lúc đó đã khuya. Cuộc rượu gần tàn.

Anh Phụng, rít một hơi thuốc lào, đứng dậy, xin về và hứa mai sẽ sang chén nữa để kể tiếp hết cho tôi nghe câu chuyện. Nhưng câu chuyện đương vui lại chính ở vào giữa đoạn mà tôi đương muốn biết, dẽ gì

tôi lại để cho anh ra về như vậy? Tôi bèn viện cớ mưa nặng hạt, cố nèo anh ở lại:

- Ở nhà, đã có bác gái rồi. Mà các cháu thì cũng đã khôn lớn cả, anh ở lại ngủ ở đây một tối đã sao. Nếu anh có cần báo cho nhà biết, để tôi bảo thằng cháu chạy sang dặn nhé.

Anh Phụng xua tay:

- Không cần đâu, anh ạ. Tôi đi chơi thường “nhỡ độ đường” thế này luôn.

- Hay lắm. Thế thì chả mấy khi anh em đối diện đàm tâm lâu thế này, tôi bảo bày thêm ra cái gì, anh em ta cùng uống thêm một chút.

- Không cần, anh ạ. Đừng bày vẽ gì lắm. Tôi cũng buồn, uống rượu suông thế này thích hơn.

Một mâm rượu khác lại bung ra. Anh Phụng vừa xé con mực nhấm nháp vừa nhìn tôi mà kể tiếp:

- Vâng, tôi còn nhớ hôm đó ăn giỗ cậu Hai Sâm, mâm các cụ cũng vào đến cái khoảng mười một, mười hai giờ đêm nhu thế này mà vẫn chưa xong. Mâm tôi ghép sáu: cụ Hồng Viên, ông xã Hương, cụ lý Tó, cụ Hương Bài, tôi và Phán Câu. Cái chuyện rượu vào lời ra hết chuyện này đến chuyện khác, kéo dài ra đến suốt đêm cũng được. Gia nhân đầy tớ tha hồ mà phục dịch. Ông Hương Bài cao hứng bèn nói:

- “Người mình có cái tục cũng hay. Là kẻ ăn người ở đối với cố chủ có lòng chung thủy lắm. Người ta

đã từng thấy có những người đầy tớ ra ngoài làm ăn buôn bán hoặc là già yếu phải về nhà nghỉ ngơi, vậy mà mỗi khi nhà chủ có giỗ chạp hay có việc gì vui mừng thì lại kéo nhau ra làm giúp mấy ngày, xong lại về nhà. Mà không phải là họ vì miếng ăn hay vì đồng tiền đâu. Họ cho như thế là làm bốn phận của mình và cảm động nhất là khi họ nhớ những ngày giỗ Tết hơn cả con cái ở trong nhà nữa. Có thể bảo là họ không còn phải là những người ngoài, nhưng đã hòa hợp vào với gia đình của chủ, thành ra những thành phần bất khả chia rẽ của những gia đình đó. Hay! Hay lắm. Phải không các cụ?”.

Ông xã Huống tiếp lời:

- “Ấy, nó cũng tùy cái tay nuôi người cụ à. Có khối người ăn ở thật chu đáo mà kết cục đầy tớ nó vẫn bỏ nó đi bán sới... nhưng mà dù sao, đối với những gia đình cũ kỹ, tôi thấy rằng những người ăn người làm đối với gia đình cố chủ vẫn chu đáo hơn là những người ăn người làm mới bây giờ... Riêng nhà cụ Thương đây, tôi xin khâm phục đấy. Là lúc “sinh thời” cụ, cụ khéo cư xử quá, không ai bỏ được, cho nên bây giờ mỗi khi có giỗ chạp thì gia nhân đầy tớ cũ lục tục kéo về chả thiếu một người nào...”.

Phán Câu chêm vào:

- “Tôi xa lâu ngày mới về chơi thành không biết được hết mọi người, nhưng tôi không giấu rằng tôi rất cảm động được thấy ở đây u Tám đã nuôi tôi ngày trước. Bây giờ u Tám đã được chín chục chưa?”.

U Tám đứng ở ngoài nói phèu phào:

- “Dạ bẩm ông Phán, cháu còn kém một tuổi mới đầy chín mươi đấy ạ”.
- “Thế các ông các bà ấy bây giờ làm ăn có khấm khá không?”.
- “Thưa, nghèo lăm ạ. Thằng lớn mất hồi Nhật, còn thằng Hai, thằng Ba thì bây giờ đi làm ăn ở nơi xa. Cháu vẫn ở nhờ miếng đất của mụ Tè với hai đứa con thằng cả”.

Cụ Lý Tó bèn nói:

- “À, nói đến mụ Tè mới nhớ. Bây giờ mụ Tè ở đâu nhỉ?”.

U Tám đáp:

- “Dạ, mụ Tè bây giờ ở làng Mật vì cụ Thương mấy năm trước đây có cấp cho mụ mấy sào để làm ăn. Miếng đất cũ của mụ ở làng Hạc với cái nhà tranh, không có ai canh giữ, mụ cho tôi ở nhờ trống trọt và nuôi con gà con què”.

Phán Câu chợt nhớ ra:

- “À, mụ Tè, tôi nhớ rồi. Mụ Tè đẻ ra thằng Tôn chứ gì! Sao hôm nay không thấy hai mẹ con mụ nhỉ?”.

Một người đứng hầu rượu ở cạnh đó bẩm:

- “Dạ bẩm, chúng con nghe nói mụ Tè ốm nặng. Còn thằng Tôn thì đâu như đi vào Tuy Hòa đã một tháng nay”.

Cụ Hồng Viên:

- Vào Tuy Hòa làm gì? Cách đây hơn nửa tháng con ở nhà tôi đi tát nước đêm về khuỷa bảo rằng có gặp nó đứng ở bãi tha ma giữa khoảng Lò Chum sang Mật.

Cụ Lý Tó:

- “Nửa đêm mà đứng ở bãi tha ma?”

Người đứng hầu bẩm:

- “Bẩm các cụ, chúng con nghe thấy nói rằng từ hồi xảy ra chiến tranh đến giờ hắn ta dở người. Nguyên là bắt đầu đánh nhau thì hắn ta tản cư với mẹ đến một vùng thế nào lại đánh nhau dữ quá. Phần thi sốt rét uống nhiều thuốc ký sinh điếc tai, phần lại súng bắn ngày đêm không ngớt, hắn lúc trở về như mất trí. Cách đây mấy tháng, hắn thường lên trên này, có khi nói trước quên sau, ngơ ngơ ngắn ngắn chẳng ra làm sao cả. Có khi cụ cháu cho nó tiền, nó cũng bỏ quên trong bếp”.

Phán Câu hỏi:

- “Năm nay nó đã có mấy con rồi?”.
- “Đạ, đã có vợ đâu. Cứ thường ra thì vào tuổi nó, người con trai đã có thể có một hai con là ít, nhưng hắn ta chả hiểu cẩn số ra sao. Có lẽ tại nghèo... nhưng cũng chả phải, vì còn có nhiều người nghèo hơn hắn”.
- “U Tám vừa nói rằng cụ Thương có cho mẹ hắn mấy sào ruộng kia mà?”.

- “Dạ vâng. Vì thế mấy năm nay nhà hẵn đã dễ chịu”.
- “Dễ chịu rồi, thế thì còn phải đi đâu làm gì nữa? Sao vừa rồi mụ lại bảo nó đi Tuy Hòa?”
- “Bẩm, chúng con nghe thấy người ta nói thế thì biết thế, chứ thật tình thì đến hai tháng trời nay, chúng con cũng chưa sang Mật chơi với mụ Tề”.

Câu chuyện nói trong bữa rượu hôm đó làm cho Phán Câu thắc mắc. Tại làm sao lại thắc mắc như thế, chính Phán Câu cũng không biết. Nhưng sáng hôm sau, nhân có người đi Sài Gòn ra báo cái tin đi tìm không thấy bà Thương, Phán Câu tự nhiên sực nhớ một điều gì, lại tìm mụ người nhà hôm qua mà hỏi. Thì ra đến lúc đó, Phán Câu mới biết rằng sở dĩ mình thắc mắc từ đêm qua như vậy chính là vì mấy điểm: tại sao bà Thương đối xử với mẹ con mụ Tề tốt như thế mà nghe thấy tin bà mất tích, mẹ con mụ tuyệt nhiên không đến hỏi thăm? Mụ Tề lại cũng không về ăn giỗ cậu Hai Sâm, lấy cớ là ốm nặng, thế là ốm thật hay ốm giả? Thằng Tôn cách đây hơn nửa tháng, tức là vào khoảng bà Thương mất tích đương đêm ra đứng ở bãi tha ma từ Lò Chum sang Mật là điên thật hay điên giả? Mà nếu điên giả thì có mục đích gì?

Trong óc Phán Câu, tự nhiên nổi lên những giả thuyết mông lung và ông nhớ lại một ít vụ mất tích đã được đọc trên những tờ báo Pháp làm cho người ta sốn gáy: một con quỷ dâm dục ở Anh hâm hiếp mấy

chục đàn bà con gái rồi giết chết, đem xác chôn trong một cái hầm đào sâu dưới một bụi cây ở ngoài vườn, một tên đầy tớ Pháp giết cả nhà chủ nhân chỉ vì cô con gái chủ lén bảy tuổi đã chửi hắn một câu thô bỉ, một người làm vườn ở Bắc Mỹ, tức giận người tình phụ bạc, cầm súng đi vào nhiều nhà trong vùng hắn ở, bắn chết mười mấy người vô tội rồi đem xác cuộn vào trong khố tải đem vào rừng...

Phán Câu nghĩ đến một chuyện thù hận mà nguyên nhân có lẽ rất nhỏ nhoi, chính bà Thương không biết, nhưng mà Tôn thì vẫn để trong lòng. Ông liên tưởng đến những công cuộc tác ác hồi mô tả cậu Hai Sâm, người con trai mà bà Thương trìu mến.

Tin tức có thể làm cho bao nhiêu người thù oán và ông dùng trí tưởng tượng vẽ lại vụ án mạng mà ông cho “rất có thể là vụ án mạng bà Thương Chế”.

Chính hôm xảy ra vụ bà Thương mất tích, Tôn đã lấy một cớ gì đó để mời bà Thương ra bái tha ma. Y đứng đợi ở đó rồi hạ sát bà, đem xác chôn ngay một cái huyệt đã đào sẵn rồi phủ cỏ lên trên cho mất dấu.

“Nhưng tại sao bà Thương lại đem theo một túi tiền?”. Nghi vấn. Dù sao, đó cũng không phải là một điều mà mình phải quan tâm trước. Điều phải làm ngay bây giờ là phải xem xét kỹ càng xem trong bái tha ma có chỗ đất nào mới đào không đã rồi sau mới do đấy mà điều tra thêm.

# 12 Không đợi cho tôi phải nghỉ ngơi, băn khoăn, Phụng nói tiếp luôn:

- Chả thấy quái gì cả! Bao nhiêu người dò xét ở bãi tha ma Cầu Sáng, rồi đến cả cầu Bốn Voi, sang đến ven con đường thuộc địa số một đều phí công vô ích, không thấy qua một dấu tích gì.

Nhưng Phán Câu vẫn yên trí rằng bà Thương bị giết rồi... Tại sao lại yên trí như thế, chính ông ta cũng không hiểu. Và ông lại càng yên trí hơn nữa rằng một khi đã hạ thủ bà xong, Tôn đã cướp túi vàng và giấy bạc của bà đem về, giấu không cho mẹ biết, rồi lặng lẽ đi Tuy Hòa để sinh cơ lập nghiệp.

Càng nghĩ thế, Phán Câu càng giận mọi người “tại sao từ trước đến giờ không tìm ra được manh mối, lại bỏ quên đứt mất thằng Tôn và không tỏ vẻ nghi ngờ hẵn. Nếu ngay sau khi xảy ra vụ “án mạng”, người ta tìm ngay đến nhà hẵn thì có phải đã tra ra hết manh mối rồi không? Vừa lấy lại được tiền, vừa bắt được đích danh thủ phạm, lại vừa tìm thấy xác bà Thương... Bây giờ, đã chậm rồi, nhưng dù sao, Phán Câu cũng phải tìm ra manh mối vụ này “không có thì tức lắm”. Theo ý ông, mất thằng Tôn, nhưng mụ Tề còn đó, cũng vẫn còn là một điều may...

Ngay buổi chiều hôm đó, một bọn ba người toàn con cháu trong nhà, do Phán Câu dẫn đầu, “người thì ngậm tăm, ngựa thì tháo nhạc” lặng lẽ đi về phía phố Bến Ngự, sang con đường số 1, rồi thẳng tiến về Mật Sơn.

Lúc đó, trời sầm tối. Cái bếp cửa khe khẽ nâng lên, những người mới bước chân vào trong nhà mụ Tề không trông rõ mặt người, nhưng đại khái cũng nhận thấy những đồ vật bày trong gian nhà giữa tức là gian trống xu hào, cũ đậu. Giữa gian này có bày một bàn thờ, trước mặt là một bộ phản gỗ trên để một ngọn đèn con, hai bên vách có những cái giá để những đồ vật vanh, mấy cái chiếu, dăm cái thạp sanh và một ít thúng mủng treo trên tường. Hai gian hai bên kế cận đó có mành mành thành thủ không ai trông rõ bên trong có gì.

Lúc bọn người đi theo Phán Câu trèo hè để vào thằng gian nhà giữa thì có một bóng người đi vội từ bộ phản vào chái nhà bên cạnh, ai cũng đồn người đó là mụ Tề. Nhưng vừa lúc đó ở dưới bếp lên có một tiếng ho, mọi người quay ra nhìn, đến khi nhận ra đó mới chính thật là mụ Tề đi lên thì mọi người biết ngay là họ vừa mới đoán lầm: người lúc nãy là một người khác. Mà người khác đó còn là ai nữa? Vì ai cũng biết mụ Tề ở với con trai, không có họ hàng thân thích gì cả, mà lẽ cố nhiên là mụ cũng không có kẻ thầy người tớ.

Lập tức, Phán Câu đưa mắt cho hai tên bộ hạ ra đứng trấn ngoài vườn để cho không ai ở hai bên chái có thể lẩn được ra ngoài, đồng thời, ông tiến lại phía trước mặt mụ mà nói với một giọng cỗ làm cho có vẻ tự nhiên:

- “Chào mụ. Mụ có nhớ tôi không?”. Rồi không để

cho mụ trả lời, Phán Câu cứ tự nhiên tiến vào gian giữa, khêu to ngọn đèn dầu lên mà bảo:

- “Tôi vừa thấy thằng Tôn đi từ bộ phận này sang chái bên kia. Mụ cho tôi gặp nó, vì tôi cần phải gặp nó ngay”.

Dưới ánh sáng của ngọn đèn dầu lờ mờ, những người đứng ở đấy lúc bấy giờ đều nhìn thấy rõ ràng mặt mụ Tề nhợt hẳn đi như thể năn bằng sáp ong. Mụ luống cuống nhìn mọi người bằng đôi mắt đờ đẫn, giọng nói như bị nghẹn, còn hai chân thì hơi khụy xuống như muốn té xỉu trên mặt đất:

- “Thưa các ngài, tên Tôn không có nhà”.

- “Vậy nó ở đâu? Chúng tôi điều tra kỹ rồi, nó có bao giờ đi Tuy Hòa đâu?”.

- “Tuy Hòa là gì? Tên Tôn chả bao giờ đi Tuy Hòa hết”.

- “Vậy nó ở đâu mà lâu nay không thấy mặt? Chúng tôi bảo thiệt cho mụ biết; mụ đừng có giấu giếm nó mà phải tội lây. Nó can tội giết người. Mà giết ai, mụ đã biết. Lựa là chúng tôi phải nói...”.

Nghe thấy thế, mụ Tề rú lên một tiếng như con vật bị chọc tiết, rồi trong gian nhà u tối, tiếng mụ khóc nổi lên, rên rĩ, như trong một gia đình tang tóc vừa có người “nằm xuống”. Mãi một lát sau, mụ mới kêu lên:

- “Các ngài đừng có vu cáo con tôi. Con tôi không giết người, con tôi không giết người!”.

Ai bảo nó đi Tuy Hòa? Nó chả đi Tuy Hòa bao giờ hết. Tôi có thể nói quyết với các ngài rằng nó chưa hề bao giờ bước chân khỏi đất Thanh, mà hiện giờ đây, nếu các ngài muốn gặp nó, dễ lắm. Là các ngài ngồi đây, nó làm đồng xong về ngay bây giờ, chứ chả lâu lắc gì”.

Trong khi mọi người đưa mắt hỏi nhau phải hành động cách nào thì ở chái bên cạnh, có một ngọn lửa lòe lên, chập chờn... đồng thời, có một tiếng rú lên như vừa kinh ngạc, mà lại vừa sợ hãi, một thứ tiếng rú của một con vật bị tên, kêu rùng rợn như cầu người ta lại cứu mà như muốn chạy trốn để cho dừng ai lại cứu mình...

Tất cả mọi người đổ vào xem thì cánh cửa liếp tự nhiên lại được dựng lên: một con trâu tiến vào, sau lưng là một gã trai khỏe mạnh, cởi trần trùng trực.

Đó là Tôn.

Y vừa vào đến sân thì hai người nhảy từ trên thềm xuống bắt y giữ lại.

# 13 Tôi không cầm nổi tính tò mò hỏi Phụng:

- Anh bảo rằng nhà mụ Tè chỉ có hai mẹ con mụ mà thôi, không có người nhà, đứa ở. Thế tại sao vừa rồi anh lại nói rằng ở trong chái bên có lửa bật lên rồi có tiếng rú nghe kinh khủng?

- Anh muốn kể tôi nghe một chuyện kiếm hiệp cũ hay trinh thám lối mới chăng?

Không có vẻ muốn đùa, Phụng ngồi gục đầu xuống ngực một giây rồi ngẩng lên nhìn tôi, như muốn dò xét tâm hồn tôi lúc đó. Không muốn để cho bạn có thể vì bất cứ lẽ gì mà không kể tiếp hết câu chuyện, tôi làm ra vẻ tự nhiên, không để ý, rót rượu ra mời bạn mà không nói gì thêm nữa. Nói chuyện cũng như nghe chuyện, không ai thích để dở dang bao giờ. Anh Phụng đã kể được nửa chuyện rồi, bây giờ, chính anh thấy cần phải kể tiếp để cho tôi nghe nốt:

- Không. Chả có gì bí hiểm. Ánh lửa ở trong chái là do người ta bật lửa lên, mà người dùng máy lửa bật lên đó là Phán Câu, không phải ai xa lạ. Nguyên trong khi mọi người đương chăm chú nghe mụ Tè vừa khóc vừa phân trần về thằng Tôn thì Phán Câu len lén lùi ra, không để một ai được biết, rồi lặng lẽ bước thảng sang chái nhà bên cạnh. Gian phòng này tối om, lủng củng những đồ đặc, mà trời lại tối mù tối mịt, không trông rõ thứ gì. Phán Câu bật lửa lên lần thứ nhất thì gió thổi tắt. Bật lần thứ nhì, ánh sáng vừa lóe lên thì

ông thấy tiến lại trước mặt ông một người... và chính ông đã kêu rú một tiếng kêu kinh ngạc.

Ngoài này, thằng Tôn bị trói, run lên bần bật, hai mắt nhìn vào trong nhà mà như lạc mất cả thần. Mụ Tề nằm lăn ra mặt đất im lìm không khóc lóc, kêu ca nữa. Trong khi đó, ba người thủ hạ của Phán Câu vặt to đèn chạy sổ vào chái bên, thì thấy Phán Câu ở dưới đất dương lổm ngổm bò như một con vật, mà may bên cạnh, đứng dựa vào vựa thóc có một người đàn bà đi guốc, mặc áo chùng đèn đó chính là cụ Thương Chế thật.

Để cho mọi người đỡ hoang mang một lát, cụ Thương Chế mời ra chơi ở gian giữa nhà và bình thản như ở chính nhà mình, cười mà hỏi thăm mọi người.

- “Vậy chờ các chú đi đâu mà tấp nập thế này?”.

Lặng im một lát. Người nọ nhìn người kia. Sau, Phán Câu trả lời:

- “Thưa thím, hôm qua là ngày giỗ anh Hai Sâm, chúng cháu thấy vắng mặt mụ Tề và thằng Tôn, cứ ngỡ rằng họ ốm, nên kéo lại đây để hỏi thăm... Không ngờ...”.

Nói đến đây, không hiểu vì lẽ gì, nước mắt Phán Câu chảy ròng ròng. Một người trong bọn cũng sụt sịt. Cụ Thương bình thản như thường ra vẻ ngạc nhiên, mà hỏi:

- “Thế tại sao cháu lại khóc?”.

Đứng yên trong giây lát, Phán Câu cúi đầu chưa biết trả lời sao thì một tên già nhân bước ra khóc rống lên:

- “Lạy cụ, thật quả là chúng con sung sướng quá, trời cho cửa cũng không bằng. Nguyên là cụ đột nhiên bỏ nhà ra đi mất như thế, từ ông Cả cho đến chúng con, chả có một người nào hiểu là tại làm sao, và, nói cụ tha lỗi, chúng con tưởng là... tưởng là không còn bao giờ được thấy cụ và nghe lời bảo ban của cụ. Vậy mà không ngờ hôm nay, tình cờ đi tìm mụ Tề và thằng Tôn, chúng con lại được gặp cụ ở đây... rõ là nhà ta có phúc. Vậy ngay bây giờ, xin mời cụ về cho, kěo cả nhà từ khi vắng bóng cụ, buồn tẻ quá, âu sầu quá. Cụ về ngay bây giờ tức là cứu sống cho cả nhà...”.

Tên già nhân đó nói, hai tên khác cũng họa theo, rồi đến Phán Câu cũng cất tiếng khẩn khoản mời cụ về ngay lúc đó. Họ sửa soạn đèn đóm để soi đường và khéo đi mượn ngay ở đâu được một chiếc vồng để đưa cụ về, nhưng sau khi cho mọi người ăn trầu, uống nước xong xuôi cả rồi, cụ gọi Phán Câu lại mà khẽ bảo:

- “Lòng tốt của cháu đối với dì, cũng như bụng hiếu nghĩa của bọn già nhân đây tớ, dì đã biết. Vậy, dì cảm ơn và thế là đủ rồi, cháu ạ. Dì không muốn gì hơn nữa. Cháu cứ bảo già nhân về nhà đi, còn dì, dì không vì bất cứ lẽ gì mà bỏ nơi này, dì sẽ ở lại, và nếu cháu còn thương dì, cháu phải nghe lời dì bảo, không được làm trái ý...”.

Sự có mặt của cụ Thương ở chốn này đã làm cho mọi người không hiểu nguyên do, nhưng chưa kịp suy nghĩ xem tại sao lại thế, thì bây giờ lại nghe thấy những lời nói trên của cụ Thương, không có một người nào không kinh ngạc và tưởng như đương sống một giấc mơ quái đản. Thế là nghĩa lý gì? Tại sao cụ lại bỏ nhà cao cửa rộng để đến ẩn náu tại nơi nhà tranh vách đất này? Cụ Thương sợ gì? Trốn tránh gì? Muốn toan gì? Tại sao cụ lại nhất định từ chối không muốn trở về nhà nữa?

Tất cả những ý nghĩ đó, tưởng chừng có thể làm Phán Câu và những gia nhân đứng đó điên đầu lên được. Trốn nợ? Không. Giận con? Không. Chán đời? Không.

Mà sao bao nhiêu người khẩn khoản như thế, cụ cứ nhất mực không chịu về?

Rốt cuộc, không một người nào làm cho cụ Thương chuyển lòng. Mọi người đành phải ra về, vừa phân vân khó hiểu, vừa ngượng ngập vì không làm được cho chủ nhân đổi ý. Thấy thế, cụ Thương khôn khéo nói với mọi người một câu để cho ai cũng được vui lòng, cụ đưa tiễn mọi người ra cửa, và không quên nói để cho ai cũng thấy rằng cái việc họ trói Tôn lại là vô lý và vô phép, không thể tha thứ được.

Kết cuộc, chính Phán Câu phải đích thân ra cởi trói cho Tôn và xin lỗi mụ Tề vì “gia nhân đầy tớ vụng dại đã làm điều không phải”.

# 14 Anh Phụng nhấp một tí rượu rồi nhìn tôi mà hỏi nhưng chính mình lại cãi nhau với mình:

- Thế là nghĩa lý gì? Một chuyện vô lý như thế không để cho tồn tại được. Thực vậy bọn Phán Câu ra về càng nghĩ đến câu chuyện vừa qua càng thấy khó hiểu và càng bức tức, bèn tìm ngay Cả Tiến để kể lại hết cả đầu đuôi.

Trong một gian phòng đóng kín, mờ rõ khói hương, Cả Tiến và Phán Câu bàn tính... Và Cả Tiến ôn lại trong trí óc tất cả những chuyện cũ đã xảy ra ở trong nhà từ trước khi cụ Thương mất tích... Vẫn không tài nào tìm ra được nguyên nhân. Nhưng tại sao cụ ở nhà mụ Tề, nhất định lại không chịu về nhà như thế? Cả Tiến và Phán Câu suy nghĩ suốt đêm hôm đó mà cũng chẳng hiểu biết gì hơn. Lòng Cả Tiến như lửa đốt. Ông chỉ ngóng ngóng chờ trời cho mau sáng.

Trời vừa hửng. Cả Tiến, Phán Câu và một người cháu họ ngoại ra đi, sau khi đã quyết định là dù muôn cách nào đi nữa thì cũng phải rước cho kỳ được cụ Thương về, để cụ ở như thế mang tai tiếng quá. Người ta sẽ bình phẩm và chắc chắn là sẽ đổ tiếng cho con cháu trong nhà đã cư xử với cụ chả ra gì để cho cụ phạt ý mới đến nồng nỗi ấy.

Những ý nghĩ đó, Cả Tiến và Phán Câu nhất nhất đem giải bày ra hết với cụ Thương. Ngồi ở trên chiếc phản giữa căn nhà ba gian của mụ Tề, cụ Thương lắng lặng nghe họ nói, mặt có nhiều cảm động, tỏ ý thương

Cả Tiến vô cùng. Nhưng cũng như tối hôm qua, đến lúc họ lạy cụ, van xin cụ “cắn rơm cắn cỏ” lạy cụ về thì cụ vẫn giữ nguyên thái độ hôm qua. Muốn làm thế nào cụ cũng không ưng chịu trở về với con với cháu.

Nguyên do? Cụ chả cho ai biết tại làm sao cả. Mà chỉ nói bâng quơ:

“Thôi thì thiên hạ muốn nói thế nào thì nói, chứ bịt thế nào được miệng người ta? Tôi chỉ biết, trong suốt một đời tôi, tôi ăn ở với chồng với con như thế là trọng đạo rồi. Bây giờ tôi già rồi, mà con cháu cũng đã phượng trưởng cả, thân lập thân được cả, tôi thiết nghĩ các người cũng nên để cho tôi được rảnh rang đôi chút, chả lẽ lại muốn cho tôi cả một đời không có một phút nào sung sướng hay sao?”.

Rồi quay lại Cả Tiến, cụ bảo:

“Còn cậu Cả, cậu nghĩ mẹ bảo thế có phải không? Lòng hiếu đế của cậu, mẹ đã biết, nhưng nếu cậu thương mẹ, cậu nên để cho mẹ được tự nhiên, thanh thản, đừng ép uổng mẹ phải về. Cứ để cho lúc nào ở đây thì ở, lúc nào mẹ muốn về chơi nhà thì mẹ về, đừng bắt buộc. Cậu cứ coi hai nhà như một, thỉnh thoảng ra thăm mẹ là quý, khi nào cần tiêu pha thêm gì, mẹ sẽ bảo, cậu đưa tiền ra đây cho mẹ, thế là con trả nghĩa mẹ đấy, mẹ không còn điều gì ân hận”.

Bà Thương nói với một vẻ cảm động, mặt vẫn tươi, hai mắt long lanh sáng, dáng điệu vẫn khoan thai, nền nã. Ông Cả Tiến, không còn biết nói thế nào,

chỉ khóc. Ông khóc sướt mướt và trước sau chỉ biết lạy mẹ về, nhưng suốt một buổi, cụ Thương vẫn không chuyển ý. Sau rốt, Phán Câu sốt ruột, phải nói dỗ, bỏ ra ngoài. Ông nghĩ: “Vụ này có những điều bí ẩn trên sức hiểu của người ta, nhưng dù sao, đã dò ra đến thế này rồi, ta không thể nào chịu thua”. Phán Câu vòng ra phía sau nhà, thấy mẹ con thằng Tôn đương ngồi xay lúa, bèn sà xuống và nói thảng những câu mà ông đã dự định ở trong đầu:

“Mụ Tè, mụ đã biết hết cả câu chuyện rồi. Bây giờ tôi nói thật cho mụ biết: cụ Thương sở dĩ không chịu về, tôi đã rõ tại sao? ”.

Mụ Tè ngẩng lên nhìn Phán Câu, không nói, nhưng có vẻ hơi lo. Bất thóp được chô đó, Phán Câu nói với một vẻ cương quyết:

“Phải, tôi đã rõ tại sao. Tại mụ và tại thằng Tôn. Chính hai mẹ con mụ đã lợi dụng tình thây trò cũ, nay đi mai về thăm hỏi cụ Thương mà cho bùa mê vào thức ăn thức uống của cụ để mê hoặc cụ. Rồi chính mụ và thằng Tôn đã rủ cụ về đây, mục đích không ngoài việc bòn rút tiền nong, vàng bạc của cụ, và hơn thế, lại còn xui bãy cụ không được trở về ở với con cháu ở nhà. Mụ không được từ chối.

“Nhưng mà vì sao, mụ đối với chúng tôi cũng là người nhà người cửa, cho nên sở dĩ hai hôm nay, chúng tôi không nói tới mẹ con mụ, mụ đối với chúng tôi cũng là người nhà người cửa, cho nên sở dĩ hai

hôm nay, chúng tôi không nói tới mẹ con mụ là ý muốn để cho mẹ con mụ có thì giờ suy nghĩ và liệu lý. Nhưng đến bây giờ, tôi vẫn chưa thấy mụ nói nǎng ra làm sao, vì thế, tôi mới phải xuống đây để hỏi. Hỏi mụ muốn thế nào? Mụ có muốn cởi mở cho cụ Thương không? Hay là mụ cứ cố giữ lấy cụ Thương, mê hoặc cụ Thương để bòn rút tiền tài của cụ và chia rẽ cụ với gia đình của cụ?".

Những lời nói đó của Phán Câu như là nhát búa đánh vào đầu mẹ con mụ Tề. Họ lặng người đi một lát, không nói được gì cả, sau, để trả lời Phán Câu, họ chỉ biết cất tiếng khóc vang, khóc nức nở, khóc ai oán, lăn cả ra mặt đất mà khóc lóc.

Phán Câu lay mụ dậy và bảo:

"Thôi, mụ đừng tìm cách đánh lừa tôi nữa. Vô ích. Chỉ sáng mai là cùng, người nhà nước sẽ đến đây bắt mẹ con mụ mang đi vì ông Cả đã có đơn trình rồi. Vô ích. Chỉ sáng mai là cùng, người nhà nước sẽ đến đây bắt mẹ con mụ mang đi vì ông Cả đã có đơn trình rồi.

Tôi chắc chắn cả hai mẹ con mụ không thể nào mà tránh khỏi trọng tội, có khi bị mất đầu là khác, nhưng, dù sao, nếu hối hận còn kịp, mụ chịu thú nhận ngay bây giờ tất cả đều đuôi câu chuyện với tôi, không giấu giếm một ly gì tôi xin hứa chắc tôi sẽ xin nhà chức trách tha cho mụ, tha cho cả thằng Tôn và tôi sẽ nói luôn với ông Cả Tiến rút đơn không kiện nữa".

Buổi tối hôm đó, mọi người đều dùng cơm ở nhà mụ Tề và nghỉ lại đêm đó. Không khí lạnh lẽo. Trăng non mọc ở vùng Đômg chiếu một thứ sáng buồn tẻ xuống cái ao ở sau vườn, những con ếch ương thúc dậy. Ngang trời, có tiếng quạ đìu hiu.

Trong khi ở trên nhà, Cả Tiến vẫn không ngớt van xin, lạy lục mẹ để mẹ về thì ở một gian nhà lá cuối vườn, người ta thấy mẹ con mụ Tề xì xào bàn bạc nho nhỏ trong đêm khuya thanh vắng. Thỉnh thoảng, tiếng thằng Tôn lại nổi to hơn, át tiếng mụ Tề... Mụ Tề ngăn nó đừng rộ tiếng... Rồi thì tiếng bàn bạc xì xào lại kéo dài ra cho mãi đến gần sáng bạch thì thằng Tôn mở cửa dưới gốc sung, tìm chậu rửa mặt rồi đi tìm Phán Câu nói chuyện trong cái miếu ngay cạnh nhà. Tất cả sự thật, hoàn toàn thật, đều gói ghém cả ở trong câu chuyện đó.

Và đây là lời thằng Tôn:

“Cháu đã nghĩ chín rồi, hôm nay xin trình hết. Để ông biết rõ đầu đuôi câu chuyện, kẻo có một sự hiểu lầm có thể làm cho cháu và mẹ cháu bị hùm oan.

Thưa ông, cháu có thể nói chắc chắn với ông rằng: cháu và mẹ cháu không có tội. Chốc nữa, nếu các nhà chức trách có đến đây, xin ông thương lấy mẹ con chúng cháu mà phân trần đen trắng rõ ràng cho. Ấy là ông cứu sống mẹ con nhà cháu, mà lại gỡ được một mối oan cho những người lương thiện, chỉ biết làm ăn chăm chỉ, tuyệt nhiên không có bụng gian tà, như dụ

dỗ người giàu để lấy tiền, hay bỏ thuốc mê để huyền hoặc những người chất phác, như ông đã nói.

Khỏi phải nhắc lại, ông tất đã biết, mẹ con cháu được nhờ vả cụ Thương như thế nào. Chính cụ đã cứu vớt mẹ cháu cắp vốn cho mẹ cháu làm ăn, rồi đến khi cháu lớn lên, ra tỉnh, chính cụ lại nuôi nấng cháu, dạy bảo cháu nên người, thêm vào đó, mới đây, cụ lại bán cho mấy sào ruộng để cày cấy trồng trọt nữa. Phải nói rằng cái ân đức ấy mẹ con nhà cháu dù tan xương nát thịt báo đáp cũng chưa phai, thế thì dù có là loài chó ra chăng nữa, chúng cháu cũng không bao giờ có thể ăn ở bạc bẽo với ân nhân mình được.

Nói thế là để anh biết cho lòng cháu nó chính đại quang minh như thế thật, quả không có một chút tà tâm, thêm vào đó cụ Thương bao giờ cũng đối xử với cháu như mẹ, cháu bao giờ lại có thể có một tư tưởng càn gỡ, bất chính ở trong lòng?

Việc này xảy ra, quả là trên súc cháu.

Chính cháu đến bây giờ vẫn tưởng như câu chuyện đó không thể nào có được, lăm lúc, cháu tưởng như mơ, nhưng đến bây giờ chuyện mới xảy ra to cháu mới quan niệm thấy hết cả sự quan trọng của nó và mới thấu hiểu những nồng nỗi hiểm nghèo đương đợi chờ mẹ con nhà cháu ở bên kia vực thẳm.

Thật tình, lúc bắt đầu để chân lên vực đó, cháu không hề hay biết. Ông cũng đã rõ từ trước khi cậu Hai Sâm mất, cụ Thương cháu vẫn có cái chứng đau

xương đau mình. Trong bọn gia nhân, có ba người được cụ có lòng thương gọi ra để thay phiên đấm bóp: chị Hồng, chị Bích và cháu.

Lúc đó cháu mới mười sáu, mười bảy tuổi, hãy còn trẻ con, nào đã biết gì đâu... mà cũng chả có ai để ý... Cháu đấm bóp cho cụ Thương thú thật lầm khi buồn ngủ quá ngủ gật, nhưng hình như cụ không biết như thế, chả bao giờ cho đi ngủ trước hai ba giờ sáng, có khi cháu không thể gượng được nữa đành phải gục lên trên mình cụ mà ngủ vậy.

Đến khi thức dậy trong đêm tối mờ mờ bốn bể lặng ngắt, éo óc tiếng trùng kêu sương, thường thường cháu thấy cụ vẫn còn chưa ngủ... Xin đi nằm thì không dám, mà cứ ngủ vạ ngủ vật thì sợ cụ khiển trách, cháu thỉnh thoảng cứ phải đứng dậy ra uống nước vặt để cho tỉnh ngủ... thì cụ lại tưởng rằng chưa buồn ngủ, cứ bắt ngồi đấm bóp trong khi cụ nói hết chuyện này đến chuyện kia. Cụ hỏi về mẹ cháu, về gia cảnh cháu rồi phàn nàn cho cháu, lầm khi câu chuyện mơ hồ, cháu không thể nào hiểu nổi, nhưng cũng cứ phải dạ dạ để cho cụ vui lòng, rồi chán lại gục xuống ngủ lúc nào không biết. Lầm khi, chợt tỉnh ra thì trời đã lờ lờ gần sáng bạch, cháu nhìn xuống ngực thấy cái chăn bông mới biết rằng cụ Thương đã chu đáo đắp cho cháu trong khi cháu ngủ miên man không biết gì...

Như thế, đến hơn nửa năm trời... Rồi đến vụ xích mích giữa nhà ta với nhà Trưởng Sen. Ai cũng còn

nhớ rằng, dạo này, cụ cháu sinh bần tính, ít khi được vui vẻ nên kẻ đầy người tớ lăm nguời không chịu đựng được, phải xin thôi. Chính cháu cũng xin cụ cháu về quê vào dạo này, lấy cớ là mẹ cháu đã già, không có ai hầu hạ sớm hôm và ai cũng tin là cháu thật. Có biết đâu rằng cháu xin thôi việc như thế là vì một nguyên nhân khác cháu không nói tất ông đã hiểu... Là vì cháu hãy còn ít tuổi, chưa từng trải việc đời, nhưng ngày một ngày hai mà cứ diễn đi diễn lại những việc chăn chiếu đêm hôm như thế, cháu cũng cảm thấy là một việc không hay, hơn thế, còn là một cái tội đối với cả người sống và người chết.

Mẹ cháu cũng biết thế, vì chính cháu đã thú thật tất cả với mẹ cháu, hết lời khuyên cháu và đã van cháu tìm hết cách để mà thoát ly, sớm ngày nào hay ngày ấy.

Vậy là nhân lúc chị Bích xin về, cháu cũng lấy cớ nói trên để xin cụ cháu về quê giúp mẹ, nhưng xin phép được, cháu đã phải gan dạ biết bao, cực nhọc biết bao!

Cụ hết xăng đến ngọt, nhất định cho cháu về và luôn hai đêm liền, cụ giữ cháu ở trong buồng, nói những câu làm cho cháu xúc động tâm can quá. Có một lúc, giọng cụ nghẹn ngào như khóc, cụ nói “cụ chán sống nếu cậu bỏ cụ về” và tỏ cho cháu biết “nếu cháu chịu thay đổi ý kiến đi, cụ không ngại gì bỏ hết cả nhà cửa, ruộng nương, tài sản đi để cùng cháu đến một chân trời góc bể xa xôi nào đó để cùng nhau chung sống một cuộc đời kín đáo”.

Một bên là mẹ già ngày đêm khóc lóc khuyên con nên sớm bỏ con đường tội lỗi, một bên là cụ chủ đã gây dựng cho nhà mình và đối xử tận tình với chính mình, biết theo ai, biết bỏ ai? Đời cháu thật quả là chưa từng bao giờ lại có một phen đau đớn trong tâm óc vô cùng như vậy. Nhưng mà rồi rốt cuộc, chữ hiếu vẫn thắng, cháu vẫn từ tạ cụ cháu để về quê, mặc dầu lúc biết cháu quyết tâm như thế, cụ cháu chửi cháu, rủa cháu và đánh cháu một trận nênh nhè...

Thế nhưng mà rồi việc đó cũng qua đi, không có gì to lớn xảy ra như cháu hằng lo sợ. Cuộc đời vất vả ở thôn quê. Một tâm hồn bình thản vô tư lự. Thỉnh thoảng, mẹ cháu lại ra vấn an cụ thì bận nào cũng cấp cho tiền bạc và quần áo và không quên hỏi thăm cháu ở nhà quê đạo này làm ăn ra thế nào, có tươi tỉnh hay không. Đó chính là hồi cụ cháu qui Phật. Ai cũng nhận rằng tâm tính cụ cháu hồi đó nhân từ thuần hậu lắm. Thấy thế cháu một lần cũng có lên thăm cụ cháu ở lại một đêm rồi sáng sớm hôm sau lại về ngay. Cuộc đời trôi êm ả. Những chuyện cũ qua đi, cháu ngồi mà nghĩ lại hãy còn thấy giút mình mà tưởng như mình đã sống một cơn ác mộng nặng nề.

Rồi thì cụ cháu được vua ban bốn chữ “Tiết hạnh khả phong”, rồi thì ông Hai Sâm cháu mất, rồi thì trong nhà cụ cháu hết vận hạn nọ, đến vận hạn kia. Đến khi hồi cư về, nghe thấy tin cụ cháu dở giờ, nhiều khi không nói năng gì đến hàng tiếng đồng hồ, như si như dại, mẹ cháu có bảo cháu ra thăm cụ một

lần nữa để cho hết đạo thầy trò. Thì lần này, vừa thấy cháu bước chân vào nhà đã mắng té mắng tát ngay và chửi cháu là “bất nhân bạc nghĩa”. Cháu không hiểu ra làm sao cả.

Đêm hôm đó, cơm nước xong xuôi, cụ bảo cháu vào sấp sửa đèn nhang trên bàn thờ Phật. Cụ tụng kinh gỗ mõ độ vào khoảng nửa tiếng đồng hồ xong ra thì lòng bớt giận hẳn đi, cụ lại tươi cười hỏi han cháu về công việc đồng áng ở nhà quê, và đến lúc đêm đã lảng xuống, cháu còn nhớ rõ cụ cháu hỏi đi hỏi lại cháu một câu “Mụ Tề có bảo tôi đương đi hỏi vợ cho anh, vậy thế anh đã ưng thuận đám nào chưa?”.

Đó chính là sự thật. Nhưng thấy cụ hỏi như vậy, cháu không biết đáp ra sao nên cứ đành phải cười trừ. Cụ cũng không tỏ ra vẻ gì khác lạ nhưng đến hôm cháu xin phép cụ để về thì cụ có bảo: “Ừ, anh có về thì về, nhưng nhớ hôm nào lấy vợ thì phải mời về ăn cỗ đấy”.

Thật tình cháu không thấy có một sự gì lạ cả. Cháu lại “dạ” thì vẫn vui vẻ như thường, cụ lại bảo tiếp: “Nhớ đấy, tôi về ăn cỗ và tôi giúp đỡ cho. À này, thế nhưng mà đạo này trong nhà tiền nong có đủ tiêu không? Có phải sắm sửa mua bán gì không?”.

Không đợi cho cháu trả lời, cụ gọi cháu bưng khay nước lại chõ sập cụ ngồi và, nhân lúc cháu đặt khay xuống sập, cụ bảo cháu khe khẽ: “Tôi thương mẹ con anh, muốn giúp đỡ thêm cho chút ít... phải giấu

đi nhé, đừng cho ai biết kẻo người ta ganh tỵ. Đêm mai độ khoảng hai giờ sáng... anh ra đợi tôi ở cầu Bến Voi...".

Khốn nạn, cháu quê mùa chất phác, có biết đâu được những nỗi éo le. Thấy, cụ nói là giúp cho mẹ con nhà cháu ít tiền cưới vợ thì cháu cứ yên chí là thật, y hẹn cháu ra chớ có biết đâu việc lại xoay ra thế khác.

Cháu không ngờ và không ai có thể ngờ được thế. (Tôn rít một hơi thuốc lào xong nói tiếp). Cháu đợi cụ cháu ở cầu Bến Voi độ nửa tiếng đồng hồ, thì thấy cụ cháu đi một mình ra, tội nghiệp, hai vai áo ướt đầm sương móc ban đêm. Trời đêm ấy âm u, nhưng mơ hồ có ánh trăng lạnh lẽo, rải rác ở trên bãi tha ma. Một vài ngọn lá vàng rơi xuống đầu cụ cháu, tóc rối như cỏ bồng. Cụ cháu đưa cho cháu cầm một cái túi khá nặng, chần chờ một lát, rồi bảo cháu: "Tôi không về được nữa đâu". Trông lên, cháu mơ hồ thấy vẻ mặt cụ cháu héo hắt khác hẳn ngày thường, đôi môi trĩu xuống như vừa mới khóc, mà mắt sáng ngời lên một cách lạ, làm cho cháu hơi rờn rợn. Rồi cụ cháu và cháu cứ đứng im như thế ở đầu cầu Bến Voi. Xa xa, có tiếng chó sủa trăng. Ở cuối bãi tha ma Cầu Sáng, thỉnh thoảng lại có một ánh lửa mơ mờ, to bằng đầu từ dưới đất bay lên rồi lượn lờ một lát để mà tan biến vào đằng sau những bụi ô rô xám xịt. Cháu bèn nói:

"Bây giờ đêm đã khuya lắm, mà sương xuống nhiều, cụ đứng như thế này mãi, e cảm mạo thì khổ lắm. Xin mời cụ về thì hơn".

Thốt nhiên, trong tĩnh mịch bao la, thốt lên một tiếng cười khẽ mà lạnh như dao sắc, nghe mà rợn cả thịt da. Cháu chưa kịp nghĩ ngợi xem tại sao cụ cháu bỗng nhiên lại cười lên như thế thì cụ cháu đã ghé vào tai cháu mà bảo thầm:

“Tôi không về. Tôi không về. Tôi thích bị cảm và tôi thích chết. Nhưng bây giờ còn sống thì tôi muốn rằng tôi không trở về nhà nữa, tôi muốn đi, đi mãi, và ngay giây phút này, tôi muốn rằng anh phải đưa tôi về nhà anh để cho tôi ở đấy với anh và với mẹ anh...”.

Cả một vòm trời u uất nặng nề lúc đó như đổ sụp lên trên đầu cháu. Thật quả là cháu không ngờ lại có thể một câu chuyện như thế này xảy được ra! Chân tay cháu lạnh toát, đầu quay đi, quay đi, nhưng cháu hãy còn nhớ mặt cháu lúc đó nóng bừng lên như bị lửa châm vào thiêu đốt... Biết trả lời ra sao bây giờ?

Chưa kịp nghĩ xem phải đối phó cách nào cháu đã thấy cụ cháu tiến lại cầm lấy tay cháu dắt đi. Ở trên bãi tha ma về đêm, gió thổi lộng, cụ cháu phải thu mình đi sát vào người cháu đỡ lạnh.

Như một cái máy, cháu đi theo bước thấp bước cao, đầu óc rối như bòng bong không có một tư tưởng gì nhất định. Đúng là cháu đương sống trong một giấc mơ nhưng khác một điều là cháu vừa mơ mà vừa nghĩ. Mắt vẫn mở, cháu nghĩ lại những giọt nước mắt thương con của mẹ cháu khuyên cháu phải lánh xa tội lỗi, cháu nghĩ đến những đêm trường ngày trước còn ở hâu cụ cháu, đêm đêm đắm bồng rồi ngủ quên, cháu

lại nghĩ miên man, cháu nghĩ không biết cụ cháu cứ nhất định về ở nhà cháu như thế này thì rồi sẽ ra thế nào... Mà nhất định là từ chối thì không thể được! Thú thật với ông, cháu ở với cụ cháu từ tẩm bé, đã biết tính cụ cháu hách dịch, đáo để lăm, không bao giờ muốn cho ai trái ý. Đến bây giờ, dù không còn ở nữa, và cũng đã lớn khôn, cháu vẫn sợ cụ cháu như ngày trước... Cái việc cháu không dám có một lời từ chối, cứ phải cúi đầu đưa cụ cháu về nhà, nguyên do nữa, khó nói ra là lòng thương, ông ạ. Có lẽ ông mới nghe thấy cháu nói như thế thì cho là hồn, nhưng thật quả là thế: đứng trước một người đàn bà hách dịch, đáo để, khét tiếng giàu sang và quyền uy như cụ cháu mà bây giờ phải hạ mình xuống, để lộ ra tất cả sự yếu đuối xác thịt và linh hồn, nói như van xin, cầu khẩn, cháu thấy lòng mềm lại và bất giác thấy chan hòa một tấm lòng thương, hình như thương tất cả mọi người đều khổ. Giọng cụ cháu nghèn ngào nước mắt. Cháu cảm giác dù có chết ngay để mà đem được một chút an ủi lại cho linh hồn đau khổ đó lúc bấy giờ, cháu cũng không quản ngại.

Thế rồi thì việc xảy về sau này ra thế nào, lựa là phải nói, ông đoán ra khắc biết. Cụ cháu, ở đằng sau nhà cháu rồi, không nói gì đến chuyện trở về nhà nữa, ngày ngày trông nom nhà cửa thay cho mẹ cháu và săn sóc từng tí từng ly cho cháu. Thảng hoặc, cũng có người thấy thế hỏi thăm, cụ cũng chả lấy làm quan tâm. Sở dĩ việc này chưa lộ ra nhiều, chính là tự ý mẹ con nhà cháu tìm cách giấu giếm che đậy, một là vì

thanh danh của các cụ cháu, hai là vì muốn cho ngày một ngày hai cụ cháu về nhà, nếu không có ai biết chuyện này thì lại càng hay.

Thật ra trong suốt cả thời gian cụ chịu ở đây, mẹ con nhà cháu không hề dám khuyên cụ về một lần nào, tuy rằng sự sống chung đó có nhiều điều bất tiện và ngang trái... Ăn ở như thế được độ hơn một tuần, nhiều tính hách dịch, dài các trước của cụ cháu đều mất hết.

Cụ cháu hiền hòa nói năng mềm dẻo và khéo đón chiều ý kiến của cháu đến nỗi có lăm lúc cháu tưởng chừng như trên đời không có một người nào được nuông chiều như cháu bấy giờ. Tuy thế, theo cháu nghĩ, một cuộc sống như thế chỉ có thể tạm bợ chứ không thể bất cứ vì lẽ gì mà kéo dài ra... Cháu nghĩ mãi, nghĩ lung để tìm cách thoát ly, nào thoái thác có anh em gọi vào làm đồn điền ở Tuy Hòa, nào lấy cớ có việc ở trên tỉnh phải đi dăm bảy bữa... nhưng chưa có cớ nào trót lọt vì định nói thì cụ cháu gạt đi, nhất định không bằng lòng. Cứ trông thấy cụ cháu râu râu, ngồi thờ thẫn ra vẻ suy nghĩ vẫn vợ, cháu lại tự thấy mình độc ác và lấy làm hối hận mình đã gây ra sự khổ não cho những người chung quanh. Dù sao, cháu vẫn cứ âm thầm chịu đựng... và cháu sẽ cứ chịu đựng mãi như thế, nếu không có việc xảy ra ngày hôm qua... Đến tận bây giờ cháu cũng vẫn chưa hiểu việc tiết lộ này có lợi hay là có hại...".

# 15 - Đó là tất cả lời tự thú của thằng Tôn.

Anh Phụng nói thế xong, đặt hai tay xuống chiếu ra vẻ mệt mỏi, ngồi thẫn ra một lúc lâu im lặng. Từ lúc tôi biết anh tới giờ, chưa bao giờ tôi lại thấy anh âu sầu đến thế. Có phải là con mắt tôi đánh lừa tôi không, hay đấy là sự thật? Tự nhiên, tôi thấy mắt anh hốc hác, hai mép trâu xuống như thể đã phải khóc lóc quá nhiều... Anh châm một điếu thuốc nhìn ra ngoài trời khuya man mác rồi nói tiếp như chính với mình:

- Việc tiết lộ này, nào ai dám biết là lợi hay là hại?

Rồi nhìn thằng vào tôi, anh nói như để trả lời cho chính mình:

"Nhưng, theo lẽ giáo của những gia đình cổ nước ta thì phần hại chắc chắn nhiều hơn phần lợi. Ít ra đó cũng là ý nghĩ của ông Cả Tiến. Bởi vì sau khi đã được biết uẩn khúc câu chuyện với tất cả những chi tiết của nó, Cả Tiến chết điếng đi và nhất định không để cho việc này trì hoãn thêm một tiếng đồng hồ nào nữa. Cứu vãn được tình thế sớm giờ nào hay giờ nay! Càng giấu giếm, đậm đà thêm được chút nào càng hay. Mặc dù lúc nào cũng nặng tình hiếu thuận với mẹ, Cả Tiến lúc này cũng thấy gan ruột sôi lên. Một nỗi oán hận ghê gớm được. Muốn thành ra một đứa sát nhân, nào có khó khăn gì? Một lưỡi dao hạ xuống, một người chết, hai người chết, ba người chết, rồi chính mình cũng chết nốt, thế là xong... không phải nhục nhã, bêu riếu nữa, không phải nghe thiên

hở chê cười, rửa xả nữa, không phải trông thấy chính người mẹ đáng kính của mình chà đạp lên thanh danh nhà mình nữa... Mắt Cả Tiến đỏ ngầu... Ông kêu lên những tiếng ai oán ở trong cuống họng như một con vật bị chọc tiết rồi ôm mặt khóc như một đứa trẻ con. Không còn một phương sách gì khác để cứu vãn tình thế này: cụ Thương phải về nhà, không có thì Cả Tiến tự đâm cổ chết. Mà Cả Tiến đã đâm cổ thì ít ra cũng phải có một người chết trước ông... Đến lúc đó thì cụ Thương biết ngay rằng câu chuyện đã bị vỡ lở rồi. Không hiểu vì một sự xúc động tâm lý gì, cụ cũng rơm rớm nước mắt, nhưng chỉ một lát, cụ lại giữ được vẻ tự nhiên, chậm rãi khuyên can ông Cả Tiến và cố tìm cách khêu gợi tấm lòng hiếu đẽ của ông.

Nhưng bây giờ Cả Tiến còn chịu nghe gì nữa, dù là lẽ phải? Tình thế căng thẳng một cách nguy hiểm, mọi người có mặt phải chia nhau ra khuyên giải cả đôi bên, rồi chính mụ Tè và Tôn phải phủ phục xuống đất lạy cụ Thương xin cụ rũ lòng thương ông Cả, thương mẹ con nhà mụ mà về nhà cho được êm thấm mọi điều, tránh mọi lời dị nghị.

Không ai có thể biết lúc đó trong thâm tâm cụ Thương nghĩ ra sao mà bỗng nhiên cụ bưng lấy mặt khóc cực kỳ ai oán, nghe mà đứt ruột! Cả nhà lại dỗ lại dỗ dành, nhưng không được. Cụ khóc mãi, hình như muốn để thật hết cả nước mắt đi, khóc cho thật với hết cả nỗi lòng u uất đi, khóc cho thật thỏa đi, rồi đứng dậy sửa sang lại đầu tóc và quần áo, cụ theo

Phán Câu, Cả Tiến và gia nhân ra về, đầu gục xuống ngực, như một bức tranh đau khổ.

Rồi ngày tháng lại qua đi... Ngày tháng dài dặc, ngày tháng vô biên, dệt bằng những kỷ niệm buồn hơn vui, làm cho người ta lầm lúc tưởng có thể chết được, nếu không có câu kinh tiếng kệ để quên.

Bà Thương lại sống lại cuộc đời ngày trước, ngày chơi với các cháu con Cả Tiến đêm thì gõ mõ, lần hạt đến khuya, bình thản như trong suốt cuộc đời chưa từng bao giờ lại đã có xảy ra sự lạ. Nhưng cũng bắt đầu từ đó, sức khỏe của cụ Thương mỗi ngày mỗi sút kém đi trông thấy, sắc thái bạc nhược, có hôm bỏ cả cơm nằm li bì suốt ngày, kêu nóng ruột và đau xương cốt. Dù là thuốc thang như đắp vào người, bệnh cũng không thuyên giảm, trái lại, mỗi ngày mỗi tăng lên và đến cuối năm thì cụ Thương không đi được nữa, phải bò. Rồi thì dần dần bại mất hẳn nửa người, nhất nhất ăn uống phải có người hầu nâng đỡ. Người ta cho là chứng phong bại. Và cứu như thế đến bốn tháng trời, hơi sức kiệt quệ đi, cụ mất một cách thảm thương là tiêu mất hết cả thịt, mà vẫn tỉnh cho đến chết.

Tính từ khi xảy ra vụ bỏ nhà đi đến ở với mụ Tề và thằng Tôn tới khi chết, được độ tám tháng trời. Người con cả nỗi nghiệp cũ của mẹ, làm ăn cơ chỉ và có phần cư xử khéo léo, mềm dẻo hơn, nhưng công việc sút kém trông thấy, và chỉ trong có hai năm cả một cơ nghiệp do cụ Thương gây dựng chuyển sang tay người khác.

# 16

Câu chuyện của anh Phụng nói đến đây là hết. Có lẽ lúc ấy đã hai giờ khuya. Mưa càng về sáng càng nặng hạt, rơi đều đều trên giàn hoa thiên lý, làm cho lòng người u uất, náo nè. Quá giặc rồi, ngủ cũng không còn được nữa, chúng tôi ngồi uống thêm mấy cốc rượu, và không nói gì với nhau.

Chả hiểu anh Phụng nghĩ những gì? Tôi châm một điếu thuốc nữa, nhìn khói vàng quyện vào những bông đào tàn và nhớ lại... Nhớ lại câu chuyện một buổi chiều cuối năm, giữa tôi và mấy người bạn, tôi tưởng như còn thấy rõ ràng cái thái độ dè bỉu của mấy anh em quá ư đạo đức đã mạt sát “bà sáu mươi ba lấy ông sáu mươi mốt” và công kích thậm tệ mấy người con bà đó đã không ngăn được mẹ... sang đờ. Ý kiến và thái độ của tôi hôm đó, thoát đầu không phải hoàn toàn thật. Tôi còn nhớ rằng những ý kiến đó phát xuất ra chỉ là để làm thỏa mãn tính lập dị của tôi, nhưng về sau, cả bọn xô vào mạ lý dữ quá, tôi chống đỡ những ý kiến đó đến cùng, và, kết cục, tôi tin rằng những ý kiến đó là của tôi thực, do tôi nghĩ thực tự tâm.

Anh Phụng nghi ngờ thái độ của tôi và có lúc đã hỏi tôi như thế.

- Ấy thế, anh xem - tôi bảo anh Phụng như vậy - câu chuyện anh vừa kể há chẳng phải là một bằng cớ nữa để chứng tỏ rằng những điều tôi nghĩ rất có thể là thực? Mà là thực của tôi nghĩ, thế thì chưa chắc đã là sai lầm phải không anh?

Phụng không trả lời thẳng vào câu nói ấy, nhìn vào cốc rượu như để tránh tầm mắt của tôi rồi chậm rãi hỏi:

- Thế nhưng anh có chắc rằng cái trường hợp sinh lý của tôi vừa nói, so với câu chuyện bà sáu mươi ba lấy ông sáu mươi mốt, có nhiều phần giống nhau không đã.

- Mỗi trường hợp có một tính cách riêng, ta không thể nhất đán gò bó vào với nhau. Tuy vậy, xét về đại thể, ta có thể kết luận rằng: người ta không thể lấy một khuôn khổ luân lý nào làm tiêu chuẩn bất di bất dịch để phê phán những hành vi của người khác, nhất là do sinh lý gây ra.

- Nhưng nói riêng về trường hợp của bà Thương Chế?

- Trường hợp ấy, có thể lại còn nhiều lý lẽ để được người ta tha thứ. Về phần tôi, trong việc này, tôi không thấy một nhân vật nào có tội. Riêng về bà Thương, tôi lại còn thấy bà đáng thương hại vì bà chính là một nạn nhân của dục tính, mà cái dục tính đó nhất định không phải do bà tự tác, nhưng do hoàn cảnh tạo ra. Sự giàu có, đầy đủ và có thể gọi là thừa thãi của bà, về vật chất đã để ra những nhu cầu sinh lý tự nhiên không được bà làm thỏa mãn. Tại sao? Tại vì cái nghệ thuật sống của bà không phù hợp với bà: lúc có chồng thì quá mải mê buôn bán thành ra sự ham muốn làm giàu có một lúc đã lấn được sự ham muốn về sinh lý, đến khi chồng chết thì chũ hết tâm

thần vào danh nghĩa tiết hạnh, ra sức đè nén dục tính bằng cách đánh lừa chính mình bằng sự lảng quên trong tiếng mõ câu kinh, nhưng đánh lừa được như thế, cố tìm cách để quên như thế, không có nghĩa là giết chết được dục tính đâu. Dục tính sẽ phát ra chậm chạp hơn, nhưng vẫn cứ phải phát tiết ra, sau khi đã gây ra nhiều biến chứng như chúng ta đã thấy...

- Anh nói vậy thì ra những vụ án tình, do vấn đề sinh lý gây nên, đều đáng tha thứ cả hay sao?

- Không hẳn thế. Tôi có bao giờ công kích luân lý hay đạo đức đâu, nhưng tôi muốn rằng luân lý hay đạo đức được tạo ra để trấn giữ lòng người không bao giờ nên lấy đó làm một tiêu chuẩn bất di bất dịch. Có những trường hợp nên tha thứ. Nếu tôi là quan tòa của cái tòa án dư luận xử bà Thương, tôi nói thật với anh nhất định tôi tha cho bà ta trắng án...

- Nếu, theo ý anh, bà Thương được trắng án thì con bà là ông Cả Tiến có tội rồi... Là vì bà không có tội, ông Cả Tiến cho là có tội, bức bách bà về, rồi vì bà phải về như thế mà ốm nặng, ít lâu sau thì mất, vậy là ông Cả Tiến, đối với mẹ là một người bất hiếu, mà kể về danh nghĩa công dân, ông đã can tội bất nghĩa một người?

- Tôi lại không nghĩ như anh. Nếu thằng Tôn xử sự như thế là vì lòng thương hại chủ, vì bản tính tự nhiên sợ chủ, nếu thằng Tôn xử sự như thế mà không có tội thì theo tôi, ông Cả Tiến cũng không có tội gì.

Tước hết, ông Cả Tiến có thể không biết hay không cùng chung quan niệm về sự quan hệ của dục tính đối với con người như anh và tôi, ông ta có quyền kết tội một người mẹ đã già mà còn bị sa ngã một cách dâm ô tục tĩu; thứ, là ông có thể nghĩ như ta nhưng lúc xảy ra vụ án này, ông có quyền quên những ý nghĩ đó mà chỉ nhớ đến danh nghĩa gia đình và tiết hạnh của mẹ thôi. Bảo rằng vì Cả Tiến bức mẹ về mà bà cụ thành ốm nặng rồi vì thế mà mất là nói vô căn cứ. Biết đâu không có chuyện Cả Tiến bức mẹ về thì bà mẹ ấy cũng mất như thường? Mà nói quá ra, nếu vì thế mà bà Thương chết đi nữa, thiết tưởng cũng không phải tội Cả Tiến, ông ta xử sự như thế, chả qua chỉ là làm một bỗn phận người con... người mẹ bình tâm lại chả nên oán hận làm gì, mà những người biết việc này, thiết tưởng buộc tội Cả Tiến cũng là vô lý...

Anh Phụng nghe tôi nói, như thầm từng lời, thỉnh thoảng lại ngược mắt nhìn tôi rồi vội quay nhìn ra đường phố mà nói:

- Rút lại thì đối với anh, trong vụ này, chả có ai tội...

- Thật vậy.

- Thế thì tội ai?

- Sao anh lại muốn phải có người có tội? Bởi vì câu chuyện này là một chuyện phóng túng về sinh lý, anh nghĩ rằng cần phải kết án một vài người nào chăng? Đó chính là một điều tôi nghĩ đến từ lâu, nhưng tuyệt

nhiên không dám nói với ai hết, vì nói ra thì rất có thể bị thiên hạ người ta tiểu mạ: tôi không chủ trương đề cao đến quá độ sinh lý. Đó chỉ là một sự nhu cầu, vậy thì ta nên chỉ cho nó cái giá trị của một nhu cầu như bao nhiêu thứ nhu cầu khác...

**17** Ý nghĩ sau cùng của tôi, chính tôi nghe thấy tôi nói ra lời cũng chói cả tai lên, không chịu được. Rất có thể là tôi nói buồng, nhưng, lăm lúc ngồi một mình suy ngẫm, tôi đã từng như thế, thật tình như thế và chính tôi, tôi cũng “tròn trọn” vì ý nghĩ của mình.

Cố nhiên là anh Phụng, một người bạn nho học, đã hơn năm mươi tuổi, nghe thấy lần thứ nhất tôi nói to lên như thế thì phải choáng người lên và liệt tôi vào hạng vô đạo đức. Vậy mà không. Đến sáng, sau khi điểm tâm xong, bắt tay tôi ra về, anh tuyệt nhiên không thay đổi thái độ đối với tôi, mà cũng chẳng động gì đến câu chuyện đạo đức và sinh lý nữa.

\*\*\*

Thế rồi thì thôi. Câu chuyện tưởng là hết, lại thành chưa hết. Ba hôm sau, tôi nhận được một phong thư dày, do một người vú già cầm tới. Thư của Phụng gửi như sau:

“Thôi tôi biết hết cả rồi, anh Liêu ạ. Sau mấy cuộc nói chuyện về đạo đức và sinh lý với anh, tôi ngồi một mình ngẫm nghĩ thì mới biết tôi lầm. Tôi lầm vì tôi cứ tưởng rằng tôi nói dối thì anh không biết, nhưng bây giờ, tôi quyết được rằng anh đã biết cả rồi. Anh biết rồi, nhưng vì anh thương tôi, nên không nói rằng anh biết. Anh chỉ tỏ ra anh đã biết bằng cách bênh vực những nhân vật trong câu chuyện tôi đã thuật cho anh, bênh vực có lầm lúc quá đà, bênh vực nhiều khi đến vô lý, nhưng dầu sao, tôi cũng thành thật cảm ơn cái thái độ tế nhị của anh và xin anh cho biết rằng tôi đã hối hận vì đã nói dối anh, bởi vì chúng tôi nói dối. Có người nói dối vì thiên tính, không ích lợi gì cũng nói dối, có người nói dối để đùa, cứ làm được cho ai không hiểu mình ra sao là sướng rồi, nhưng tôi nói dối chính là vì hèn nhát. Tôi hèn nhát thật: bà Thương, ở trong câu chuyện tôi kể anh nghe không phải là bà nhạc mẫu tôi đâu, nhưng chính là mẹ tôi đấy, mà Cả Tiến thì là tôi, tôi-Phụng, người bạn khốn khổ của anh. Tại sao tôi đã hứa với anh sẽ kể hết cả câu chuyện, thật hoàn toàn từ đầu đến cuối, mà lại phải nói dối nói dá, giấu quẩn giấu quanh như thế? Đó chỉ là vì tôi có một thành kiến, tôi không kể gì đến vấn đề sinh lý, đến khoa học, tôi

chỉ nghe theo tiếng gọi của lý trí, của đạo đức, tôi cho việc làm của mẹ tôi, dù là mẹ tôi không quyết định được đi nữa, việc làm của mẹ tôi là một việc thương luân bại lý làm nhơ nhuốc đến gia phong, vì thế, tôi phủ nhận hành vi đó của mẹ tôi và tôi tìm hết cách giấu giếm để cho đỡ phần điếm nhục. Thú thật với anh, công việc buôn bán của tôi ở Lò Chum, từ khi mẹ tôi mất đi, không phải tự nhiên mà suy kém rồi đi đến chõ thắt bại đâu, nhưng chính là tôi muốn thế, và sở dĩ thế, là vì tôi không muốn ở Lò Chum nữa, tôi muốn đi cho khuất mắt, để cho không ai còn nhắc nhở đến câu chuyện đốn hèn kia nữa.

Vậy thì vì nguyên nhân quái ác gì, mà một đêm mùa xuân tươi đẹp, tôi lại đem câu chuyện tối tăm bi đát mà tôi vẫn chôn chặt trong cõi lòng ra bày giải cùng anh?

Chính tôi cũng không hiểu. Nhưng sau một đêm trò chuyện đó, tôi thấy rằng dù là anh không phát biểu những ý kiến thật của anh về chuyện mẹ tôi, dù là vì thương tôi, anh lấy những ý tưởng nhân đạo để “khâm liệm” một việc thương luân bại lý, mục đích để an ủi tôi, an ủi linh hồn mẹ tôi, dù sao đi nữa thì tôi cũng thấy có một cái lợi, là tôi đã tìm được một chõ thoát cho những thành kiến tù hãm của tôi, tôi thấy lòng đỡ khắc khổ, và, thú thật, từ đó tôi thấy lòng cởi mở ra hơn trước. Cho đến lúc viết cho anh bức thư này thì quả thật là bao nhiêu nỗi thù mẹ, oán mẹ của tôi đã như tiêu tan gần hết để nhường chõ cho một

lòng thương mông mênh, không phải chỉ là thương mẹ hay thương những người nào đã dính líu trong tấm thảm kịch của mẹ tôi, nhưng thương bâng quơ, thương tất cả chúng ta, thương loài người sao mà nhỏ bé thế, yếu đuối thế, bất lực thế... và tôi thấy buồn đến nỗi nùng. Một nỗi hối hận day dứt găm nhắm trí óc tôi, tôi nhớ lại những hành vi của tôi và không hiểu tại sao mình lại có thể độc ác như thế được.

Anh Liêu ơi, viết xong cho anh bức thư này, tôi sẽ đi, đi không biết đến hôm nào mới lại về, nhưng tôi đi và riêng cái việc đi đó đã có một ý nghĩa rồi, vì thế, tôi thấy không cần phải giấu giếm anh gì nữa, tôi không sợ gì hết, và tôi xin nói thật với anh nốt mấy điều mà chính tôi đã giấu anh.

Chính vậy, bà Thương Chế chính là mẹ tôi. Tất cả câu chuyện tôi đã nói đều là thật cả, hoàn toàn thật, nhưng có một điều mà anh chưa biết, mà tôi chắc anh không biết, là chính tôi, tôi đã biết chuyện mẹ tôi với tên Tôn từ lâu lắm, từ lúc em tôi, là Hai Sâm, chưa mất. Hắn anh cũng còn nhớ những lời tự thú của tên Tôn nói với Phán Câu: “Ông cũng đã rõ, từ trước khi cậu Hai Sâm mất, cụ Thương cháu vẫn có chứng đau xương, đau mình. Lúc đó, cháu mới có mười sáu, mười bảy tuổi, hãy còn trẻ con, nào đã biết gì đâu... mà cũng chẳng có ai để ý”.

Tưởng thế mà thôi, chứ thật ra thì ngay hồi đó tôi đã biết hành vi cuồng loạn của mẹ tôi rồi. Là vì chắc anh đã nhớ rằng có một thời kỳ trước khi Hai

Sâm mất, mẹ tôi giờ giờ luôn “và mỗi khi thay đổi thời tiết thì lại kêu đau xương đau mình, ở luôn trong buồng, không tiếp khách, có khi hàng tháng phải nằm một chỗ không dậy được”. Đó là thời kỳ đau khổ nhất trong đời tôi mà tuyệt nhiên tôi không dám hé miệng than thở với người nào cả. Tại sao? Chắc anh đã biết... Mỗi tình tội lỗi của mẹ tôi với tên Tôn đã có kết quả rõ ràng. Một đứa con!

Tôi được biết rõ ràng như thế là vì có một đêm trời rét, tôi đương ngủ thì bỗng có người đậm vào vai tôi mà gọi khe khẽ ở bên tai, như nói thầm: “Anh Cả! Anh Cả!”. Giật mình tôi thức dậy, khêu to bắc ngọn đèn dầu lên xem ai thì đó là U Tám, một người vú thân tín của mẹ tôi, lúc nào cũng hầu cạnh ở bên cạnh cụ không rời nửa bước.

Người vú đó, không đợi cho tôi hỏi, nói tiếp, khẽ như hơi gió: “Anh Cả, vào bà nhờ tí việc...”.

Tưởng là mẹ tôi ngộ cảm, tôi vùng chăn đi vòng ra sân để xuống phòng của mẹ tôi nhưng đến đầu dây tường hoa thì U Tám giữ tay tôi lại và đưa quành sang lầm thóc, một cái buồng tối tăm, u uất, ít khi có người vào. Le lói có một ngọn nến con khi mờ, khi tỏ theo chiều gió. Tôi khẽ nâng cái cửa lên chui vào trong lầm thì một cảnh tượng hãi hùng và bi khốc bày ra ở trước mặt tôi: trên một manh chiếu, mẹ tôi nằm mệt lả, mặt xanh nhợt như tàu lá mà chân tay giá lạnh như chết rồi. Bên cạnh, có một đống giẻ, trên quấn quại một đứa hài nhi đỏ hỏn.

Lập tức, tôi quan niệm thấy hết cả nồng nỗi khốn nạn của tôi, tôi run lên không nói được, không khóc được, tôi ngồi trơ ra đấy, không biết làm gì cả thì mẹ tôi mở mắt, nói thều thào được một câu “Anh thương mẹ... anh mang đứa bé này lên cho nhà bà Sơ... ngay bây giờ... ngay bây giờ... anh thương mẹ là hết... mẹ xin anh... mẹ lạy anh...”. Rồi mẹ tôi nằm ngất lịm đi, trong khi U Tám kiểm chổi sẽ đốt từng ít một để cho mẹ tôi ấm mà tỉnh lại.

Khốn nạn cho tôi, lúc đó, chả biết nghĩ thế nào mà tự nhiên tôi vùng đứng phắt ngay dậy, cắm cổ chạy như điên về giường, trùm chăn lại mà ôm mặt khóc, khóc như chưa từng có ai từng khóc thế! Mấy hôm sau, mẹ tôi lại bình phục, tôi không đối diện với người và cũng chả hỏi han thêm gì cả, mà tôi cũng chả biết công việc đêm ấy rồi sẽ kết thúc ra thế nào.

Mãi về sau này, tôi mới biết rằng, sau khi thấy tôi đi khỏi, mẹ tôi đã bảo U Tám gọi Hai Sâm lại mà nhờ làm cái nhiệm vụ kia... Và Hai Sâm đã làm tròn nhiệm vụ. Dương đêm khuya lạnh mà lại vào chính giữa lúc công cuộc bảo an được tổ chức rất nghiêm ngặt, trong từng làng, từng xã, nó đã bế đứa hài nhi kia đi dưới trời mưa rét, lặn lội đến tận làng Hạt, tức là quê U Tám để giao đứa bé cho một người nhà U nuôi.

Đến lúc đó, tôi mới hiểu tại sao mẹ tôi lại nuông chiều em Sâm tôi như thế... Muốn gì được nấy, hư hỏng, sa ngã mấy cũng chả kể chi... lại khi nào tôi có trách cứ và xin mẹ trừng phạt thì mẹ tôi lại nói khó, để xin tha cho nó...

Lâm vào cái cảnh tiến thoái lưỡng nan, nói ra ngượng miện, tôi đành phải giả ngây giả điếc, do thế, em tôi mỗi ngày mỗi hư hỏng hơn, mà gia đạo cũng vì thế mà mỗi ngày thêm suy kém. Trong khi đó, thỉnh thoảng vì sự ngẫu nhiên, tôi được biết rằng đứa con riêng của mẹ tôi, do người nhà U Tám chăm nuôi, vẫn còn sống và khỏe mạnh. Vài tháng, lại có một người nhà quê lên lấy tiền đem về để nuôi đứa trẻ, vài tháng, mẹ tôi lấy cớ là đi xa buôn bán lại về thăm nó một lần, nhưng riêng tôi, tôi không hề động mà cũng không hỏi thăm nó qua một tiếng... Thù mẹ, tôi thù lây cả nó và thành thật thú tội với anh, lầm lúc tôi chả cầu nhưng nghĩ giá nó chết, tôi cũng chả lấy làm thương xót.

Rồi ngày tháng qua đi. Tản cư. Hồi cư. Rồi thì xảy ra chuyện mẹ tôi mất tích. Mỗi nghi thứ nhất của tôi là mẹ tôi về làng U Tám ở với đứa con hoang đó. Tôi đến ngay nơi đó để xem thì chả thấy vết tích mẹ tôi đâu, tôi đoán chừng là mẹ tôi hối hận đã tự hủy hoại thân rồi, lại cũng có khi, một ý tưởng thoáng qua óc tôi rằng mẹ tôi vì xấu hổ đã bỏ đi tu ở một nơi cùng cốc thâm sơn nào... Thật quả là tôi không ngờ... rằng mẹ tôi lại quá ư sa đọa, đến cút cấp đi tìm thằng Tôn, bắt nó dẫn về ở nhà như thế... Tại sao tôi lại có thể nghi ngờ như vậy được? Huống chi trước khi xảy ra vụ này, tôi lại nghe thấy nhiều người nói rằng thằng Tôn đã đi làm ăn trong Tuy Hòa rồi!

Công việc Phán Cầu khám phá ra hành tung của

mẹ tôi làm cho tôi vừa kinh ngạc lại vừa đau xót. Đến thứ này nữa, tôi xin nói thật với anh, mẹ tôi đáng tởm, tuy rằng tôi vẫn nhớ đến chín chữ cù lao. Mẹ là một chuyện, nhưng kinh tởm lại là chuyện khác. Ý tưởng đó mọc rẽ trong óc tôi không có một sức mạnh gì lay chuyển được, mà còn sức mạnh gì lay chuyển nữa vì tôi chỉ biết một mình, nghĩ một mình, nào có giải bày, bàn bạc được với ai đâu?

Vâng, anh Liêu, tại sao một đêm xuân đẹp, tự nhiên lại đem câu chuyện tối tăm bi đát kia ra kể lại với anh? Thú thật rằng, dù là anh nói dối, dù là anh bày tỏ những ý kiến không thành thật, anh cũng đã giúp cho tôi tìm ra được nhiều lý lẽ mới để mà “đặt lại một vấn đề” mà từ trước đến nay tôi vẫn cứ yên chí là tôi phải, mà cái lẽ phải đó bất di bất dịch.

Dù sao chăng nữa, đối với mẹ tôi, bây giờ thì cái gì cũng đã chậm mất rồi. Tất cả điều đó tôi có thể làm được là thay đổi hẳn cách sống, sống với linh hồn người đã khuất, sống với người còn cho xứng đáng với tư cách một người biết suy nghĩ, biết hối hận, biết đạo làm người...

Viết xong bức thư này cho anh, tôi sẽ ra đi, chính là để hành động theo đúng những điều tôi nghĩ. Tôi sẽ tìm thằng Tôn để mà tạ lỗi cùng nó, để tạ lỗi cùng mẹ nó và tôi sẽ ăn ở xứng đáng để mẹ con nó tha thứ cho linh hồn mẹ tôi như thế, tôi mong trả được nghĩa mẹ tôi trong muôn một. Nhưng điều tôi băn khoăn nhất, ai oán nhất, là không biết tôi có thể gặp được

đứa con riêng của mẹ tôi, do người nhà U Tám nuôi  
giúp từ lúc nhỏ ở làng Hạt không?

Viết đến đây, tôi lại nhớ lại từng ly từng tí cái đêm  
mưa rét mà U Tám đến đầu giường đánh thức tôi...  
Mẹ tôi nằm chết liệt trên manh chiếu trong vựa  
thóc... một ngọn nến lu lờ. Một đứa hài nhi nằm lăn  
lóc trên đống giẻ... Một cảnh tượng nao lòng đến như  
thế, ai trông thấy chẳng phải động lòng thương! Vậy  
mà tôi, vì chỉ biết nghe có lòng tự ái của mình, chỉ vì  
nghĩ đến cái thanh danh ích kỷ của mình, lòng tức  
giận vô nhân đạo của mình, tôi đã bỏ ra đi, chả đoái  
hoài gì đến... Tôi hối hận muốn chết. Tôi muốn được  
người ta sỉ vả tôi, chửi rửa tôi, hành hạ tôi, nhưng ai  
biết mà sỉ vả, mà chửi rửa, mà hành hạ?

Anh Liêu ơi, anh là người bạn độc nhất biết rõ đầu  
đuôi câu chuyện này của tôi, anh hãy khuyên bảo tôi  
đi! Anh bảo tôi phải xử sự thế nào để chuộc lại lỗi  
với người đã chết và cả với những người còn sống?  
Tôi phải chết đi để tạ tội u? Không. Tôi sẽ sống, anh  
ạ, và ngay lúc này, tôi muốn bay ngay về quê nhà để  
khóc ở trên mộ mẹ tôi, khóc hết nước mắt của tôi, rồi  
sẽ đi tìm đứa con riêng của mẹ tôi, mà từ lúc nó sanh  
ra đời đã bị hắt hủi, khinh khi và bỏ lây bỏ lất. Tôi  
nghiệp đứa bé, nào nó có tội tình gì! Mẹ tôi sanh ra  
nó, đáng lý nó cũng được hưởng quyền làm người, vậy  
mà vì những lý do danh nghĩa hão huyền đã bị bắt  
buộc sống cuộc đời che đậy, giấu giếm, tối tăm. Mẹ tôi  
không từ bỏ hắn nó, mà cũng như bỏ rơi nó. Chính

ra, ngay từ lúc đầu, thấy thế, tôi có cái bốn phận phải nói với mẹ tôi nghĩ lại, tôi phải khuyên giải và an ủi mẹ tôi, tôi phải đứng ra nuôi nấng và chăm nom đứa bé mà mẹ tôi đã có cái lỗi là để ra nó mà không nuôi nấng nó. Vậy mà tôi cũng lại không làm được bốn phận đó nữa và, hơn thế, tôi lại còn thù oán, khinh khi và mong ước cho nó chết!

Anh Liêu, anh khuyên bảo tôi đi! Nhưng nói thế mà thôi, chứ có lẽ tôi cũng không đợi lâu hơn được nữa. Tôi điên cuồng lên mất rồi, tôi phải đi ngay bây giờ, và tôi sẽ hỏi thăm tìm tội cho kỳ được đứa bé ấy để mà xin lỗi nó, để mà thương xót nó, để mà nuôi nấng nó. Mẹ tôi, ở nơi chín suối, có lẽ thấy thế cũng được mỉm cười, mà riêng tôi, đối với người chết, đối với người sống có thể cũng được giảm tội trong muôn một, còn đối với tôi, tôi cũng đỡ phần hối hận và nhục nhã. Thật ra cũng chả làm tròn một chút nào cái đạo làm người vậy.

**18** Băng đi một dạo, tôi không được tin tức gì của anh Phụng nữa. Thỉnh thoảng đi qua nhà anh, tôi có vào hỏi thăm người nhà xem có tin tức gì không thì cũng chả ai biết hơn tôi cả.

Mãi đến tháng tư năm nay, một người ở Nghệ ra kể chuyện rằng nhân một hôm đi từ Phủ Đông Sơn đến

làng Tòng Tân trên đường Báu Thượng, ông có gặp Phụng đi với một thanh niên trạc mươi sáu, mươi bảy tuổi, ăn mặc lối quân nhân, bị thương ở ngực và chân trái. Hồi đi đâu thì Phụng bảo đưa người thanh niên đó vào một quân y viện ở cách đấy mươi hai cây số. Người kể chuyện thêm rằng: “Phụng trông gầy ốm lấm, mặt mày ngơ ngác có có dáng vội vã như mất hồn...”.

Vợ Phụng cho tôi biết như thế và khi nói đến ba chữ “như mất hồn”, chỉ cố ý nhấn mạnh một chút, như để tôi chú ý...

Tôi đoán chắc là chị không biết chút gì về câu chuyện bí ẩn này.

Và hẳn lúc nói ba chữ ấy, thề nào chị chả liên tưởng đến cái dớp nhà anh Phụng, từ khi Hai Sâm đá chết Trưởng Sen, bên họ nhà chồng chị liên tiếp có những người phải “bất đắc kỳ tử” thì dở ngây dở dại?!

# Ăn Tết chữ

Năm nay, thủy tiên đã bắt đầu thấy bán từ cuối tháng mười, mà quái, không hiểu sao làm cho ông Trưởng Kính vẫn không thấy nói chuyện mua chơi cái tết này.

Mọi khi, cứ vào khoảng cuối một sang chạp thì là nhà cứ đầy cả thủy tiên lên: nào là thủy tiên gợt, nào là thủy tiên trồng. Có khi mới vào khoảng đầu chạp, cả một khoảng vườn nhà ông Trưởng tung bừng những nhụi vàng, hoa trắng.

Ấy thế mà hôm nay là mười hai tháng chạp rồi, cả nhà vẫn không thấy ông Trưởng nói đả động gì đến thủy tiên. Có hai ba bắp, bà Trưởng mua về ngâm trong chậu, mà ông Trưởng chỉ nhìn rồi bỏ đấy, lắn lữa mãi mà chẳng thấy nói gì. Thế rồi thì cây cảnh cũng bỏ phí cả đi thôi. Đang đông, tiết trời đang hanh hao, cây khô, lá vàng, mà họa hoằn lấm mới được chủ nhân nhìn đến mà tươi cho năm ba gáo nước. Cây tùng đã bắt đầu héo ngọn; hai lăng cẩm cù và phong

lan đuôi cáo đứt mất dây buộc sấp rời; còn cái đồi “bách thảo” thì rêu cùi vàng cả đi mà lá si, lá mai to đã bỗng cái vẩy ốc cả rồi cũng chả thấy ông lấy kéo “tẩy” cho vài nhát.

Ồ, mà cũng lạ thật. Ông Trưởng Kính chả đoái hoài gì đến cây cảnh, đã dành đi một lẽ; nhưng sao đã hơn một tháng nay rồi, ông lại có vẻ như buồn bực, trầm ngâm và bí mật?

Thỉnh thoảng, người ta lại thấy ông giở mấy cuốn thiếp cổ ra xem, rồi lấy ngón tay trỏ vè lên khoảng không những nét ngoắn ngoèo như thể một ông thày phù phép. Rồi thì có hôm ăn cơm vừa buông bát đũa xuống, ông mặc quần áo đi ngay lại ông Lam Kiều đòi ngồi luôn tại chỗ xem cho kỳ được 47 cuốn thiếp của ông này và tra cứu biên chép gì mãi đến khuya mới về. Nhưng về rồi, nào ngờ đã ngủ cho! Dương nầm, ông Trưởng lại vùng dậy, tìm ở ngăn cuối cái tủ Bắc Kinh lấy ba cuốn thiếp của ông, cẩn cùi tìm đi tìm lại một cái gì. Trong thiếp Tam Hi, trong thiếp Mạc Trì, trong thiếp Ngũ Quần của Vương Hi Chi, tìm đã hết cả rồi mà cấm không thấy một lối chữ nào huyền diệu và sương kính thế. Ông Trưởng Kính thao thức không ngủ được.

Sáng sớm hôm sau, trời mưa sanh rét ngọt, ông dậy sớm đi tìm cụ Cả Tài là người xưa nay vẫn dắt mối đồ cổ cho ông. Hai cụ đem nhau vào buồng nói thì thào rồi dắt nhau về mạn Khâm Thiên, Hàng Bột, không quên dặn ở nhà một câu:

- Có cái anh Coóng đội mũ nồi, trước nay bán cho nhà bức tượng An Lộc Sơn, hỏi tôi gì, thì đừng để cho nó về đây nhé. Giữ nó lại ở chơi đấy, và bảo tôi đi chỉ độ một tiếng đồng hồ thôi.

Đã bảy tám hôm nay, chú Coóng và ông Trưởng cũng thi thà thi thợt bàn tán với nhau rì rầm có khi đến tận khuya mà vẫn chưa chịu chia tay.

Anh chàng này vốn là một khách trú nghiệp, sinh nhai ở các tiệm hút ngõ Hàng Giày, Sầm Công, Ô Quan Chuồng. Anh không có nghề gì nhất định, nhưng đời sống vẫn đinh huỳnh; hai vợ chồng cũng hút, mà chỉ có một bàn đèn. Thỉnh thoảng, hai vợ chồng cùng ra đi, mà cửa ngõ bỏ trống hốc trống hoác ra, chả có ma nào canh gác.

Người tò mò có ý lấy làm ngạc nhiên, nhưng ai đã ra vào hút với chủ nhân không lạ. Là vì vợ chồng chủ nhân nhà này có một đứa con nuôi tinh quái, giữ nhà cẩn thận bằng mấy người thường. Đó là một con khỉ to bằng đứa trẻ lên ba, suốt ngày chỉ quanh quẩn bàn đèn để hầu hạ chủ nhân, châm đóm lấy khăn, bưng ống nhổ.

Trước kia, khách khứa đến chơi nhà chú Coóng không để ý gì đến con vật đó và cho là nó bén mùi thuốc phiện, phải làm những công việc hàng ngày đó để có cái ăn, cái hút “báo cô”. Nhưng từ khi Hà thành xảy ra câu chuyện con khỉ phố Hàng Thùng, đêm đêm, lén vào nhà người ta để móc ví tiền, thì những người quen biết chú Coóng đã bắt đầu nghi

nghi... người ta nghi rằng ngoài những công việc coi nhà và hầu hạ bàn đèn, con khỉ của chú Coóng còn được đem dùng vào một việc khác lúc tắt đèn tối lửa.

Ông Trưởng Kính băn khoăn về điểm đó hơn ai hết. Nhất là vào khoảng cuối năm này, mà tất cả nhà đều nhận thấy rằng tinh thần ông thiếu sự bình tĩnh của mọi ngày. Ông Cả Tài đi điều đình có chắc chắn gì không? Bức chữ ấy, ông Trưởng có hy vọng gì không? Mà bọn Cả Sê, Tú Bường, Hàn Sĩ có chịu thôi chưa hay vẫn cứ đâm ngang càنه bữa?

Không, ông Trưởng mà chưa chắc chắn thì vẫn không thể ăn ngon ngủ yên cho được. Ông phải nghĩ một cách gì nói thật khéo để cho hắn khỏi mất lòng. Và ông đã nói với Coóng thật, nói hết cả, nói run run như sấp khóc “trăm sự nhờ Cụ lo cho”.

Áy là thế này: nhà Ba Vu có một người con mới hồi cư, đem theo được về một bức chữ trung đường tuyệt trần đời. Có một bức chữ như thế để chơi, bao nhiêu chữ của Chu Nhữ Chân, Đào Lập Kính, Phùng Quốc Tài, Trạch Cầm, mà cả những danh bút thời Hán, Đường, Tống, Trần, Ngụy, Minh, như Triệu Mạnh Phủ trong bài Phú Xích Bích, Tô Đông Pha trong những câu đối sơn then khám xà cừ, Nhan Trần Khanh trong thiếp Tam Hy, Âu Dương Tuân, Trịnh Bản Kiều... bao nhiêu chữ có từ trước đều xếp xó cả, không đáng kể... Bức chữ ấy của Ba Vu chỉ có bảy chữ “Hoa quốc trấn gia vạn quyển thư” và chỉ có thể thôi, nhưng quả thật là thắn bút, sắc sảo, gân guốc mà lại lè

lối một cách trác tuyệt, thế gian này khó mà có một bức đẹp hơn. Chơi thế rồi chết cũng đáng đời. Sao mà Ba Vu lại tìm đâu ra được một bức chữ ký quái đến thế là cùng?

Ông Trưởng Kính được xem bức chữ ấy về, ném vật ra suy nghĩ và bắt đầu dò hỏi một cách kín đáo xem nguyên ủy bức chữ và tại sao lại rơi được vào tay Ba Vu. Thì ra là người con trai Ba Vu từ ngày khói lửa chạy ra hậu phương, có người cất nhắc, được sang Lào và Cao Miên. Từ Cao Miên, năm 1951, hắn ta qua Ấn Độ và Mã Lai và ở hai nơi đó, không biết rõ là tại nước nào, hắn ta mua lại được bức chữ này của một khách thương bán chè, đem về làm quà cho ông cụ.

Chúa ghét cái lão Ba Vu nầy! Sao mà từ hôm có cái bức chữ ấy, lão lên mặt thế? Không chơi chữ, thì để mà “thở” ư? Ông Trưởng Kính tìm đủ các cách để “dìm”, mà vẫn không thể lay chuyển được. Kết cục, xoay sang nói chuyện mua thì ông Ba lại làm cái mặt lùng khùng bảo là “của cháu đem về, tôi có ý muốn giữ làm kỷ niệm”. Thầm thoát hai tháng đã trôi qua, mà Ba Vu cũng chưa thấy nói gì đến chuyện bằng lòng nhường lại bức chữ cho ông Trưởng Kính.

Ông Trưởng Kính lại càng như điên như dại.

Từ Hàng Gai mà kéo bộ xuống Ấp, ít nhất là cả đi cả về cũng mất hai tiếng đồng hồ. Ấy vậy, mà cứ cách một ngày, ông Trưởng lại lóp ngóp xuống tận nhà ông Ba Vu để ngồi hút thuốc lào vặt, uống chè tàu ngắm bảy chữ “Hoa quốc trấn gia vạn quyển thư” để rồi lại

ra về. Nói cách nào đi nữa cũng không chuyển được lòng hắn ta, bức quá ông Trưởng đã phải cầu cứu đến Cả Tài “thuốc” ông Ba, nhưng vô hiệu như thường.

Chiều hôm đó, ăn cơm, gắt đàm bà trẻ con om cả lên và ông cho mời Hai Quân lại dặn bán cái đồ và một bộ đồ ngọc để “dùng có việc”.

Ấy là vì chú Coóng, tối hôm qua, vừa đến trả lời ông dứt khoát:

- Cụ Trưởng ạ, thật tình là tôi đã dùng hết cả cái tài mọn của tôi, nhưng không thể nào “trôi” được cụ ạ.

Chú chạy ra khép cửa lại, ngồi sát lại về phía ông Trưởng Kính, uống nốt chén trà rồi hạ giọng xuống mà nói tiếp:

- Chính tôi, cụ phải biết, tôi thân chính đi làm việc này mà không thể nào thi hành được thủ đoạn. Cùng kỳ lý, tôi về huấn luyện con khỉ của tôi, cả ngày bắt nó tháo tranh, cuốn tranh, buộc tranh vào người để phòng có đánh cắp được thì buộc vào mình, trèo ra cho khỏi rách. Và phải nói rằng con hầu của tôi nó thành thạo vô cùng.

Cả thẩy bốn lần, tôi đã ra hiệu cho nó thi hành thủ đoạn. Mà nó vào được mới tức chứ! Ấy thế mà cả bốn lần đều sôi hỏng榜 không!

Nghe câu chuyện của chú Coóng, mặt ông Trưởng Kính buồn cứ chảy ra thôi. Ông lim dim con mắt nghe chú Coóng nói khe khẽ bằng một giọng đều đều như một nhà mộ đạo đọc một bài kinh buồn nản:

- Cái giống đồ cổ này hình như là nó có thần ấy, ông Trưởng ạ. Tôi còn nhớ hồi ở bên Tàu, đã có lần tôi đã chơi những trò này. Bọn chúng tôi ba người, toàn là những tay đạo chích lành nghề, chia nhau đi đánh cắp một bộ chén ngọc của một người đàn bà góa. Thế là năm lần bảy lượt đều hỏng cả. Là vì vào đến tận nơi rồi, sắp hạ thủy, là y như là có thần nó báo cho người có của biết mà thức dậy, không thể nào trở được tay.

Nay đến bức chữ này, tôi lại cũng thấy y như thế. Tôi huấn luyện con khỉ nhanh nhẹn và thành thuộc không tả được, lại xếp đặt chương trình hành động chu đáo không biết chừng nào, ấy vậy mà bốn lần hỏng cả bốn, con khỉ của tôi đành phải ra không, ấy là ba lần nó suýt chết vì nhà Ba Vu trở dậy, chia nhau ra đánh... nếu không nhanh thì có khi đã chết rồi.

Từ lúc đó, ông Trưởng Kính lại càng tin rằng bức chữ của Ba Vu có thần: thôi, thế là cái mưu dùng bá đạo để lấy cho được bức chữ vô giá kia đành gác lại. Ông Trưởng như điên, như dại, không ngớt rửa xả vẫn vơ, làm như thể bức chữ ấy chỉ đáng dành cho mình chơi thôi còn ngoài ra người khác không có quyền chạm tới. Và ông lại đi tìm những cuốn bưu thiếp của ông để giờ đi giờ lại xem nét chữ của từng danh bút. Óc mông lung tưởng tượng lại mấy chữ vừa mới xem ban ngày. Chữ thế mới là chữ cũ. Cứ cho ăn hai bữa rồi chẳng làm gì cả, để ngồi mà ngắm mấy chữ ấy cũng đủ sướng một đời người. Thật đúng như

người ta đã nói, xem chữ đẹp quá của người xưa y như lên núi cao, như bơi sông rộng, như vin quả lị, như hái hoa tươi. Và ngay từ lúc này, riêng ngầm mình ông, ông thấy nếu ba ngày mà không được nhìn thấy bức chữ siêu diệu nhập thần của Ba Vu thì “soi gương ông tự thấy mặt mày mình đáng ghét”.

Đêm hôm ấy, trời trở rét. Nhìn lên thấy mây thưa trăng lặng, gió vàng xào xác ở trên dây tường hoa, ông chợt nhớ đến mấy cùi thủy tiên chưa gọt và lòng ông lại rộn lên những ý miên man.

Ồ, ồ, rằm tháng chạp rồi, chả còn mấy lúc nữa mà đă Tết. Hôm qua ở chợ ra, Cả Chủy gặp ông khoe có mấy thứ dương mới ở Hồng Kông đem về chơi Tết: Hai Văn có đôi đào, một giá, một tôn, một tước toàn bằng ngọc trắng trên có khắc trọn bài “Khoái tuyết thời tình” của Vương Hi Chi, rồi đến bọn Trưởng Tình, Hàn Tuyết, Lang Tâm nữa, anh nào cũng có ít ra một cái gì mới lạ, để trưng bày... ngay đến Bá Can, hắn mới nhập tịch làng chơi, mà tết này nghe đâu cũng bê được ở Hành Thiện về hai pho tượng của Phan Ngọc Thư; một tượng Hàn Tín lòn khổ anh hàng thịt đất Hoài Âm và một tượng Tào Tháo cầm ngang ngọn giáo ngâm bài thơ sáng khoái trên sông Xích Bích.

Còn ông? Có tiếng là một tay chơi lọc lõi mà tết nầy không có một thứ gì thực trội để trước là làm thỏa mãn cái “máu mê”, mà sau nữa để cho anh em kiêng nể, ông Trưởng Kính thấy lòng mình nức nở. Thôi,

thôi, thôi. Cứ trù trừ mãi, thì rồi hỏng việc. Bá đạo không xong, phải dùng vương đạo vậy. Và ông nhớ lại những lời Cả Tài mới nói với ông chiều hôm đó:

- Tôi đã dùng hết phép rồi, mà việc chỉ mới nhích đi có một tí, ông Trưởng ạ. Nay giờ tôi xem ý Ba Vu đã xiêu xiêu, nhưng hắn ta còn lưỡng phuưỡng bảo rằng còn muốn hỏi ý kiến thằng con đã.

Ông Trưởng nhảy cẳng lên:

- Thế à? Thế thì mình “thuốc” thằng con đi. Ông xem nó mê cái gì thì “tống” cho nó cái ấy có được không?

- Ai chả biết thế. Đứa thanh niên nào mà lại không mê cái sắc thì xin ông biết cho là đệ đây không thiếu. Chết một nỗi, đó chỉ là bè ngoài thôi. Tôi phải điều tra kỹ lắm, mới tóm được “cái thóp” của hắn ta. Nay, chả cần gì phải mua chuộc thằng ranh. Tôi có cách... chỉ làm thế này là ăn đứt...

Cả Tài cúi xuống nói nhỏ vào tai ông Trưởng Kính. Trong gian phòng cũ kỹ, leo lép một ngọn đèn bằng sành hình con mèo vờn chuột, hai tiếng cười già bị chặn lại và loãng ra trong bầu không khí đục quánh, mờ mờ.

Ồ, một chuyện rất thường mà bây giờ mới nghĩ ra. Mình rõ u mê ám chướng. Ba Vu, hắn sợ vợ, thì cứ “chạy” vợ hắn là xong, lựa là phải điều đình vớ vẩn làm gì vô ích.

Sáng hôm hai mươi mốt, ông Trưởng Kính dậy, vui vẻ hơn mọi ngày. Bà Trưởng, nhân lúc ông dùng trà

thường lệ, ở nhà trong ra, cầm một giò thủy tiên đưa ông xem và bảo:

- Mấy hôm nay, ông bận, chả nhìn nhõi gì đến thủy tiên. Tôi lấy ra gọt mấy củ, ông xem có cần phải sửa lại gì không? Còn năm củ không được chắc lắm, tôi đem ra trồng cả, không có thì không kịp.

Thôi, bây giờ thì việc tày trời đấy, ông cũng chả cần. Vâng, bà cứ gọt. Mà mấy củ đang trồng thì tưới ít nước chứ nhé, không có lại cao vồng cả lên thì hỏng. Sáng hôm nay, tôi lại phải có việc đi đây...

Vừa lúc đó, Cả Tài dẫn đến. Thì ra 2 ông lão này đã hẹn nhau rồi: Cả Tài đến, chả nước nôi gì cả, kéo ông Trưởng đi luôn, sau khi đã nói với nhau mấy câu rất ngô nghê mà bà Trưởng không tài nào hiểu nổi.

Lời ông Trưởng:

- Thế nào? Công việc du thuyết của ông có hơn được tí nào không? Hay là bị nó đánh cho một trận nhù tử như Tô Tần ngày trước?

Tức thì ông Cả Tài lè lưỡi ra:

- Ông xem lưỡi tôi có còn không?

- Còn.

- À, còn lưỡi là tất nhiên phải thành công chứ!

Lòng ông Trưởng như mở cờ. Ông muốn biết rõ ngay các chi tiết, nhưng Cả Tài gạt đi và kết luận câu chuyện, vẫn bằng một thứ văn chương khó hiểu như.. mệt mā:

- Ngày xưa, Tô Tân tổ chức xong thuyết hợp tung, sáu nước phong làm tướng. Ôi thôi, bây giờ tướng tá cũng chả ăn ai, đệ chỉ xin cái đồi của Cả Vè về để chơi tết là đủ thỏa. Cả Tài nói đúng: công việc mười phần đã xong chín, hôm nay, ông Trưởng Kính chỉ còn việc khăn áo chỉnh tề đến ngã giá nữa là xong. Đã ba hôm nay, Cả Tài đại diện cho ông Trưởng đã thuyết phục được vợ Ba Vu, kỳ cho đến bằng lòng. Cái trò! Đàn bà hầu hết như thế cả. Nghe nịnh bùi tai, chỉ một tí thì xiêu ngay. Với lại, làm ăn buôn bán bây giờ khó khăn như thế, được đồng nào quý đồng ấy, bán đi, chứ giữ mấy chữ ấy, để mỗi lúc không có gạo đem cạo ra mà ăn chắc.

Chỉ một đêm bàn hơn tính thiêt với chồng, bà Ba Vu đã thắng lợi một cách vang và có thể kiêu hahn báo cái tin ấy cho Cả Tài:

- Thật, tôi cũng khổ về các cụ. Cụ ông nhà tôi khó tính lắm kia, nhưng tôi thật thà, tôi cứ thật mà tôi nói: "Cụ Cả có ý thích mấy chữ ấy thì mình cũng phải nể bạn mà nhường cụ ấy chơi, chứ ai lại thế, để cụ đi lại mãi, coi sao tiện?".

Suốt ba ngày liền, vợ chồng Ba Vu và Cả Tài chỉ nói chuyện về bức chữ. Khách thì tâng nịnh đức tính của chủ nhân, chủ nhân thì tán tụng khách là một tay chơi sành sỏi. Kết cục, bức chữ ấy, Ba Vu xin ba vạn đồng.

- Không, tôi nói thật. Quý vật vẫn tìm quý nhân. Còn tiền bạc, ra cái chết gì! Một vạn bạc bây giờ chỉ

bằng một trăm đồng ngày xưa. Cụ còn lạ gì: ba mươi ngàn thì có, nhưng mỗi lúc người ta dễ gì có một bức chữ siêu diệu nhập thần như bức này!?

Trước khi trả lời ông Ba, Cả Tài cài khuy cổ áo lại cẩn thận, xoa hai tay như rét lấm, rồi vừa nói vừa suýt soa như một ông bố đi dặm vợ cho con vậy:

- Bẩm, các cụ dạy thế là chí phải. Nhưng... nhưng... các cụ “giơ cao đánh khẽ”, các cụ dạy như vậy để cho khỏi giảm giá bức chữ đó thôi, chứ thế nào hai cụ chả nới tay cho một tí..

- Nới tay?

- À, cái đó thì xin tùy cụ, tôi không dám ép.

Phải, ông Ba có ép Cả Tài đâu. Chính Cả Tài cầu cạnh để mua đấy chứ. Mình phải nhũn như con chi chi mới được. Ông Cả đấu dịu ngay. Câu chuyện lại kéo dài ra thêm một ngày nữa và trong bữa rượu chiều hôm đó, ông Cả Tài theo mật lệnh của Trưởng Kính, đã làm ra mặt liều mà trả một vạn đồng.

Cả hai ông bà Ba Vu cười khẩy, không buồn đáp lại lời ông Cả. Đến cuối bữa, một vạn tăng lên vạn mốt vạn hai cũng chưa xong; nên sáng nay, ông Trưởng Kính phải thân chinh đi với Cả Tài đến Ba Vu để quyết định một thái độ, vì cận Tết quá rồi, sang đến hai mươi ba cũng ông Táo, nhà bạn, còn “làm ăn” gì được nữa?

Gớm cho vợ chồng nhà Ba Vu, rắn gan rắn ruột đến thế là cùng! Nói vã cả bợt mép ra mà không chuyển được bụng vợ chồng nhà nó!

Một vạn ba, một vạn tư, không! Trưởng Kính cố làm ra dáng thản nhiên, nhưng không thể nào giấu nổi lòng thèm muốn của mình: thỉnh thoảng, ông lại chạy ra dòm vào bức chữ, đứng thẩn người ra giây lát rồi chạy ra uống nước để lại liếc mắt mà nhìn trộm... Khiếp, cái nét “mác” gân guốc đến thế là cùng! Tung nét bút ra như rồng cuốn, mây bay, tranh nào đẹp cho bằng được! Mới biết cái anh Tàu thật khủng khiếp: làm cái “phải gió” gì cũng hơn người! Chữ thì có cái quái gì là lạ? Ngoài anh Tàu ra, Đông Tây cổ kim đố có nước nào lại hình hương chữ, thờ phụng chữ, treo chữ để chơi như bảo vật vậy? Đó là vì chữ Tàu có nhiều nét mỹ thuật, biến hóa, linh động, nó thu hút cảm giác của người xem và đòi hỏi ở người viết nhiều cố gắng tinh thần; nhưng tài một cái là ngay những người ít chữ, khi cầm một quyển thiếp hoặc đứng trước những hoành phi, câu đối cũng như cẩm thong với chữ, say mê với chữ.. Thế là tại làm sao?

Nghĩ đến như thế, lòng ông Trưởng Kính sôi lên những điều ham muốn kỳ lạ, nhưng một người đàn bà có mang “ăn dở”, tưởng chừng như nếu không làm thỏa mãn được lòng mình thì có thể phát điên ngay lên được.

Ông quả quyết đánh ván bạc cuối cùng:

- Thôi, thế này là hết lẽ, thưa hai cụ ạ. Tôi chả may mắn cái “máu mê” chữ nghĩa, hai cụ không chơi nữa thì để cho tôi, chứ chả ai dám vời đến cái giá này. Xin hai cụ nghĩ lại, tôi xin nộp mười sáu ngàn đồng nay. Hơn nữa, tôi cũng chả có, hai cụ bằng lòng cho...

Đến mươi một giờ đêm hôm đó, tuyên bố kết quả. Có lẽ kết quả cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ đối với ông Trưởng Kính cũng không long trọng bằng: ông Trưởng nhấp nhôm đợi giờ và bữa rượu chiêu đãi mới lạt lêu làm sao! Cả Tài và Trưởng Kính, mỗi người suy nghĩ vẫn với một cách:

- Vậy, ông Cả ạ, mua được bức chữ, tôi đố ông biết tôi sẽ treo ở đâu nào?

Cả Tài không trả lời, ngồi hút thuốc sòng sọc rồi ngẩng lên bảo ông Trưởng một cách vô cùng trịnh trọng:

- Mình lo quá: hôm nay đã hăm ba Tết rồi mà vợ chưa có tiền mua bán vặt vãnh cho lũ trẻ. Nói ra xấu hổ: ngay đến tiền mua mū và đong gạo để mai lê Táo quân mà bây giờ vẫn chưa có: bức chưa!

\*\*\*

Không khí nhà ông Trưởng Kính hôm nay trở lại mực bình thường. Đúng mươi giờ, một cái xe đỗ ở trước cửa: ông Trưởng trịnh trọng đi vào, hai tay đưa ra đằng trước, bưng một cuộn giấy bọc nhật trình dài vào khoảng tám mươi phân. 1 thước.

Bà Trưởng quay nhìn cô con gái đương bán mứt cho khách hàng:

- Lại tranh gì rồi!

Cô con gái cười, nhìn mẹ:

- Mẹ trông! Thầy bưng có khác gì người ta dâng một bức sớ lên bàn thờ thánh không?

Cả nhà đổ vào xem, và nhìn nhau tắc lưỡi, vừa ngụ cái ý buồn cười ông Trưởng dở người, mà lại vừa ra vẻ bức bối không hiểu tại sao lại có người có thể thích được mấy chữ trông như gà bới thế!

Ông Trưởng tuyệt nhiên không để ý đến mối dư luận của cái dân chúng thấp kém đó làm gì. Việc thứ nhất của ông khi vào đến buồng khách là cởi áo dài vứt lên trên tay ghế, rồi ra công ra sức mà dọn dẹp. Ông lấy chổi lông gà quét lia lịa trên tường, trên sập, rồi tháo bộ tú binh này, treo đôi liền kia, mắc lại tờ tranh nọ, thôi cứ tíu tíu cả nhà lên. Bữa cơm, cô cháu vào mồi, mấy bận mà ông như vẫn không nghe thấy.

Đến tận xế chiều công việc mới tạm xong. Bức “Phú Quý đồ” vẽ con mèo đứng trên hòn đá vờn một cánh mấu đơn, ông Trưởng đem theo trên gác, trên pho tượng Vương Tư Đồ: cái nhị sơn, ông đem xuống; còn bức “Hoa quốc” mới mua thì mắc ở chính giữa chõ ngồi chơi; bên cạnh có một lọ thủy lam con trong cắm một bông lan Ngọc tiên nhân mới đem ở Tàu về.

Chiều hôm đó, ông Cả Tài lại chơi ngồi ngắm, về khuya hơn mọi ngày. Hai cụ nức nở khen từng cái chấm thủy, từng cái thảo đầu, từng cái trích bên, từng cái quai xước, rồi, thay ấm chè mộc thứ ba, uống một chén mà kết luận:

- Khiếp thật, có xem thế này thì mới biết bọn danh

bút can đại như Trạch Cầm, Đào Lập Kinh, Phùng Quốc Tài chả thấm vào đâu cả. Để các bức chữ ấy bên cạnh bức chữ này, y như là chữ thầy với chữ trò.

Sáng hôm sau, bao nhiêu tay chơi lối Hà thành đều biết tin tức “Hoa Quốc” của Ba Vu đã về tay Trưởng Kính. Riêng có Cả Sê, Tú Bường, Hàn Sĩ là người mua trượt, bức tức không buồn đoái hoài đến; còn thì các tay khác đều rủ nhau đến ngắm y như thể ngắm một mỹ nhân tuyệt sắc. Hai Chuồn cầu kỳ lại mang cả một cái kính hiển vi đem săn ở trong túi ra soi. Năm Thanh chê một nét phẩy (đáng ghét chưa?); nhưng dơ nhất là ở Lý Trầm, người ta vừa mới mua về, mà đã dám dấy, xin đến ra giêng đến “phóng”, nghe mà tức cứ như bò đá.

Dời nào ông Trưởng lại cho ai phóng bức chữ giá những vạn sáu bạc này! Ông là tay chơi gia dụng, có cái gì quý lạ thì chỉ là một mình, mình có mà thôi. Cái gì nhảm quá, không chịu được. Cứ kể ra thì một quan niệm như thế cũng có vẻ hơi ích kỷ, nhưng được một cái là các tay chơi lọc lõi hầu hết đều như thế cả, nên cũng chả một ai lấy làm điều. Đa số đều tấm tắc khen bức chữ và cho là ông Trưởng, về mặt chơi chữ, hiện nhất Hà Nội không ai bì kịp, cũng như Vọng Chợ Hôm nhất về cây thế, Quảng Văn nhất về tượng, Hàn Bình nhất về non bộ, Ba Cúc nhất về tranh.

Nghe thấy những lời bình phẩm nịnh tai như thế, Trưởng Kính thở phào một cái như một người vừa vượt được ngọn núi cao. Ông đắc ý vì thấy ai cũng

bằng lòng bức chữ của ông; nhưng nếu đến ngày hăm bảy, hăm tám sắp tới đây mà bọn này lại đến chơi ông Trưởng, họ sẽ còn ngạc nhiên nhiều nữa.

Thì đã bảo rằng Tết năm nay, ông Trưởng Kính chơi trội, quyết ăn một cái Tết thật lạ mà! Ăn Tết với thủy tiên, với cây thế, nhảm rồi; ăn Tết với lan, với cúc, thường lấm, mà ăn Tết với chữ thì từ trước đến nay, cùng lấm người ta chỉ chơi đến tú bình rồi dán năm ba đôi câu đối lòe loẹt là cùng. Không. Ông Trưởng đã có một bức chữ siêu diệu nhập thần, phải chơi cái Tết này hoàn toàn ra lối con nhà văn bút. Quả vậy, đến ngày hai mươi tám, lợ Thúy Hồng, Ẩm Tống, tượng Dương Quý Phi - An Lộc Sơn, ông Trưởng đều thu lại, cho vào tủ. Trong phòng khách sơn màu cánh gián, mờ sáng đôi đèn Tàu lồng bóng điện, ông chỉ bày một tủ Bắc Kinh mua từ hồi còn ông Pát Si Nha, một cái án bằng gỗ lũa, hai cái đôn sứ vẽ bát quái men chàm và một bể tím trong có một núi đá xanh không có cây nào cả, nhưng có mấy con cua bể bé tí màu cánh sen. Những bức chữ nào sương kính, tinh thần nhất được ông cùng với Cả Tài gạn lọc mãi mới đem treo. Cố nhiên là bức "Hoa Quốc" được treo vào chỗ trang trọng nhất, ngay trên cái án gỗ lũa bầy theo lối đồ cổ; một ống hút trúc Hà Khê lên nước bóng như mun, trong có mấy ngọn Hy Chi Diệu Bút, Ô Long Chủy, Cửu Trùng Xuân Sắc Túy Tiên Đào, Bất Khả Nhất Nhật Vô Thủ Quân. Nghiên có hai cái: một nghiên Đoan Khê thạch chạm vào một miếng đá bầu dục in hình một con cua bò trên một tầu tiêu, và

một “nghien huyền” khắc một con nhái bám vào một bông lau trắng.

Nhìn vào những thứ dụng cụ văn phòng đó, thật là ngoạn mục.

Nhưng nếu tỉ mỉ mà xem từng thoi mục đèn nhanh nhánh có khắc chữ như Quốc Bảo, Long Tường Phượng Vũ, Bát Tuấn Đồ, với những cái thủy hồ be bé, xinh xinh, với những bức hoa tiên cổ kính còn nguyên si, với những cái hộ thủ bằng ngọc trạm, nhất định một người khó tính đến đâu cũng phải bái lạy chủ nhân là một người chịu khó sưu tầm và có óc thẩm mỹ tuyệt vời.

Trên tủ Bắc Kinh, một bức tượng đức Khổng bằng sành, mặt da chu, uy nghiêm đứng cạnh một chồng thiếp quý giá: Tam Hy, Thư Họa, Đồng Chân, Tam Diệu, Thiên Gia Thi Thảo, chẵn ở dưới một cây gươm. Đối diện ở dưới là một pho tượng của Phan Ngọc Thư “Mạnh mẫu gánh sách đưa con đi học”, một bên treo một nậm rượu, một bên treo một cây hồ cầm. Sau khi đã bày đi dọn lại chán rồi và được cả ông và Cả Tài chịu là “được lăm”, ông Trưởng mới thở phào ra như trút được một cái gì nó đè lấy ngực hơn một tháng nay.

Thôi, thế là được ăn cái Tết này ngon. Bây giờ, ông chỉ còn nghĩ cách làm thế nào cho xong ba ngày đầu năm thiên thủ, ông giữ được bức chữ thập phần cẩn thận. Ông Cả đề nghị nên sắm một ống thiếc, xong Tết thì tháo bức chữ ra. Hai Chuồn bàn nên cho vào hòm then, cho băng phiến vào cẩn thận. Năm Thanh

không tán thành ý kiến đó, cho rằng phàm đā là vật quý thì phải treo lên cho các người yêu mĩ thuật cùng thưởng thức, chứ cho vào tủ khóa lại thì còn thú vị nỗi gì. Ông Trưởng Kính nghe ai nói cũng phải cả, gọi người nhà pha nước âm ī và cười vang cả nhà.

- Ờ, thế bây giờ xong rồi, tôi mới hỏi nhé. Lạc khoản không để gì, tôi đố ông Hai và ông Năm biết chữ này là chữ của ai nào?

Ông Hai suy nghĩ rồi nói:

- Tôi cho là chữ Trần Bạch Sa.

Ông Năm không nói gì, vuốt râu ngồi lặng một giây rồi choàng dậy như một người mơ ngủ:

- Trần Bạch Sa thế nào? Chữ Trần Bạch Sa tươi hơn nhưng gầy, hơi ẻo lả. Chữ này thanh thoát, nét gân guốc mà lại tự nhiên, nào... tôi đánh cuộc với các ông nào... tôi bảo nhất định là chữ Đường Dần đấy.

Trưởng Kính giật bắn mình, suýt ôm chầm lấy ông Năm Thanh:

- Thế thì tôi xin chịu ông thật. Ông có thần nhẫn!

Hai Chuồn tức:

- Ông lấy cớ gì mà bảo là chữ Đường Dần?

Năm Thanh chậm rãi:

- Tôi tập thiếp đā nhiều và để ý thì thấy Đường Dần có tất cả thảy 8 lối chữ “nhân”. Tôi nhận ra một chữ, tôi nhất định là chữ Đường Dần đấy.

Đến tận bây giờ, mọi người mới biết là Trưởng Kính chơi thâm: bức chữ không có lạc khoản, nhưng ở tít trên đầu có con dấu “Đường Dần” to bồng vẩy ốc. Mỗi lần giở bức chữ, ông Trưởng Kính cố ý đè ngón tay cái lên trên, thành ra không có một ai biết hết.

- Đây, các ông muốn xem kỹ thì cái dấu triện đây này.

Hai Chuẩn mốc luôn kính hiển vi ra soi và kết cục ó ra không còn có thể cài vào đâu được. Năm Thanh tự phụ ra mặt, cười to hơn cả chủ nhân. Bầu không khí trong nhà ông Trưởng tung bừng một cách lạ lùng, đến tận khuya mới vân khách vào thưởng trà, ngắm chữ.

Ngoài kia, mưa lâm râm làm xanh cả lên những ngọn thông nàng. Gió vàng thổi lạnh làm rơi những lá cây la hán lên cái trâm cài đầu con gái ông Trưởng Kính.

Bà Trưởng nói một giọng mát mẻ:

- Ôi chào, chữ với nghĩa, chả biết bây giờ ông đã vui lòng vào xơi cơm chiều cho chưa. Mẹ con tôi cũng còn phải lo gói bánh chưng Tết chứ!

Góm, cái ông này. Già rồi mà xuân đến, mặt cứ phơn phớt lèn thôi, động nói là cười tít mắt. Ông ngừng tay vun trầm lại, ngẩng lên nhìn bà:

- Vâng ạ! Thì mời bà cứ gói bánh chưng Tết, tôi có dám bảo sao đâu! Phản tôi, thế là Tết của tôi xong rồi. Mà ba ngày Tết này tôi cũng chả ăn uống gì đâu, bà nhé! Ngồi cạnh bà, tôi đốt lò hương ăn Tết chứ thế này, no chán rồi!

# M U C H İ

Lời nói đầu	5
Văn hóa... “gõ”	9
1. Nhẹ, béo	9
2. Khóc, hát	18
3. Chạy, hùng	23
4. Cao, rõi	30
5. Ăn, chết	40
6. Bợm, trần	52
7. To, đét	64
8. Sáng, mê	72
Chương trình hai ngày	80
Thông cáo về việc gạo	98
Lá cờ trên công sở	113
Buổi chiều ngày giỗ tổ	116
Tôi vừa trẩy hội chùa Hương về khi nãy	120
Một chữ bẻ làm đôi	125
Giọt máu ở trên cánh thần tình ái	131
Thôi đừng sâu khổ	139
Tình đặc biệt	143
Ăn Tết chữ	235

# VĂN HÓA... “GỖ”

---

Chịu trách nhiệm xuất bản  
**NGUYỄN THỊ TUYẾT**

Biên tập : Nguyễn Thị Thu  
Bìa : Hiếu Vũ  
Trình bày : Kim Nguyệt  
Sửa bản in : Ngân Trang

NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ  
39 Hàng Chuối - Hà Nội  
ĐT: (04) 39.717979 - 39.710717 - 39.717980 - 39.716727 -  
39.712832 - Fax: (04) 9.712830  
Email: nxbphunu@vnn.vn

CHI NHÁNH  
16 Alexandre de Rhodes - Q1 - TP. Hồ Chí Minh  
ĐT: (08) 38.294459 - 38.228467 - 38.233802  
Fax: (08) 38.234806

---

In 1.500 cuốn, khổ 13x21cm, tại **CÔNG TY CỔ PHẦN IN KHUYẾN HỌC PHÍA NAM**  
Tp.HCM. Số đăng ký KHXB: 71-2013/CXB/17-01/PN ngày 10.1.2013  
Quyết Định Xuất Bản Số: 324/QĐ-PN ngày 21.1.2013.  
In xong và nộp lưu chiểu quý I-2013

...Gái thì gõ cửa trai. Vợ thì gõ cửa chồng. Quan thì gõ cửa dân. Và đến dân... thì hết, không còn ai để gõ nữa thành ra dân khổ...



Có thể nói, tập sách mới này, cùng với “Hà Nội trong cơn lốc”, là những sáng tác “hiện thực” của nhà văn Vũ Bằng.

Không nhẹ nhàng, mượt mà, tinh tế như *Thương nhớ mười hai*, *Món ngon Hà Nội*, *Miếng lạ miền Nam* khi đã xa cố hương, *Hà Nội trong cơn lốc*, *Văn hóa...* “gõ” rất hiện thực, chua cay, đầy châm biếm, hài hước nhưng vô cùng sâu sắc, thâm thúy.

*Phát hành tại:*

NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ  
39 Hàng Chuối, Hà Nội  
Điện thoại: (04) 3.9710717 – 3.9717980

*Chi nhánh:*

16 Alexandre De Rhodes – Q1 – TP. HCM  
Điện thoại: (08) 3.8294459  
Email: nxbphunu@vnn.vn



ISBN 978-604-926-275-3



9 786049 262753

**Giá: 60.000 đ**

Văn hóa...Gõ